TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

KỶ YẾU HỘI NGHỊ
SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2024 – 2025

Đồng Tháp, tháng 6 năm 2025

KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Phạm Hữu Lầu, P6, Tp Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

02773.882.338

Khoa GD Chính Trị

gdct@dthu.edu.vn

KỶ YẾU HỘI NGHỊ SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2024 – 2025

BAN TỔ CHỨC

Trưởng ban

TS. Lê Văn Tùng

Các uỷ viên

ThS. Phùng Ngọc Tiến

ThS. Lê Anh Thi

Sinh viên Nguyễn Hoàn Thiên

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

TS. Lê Văn Tùng

Các uỷ viên

ThS. Phùng Ngọc Tiến

ThS. Lê Anh Thi

Sinh viên Nguyễn Hoàn Thiên

THƯ KÝ

Sinh viên Nguyễn Như Ý

TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 06 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ
SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Thời gian:
- Vào lúc 8h00, ngày 22 tháng 06 năm 2024

2. Địa điểm:

- Phòng 503 H2, Trường Đại học Đồng Tháp

3. Nội dung chương trình

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8h00 - 8h30’	Ổn định hội nghị, Văn nghệ chào mừng	Ban tổ chức Hội nghị
8h30 - 8h35	***Tuyên bố lý do; giới thiệu Đại biểu***	***Trưởng Ban tổ chức Hội nghị***
8h35 - 8h45	Báo cáo đề dẫn cho Hội nghị khoa học	Trưởng Ban tổ chức Hội nghị
8h45 - 9h00	***Báo cáo 1***	***Sinh viên báo cáo***
9h00 - 9h15	Thảo luận	Chủ tọa điều hành thảo luận
9h15 - 9h30	***Báo cáo 2***	***Sinh viên báo cáo***
9h30 - 9h45	Thảo luận	Chủ tọa điều hành thảo luận
9h45 - 10h00	***Báo cáo 3***	***Sinh viên báo cáo***
10h00 - 10h15	Thảo luận	Chủ tọa điều hành thảo luận
10h15 - 10h30	***Tổng kết Hội nghị***	***Trưởng Ban tổ chức Hội nghị***

MỤC LỤC

★★★

Phạm Lê Hoàng Huy Nguyễn Khánh Tân Phùng Ngọc Tiến	Định hướng bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp trong thời đại số Orientation to foster the organization of union activities for students of pedagogical school, Dong Thap University in the digital age	1 – 7
Nguyễn Chí Hữu Lê Thị Lệ Hoa	Giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong các hoạt động giáo dục Revolutionary ideological education for students of political education at Dong Thap University in educational activities	8 – 18
Triệu Thị Cẩm Tú Phùng Ngọc Tiến	Quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và sự vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay V.I. Lenin's viewpoints on the national question and its creative application to the practice of the Vietnamese revolution today	19 – 29
Võ Thị Anh Thư Lý Thị Kim Quyến	Sự cần thiết phải phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới The necessity of coordination among schools, families, and society in moral education for high school students in the new context	30 – 40
Nguyễn Trần Kim Lài Nguyễn Thị Xuân Hương Phạm Thành Cơ Lê Thị Lệ Hoa	Giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận thực tế phổ thông của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại Học Đồng Tháp Solutions to enhance the effectiveness of practical engagement in secondary schools for students of the department of Political Education, Dong Thap University	41 – 56
Nguyễn Ngọc Giao Lê Thị Lệ Hoa Biện Hà Uyên	Vận dụng phương pháp giáo dục stem vào dạy học chủ đề 4 "lập kế hoạch kinh doanh" môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 12 Applying stem education method in teaching topic 4 "business planning" for grade 12, subject: economic and legal education	57 – 72
Lê Ngọc Cẩm Tú Đoàn Duy Trúc Ngọc	Cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay Theoretical foundation of communication skills among students majoring in Political Education at Dong Thap University today	73 – 84
Trần Xuân An Trương Chí Khương Phan Anh	Phát triển kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng cho sinh viên khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp Developing the skill to identify false and hostile viewpoints in cyberspacefor students of the faculty of Political Education, Dong Thap University	85 – 93
Võ Minh Trí Nguyễn Ngọc Long Bùi Thị Cúc	Một số phương pháp rèn luyện tư duy phản biện cho học sinh trung phổ thông thông qua môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật Some methods to train critical thinking for high school students, through economic and legal education	94 – 107

Nguyễn Rạng Đông Nguyễn Phan Tấn Trung Lê Anh Thi	Nâng cao tinh thần "dĩ công vi thượng" trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp Enhancing the spirit of "putting public interest above all" in professional ethics training for students of Political Education – Dong Thap University	108 – 121
Lương Thị Hồng Tuyết Võ Ngọc Hương Quỳnh Nguyễn Thị Thanh Tuyền Phan Anh	Kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp Skills in using artificial intelligence for scientific research among Political Education students at the School of education, Dong Thap University	122 – 138
Phạm Tấn Phước Nguyễn Đình Cường	Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với sinh viên khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp Enhancing the awareness of compliance with the law on road traffic order and safety among students of the faculty of Political Education, School Of Education, Dong Thap University	139 – 148
Nguyễn Thị Băng Châu Nguyễn Yến Vy Nguyễn Thị Hồng Vân	Giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong môi trường học tập trực tuyến hiện nay Digital safety education for students of Dong Thap University in the current online learning enviroment	149 – 142
Nguyễn Trường Hải Đặng Khánh Vy Lê Anh Thi	Giải pháp nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Sư phạm Solutions to enhance self-learning and self-research skills in political theory subjects for pedagogical school students	163 – 175
Lê Bảo Trâm Đoàn Duy Trúc Ngọc	Tác động của mạng xã hội đến nhận thức chính trị của sinh viên hiện nay The impact of social media on the political awareness of contemporary students	176 – 185
Trần Thị Bé Ty Đặng Thị Yến Mai Hồ Thị Hồng Cúc	Nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp Enhancing political fortitude among students of Dong Thap University	186 – 193
Lê Trần Bảo Ngọc Lê Thị Lệ Hoa	Vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn giáo dục Kinh tế và Pháp luật Applying the placemat technique in organizing group discussions in Economics and Law education	194 – 203
Hồ Thị Như Ý Trần Huỳnh Anh Thư Nguyễn Đình Cường	Vấn đề sức mạnh mềm trong văn hóa chính trị trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam Enhancing the understanding of the soft power of political culture in the process of building a socialist rule-of-law state in Vietnam faculty of political education	204 – 213
Nguyễn Đan Huy Nguyễn Thế Vinh Lê Văn Tùng	Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng ngữ liệu dạy học nội dung giáo dục Kinh tế trong chương trình giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 Theoretical and practical foundations for developing teaching materials on economic education content in the grade 10 economic and legal education curriculum	213 – 224

ĐỊNH HƯỚNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐOÀN – HỘI CHO SINH VIÊN TRƯỜNG SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TRONG THỜI ĐẠI SỐ

Phạm Lê Hoàng Huy[1*], Nguyễn Khánh Tân[1], Phùng Ngọc Tiến[2]

[1]Lớp ĐHGDCT21A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

[1]Lớp ĐHSVAN23A, Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm. Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Khánh Tân, Email: Nguyenkhanhtan120905@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Trong giai đoạn chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ hiện nay, định hướng và bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp trở thành yêu cầu cấp thiết. Hoạt động Đoàn – Hội không chỉ giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm, tăng cường khả năng quản lý, mà còn thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của sinh viên. Nghiên cứu của chúng tôi đề xuất các định hướng nhằm nâng cao năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội, bao gồm việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, tổ chức sự kiện, xây dựng hệ thống thông tin và phát triển kỹ năng truyền thông số. Với sự hỗ trợ của các nền tảng công nghệ, sinh viên có cơ hội tiếp cận phương thức hoạt động Đoàn – Hội hiện đại, hiệu quả, góp phần xây dựng môi trường giáo dục năng động, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong thời đại số hiện nay.

Từ khóa: *Định hướng, bồi dưỡng năng lực, tổ chức hoạt động Đoàn – Hội, sinh viên Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, thời đại số.*

ORIENTATION TO FOSTER THE ORGANIZATION OF UNION ACTIVITIES FOR STUDENTS OF PEDAGOGICAL SCHOOL, DONG THAP UNIVERSITY IN THE DIGITAL AGE

Pham Le Hoang Huy[1*], Nguyen Khanh Tan[1], Phung Ngoc Tien[2]

[1]Class DHGDCT21A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[1]Class DHSVAN23A, Faculty of Faculty of Social Sciences, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education,Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Khanh Tan, Email: Nguyenkhanhtan120905@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract:

In the ear of digital transformation and the rapid today, orientation and fostering the organization of union activities for students of pedagogical school, Dong Thap University becomes an urgent requirement. Union activities not only help students practice soft skills, enhance management ability, but also promote the sense of responsibility of students. The study of my evidence proposed the orientation to improve the capacity of organizing the Union - Union activities, including the application of digital technology in management, event organization, building information systems and developing digital communication skills. With the support of technology platforms, students have the opportunity to approach the method of modern and effective union activities, contributing to building a dynamic educational environment, meeting the development requirements of society in the current digital age

Keywords: *Orientation, fostering capacity, organizing union activities - associations, Pedagogical Student, Dong Thap University, Digital Age.*

---

1. Đặt vấn đề

Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khẳng định,"Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam; là lực lượng xung kích cách mạng; là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên; đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tuổi trẻ", là lực lượng kế thừa và đồng hành cùng Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên đóng vai trò là lực lượng nòng cốt trong phát huy tinh thần tuổi trẻ, khuyến khích đổi mới sáng tạo và tiên phong trong quá trình chuyển đổi số, góp phần xây dựng một thế hệ thanh niên năng động, hiện đại và thích ứng với sự phát triển của công nghệ.

Trong thời đại chuyển đổi số, bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên không chỉ là một yêu cầu cấp thiết mà còn là một cơ hội để sinh viên phát triển bản thân và khẳng định vai trò của tổ chức Đoàn – Hội trong thời đại mới. Công nghệ số đã và đang làm thay đổi cách thức giao tiếp, tương tác, tổ chức các hoạt động và sự kiện. Từ đó đã tạo ra những khó khăn và thách thức mới cho các tổ chức Đoàn – Hội, đặc biệt là những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội góp phần hình thành những kỹ năng mềm cần thiết, như khả năng quản lý, làm việc nhóm và khả năng giao tiếp tin trước đám đong. Những kỹ năng này không chỉ giúp sinh viên tổ chức các hoạt động Đoàn – Hội hiệu quả mà còn hỗ trợ trong việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp sau này.

Tuy nhiên, bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên trong thời đại số đang phải đối mặt với một số khó khăn và thách thức. *Thứ nhất,* sự phát triển của công nghệ thông tin yêu cầu sinh viên phải có kiến thức và kỹ năng sử dụng các công cụ số một cách vững vàng và hiệu quả. Không chỉ đơn thuần là biết sử dụng máy tính hay điện thoại thông minh mà còn cần có khả năng khai thác thông tin, sử dụng các phần mềm quản lý, các nguồn tin thông minh, chính xác và thực hiện các hình thức truyền thông trực tuyến. *Thứ hai,* trong khi việc tổ chức các hoạt động trực tiếp ngày càng khó khăn do các yếu tố bên ngoài như thời gian, không gian và những yếu tố khách quan khác,... thì việc tìm kiếm các phương thức tổ chức sáng tạo và linh hoạt hơn trong môi trường trực tuyến là cần thiết.

Vì vậy, vấn đề cần giải quyết hiện nay là: Làm thế nào để nâng cao năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên đặc biệt là sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp trong bối cảnh công nghệ số đang phát triển mạnh mẽ?. Để giải quyết vấn đề này, cần phải xem xét các định hướng sáng tạo nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để tổ chức và quản lý các hoạt động Đoàn – Hội hiệu quả trong thời đại số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội của sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại Học Đồng Tháp

Tổng Bí thư Tô Lâm từng nhấn mạnh phải luôn đặt thanh niên ở vị trí trung tâm trong nhiều vấn đề lớn của đất nước. Tổng Bí thư nêu rõ "Đảng, Nhà nước luôn đặt niềm tin sâu sắc vào lực lượng thanh niên, luôn đặt thanh niên ở vị trí trung tâm trong nhiều vấn đề lớn của đất nước; xem thanh niên là nhân tố chủ chốt trong việc định hình và phát triển tương lai của đất nước; coi sự lớn mạnh của tuổi trẻ là thành công của Đảng, là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, là sự trường tồn của dân tộc; luôn luôn dành sự quan tâm chăm lo đặc biệt đối với thanh niên và công tác thanh niên". Trong thời đại số, thanh niên đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ, góp phần nâng cao năng suất lao động, đổi mới sáng tạo và xây dựng nền kinh tế số.

Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên Trường Sư phạm, trực thuộc Đoàn – Hội Trường Đại học Đồng Tháp là đơn vị vừa được thành lập năm 2024. Đơn vị phụ trách 06 tổ chức Đoàn – Hội trực

thuộc bao gồm: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non; Khoa Sư phạm Toán – Tin; Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội; Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên; Khoa Giáo dục Chính trị; Khoa Giáo dục Thể chất – Sư phạm Nghệ thuật. Với quy mô hơn 6500 Đoàn viên, Hội viên, Đoàn Trường Sư phạm tự hào là đơn vị nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ Công tác Đoàn và phong trào Thanh niên cũng như Công tác Hội và phong trào sinh viên.

Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp có sứ mạng góp phần bồi dưỡng toàn diện đội ngũ cán bộ Đoàn – Hội đào tạo sinh viên sư phạm có bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng tổ chức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và năng lực thích ứng linh hoạt trong thời đại số. Không chỉ song hành với nhiệm vụ đào tạo chuyên môn của nhà trường, Đoàn – Hội trường đóng vai trò là môi trường thực tiễn rèn luyện, tạo điều kiện để cán bộ Đoàn – Hội được trải nghiệm, sáng tạo, làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ và thể hiện năng lực lãnh đạo, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giáo dục trong tương lai.

Đoàn viên, Hội viên tại Trường Sư phạm là một nhóm nhân sự đặc biệt hoạt động trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Vừa là người Đoàn viên, Hội viên nhưng cũng vừa là sinh viên hoạt động trong hệ thống chính trị, thực hiện các nhiệm vụ của công tác Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên với tư cách thành viên của tổ chức chính trị xã hội. Trong đó Đoàn viên, Hội viên là người năng động, có hiểu biết sâu sắc về vai trò của thanh niên, có khả năng nắm bắt nhanh nhạy tình hình chính trị – xã hội. Vì vậy, đề cập đến năng lực chuyển đổi số có thể được hiểu là khả năng ứng dụng công nghệ số để thay đổi quy trình quản lý hay cách thức triển khai các hoạt động của công tác Đoàn – Hội trên nền tảng số.

Qua khảo sát ý kiến 257 đoàn viên, sinh viên trong Trường Sư phạm cho thấy, các năng lực liên quan đến chuyển đổi số là quan trọng trong công tác thanh niên trong thời gian sắp tới. Có đến 59,9% người khảo sát đến từ Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non, 2,7% từ Khoa Sư phạm Toán – Tin, 18,7% từ Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, 6,6% từ Khoa Sư phạm Khoa học Tự nhiên, 9,3% từ Khoa Giáo dục Chính trị và 2,75 từ Khoa Giáo dục Thể chất – Sư phạm Nghệ thuật. Hiện nay sinh viên của Trường sư phạm đều đã nhận thức được tầm quan trọng của việc bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số trong các hoạt động Thanh niên. Toàn bộ các bạn đều đã tham gia các hoạt động "số" trong công tác thanh niên của Tuổi trẻ Trường Sư phạm.

Kết quả khảo sát tự đánh giá năng lực chuyển đổi số của cán bộ đoàn theo 5 mức độ từ (1 - Không quan trọng, 2 - Ít quan trọng, 3 - Bình thường, 4 - Quan trọng; 5 – Rất quan trọng) cho thấy:

Bảng 1: Kết quả khảo sát năng lực chuyển đổi số của Đoàn viên, Hội viên Trường Sư phạm

Nội dung năng lực	1	2	3	4	5
Khả năng của bạn trong việc sử dụng thành thạo các thiết bị số và phần mềm hỗ trợ trong việc tổ chức hoạt động Đoàn – Hội	0,4	1,6	37,4	43,6	17,1
Năng lực khai thác thông tin và dữ liệu	0	1,9	30,4	45,1	22,6
Khả năng hối hợp và làm việc cùng nhau trên nền tảng số	0,4	1,6	29,6	46,3	22,2
Thực hiện tốt các nguyên tắc bảo mật thông tin khi tổ chức hoạt động Đoàn – Hội trên môi trường số.	0,4	1,6	28,4	40,5	29,2

Khả năng sáng tạo nội dung hoạt động số	0,8	1,2	32,7	48,6	16,7

Từ bảng 1, đối với 05 nội dung biểu thị năng lực số của Đoàn viên, Hội viên sinh viên Trường Sư phạm cho thấy, nhận thức của các bạn đối với vấn đề chuyển đổi số và năng lực chuyển đổi số của bản thân cơ bản là tốt, chỉ có một số rất ít ý kiến còn đánh giá thấp tầm quan trọng của các năng lực này. Cụ thể:

Một là, khả năng của bạn trong việc sử dụng thành thạo các thiết bị số và phần mềm hỗ trợ trong việc tổ chức hoạt động Đoàn – Hội: đa phần các bạn cũng tự đánh giá đây là nội dung quan trọng. Chúng ta có thể sử dụng máy tính, điện thoại có các ứng dụng phần mềm có thể sử để quay phim, chụp ảnh, liên lạc nghe, gọi, nhắn tin…Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng thể hiện rõ tình trạng một số bạn không biết hoặc biết ít về sự quan trọng của các nội dung chuyển đổi số. Cụ thể có 0,4% và 1,6 % các bạn cho rằng việc sử dụng thành thạo là không quan trọng và ít quan trọng.

Hai là, năng lực khai thác thông tin và dữ liệu: Với các nội dung này, đa số ý kiến cũng nhận thấy cần phải cải thiện về kỹ năng này và các bạn đánh giá cao về sự quan trọng của nó chiếm 67,7% cho rằng nó quan trọng và rất quan trọng. Nhận diện được nhu cầu thông tin của bản thân; khả năng triển khai các chiến lược tìm tin, định vị và truy cập được thông tin; khả năng đánh giá các nguồn tin và nội dung của chúng là vô cùng quan trọng trong thời đại số ngày nay.

Ba là, khả năng hối hợp và làm việc cùng nhau trên nền tảng số: Năng lực này còn đảm bảo khả năng xã hội hóa, thích ứng và tự thực hiện thành công trong điều kiện hiện đại của cuộc sống. Đặc biệt, trong bối cảnh xã hội hiện nay, giao tiếp và tương tác trên môi trường số ngày càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên vẫn nhận thấy một số ít các bạn lại cho rằng năng lực này không quan trọng và ít quan trọng với tổng 2%.

Bốn là, thực hiện tốt các nguyên tắc bảo mật thông tin khi tổ chức hoạt động Đoàn – Hội trên môi trường số: Thời đại ngày nay, internet là một phần không thể thiếu trong đời sống của mỗi con người. Nhưng vẫn tìm ẩn nhiều mối nguy cơ trong môi trường mạng. Có đến 40,5% bạn cho rằng đây là điều quan trọng và 29,2% cho rằng là rất quan trọng. Đây cũng là lựa chọn được đông đảo các bạn đánh giá là ở mức tích cực như này. Tuy nhiên, với nội dung này vẫn còn tỷ lệ các bạn chưa coi trọng việc bảo mật thông tin chúng ta cần phải được đào tạo để nâng cao hơn về nhận thức này.

Năm là, khả năng sáng tạo nội dung hoạt động số: Đổi mới sáng tạo, tìm ra mô hình mới, cách làm hay đặc biệt là vấn đề quan trọng trong việc thu hút và tập hợp thanh niên. Ở thời điểm quá nhiều trào lưu giải trí trên không gian mạng thì việc sáng tạo nội dung hoạt động số là cực cực cần thiết. Tuy nhiên theo khảo sát lại cho thấy các bạn chưa nhận thức tốt về tầm quan trọng của năng lực này khoảng 2%. Nguyên nhân các bạn đưa ra là do "sự hạn chế về năng lực và kỹ năng", "nhiều bạn khó tiếp cận được với Công nghệ Thông tin",...

Như vậy, trên tất cả các năng lực chuyển đổi số mà chúng tôi khảo sát cho thấy thực tế vẫn còn một tỷ lệ nhỏ các bạn sinh viên chưa biết hoặc biết rất ít về tầm quan trọng các năng lực này trong công tác Đoàn Hội, đặt ra yêu cầu cho việc bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp là cực kì cấp bách.

2.2. Những định hướng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số cho cán bộ Đoàn – Hội sinh viên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp trong thời đại số

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số đã trở thành xu thế tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức rõ vai trò trung tâm, lực lượng tiên phong của thanh niên trong quá trình này, Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt và đối thoại với thanh niên năm 2024 đã xác định chủ đề xuyên

suốt là "Phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia". Nhận thức rõ tầm quan trọng và trách nhiệm lớn lao của lực lượng Đoàn viên, Hội viên đối với công cuộc chuyển đổi số, thời gian tới, mỗi cá nhân cần thực hiện một số giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong tất cả các mặt hoạt động của Đoàn Hội được định hướng như sau:

Thứ nhất, chuyển đổi nhận thức của Đoàn viên, Hội viên về chuyển đổi số

Bước vào thời kỳ mới, đây là giai đoạn chuyển mình của đất nước đòi hỏi lực lượng thanh niên phải dám nghĩ, dám làm, đặc biệt trong lĩnh vực chuyển đổi số. Chúng ta cần thay đổi tư duy hành động cá nhân. Loại bỏ tư tưởng "làm vì thành tích", "làm để đối phó" mà cần cởi mở trong suy nghĩ. Hiểu rõ về vai trò, tầm quan trọng của thanh niên trong thời kì đổi mới. Phải nỗ lực nhiều hơn, ngoài việc không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cũng cần phải mở rộng tầm hiểu biết để có tư duy, hành động phù hợp hơn, góp phần đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả chuyển đổi số tại đơn vị.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng lãnh đạo và quản lý thông qua môi trường trực tuyến

Thông qua kết quả khảo sát có thể thấy, vẫn còn một bộ phận các bạn Đoàn viên, Hội viên còn xem nhẹ các năng lực chuyển đổi số hoặc tự đánh giá năng lực đó mình thực hiện chưa tốt. Chính vì vậy việc đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng này và đặc biệt là nhóm đối tượng là cán bộ Đoàn Hội là rất quan trọng. Đội ngũ cán bộ Đoàn Hội của Trường Sư phạm luôn là một trong số những nhân tố quan trọng, đồng thời là nhân tố dẫn dắt sự phát triển bền vững, hiệu quả của tổ chức Đoàn Hội. Trước bối cảnh mới đòi hỏi người cán bộ Đoàn Hội cần trau dồi kiến thức để nâng cao năng lực chuyên môn, thích ứng và sử dụng các thành tựu của sản phẩm số. Tích cực tham gia các hội thảo, hội nghị cho cán bộ, Đoàn viên, Hội viên để tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số.

Thứ ba, xây dựng bộ tài liệu đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số cho cán bộ đoàn, hội các cấp

Ban Chấp hành Đoàn Trường Sư phạm – Ban Chấp hành Hội sinh viên Trường Sư phạm cần tham mưu, nghiên cứu để ban hành bộ tài liệu cụ thể hóa nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số cho Đoàn viên, Hội viên. Tài liệu cung cấp những thông tin, kiến thức liên quan tới chuyển đổi số đặc thù của đơn vị, những vấn đề liên quan đến áp dụng chuyên ngành đào tạo vào qua trình chuyển đổi số,… Trong đó, tập trung hướng dẫn sử dụng, cách thức thực hiện, và các hoạt động thực tế để người học có thể thực hành các nội dung được hướng dẫn.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ số để hiện đại hóa và hỗ trợ toàn diện các hoạt động Đoàn - Hội

Là xu hướng tất yếu ngày nay trong việc tổ chức và quản lí các hoạt động. Thực tế cho thấy, chuyển đổi số cho phép chũng ta thay đổi cách thức tổ chức các hoạt động chuyển từ trực tiếp sang phương tiện trực tuyến, hội nghị trực tuyến, đánh giá trực tuyến… Đoàn viên, Hội viên tiêu biểu có năng lực chuyển đổi số cần quan tâm hỗ trợ cho các cá nhân còn lại cùng thực hiện tốt. Thực tế tại Trường Sư phạm đã thường xuyên tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng AI, Đoàn Khoa Sư phạm Toán - Tin thành lập đội hình "bình dân học vụ số" nhằm tập huấn tăng cường kỹ năng ứng dụng công nghệ số để hiện đại hóa hoạt động Đoàn Hội tại Trường Sư phạm.

Mở rộng hợp tác quốc tế và trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng tầm hoạt động thanh niên

Thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá của Đảng và Nhà nước, thanh niên Việt Nam nói chung và thanh niên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng có nhiều cơ hội học tập, tiếp cận với thế giới, tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ; những tinh hoa văn hoá của nhân loại; tích cực tham gia quảng bá về đất nước, con người,

lịch sử, văn hoá Việt Nam. Tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường giao lưu, kết nối bằng các nền tảng số với sinh viên quốc tế. Đóng vai trò tích cực cho thanh niên tham gia hội nhập quốc tế, thúc đẩy công tác Đoàn Hội đồng thời tăng cường bản lĩnh, tự tin cho sinh viên tham gia giao tiếp bằng ngoại ngữ.

3. Kết luận

Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động Đoàn – Hội cho sinh viên trong thời đại số là một vấn đề mang tính cốt lõi cho việc thực hiện nhiệm vụ của thanh niên Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp. Các cấp cán bộ Đoàn Hội cùng toàn thể Đoàn viên, Hội viên cần thích ứng, thích nghi và vận dụng sản phẩm của chuyển đổi số vào công tác Đoàn Hội phát huy và sáng tạo các hoạt động nhằm gia tăng, thu hút sự tham gia của đông đảo sinh viên. Bước vào thời kỳ mới, đòi hỏi Tuổi trẻ Trường Sư phạm cần phải dám nghĩ, dám làm, đặc biệt trong lĩnh vực chuyển đổi số. Với tinh thần quyết tâm Tuổi trẻ Trường Sư phạm tự tin hoàn thành mọi nhiệm vụ trong thời kì đổi mới xứng đáng với xứ mệnh của Trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đặc biệt là đào tạo sư phạm. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tài liệu tham khảo

Đức Tuân. (2025). *"Luôn đặt thanh niên ở vị trí trung tâm trong nhiều vấn đề lớn của đất nước"*. Báo điện tử Chính phủ. https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-luon-dat-thanh-nien-o-vi-tri-trung-tam-trong-nhieu-van-de-lon-cua-dat-nuoc-102241218115402776.htm

Nghị quyết Đại hội Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ XII, 2022.

Ngô Thị Phương Lan. (2024). *"Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới".* Tạp chí Lịch sử Đảng. Khoa học Xã hội và Nhân văn. https://tapchilichsudang.vn/cong-tac-giao-duc-chinh-tri-tu-tuong-dao-duc-doi-voi-sinh-vien-dai-hoc-quoc-gia-thanh-pho-ho-chi-minh-trong-giai-doan-moi.html

Nguyễn Thị Hà. (2024). *"Tăng cường năng lực sư phạm cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông".* Khoa Chính trị - Luật.

Nguyễn Tường Lâm. (2023). "Tăng cường bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong đoàn viên, thanh niên tại doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước hiện nay". Tạp chí cộng sản. https://www.tapchicongsan.org.vn/en_US/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/828602/tang-cuong-boi-duong%2C-phat-trien-dang-vien-trong-doan-vien%2C-thanh-nien-tai-doanh-nghiep-khu-vuc-ngoai-nha-nuoc-hien-nay.aspx

Tống Văn Thắng. (2023). "Bồi dưỡng năng lực công tác đoàn và phong trào thanh niên cho đội ngũ cán bộ đoàn ở trường sĩ quan lục quân 2 hiện nay". Tạp chí Dân tộc và thời đại. Số 231. tr. 88 - 90.

Tùng Đinh. (2025). *"Chuyển đổi số là cơ hội và trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp".* Bộ Tư pháp Chuyên trang Chuyển đổi số.

Vũ Thị Thanh Thảo. (2025). *"Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia góp phần nâng cao hiệu quả công tác đoàn và phong trào thanh niên trong tình hình mới".* Khoa Nhà nước và pháp luật. https://truongchinhtri.binhdinh.gov.vn/tin-tuc-su-kien/phat-huy-vai-tro-cua-doan-vien-thanh-nien-trong-cong-cuoc-chuyen-doi-so-quoc-gia-gop-phan-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-doan-va-phong-trao-thanh-nien-trong-tinh-hinh-moi-406.html

Vũ Tuấn - Quốc Linh. (2024). *"Thanh niên là nhân tố chủ chốt định hình, phát triển tương lai đất nước"*. Tuổi trẻ online.

GIÁO DỤC LÝ TƯỞNG CÁCH MẠNG CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Nguyễn Chí Hữu [1*], Lê Thị Lệ Hoa[2]

[1] Lớp ĐHGDCT21A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Chí Hữu, Email: Nguyenchihuu273@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Bài tham luận này chủ yếu nghiên cứu để trả lời cho câu hỏi việc thực hiện lồng ghép nội giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong hoạt động giáo dục có mang lại hiệu quả hay không? Để trả lời cho câu hỏi này, nhóm tác giả đã đặt ra mục đích nghiên cứu là khái quát hóa cơ sở lý luận về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, sinh viên trong hoạt động giáo dục, từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay, trên cơ sở đó đã đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả của công tác này. Để thực hiện mục đích này, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn như phương pháp phân tích và tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa, đồng thời sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với đối tượng tham gia là 60 sinh viên ngành Giáo dục Chính trị năm 2, 3, 4, đây là lực lượng trẻ, có nhận thức cao về lý tưởng cách mạng. Qua việc khảo sát tác giả đã thu nhận được kết quả với 95% sinh viên cho rằng việc lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng vào trong hoạt động giáo dục là phương pháp mang lại hiệu quả cao, và chúng tôi cũng đồng ý với kết quả này. Việc lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vào trong hoạt động giáo dục hiện nay có nhiều ưu điểm, song vẫn còn một số hạn chế nhất định, do đó chúng tôi đã đề xuất một số giải pháp góp phần nâng hiệu quả công tác này, qua đó giúp họ nâng cao được nhận thức về lý tưởng cách mạng và chuyển hóa thành những hành động cụ thể, thiết thực đóng góp lớn vào lợi ích chung của xã hội.

Từ khóa: *Giáo dục, hoạt động giáo dục, lý tưởng cách mạng, sinh viên ngành Giáo dục Chính trị.*

REVOLUTIONARY IDEOLOGICAL EDUCATION FOR STUDENTS OF POLITICAL EDUCATION AT ĐONG THAP UNIVERSITY IN EDUCATIONAL ACTIVITIES

Nguyen Chi Huu[1*], Le Thi Le Hoa[2]

[1]Class DHGDCT21A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Chi Huu, Email: Nguyenchihuu273@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract:

This paper primarily aims to address the question of whether integrating revolutionary ideological education into educational activities for students is effective. To answer this question, the authors set the research objective of summarizing the theoretical basis of revolutionary ideological education for young people and students in educational activities, serving as a foundation for assessing the current state of ideological education for students majoring in Political Education at Đong Thap University. Based on this evaluation, the authors propose several solutions to enhance the effectiveness of this work. To achieve this goal, we employed both theoretical and practical research methods, such as analysis and synthesis, classification and systematization. Additionally, we conducted a survey using questionnaires, targeting 60 second, third,and fourth year Political Education students young individuals with high awareness of revolutionary ideology. The survey results indicate that 95% of students believe that integrating revolutionary ideological education into educational activities is a highly effective method, and we agree with this conclusion. The integration of ideological education into the curriculum for Political Education students at Đong Thap University has numerous advantages. However, certain limitations still exist. Therefore, we have proposed several solutions to further improve the effectiveness of this initiative, helping students deepen their understanding of revolutionary ideology and transform their awareness into practical actions that contribute significantly to the common good of society.

Keywords: *Education, educational activities, revolutionary ideology, students of Political Education.*

---

1. Đặt vấn đề

Đất nước ta đang tiến vào thời kì mới nằm trong một thế giới đầy biến động và khó lường, trước bối cảnh ấy đã ảnh hưởng rất lớn đến hệ giá trị của con người Việt Nam trong đó có thanh niên, vì thanh niên là lực lượng chiếm tỷ lệ lớn cơ cấu dân số và có những đóng góp quan trọng trong xuyên suốt tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, do đó vai trò của thanh niên là vô cùng quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá cao vị trí, vai trò và tầm quan trọng của thanh niên, để giúp thanh niên phát triển toàn diện thì cả hai chủ thể này cho rằng giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho họ là việc làm rất quan trọng và rất cần thiết. Chính vì vậy, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên là điều quan trọng và cần thiết, hơn hết là giai đoạn hiện nay.

Hoạt động giáo dục là các hoạt động được tổ chức và thực hiện nhằm mục đích truyền đạt kiến thức, kỹ năng, và giá trị cho người học, được tổ chức với nhiều hình thức và môi trường khác nhau, từ lớp học truyền thống đến các hoạt động ngoại khóa, thực hành, và trải nghiệm thực tế. Thông qua những hoạt động này đã tác động tích cực đến người học. Vì vậy, việc sử dụng các hoạt động giáo dục nhằm giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên nói chung và sinh viên ngành Giáo dục Chính trị nói riêng là một trong những phương pháp góp phần mang hiệu quả cao, phù hợp với tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từ đó giúp sinh viên ngành Giáo dục Chính trị hình thành thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn.

Chính vì những vấn đề trên, việc nghiên cứu *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục* là điều cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, sinh viên trong hoạt động giáo dục

2.1.1. Cơ sở, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên

Sinh thời Bác rất quan tâm đến việc giáo dục, đặc biệt là giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, trong Di chúc, Bác căn dặn rằng "ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết" (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011, tập 15, tr.662). Đây chính là sự đúc kết, sợ chỉ đỏ xuyên suốt của Bác về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Với những cây tre non sắp làm nên cơ đồ lớn, để làm nên chuyện Đảng ta phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên là việc quan trọng.

Quán triệt sâu sắc và thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên. Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo hành lang pháp lý với nhiều chủ trương, chính sách giúp thanh niên phát triển toàn diện, nhất là nội dung Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030"* (Ban Bí thư Trung ương Đảng, 2015). Vì vậy việc chăm lo, bồi dưỡng, phát triển cho thế hệ trẻ vừa là nhiệm vụ vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.

Chính vì những điều trên ta có thể thấy rằng dù ở bất kì thời gian và không gian nào trong lịch sử cho đến hiện tại và mai sau thì việc giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam quan tâm, để tiếp tục xứng đáng hơn nữa thì thế hệ tinh hoa phải tiếp tục tự bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực để xứng đáng là

những người kế thừa chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên.

2.1.2. Hình thức, vai trò và tác động của hoạt động giáo dục đến lý tưởng cách mạng của thanh niên, sinh viên

** Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục*

Giáo dục không chỉ dừng lại ở hoạt động truyền thụ kiến thức mà còn tạo cơ hội, môi trường để người học trải nghiệm và phát triển bản thân. Các hoạt động giáo dục là cầu nối gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng và phẩm chất cần thiết. Hiện nay, việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho sinh viên được thể hiện qua các hình thức như ngoài giờ lên lớp và sinh hoạt lớp. Đây là những hoạt động giáo dục và giao lưu diễn ra ngoài giờ học chính thức, nhằm phát triển toàn diện cho sinh viên.

Hoạt động ngoài giờ lên lớp là một bộ phận trong quá trình giáo dục, hoạt động này giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành toàn diện phẩm chất của sinh viên, và được tổ chức ngoài giờ học chính khóa. Ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa như thể thao, văn nghệ, câu lạc bộ, và các sự kiện đặc biệt giúp sinh viên rèn luyện, phát triển kỹ năng mềm, thể chất và tinh thần. Các chuyến tham quan, dã ngoại cũng là một phần quan trọng, cung cấp cho sinh viên cái nhìn trực quan về những gì đã học, kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn, đồng thời còn giúp sinh viên mở rộng kiến thức và trải nghiệm thực tế. Học tập nhóm là một hình thức khác, giúp sinh viên tăng cường khả năng làm việc nhóm và trao đổi kiến thức. Bên cạnh đó, các hoạt động xã hội và tình nguyện giúp sinh viên rèn luyện trách nhiệm và nuôi dưỡng tinh thần nhân ái. Các cuộc thi học thuật và thi đấu thể thao giúp sinh viên phát triển sự tự tin, tư duy sáng tạo và kỹ năng giao tiếp. Cuối cùng, học tập trải nghiệm thông qua các dự án thực hành và nghiên cứu khoa học giúp sinh viên nâng cao khả năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Nhờ vào sự đa dạng của các hoạt động này, sinh viên được tiếp thu tri thức và phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.

Sinh hoạt lớp bao gồm các buổi họp lớp định kỳ, nơi giảng viên và sinh viên cùng thảo luận về tình hình học tập, các vấn đề trong lớp và kế hoạch hoạt động. Các buổi sinh hoạt chủ đề như kỹ năng sống, giáo dục giới tính, bảo vệ môi trường giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng cho sinh viên. Ngoài ra, các hoạt động văn nghệ như biểu diễn, thi hát, thi diễn kịch cũng giúp sinh viên phát triển năng khiếu và sự tự tin. Qua đó giúp sinh viên phát triển toàn diện, tạo ra môi trường học tập thú vị và gắn kết.

** Vai trò của của hoạt động giáo dục đến lý tưởng cách mạng của thanh niên, sinh viên*

Vai trò của hoạt động giáo dục đến lý tưởng cách mạng của thanh niên, sinh viên trong quá trình học tập là rất quan trọng. Hoạt động giáo dục không đơn thuần là truyền đạt kiến thức mà đây còn là cách để khuyến khích sự tham gia, tương tác và xây dựng kiến thức của người học. Khi nhà giáo dục lồng ghép nội dung lý tưởng cách mạng vào trong hoạt động giáo dục, người học có được sự hứng thú trong quá trình học tập, nhận thức tốt về những giá trị truyền thống cách mạng của dân tộc. Thay vì chỉ ngồi nghe giảng hay tuyên truyền, thì người học được tổ chức tham gia vào các hoạt động nhóm, thảo luận, thực hành và nghiên cứu với những cuộc thi gắn với những vấn đề liên qua đến cách mạng. Qua đó, đáp ứng tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Bên cạnh đó, hoạt động giáo dục còn tạo ra môi trường tương tác giữa giảng viên với sinh viên. Thông qua các hoạt động dẫn dắt các cuộc thi, các buổi nói chuyện ở ngoài giờ học, giảng viên tạo ra sự kết nối, giao tiếp và tiếp cận gần hơn với sinh viên, giúp tạo ra một không gian đầy đủ sự cởi mở, không gò bó, sẵn sàng chia sẻ ý kiến và nhận phản hồi từ cả giảng viên và bạn bè từ đó giúp sinh viên phát triển toàn diện. Cuối cùng, là giúp xây dựng kiến thức về cách mạnh cho người học, thông qua việc tham gia các cuộc thi, các buổi nói chuyện chuyên đề, sinh viên có được môi trường vận dụng kiến thức vào thực tế và trải nghiệm thực tế, qua đó người học có thể hiểu, ghi nhớ kiến thức những cột mốc lịch sử một cách tốt và bên vững hơn. Vì vậy, việc lồng ghép nội

dung giáo dục lý tưởng cách mạng vào trong hoạt động giáo dục đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập của người học.

** Tác động của hoạt động giáo dục đến lý tưởng cách mạng của thanh niên, sinh viên*

Ở bất kì quốc gia nào, giáo dục luôn được xem là quốc sách hàng đầu, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tương lai của đất nước, và Việt Nam cũng không ngoại lệ, Theo Khoản 1, Điều 4 Luật Giáo dục Việt Nam năm 2019 quy định *"Giáo dục là quốc sách hàng đầu"* (Quốc hội, Luật Giáo Dục Việt Nam, 2019). Trong tiến trình cách mạng của Đảng, Nhà nước luôn khẳng định vai trò của giáo dục và đào tạo là đặc biệt quan trọng đối với đất nước, được xem là quốc sách hàng đầu, vì nó ảnh hưởng rất lớn đến cả tương lai của dân tộc. Đảng ta đã xác định "chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Chính vì vậy, đất nước có phát triển hay không cần phải chú trọng quan tâm đến giáo dục, trong đó giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ, sinh viên là việc làm cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Trong bối cảnh xã hội phát triển nhanh, thay đổi lớn như hiện nay đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình giáo dục lý tưởng cách mạng. Việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, sinh viên không đơn thuần là truyền thụ những kiến thức về lịch sử, văn hóa mà còn đòi hỏi hình thành nên những phẩm chất, năng lực, giá trị cốt lõi trong mỗi con người, qua đó giúp thế hệ trẻ hiểu được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội. Để đạt được điều đó, việc sử dụng hoạt động giáo dục là phương pháp mang lại hiệu quả cao, tác động tích cực đến người học, giúp họ hình thành nên những phẩm chất và năng lực cần có để đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.

Việc lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng vào hoạt động giáo dục đã mang lại hiệu quả rất lớn đối với sự hình thành nhận thức chính trị và lòng tự hào dân tộc của thanh niên, sinh viên. Những hoạt động giáo dục như hoạt động nhóm, thảo luận, thực hành và nghiên cứu… qua đó giúp thanh niên, sinh viên hình thành, phát triển những kỹ năng mềm. Trong quá trình tham gia các hoạt động giáo dục không chỉ đơn thuần là những thuận lợi mà nhà giáo dục đã tạo ra, mà tùy tình huống có thể thường đòi hỏi thanh niên, sinh viên phải đối mặt với những khó khăn, thử thách trong qua trình tham gia. Thông qua đó, đã gián tiếp rèn luyện cho họ ý chí kiên cường, bản lĩnh và tinh thần đoàn kết với tập thể để vượt qua những khó khăn thử thách.

Tóm lại, với nhiều hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đã đóng vai trò quan trọng và tác động tích cực đối với giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, sinh viên. Thông qua những hoạt động thực tế mà nhà giáo dục đã tạo ra đã mang lại những giá trị đối với người học. Giúp họ hiểu rõ hơn về những giá trị lịch sử, truyền thống cách mạng của dân tộc. Tác động mạnh mẽ đến nhận thức, rèn luyện kỹ năng mềm và bản lĩnh chính trị, từ đó giúp họ hiểu rõ trách nhiệm của bản thân mình đối với xã hội.

2.2. Thực trạng công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay

2.2.1. Khái quát chung về sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp và tổ chức khảo sát thực trạng

** Khái quát chung về sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp*

Khoa Giáo dục chính trị – Trường Sư phạm được thành lập theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐT ngày 19 tháng 02 năm 2024. Gồm 02 Bộ môn: Lý luận Chính trị; Giáo dục Công dân. Hiện tại, khoa có số lượng là 104 sinh viên đang được đào tạo với 2 ngành là Giáo dục Chính trị và Giáo dục Công dân. Đây là lực lượng được tiếp cận chuyên sâu vào những môn lý luận chính trị, do đó, lực lượng này nhận thức lý tưởng cách mạng rất tốt và được giáo dục lý luận rất sâu sắc. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay khi đất nước bước vào thời kỳ hội nhập gắn liền với nền kinh tế tri thức, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thời kỳ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo thì vai trò của ngành Giáo dục Chính trị và Giáo dục công dân ngày càng trở nên quan trọng trong

giai đoạn hiện nay.

** Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng*

Khách thể khảo sát: gồm 60 sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, trong đó có 21 sinh viên năm 2, 16 sinh viên năm 3, 23 sinh viên năm 4.

Thời gian khảo sát: Từ ngày 06/5 đến ngày 07/5/2025.

Phương pháp khảo sát: Điều tra thu thập số liệu bằng các phiếu hỏi thông qua google form.

Cách thức xử lí số liệu: Xử lí số liệu bằng phương pháp thống kê toán học và phần mềm Microsoft Office Excel.

2.2.2. Ưu điểm, hạn chế trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay

** Ưu điểm,* kết quả khảo sát trên 60 sinh viên cho thấy việc nhà giáo dục đã thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng vào trong hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp là phương pháp có mang lại hiệu quả cao không? Kết quả khảo sát ở Bảng 3.1 như sau:

Bảng 3.1: Hiệu quả của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục

Mức độ	**Số lượng**	**Tỷ lệ**
Rất hiệu quả	25	41,7%
Hiệu quả	32	53,3%
Ít hiệu quả	3	5%
Không hiệu quả	0	0%
Tổng số	**60**	**100%**

Ở Bảng 3.1 cho chúng ta thấy rằng thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng trong hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp là phương pháp mang lại hiệu quả cao (95%) sinh viên đánh giá, tác giả cũng rất đồng tình, vì những hoạt động giáo dục này, do nhà giáo dục tạo ra với những hình thức tổ chức thiết thực dành cho sinh viên tham gia đã góp phần tăng sự hứng thú trong học tập. "hứng thú là thái độ đặc biệt của cá nhân với những đối tượng nào đó vừa có ý nghĩa trong đời sống vừa mang lại sự khoái cảm cho cá nhân trong hoạt động" (Lê Thị Hân, Huỳnh Văn Sơn, 2012). Việc sinh viên học tập có được sự hứng thú đó là một trong những thành công lớn của quá trình giáo dục, giúp người học có được sự khoái cảm, thích thú trong học. Qua đó, tiếp thu sâu sắc những kiến thức và kĩ năng, đồng thời việc lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên vào trong hoạt động giáo dục đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của họ.

Thực tiễn hiện nay, việc thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng vào trong hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả khả quan và đáp ứng tương đối tốt yêu cầu của người học và tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Kết quả khảo sát như Bảng 3.2.

Bảng 3.2: Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục thời gian qua

Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ
Đáp ứng rất tốt	18	30%
Đáp ứng tốt	36	60%
Đáp ứng chưa tốt	6	10%
Chưa đáp ứng	0	0%
Tổng số	**60**	**100%**

Qua Bảng 3.2 cho thấy hiện nay việc thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng trong hoạt động giáo dục cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong thời gian qua đã đáp ứng rất tốt và tốt chiếm (90%), thời gian qua nhà giáo dục đã tổ chức nhiều hoạt động, cụ thể với các buổi ngoài giời lên lớp hay sinh hoạt lớp vào cuối tháng được tổ chức thường xuyên, có chất lượng và mang lại hiệu quả cao, thu hút số lượng lớn sinh viên hứng thú tham gia, trong những hoạt động giáo dục này đã lồng ghép một số nội dung giáo dục truyền thống cách mạng, cho xem một số video ngắn nói về các sự kiện lịch sử trong năm, đặc biệt ở tổ chức Đoàn Thanh niên là chủ thể có nhiều nhiều hoạt động sinh hoạt gắn với lý tưởng cách mạng cho sinh viên như đến viếng nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp, tổ chức chơi trò chơi trắc nghiệm bằng ứng dụng Kahoot với nội dung câu hỏi gắn với chủ đề lý tưởng cách mạng. Thông qua những hành động này đã góp phần nâng cao nhận thức về chính trị, hiểu biết sâu sắc hơn về truyền thống cách mạng của dân tộc, hun đúc tình cảm cách mạng, khát vọng cống hiến cho xã hội.

* *Hạn chế,* bên cạnh một số ưu điểm về công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay, đâu đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Kết quả khảo sát ở Bảng 3.3 như sau:

Bảng 3.3: Hạn chế trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Các hoạt động giáo dục chưa gắn kết với giáo dục lý tưởng cách mạng	38/60	63,3/100
Tổ chức các hoạt động giáo dục còn nặng về lý thuyết thiếu sự gắn kết với thực tiễn	44/60	73,3/100
Đánh giá hoạt động giáo dục chưa toàn diện	32/60	53,3/100
Sự phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thường xuyên và sâu sắc trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên	47/60	78,3/100
Về nguồn lực kinh tế, di chuyển (Ý kiến khác)	1/60	1,7/100
Tổng số	**60**	**100**

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy những hạn chế lớn trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo

dục như Các hoạt động giáo dục chưa gắn kết với giáo dục lý tưởng cách mạng; Tổ chức các hoạt động giáo dục còn nặng về lý thuyết thiếu sự gắn kết với thực tiễn; Đánh giá hoạt động giáo dục chưa toàn diện; Sự phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thường xuyên và sâu sắc trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Về nguồn lực kinh tế, di chuyển được phần lớn sinh viên đánh giá là hạn chế, tác giả cũng nhìn nhận từ thực tế cho thấy đây là một trong những hạn chế lớn cần được khắc phục, để khắc phục điều này cần tìm hiểu nguyên nhân và có một số giải pháp cụ thể, qua đó nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên vào trong hoạt động giáo dục.

2.2.3. Nguyên nhân trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay

Để có được một số kết quả tốt trong việc nâng cao nhận thức của sinh viên về lý tưởng cách mạng, điều bắt nguồn từ những nguyên nhân như sau: Ban chủ nhiệm khoa có năng lực chuyên môn cao và có quyết tâm trong công tác giáo dục và đào tạo; Sinh viên chuyên ngành Giáo dục Chính trị là lực lượng thanh niên trẻ mang đặc điểm lứa tuổi tò mò ham học hỏi những thứ mới, rất hăng hái tham gia các hoạt động phong trào do khoa và trường tổ chức; Các thủ lĩnh Đoàn, Hội trong khoa không chỉ có tài năng mà còn rất nhiệt huyết trong các hoạt động phong trào. Chính những nguyên nhân này đã góp phần mang lại kết quả rất lớn trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vào trong hoạt động giáo dục.

Bên cạnh những nguyên nhân về ưu điểm, tác giả đã tìm hiểu nguyên nhân của những hạn chế trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay bằng cách tiến hành khảo sát và thu kết quả như bảng 3.4. như sau:

Bảng 3.4. Nguyên nhân của hạn chế trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Các hoạt động giáo dục ít được thiết kế để kết nối chặt chẽ với các mục tiêu giáo dục lý tưởng cách mạng	44/60	73,3/100
Thiếu sự đổi mới trong thiết kế chương trình đào tạo	38/60	63,3/100
Phương pháp đánh giá chưa phù hợp	27/60	45/100
Mỗi tổ chức có mục tiêu, nhiệm vụ và chức năng khác nhau, do đó khó khăn trong việc thống nhất mục tiêu giáo dục lý tưởng cách mạng	41/60	68,3/100
Tổng số	**60**	**100**

Qua bảng 3.4 cho thấy nguyên nhân của hạn chế trong công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục như sau: Các hoạt động giáo dục ít được thiết kế để kết nối chặt chẽ với các mục tiêu giáo dục lý tưởng cách mạng; Thiếu sự đổi mới trong thiết kế chương trình đào tạo; Phương pháp đánh giá chưa phù hợp; Mỗi tổ chức có mục tiêu, nhiệm vụ và chức năng khác nhau, do đó khó khăn trong việc thống nhất mục tiêu giáo dục lý tưởng cách mạng những nguyên nhân này được phần lớn sinh viên đánh giá. Tác giả cũng rất đồng tình và nhìn nhận thấy đó là một số nguyên nhân cơ bản chính trong hạn chế. Khi thấy được những nguyên nhân của khó khăn trên đòi hỏi cần có một số giải

pháp để góp phần khắc phục những hạn chế để công tác công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vào trong hoạt động giáo dục hiện nay được nâng cao và mang lại hiệu quả cao đối với người học.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp trong hoạt động giáo dục hiện nay

Để thực hiện nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vào trong hoạt động giáo dục trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

2.3.1. Về phía nhà trường

Trong thời gian qua, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục và đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục như Cuộc thi Olympic các môn Khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. Ngoài ra còn một số cuộc thi khác là Tìm hiểu về Đảng Cộng sản Việt Nam, Ánh sáng soi đường, Cuộc thi viết chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch,... Với việc tổ chức một số cuộc thi nhà giáo dục đã khéo léo lồng ghép một số nội dung về lý tưởng cách mạng, cho sinh viên ôn tập lại những kiến thức lịch sử của dân tộc, đồng thời còn trực tiếp vận dụng những kiến thức ấy thi với các đội khác, và dựa vào cơ sở trên để có vũ khí lý luận sắc bén viết các bài chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, qua đó tạo nên môi trường học tập trải nghiệm cho sinh viên phát huy toàn diện về phẩm chất lẫn năng lực của người học. Bên cạnh những những ưu điểm đó, hiện nay vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, do đó để tiếp tục nâng cao công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vào trong hoạt động giáo dục, về phía nhà trường cần tiếp tục tạo hành lang pháp lý với những chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho giảng viên và sinh viên tham gia nhiều hoạt động gắn với thực tiễn. Cần tiếp tục rà soát chương trình đào tạo, cập nhật bổ sung thêm những hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn với chủ đề giáo dục lý tưởng cách mạng. Đồng thời, cần tổ chức các buổi bồi dưỡng cho giảng viên, các cán bộ đoàn hội về những kĩ năng để tổ chức hoạt động giáo dục mang lại hiệu quả cao gắn với lý tưởng cách mạng. Bên cạnh đó nhà trường là tổ chức lớn cần thực hiện kết nối với một số đơn vị lân cận trên địa bàn để tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên tham gia các hoạt động.

2.3.2. Về phía giảng viên

Giảng viên là chủ thể trực tiếp giảng dạy cho sinh viên do đó cần tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật thêm nhiều phương pháp dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động cho sinh viên hứng thú tăng khả năng ghi nhớ. Ngoài ra cần tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm năng cao năng lực chuyên môn và hiểu biết sâu sắc hơn về lsy tưởng cách mạng. Bên cạnh đó, khi sinh viên tham gia vào các hoạt động ngoài giờ lên lớp giảng viên cần đổi mới phương pháp đánh giá, cho sinh viên tham gia vào quá trình tổng kết, đánh giá hoạt động. Đặc biệt, khi tổ chức các hoạt động giảng viên cần tạo cơ hội cho sinh viên điều khiển hoạt động, qua đó góp phần rèn luyện những kĩ năng mềm cho sinh viên. Đồng thời, giảng viên là chỗ dựa tinh thần cho sinh viên do đó cần có sự định hướng, quan tâm và khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức. Thông qua những hành động đó, giúp giảng viên nâng cao nâng lực chuyên môn, kĩ năng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, còn sinh viên được trực tiếp tham gia, vận dụng những những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống, bên cạnh đó còn hỗ trợ sinh viên hình thành, phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai.

2.3.3. Về phía sinh viên

Trong thời gian qua sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp đã tích cực tham gia các hoạt động giáo dục như mùa hè xanh trong đó có các hoạt động (cài Vneid, tuyên truyền sốt xuất huyết, thăm mẹ việt nam anh hùng, làm đường dân sinh và vệ sinh các tuyến

đường), bên cạnh đó vào các ngày lễ lớn còn tham gia viếng nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Một số cá nhân sinh viên tham gia vào hoạt động hiến máu tình nguyện. Đặc biệt, hàng năm sinh viên tham gia Hội nghị sinh viên nghiên cứu khao học, trong đó các bạn sinh viên viết các bài tham luận, với những chủ đề nóng trong xã hội, hay các bài viết gắn liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Thông qua những hình thức phong phú và đa dạng này sinh viên được học tập rất nhiều về các giá trị lịch sử, cách mạng, truyền thống của dân tộc, phát huy tinh thần đoàn kết cùng với tập thể, tinh thần tương thân tương ái, yêu thương con người, bên cạnh đó giúp hình thành và phát triển kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng nghiên cứu khoa học đây là kỹ năng cần thiết cho sinh viên đáp ứng với yêu cầu của công việc trong tương lai và yêu cầu của Đảng ta, chính những điều đó, đã thôi thúc sinh viên khát vọng cống hiến cho xã hội bằng các hoạt động tình nguyện của mình. Đa phần các hoạt động này đều nhận được sự hưởng ứng tích cực tham gia từ phía sinh viên, vì các hoạt động này mang đến nguồn năng lượng tích cực và những giá trị tốt đẹp, khơi dậy mong muốn cống hiến cho cộng đồng và xã hội. Nhìn chung, mang lại nhiều ý nghĩa tốt đẹp, giá trị to lớn góp phần phát triển cho quê hương, đất nước. Bên cạnh những ưu điểm ấy, thì trong bối cảnh hiện nay, sinh viên cần phải tiếp tục ra sức phấn đấu trong học tập, tích cực mạnh dạn, vận động bạn bè tham gia vào các hoạt động giáo dục do nhà giáo dục tổ chức. Bên cạnh đó, cần cống hiến sức trẻ của mình cho xã hội, bằng những việc làm thiết thực như: hiến máu tình nguyện, tham gia mùa hè xanh, viết các bài chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hoặc tích cực tố cáo những hành vi chống phá Đảng và Nhà nước ở thực tế và không gian mạng. Đồng thời, tích cực tuyên truyền, vận động cho người thân và gia đình tham gia các hoạt động do Đảng và Nhà nước phát động.

3. Kết luận

Trong xuyên suốt tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, thanh niên là lực lượng chiếm số lượng lớn dân số và luôn có những đóng góp tích cực vào sự phát triển đó, vì vậy thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng là lực lượng đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn vong của cả dân tộc. Trong kỉ nguyên vươn mình của dân tộc, Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng với nhiều quốc gia trên thế giới, với quá trình này đã mang lại nhiều thời cơ và thách thức đan xen nhau, ảnh hưởng phần nhiều đối với những giá trị đạo đức, văn hóa của con người Việt Nam trong đó có thanh niên. Trong quá khứ và hiện tại, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với sự phát triển của đất nước, và hai chủ thể này cho rằng giáo dục lý tưởng cách mạnh cho thanh niên là việc làm rất cần thiết trong mọi giai đoạn và hơn hết là giai đoạn thế giới biến động nhanh và khó lường như hiện nay. Để thực hiện giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên, trong đó có sinh viên ngành Giáo dục Chính trị đạt được hiệu quả cao, việc lòng ghép nội dung đó vào trong hoạt động giáo dục là một trong những phương pháp đạt được mục đích ấy. Những hoạt động giáo dục do nhà giáo dục tạo ra với những hình thức thiết thực cho sinh viên tham gia vào trong quá trình dạy học đã góp phần tăng sự hứng thú trong học tập, tiếp thu sâu sắc những kiến thức và kĩ năng, đồng thời việc lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên vào trong hoạt động giáo dục đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của họ, từ đó tiếp thu được những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, và hình thành một lý tưởng cao đẹp cho chính bản thân, bên cạnh đó còn đáp ứng tinh thần đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển năng lực cho người học.

Với việc hệ thống hóa cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu, tác giả đã có cơ sở để đánh giá thực trạng, qua đó đã nhìn nhận lại thực tế hiện nay công tác giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp vào trong hoạt động giáo dục có nhiều ưu điểm lớn, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định, do đó tác giả đã có một số giải pháp cơ bản về phía nhà trường, giảng viên và sinh viên để khắc phục những hạn chế mà trong công tác này còn tồn tại. Thông qua việc nghiên cứu trên tác giả đã chỉ ra rằng việc thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị vào trong hoạt động giáo dục là một phương pháp mang lại hiệu quả, nếu nhà giáo dục vận dụng tốt một số giải

pháp mà tác giải đề xuất, chắc rằng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, giúp sinh viên ngành Giáo dục Chính trị có nhận thức cao hơn về lý tưởng cách mạng cao đẹp, qua đó hiện thực hóa lý tưởng trong đầu thành những hành động thiết thực, mang lại ý nghĩa to lớn đối với xã hội.

Tài liệu tham khảo

Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2015). Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030. tr.2.

Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013), Nghị quyết số 29 - NQTW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội. tr.123.

Hồ Chí Minh: Toàn tập, (2011), Tập 15. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia. tr.662.

Lê Thị Hân, Huỳnh Văn Sơn (2012), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Sư phạm TP.HCM. tr.196.

Quốc Hội. (2019). Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật giáo dục Việt Nam 2019. tr.1.

QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ SỰ VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀO THỰC TIỄN CÁCH MẠNG VIỆT NAM HIỆN NAY

Triệu Thị Cẩm Tú [1], Phùng Ngọc Tiến [2]

[1] Lớp ĐHGDCT21A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm. Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Triệu Thị Cẩm Tú, Email: camtu16012000@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Bài viết này nhằm phân tích những giá trị lý luận, thực tiễn trong quan điểm của V.I.Lenin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc đối với phong trào cách mạng trên thế giới, bên cạnh đó chỉ ra sự vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp cách mạng nhằm đóng tranh chống lại những quan điểm sau trái, phản động, phủ nhận bản chất cách mạng, khoa học nhân văn của Chủ nghĩa Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Quan điểm V.I.Lênin, vấn đề dân tộc, vấn đề giải quyết dân tộc.

V.I. LENIN'S VIEWPOINTS ON THE NATIONAL QUESTION AND ITS CREATIVE APPLICATION TO THE PRACTICE OF THE VIETNAMESE REVOLUTION TODAY

Trieu Thi Cam Tu[1], Phung Ngoc Tien[2]

[1]*Class DHGDCT21A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] *Faculty of Political Education, School of Education,Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Trieu Thi Cam Tu, Email: camtu16012000@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

This article aims to analyze the theoretical and practical values in Lenin's views on ethnic issues and solve ethnic issues for the revolutionary movement in the world, besides pointing out the creative application of Lenin's views on ethnic issues, solving national issues of the Communist Party of Vietnam into the revolutionary cause to close the paintings against the backlings of the Leninist, denying the revolutionary science of the revolutionary science.

Keywords: *V.I. Lenin's viewpoint, the national question, the problem of solving the national problem.*

---

1. Đặt vấn đề

Vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề quan hệ lợi ích giữa các dân tộc từ quan hệ giữa các quốc gia, các dân tộc đến quan hệ giữa các dân tộc - quốc gia với các cộng đồng dân cư cụ thể. Trong thời đại đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc, V.I.Lênin là người đã đặt nền móng lý luận sâu sắc, khoa học cho việc giải quyết vấn đề dân tộc trong mối quan hệ biện chứng với vấn đề giai cấp. Quan điểm của V.I. Lenin đã soi đường cho phong trào cách mạng trên thế giới đặc biệt là các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trong đó có Việt Nam.

Là một quốc gia đa dân tộc bao gồm 54 dân tộc, Việt Nam luôn xác định vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp cách mạng. Ngay từ khi được thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán trong đường lối giải quyết vấn đề dân tộc, bên cạnh đó không ngừng nổ lực bổ sung, phát triển phù hợp với yêu cầu của từng thời kì lịch sử. Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I. Lenin về vấn đề dân tộc là cơ sở lý luận quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy vai trò của các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

V.I.Lênin tiếp thu và phát triển học thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen, xem vấn đề dân tộc là một bộ phận quan trọng, không thể tách rời khỏi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất về mối liên hệ giữa các dân tộc và giai cấp: V.I.Lênin cho rằng mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp là một trong những mối quan hệ then chốt trong xã hội, chúng có ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều lĩnh vực chính vì thế các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác - Lênin đã phân tích kỹ lưỡng về mối liên hệ này.

Theo quan điểm của ông diễn đạt đúng vai trò chi phối của phương thức sản xuất đối với sự phát triển của dân tộc, phản ánh đúng với thực tế lịch sử từ khi dân tộc xuất hiện, các phong trào dân tộc luôn sẽ gắn với cuộc đấu tranh giai cấp và chịu tác động chi phối của cuộc đấu tranh giai cấp, bên cạnh đó cho giai cấp công nhân thấy rõ được muốn thành công trong xây dựng mối quan hệ dân tộc mới thì phải bắt đầu từ việc xây dựng những quan hệ giai cấp, quan hệ xã hội mới "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì dân tộc này nô dịch dân tộc kia sẽ mất theo" được C. Mác và Ăngghen nêu trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" (C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, tập 4, 1995, tr,624).

Bên cạnh đó, V.I.Lênin khẳng định, vấn đề dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giải quyết đúng đắn những vấn đề dân tộc, góp phần có ý nghĩa quyết định vào sự thắng lợi của cuộc đấu tranh giai cấp, của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ông còn kiên quyết đấu tranh chống xu hướng coi nhẹ vấn đề dân tộc, chỉ thấy vấn đề giai cấp mà không thấy vấn đề dân tộc. Với quan đểm này của V.I.Lênin nhấn mạnh tính độc lập tương đối, tính năng động của vấn đề dân tộc. Tính năng động đó làm cho việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc tác dộng tích cực đến vấn đề giai cấp.

Hai là, xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc, V.I.Lênin đã phát hiện có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề phát triển dân tộc "Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc. Xu hướng thứ nhất: Sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và của các phong trào dân tộc, cuộc đấu tranh chống mọi ách áp bức dân tộc, việc thiết lập các quốc gia dân tộc. Xu hướng thứ hai là: việc phát triển và tăng cường đủ mọi thứ quan hệ giữa các dân tộc, việc xóa bỏ những hàng rào ngăn cách các dân tộc và việc thiết lập sự thống nhất quốc tế của tư bản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học v.v…" (V.I.Lenin, toàn tập, tập 24, 1980, tr.158). Cả hai xu hướng này tồn tại song song và có tác động đến chủ nghĩa tư bản. Trong giai đoạn đầu, xu hướng phân lập dân tộc mạnh hơn còn ở xu hướng sau thì có phần gắn kết và hội nhập chiếm ưu thế hơn.

Tuy nhiên, trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, nguyện vọng chính đáng của các dân tộc về độc lập, tự do thường bị bóp nghẹt bởi các thế lực xâm lược. Sự gắn bó giữa các dân tộc thường được dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cũng bị thay thế bằng những liên minh áp đặt mang tính chất bóc lột. V.I.Lênin khẳng định chỉ khi chủ nghĩa xã hội, nơi không còn áp bức giai cấp và dân tộc thì hai xu hướng này mới có thể hỗ trợ nhau và cùng nhau thúc đẩy cho sự phát triển, bình đẳng.

Thứ ba, về Cương lĩnh dân tộc, trong tác phẩm "Về quyền dân tộc tự quyết" từ tháng 2 đến tháng 5/1914 lần đầu tiên ông đã trình bày những nội dung cơ bản trong cương linh dân tộc như: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân lại: Đó là cương lĩnh dân tộc mà chủ nghĩa Mác, kinh nghiệm thế giới và kinh nghiệm của nước Nga dạy cho công nhân" có nghĩa là các dân tộc phải được bảo đảm sự bình đẳng tuyệt đối, có quyền tự quyết và công nhân thuộc mọi dân tộc cần phải đoàn kết lại thành một khối thống nhất.(V.I. Lênin, Tập 25, 1980, tr.375).

Bình đẳng dân tộc không chỉ tồn tại trên phương diện pháp lý mà nó còn phải được thực thi trong thực tiễn đặc biệt là về mặt kinh tế. Nếu không có sự bình đẳng kinh tế thì mọi khẩu hiệu khác chỉ mang tính hình thức. Đồng thời, V.I.Lênin cũng nhấn mạnh về quyền tự quyết là điều kiện tiên quyết để đặt được những điều mong muốn. Các dân tộc bị áp bức, nếu không có quyền tự quyết, sẽ không có quyền bình đẳng về phát triển chính trị, kinh tế và văn hóa.

2.2. Sự vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I. Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam

2.2.1. Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I. Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam

Hồ Chí Minh khi tiếp cận và vận dụng Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và đặc biệt là học thuyết về vấn đề dân tộc nói riêng, Người luôn kết hợp hài hòa giữa nguyên tắc và sự sáng tạo linh hoạt. Người bắt đầu nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin qua việc đọc và thấm nhuần trong tác phẩm "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của V.I. Lênin và nhận thấy tác phẩm "là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" điều này đã làm chuyển biến tư tưởng của Hồ Chí Minh (khi đó là Nguyễn Ái Quốc) từ chủ nghĩa yêu nước đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy ở lý luận cách mạng, khoa học đó là con đường cứu nước đúng đắn.

Khi Người đứng trên lập trường cộng sản đã phân tích cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tại nước ta vào năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh: "Chỉ khi giai cấp vô sản được giải phóng thì dân tộc mới có thể thoát khỏi ách thống trị và hai quá trình đó chỉ có thể thành hiện thực dưới ngọn cờ chủ nghĩa cộng sản" (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 1, 1995, tr.416) đến năm 1959, tổng kết chặng đường vẻ vàng đất nước ta đã trải qua muôn vàng khó khăn, một lần nữa Người tiếp tục khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 9, 1995, tr.314).

Hồ Chí Minh kiên định với lập trường của Mác - Lênin trong mối liên hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, song cũng đề cao tính độc lập và vai trò thiết yếu của dân tộc trong thực tiễn Việt Nam. Nam 1941, khi trở về từ nước ngoài Người đã trực tiếp lãnh đạo phong trao cách mạng trong nước, Người chỉ rõ "Lúc này, lợi ích giải phóng dân tộc là cao hơn hết. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng" (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 3, 1995, tr.198) cho thấy nhận định sâu sắc ấy là đúng đắn phản ánh về mẫu thuẫn cơ bản trong xã hội đương thời, và Người cũng nhân mạnh "Không có gì quý hơn độc lập tự do" điều đó đã trở thành chân lý đương thời.

Từ những trải nghiệm và tổng kết thực tiễn, Hồ Chí Minh đã hình thành tự tưởng về bình đẳng, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu só miền Nam năm 1946, Người viết: "Ngày nay nước Việt Nam là nước chúng

của chúng ta…giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ của chung của chúng ta. Vậy nên tất cả các dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau phải kính trọng nhau, pahir giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ gảm bớt" (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 4,1995, tr.127) nhằm nhấn mạnh tinh thần đoàn kết, tôn trọn và thương yêu nhau giữa các dân tộc anh em. Người đề cao quyền bình đẳng về lợi ích và nghĩa vụ trong đó nghĩa vụ cao cả nhất là cùng nhau bảo vệ đất nước, ủng hộ Chính phủ. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh sự tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc, với tinh thần bình đẳng, tương trợ và không vu lợi. Dân tộc đa số là những người có điều kiện phát triển hơn cần đóng vai trò giúp đỡ những dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Tư tưởng dân tộc của Hồ Chí Minh là nền móng vững chắc cho việc xây dựng đường lối chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ cách mạng.

Một là, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu (C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, Tập 4, 1995, tr.623 - 624). Điều này không chỉ khẳng định rằng, sau khi giành được quyền lực, giai cấp công nhân - thông qua tổ chức tiên phong là Đảng Cộng sản - đã trở thành người đại diện cho toàn thể nhân dân "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là lực lượng tiên phong của nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam..." (Quốc hội, 2006, tr. 3 – 4), bên cạnh đó nhấn mạnh chính giai cấp này đặc biệt là đội ngũ tiên phong, cần phải hòa quyện vào bản thể của dân tộc trở thành hình mẫu tiêu biểu của dân tộc trong toàn bộ hành trình cải tạo lại xã hội cũ và kiến tạo xã hội mới. Chính những điều ấy cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là cầu nối giữa học thuyết Mác - Lênin và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Trước tinh thần đó, cần bảo đảm việc thấm nhuần sâu sắc Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc trong mọi hoạt động sống chẳng hạn trong đổi mới bộ máy nhà nước, thì cần quan tâm đến công việc cải cách hành chính, sự kế thừa và phát huy mọi giá trị truyền thống của khoa học và nghệ thuật trị quốc an dân mà ông cha ta để lại hay trong lĩnh vực giáo dục chính trị - tư tưởng, ngoài việc nâng cao lập trường và ý thức giai cấp công nhân, thì phải đặt tầm quan trọng của việc bồi dưỡng lòng yêu nước. Ở Việt Nam, ý thức xã hội chủ nghĩa không chỉ là kết quả của sự phát triển ý thức giai cấp mà còn là kết quả của sự phát triển ý thức giai cấp, mà còn là kết tinh cao độ của tinh thần dân tộc, lòng yêu nước bền bỉ. Công cuộc cải cách giáo dục toàn diện hiện nay phải được tiếp thu tinh hoa tri thức giáo dục hiện đại của nhân loại và kế thừa những giá trị quý báu của nền giáo dục truyền thống hàng ngàn năm lịch sử của dân tộc.

Hai là, V.I.Lênin đã chỉ ra hai khuynh hướng khách quan trong quá trình phát triển của các dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay, việc nhận diện rõ các biểu hiện của hai xu hướng này trong điều kiện toàn cầu hóa là rất quan trọng để từ đó tìm ra những giải pháp phù hợp nhằm tận dụng cơ hội cho sự phát triển đất nước. Xét từ góc nhìn của vấn đề dân tộc, điểm nổi bật của thời kỳ hiện đại so với thời kỳ của V.I.Lênin chính là toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ ngày càng mạnh mẽ, kéo theo đó là cả hệ quả tích cực lẫn tiêu cực, quá trình toàn cầu hóa này đã và đang thu hẹp vai trò, phạm vi ảnh hưng, hiệu quả điều hành của các quốc gia dân từ đó gây ra những thách thức nghiêm trọng đối với vấn đề giữ gìn độc lập, chủ quyền quốc gia.

Ba là, được xuất phát từ việc vận dụng lý luận củaV.I. Lênin về vấn đề dân tôc, giải phóng dân tộc và tư tưởng chiến lược đại đoàn kết dân tộc, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được xác định đúng vị trí cũng như ý nghĩa then chốt của vấn đề dân tộc thiểu số ở Việt Nam, đồng thời đưa ra một số nội dung cốt lõi cần triển khai trong bối cảnh mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Về vấn đề, quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước và Hồ Chí Minh là cần hiểu đúng và khai thác hiệu quả các tiềm năng to lướn tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để thúc đẩy phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội qua đó tạo nền tảng vững chắc để thực hiện các nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau cùng nhau

tiến bộ giữa các dân tộc.

Hồ Chí Minh đã chỉ ra năm phương diện lớn cần chú trọng trong xây dựng văn hóa dân tộc: Xây dựng tâm lý để khơi dậy và củng cố tinh thần tự lực, tự cường; xây dựng đạo đức đề cao tinh thần hy sinh vì lợi ích cộng đồng; xây dựng xã hội trong mọi hoạt động xã hội phải gắn với phúc lợi và lợi ích của nhân dân; xây dựng chính trị bảo đảm quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng kinh tế để tạo nền tảng vật chất vững mạnh cho sự phát triển toàn diện (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 3, 1995, tr. 431). Bên cạnh đó, trong lĩnh vực dân tộc Đảng và Nhà nước ta dưới sự chỉ đạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ công tác tại miền núi như một phần trọng yếu để thực hóa mục tiêu các dân tộc cùng sống hòa thuận, tôn trọng nhau, bình đẳng và giúp đỡ nhau phát triển.

2.2.2. Đảng và Nhà nước vận dụng quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc vào thực tiễn Việt Nam trong thời kì đổi mới

Trong suốt quá trình thực hiện đường lối đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hoàn thiện và triển khai nhiều chủ trương cụ thể về vấn đề dân tộc, giải quyết tốt các vấn đề dân tộc thiểu số và miền núi mang tính chiến lược lâu dài nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo đảm bình đẳng, đoàn kết và tiến bộ giữa các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam.

Về phương diện chính sách dân tộc, trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành và triển khai nhiều chương trình, chính sách trọng điểm nhằm thúc đẩy phát triển toàn diện các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nổi bật trong số đó là Chương trình 135, được thực hiện từ năm 1998 đến nay trải qua nhiều giai đoạn, với mục tiêu chính là hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, cải thiện sinh kế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào ở các xã đặc biệt khó khăn. Cùng với đó, các chính sách hỗ trợ trực tiếp người dân tộc thiểu số cũng được triển khai sâu rộng, như hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt, đặc biệt là theo các Quyết định 2085/QĐ-TTg và 2086/QĐ-TTg ban hành năm 2016. Bên cạnh đó, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, trong đó có Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, cũng được lồng ghép triển khai tại nhiều huyện nghèo vùng dân tộc thiểu số nhằm xóa đói, giảm nghèo và nâng cao năng lực cộng đồng; Quyết định 66/2013/QĐ-TTg chính sách hỗ trợ học tập đới sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ gia đình chính sách theo quy định của pháp luật

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú ngày càng được mở rộng, góp phần nâng cao dân trí và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ. Các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số đã góp phần quan trọng vào việc tạo điều kiện học tập bình đẳng cho học sinh, sinh viên vùng dân tộc. Cùng với đó, chính sách y tế cũng được đặc biệt quan tâm thông qua việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và đầu tư hệ thống trạm y tế cơ sở, đảm bảo quyền được chăm sóc sức khỏe của người dân tộc thiểu số.

Đặc biệt, Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030, được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết 88/2019/QH14 và triển khai theo Quyết định 1719/QĐ-TTg, là bước ngoặt quan trọng thể hiện sự quan tâm sâu sắc, toàn diện và có chiều sâu của Đảng, Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số. Với quy mô và phạm vi chưa từng có tiền lệ, đề án này đặt trọng tâm vào phát triển hạ tầng, giảm nghèo, nâng cao nguồn nhân lực, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số và đảm bảo an sinh xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới.

Về phương diện chính trị – xã hội, thông qua việc ban hành những chủ trương hợp lý và triển khai các chính sách hiệu quả, Đảng và Nhà nước đã từng bước củng cố vững chắc niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và con

đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Chính niềm tin đó đã trở thành động lực để đồng bào các dân tộc phát huy vai trò chủ thể của mình một cách tích cực, chủ động tham gia vào hệ thống chính trị ở các cấp độ, từ trung ương đến cơ sở. Đồng thời, đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng khẳng định vai trò và trách nhiệm trong sự nghiệp kiến thiết, bảo vệ đất nước, góp phần duy trì ổn định chính trị, giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Về lĩnh vực văn hóa – giáo dục, Nhà nước ta luôn xác định bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số là một nội dung trọng yếu trong chính sách dân tộc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống không chỉ góp phần làm phong phú đời sống tinh thần, củng cố bản sắc cộng đồng, mà còn tạo nền tảng quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhiều chương trình bảo tồn lễ hội, tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số đã được thực hiện đồng bộ, có chiều sâu. Song song với đó, lĩnh vực giáo dục cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Mạng lưới trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú được mở rộng, giúp hàng vạn học sinh dân tộc thiểu số có cơ hội học tập và phát triển. Các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, sách giáo khoa, đồ dùng học tập cho học sinh dân tộc thiểu số đã góp phần xóa bỏ rào cản tiếp cận giáo dục, nâng cao trình độ dân trí. Hơn thế, việc lồng ghép giáo dục văn hóa dân tộc vào chương trình giảng dạy giúp gìn giữ và lan tỏa các giá trị truyền thống, đồng thời hình thành cho thế hệ trẻ tinh thần tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm công dân.

Từ đó, có thể khẳng định rằng, các chính sách văn hóa – giáo dục trong thời kỳ đổi mới đã tạo ra những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, đồng thời tăng cường sức mạnh nội sinh cho công cuộc hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

Về quốc phòng - an ninh, các chính sách dân tộc trong thời kỳ đổi mới không chỉ tập trung vào phát triển kinh tế – xã hội, mà còn đặc biệt chú trọng đến việc giữ gìn ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội ở các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể nhằm phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc trong công tác bảo vệ biên giới, chủ quyền lãnh thổ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc tại các khu vực trọng yếu.

Trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, gieo rắc tư tưởng ly khai, cực đoan, thù hận dân tộc. Trước thực tế đó, công tác đấu tranh tư tưởng, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, tăng cường bản lĩnh cách mạng và ý thức cảnh giác trong nhân dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số.

Đồng thời, các lực lượng vũ trang, nhất là bộ đội biên phòng, công an cơ sở đã tích cực gắn bó mật thiết với nhân dân, "ba cùng" với đồng bào (cùng ăn, cùng ở, cùng làm), qua đó không chỉ nắm chắc tình hình địa bàn mà còn xây dựng được lòng tin, thế trận lòng dân vững chắc, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở. Đây là điều kiện thiết yếu để phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số, bảo vệ chủ quyền quốc gia và giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định cho sự nghiệp đổi mới.

2.2.3. Những thành tựu và thách thức trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam hiện nay

Việc vận dụng sáng tạo và đúng đắn quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc đã mang lại nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam, đặc biệt là trên các phương diện ổn định chính trị, phát triển kinh tế và tăng cường khối đại đoàn

kết toàn dân tộc. Theo V.I. Lênin, vấn đề dân tộc phải được giải quyết trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết và đoàn kết giữa các dân tộc, trong đó vai trò của giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản là yếu tố quyết định để gắn kết các dân tộc trong một mặt trận thống nhất. Quan điểm đó đã được Đảng và Nhà nước ta vận dụng sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam – một quốc gia đa dân tộc – nhằm củng cố sự thống nhất và đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các vùng miền, giữa các cộng đồng dân cư.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa chiến lược của vấn đề dân tộc, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng từ ngày được thành lập cho đến nay, Đảng ta luôn quan tâm đến xây dựng và đổi mới thực hiện tốt các chính sách dân tộc, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội và củng cố vững chắc khối đoàn kết dân tộc. Nhờ vậy, cách mạng nước ta đạt được nhiều thắng lợi này đến thắng lợi khác, thông qua quá trình lãnh đạo bằng tư duy nhận thức sâu sắc của Đảng về vấn đề dân tộc.

Thành tựu đạt được

Đảng ta luôn quan tâm, bảo đảm các quyền của các dân tộc, nhà nước tiếp tục dành nhiều nguồn lực đầu tư phát triển thông qua các chương trình, dự án đã triển khai như: Chương trình giảm nghèo, Chương trình nông thôn mới, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai doạn 2021 - 2030 và nhiều chương trìn, chính sách khác…Theo báo cáo của Bộ Tài chính, số liệu giải ngân vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến hết ngày 30/06/2023, nguồn vốn ngân sách Trung ương của các địa phương đạt khoảng 7.142.753 triệu đồng(đạt 17%); trong đó đầu từ phát triển là 5.638.831 triệu đồng (đạt 22%), vốn sự nghiệp là 1.503.922 triệu đồng (đạt 9%). Có thể nói, các dự án, cương trình, nội dung chính sách đã xây dựng theo đúng quan điểm, mục tiêu, phạm vi... cho đến nay diện mạo nông thôn cả nước nói chung và dân tộc thiểu số nói riêng được thay rõ rệt, điều kiện sống của người dân được cải thiên và nâng cao làm cho nước ta ổn định và phát triển. Nhờ đó, kết cấu hạ tầng được cải thiện, đời sống người dân từng bước nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, và khoảng cách phát triển giữa các vùng dân tộc và khu vực phát triển đã từng bước được thu hẹp. Đây chính là minh chứng cụ thể cho tinh thần thực tiễn của Lênin: giải phóng dân tộc gắn liền với việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng nhân dân.

Về phương diện chính trị, Việt Nam đã kiên định thực hiện chủ trương phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy đó làm nền tảng vững chắc để ổn định tình hình chính trị - xã hội trong nước. Việc tôn trọng và bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số được tham gia vào hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, là minh chứng rõ nét cho tinh thần Lênin về dân tộc. Nhờ đó, Việt Nam đã duy trì được sự ổn định về thể chế, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội – yếu tố đặc biệt quan trọng trong bối cảnh khu vực và thế giới có nhiều biến động phức tạp. Từ những thành tựu đó, có thể khẳng định rằng, việc vận dụng quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc đã góp phần tạo nên nền tảng ổn định vững chắc cho hệ thống chính trị, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân – những yếu tố cốt lõi để Việt Nam tiến bước vững chắc trên con đường phát triển, hội nhập và bảo vệ vững chắc chủ quyền dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Về lĩnh vực văn hóa – giáo dục**,** việc phát triển văn hóa, giáo dục cho các dân tộc phải gắn liền với quyền được học tập, sử dụng tiếng nói và gìn giữ bản sắc riêng. Việt Nam đã cụ thể hóa điều này bằng việc ban hành các chính sách dạy và học tiếng dân tộc trong nhà trường**,** phát triển đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số, cùng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Tính đến năm 2023**,** cả nước có trên 300 trường phổ thông dân tộc nội trú và hơn 1.100 trường có lớp học tiếng dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao dân trí, giữ gìn văn hóa truyền thống bên cạnh đó theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến cuối năm 2023, hơn 80% cơ sở giáo dục đại học đã triển khai học trực tuyến kết hợp (blended learning), trong đó

sinh viên giữ vai trò trung tâm trong xây dựng nội dung số, tổ chức lớp học ảo, và phát triển nền tảng học liệu mở. Các cuộc thi sáng tạo nội dung số như "Thanh niên với văn hóa số", "Hành trình số hóa di sản văn hóa" thu hút hàng chục nghìn lượt tham gia.

Về quốc phòng – an ninh, lực lượng thanh niên quân đội, công an và sinh viên công nghệ đã chủ động tham gia các chương trình bảo vệ an ninh mạng quốc gia. Năm 2023, hơn 5.000 sinh viên từ các học viện, trường đại học an ninh, quân sự và công nghệ thông tin tham gia các cuộc thi an toàn thông tin như WhiteHat, CTF quốc gia. Nhiều đội sinh viên Việt Nam đã đạt giải cao trong các giải đấu quốc tế, góp phần nâng cao vị thế an ninh mạng Việt Nam trên trường quốc tế. Song, nhờ chính sách quốc phòng gắn với phát triển dân tộc, nhiều địa bàn chiến lược đã trở thành pháo đài vững chắc bảo vệ Tổ quốc. Các chương trình như "Thanh niên quân đội chung tay xây dựng nông thôn mới", "Chiến sĩ công an vì bản làng bình yên" đã huy động hiệu quả lực lượng trẻ dân tộc thiểu số tham gia gìn giữ an ninh, trật tự địa phương. Đồng thời, hàng ngàn thanh niên dân tộc thiểu số cũng được tuyển chọn, đào tạo, phục vụ trong lực lượng vũ trang, nâng cao năng lực bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia.

Những thách thức

Mặc dù đã được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình vận dụng quan điểm của Lenin về vấn đề dân tộc vào thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại không ít khó khăn, thách thức cần được nhìn nhận một cách sâu sắc toàn diện. Trước hết do sự chênh lệch về mức độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền vẫn là vấn đề nổi cộm. Các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa – nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số – vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, khả năng tiếp cận các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, giao thông, thông tin còn hạn chế. Thực trạng này làm phát sinh nguy cơ tụt hậu và tái tạo bất bình đẳng trong xã hội, đi ngược lại với nguyên tắc bình đẳng dân tộc.

Bên cạnh đó, sự gia tăng của các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, buôn bán người và các hành vi vi phạm pháp luật ở một số địa bàn vùng dân tộc thiểu số cũng đang đặt ra thách thức lớn đối với công tác quản lý nhà nước, an ninh trật tự và ổn định xã hội. Chẳng hạn vụ việc tại huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đã bắt đối tượng Rơ Lan Tân về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hay vụ việc bắt giữ 4 đối tượng vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy liên tỉnh... Một phần nguyên nhân xuất phát từ điều kiện sống còn khó khăn, thiếu việc làm ổn định, trình độ dân trí và nhận thức pháp luật còn hạn chế, dẫn đến việc người dân dễ bị lôi kéo, dụ dỗ vào các hoạt động trái pháp luật. Điều này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống cá nhân và cộng đồng mà còn đe dọa sự phát triển bền vững và tiến bộ xã hội.

Nghiêm trọng hơn, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã và đang lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước ta, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Chúng thường xuyên sử dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", thổi phồng, bóp méo các vụ việc phức tạp liên quan đến vùng dân tộc thiểu số nhằm gây mất ổn định chính trị, tạo tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đặc biệt, một bộ phận người dân – nhất là thanh niên, dân tộc thiểu số – do chưa được trang bị đầy đủ về nhận thức chính trị, lập trường tư tưởng còn non kém, dễ trở thành đối tượng bị lôi kéo, lợi dụng tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Những thách thức nêu trên không chỉ phản ánh những khó khăn khách quan trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, mà còn cho thấy yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và hiệu quả của công tác dân tộc trong thời kỳ mới. Việc khắc phục những tồn tại này cần được đặt trong tổng thể, gắn với việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước, sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành và đặc biệt là sự tham gia chủ động, tích cực của chính người dân – chủ thể trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.2.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong giải quyết vấn đề dân tộc Việt

Nam hiện nay

Trước những hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, để tiếp tục vận dụng hiệu quả tư tưởng của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc trong điều kiện hiện nay, Đảng ta cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp mang tính chiến lược, thiết thực và lâu dài.

Thứ nhất, cần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lấy việc thu hẹp khoảng cách phát triển vùng miền làm mục tiêu xuyên suốt. Nhà nước cần ưu tiên phân bổ nguồn lực đầu tư cho hạ tầng giao thông, điện, nước sạch, y tế, giáo dục, chuyển đổi số và phát triển sinh kế tại các khu vực khó khăn, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân địa phương cùng tham gia vào quá trình phát triển. Đây chính là điều kiện để thực hiện công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước rút ngắn sự chênh lệch về mức sống giữa các vùng.

Thứ hai, tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật và ý thức chính trị cho đồng bào dân tộc, đặc biệt là thanh thiếu niên. Việc đưa nội dung giáo dục công dân, giáo dục kinh tế - pháp luật, giáo dục lý tưởng sống, tinh thần đoàn kết và ý thức bảo vệ Tổ quốc vào học đường cũng như các hoạt động cộng đồng sẽ giúp xây dựng nền tảng tư tưởng vững chắc, hình thành nhân cách và bản lĩnh chính trị cho thế hệ trẻ. Song song đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách dân tộc bằng nhiều hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa bàn.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ở vùng dân tộc và miền núi kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch. Công tác nắm tình hình, dự báo và xử lý các điểm nóng cần được thực hiện kịp thời, chính xác, dựa trên cơ sở khoa học và pháp lý. Cùng với đó, phải xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc có phẩm chất chính trị vững vàng, gần dân, hiểu dân, có khả năng vận động và tập hợp quần chúng, nhất là ở cơ sở. Việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số cũng là giải pháp quan trọng nhằm củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Thứ tư, tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức trên thế giới nhằm trao đổi kinh nghiệm, thu hút vốn đầu tư cho các chương trình, dự án chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội ỏ các vùng. Khuyến khích cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài đặc biệt là con em đồng bào dân tộc thiểu số đóng góp nguồn nhân lực cho phát triển toàn diện dân tộc và miền núi.

3. Kết luận

Tóm lại, quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc với những nguyên lý cốt lõi như quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc là cơ sở lý luận sâu sắc cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách dân tộc ở Việt Nam. Việc vận dụng sáng tạo những tư tưởng này đã góp phần tạo nên những thành tựu quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, quá trình này vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định như khoảng cách phát triển vùng miền, sự gia tăng của các tệ nạn xã hội và sự chống phá của các thế lực thù địch. Điều đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần tiếp tục có những giải pháp đồng bộ, vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phát triển bền vững trên nền tảng đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây cũng chính là sự thể hiện sinh động và đúng đắn tinh thần cách mạng và nhân văn sâu sắc trong di sản tư tưởng của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc trong thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam (1965). *"Văn kiện của Đảng về chính sách dân tộc"*. Nxb Sự thật, Hà Nội.

*Đảng Cộng sản Việt Nam (*2016). *"Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam"*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Quốc Phẩm, Trịnh Quốc Tuấn. (1999). *"Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam"*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Thị Thanh Mai. (2014). *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết và vận dụng ở Việt Nam hiện nay".* Luận văn thạc sĩ, chuyên ngành triết học, Hà nội.

Nguyễn Văn Thắng. (2022). *"Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ đổi mới, tạp chí nghiên cứu dân tộc*.

Phan Hữu Dật. (2001). *"Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay"*. Nxb Chính trị Quốc gia.

Trần Quang Nhiếp. (1997). *"Phát triển quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay"*. Nxb Văn hóa Dân tộc.

Trịnh Quang Cảnh. (2013). *"Một số kiến thức cơ bản về dân tộc"*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trịnh Quang Cảnh. (2022). *"Quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc và sự vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I. Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam"*. Tạp chí nghiên cứu dân tộc.

Ủy ban Dân tộc, Viện Dân tộc. (2005). *"Một số vấn đề dân tộc và phát triển".* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi. (2002). *"Vấn đề dân tộc và định hướng xây dựng chính sách dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa"*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI TRONG VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

Võ Thị Anh Thư [1*], Lý Thị Kim Quyến [2]

[1]*Lớp ĐHGDCT21A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

[2] *Giảng viên hướng dẫn, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Võ Thị Anh Thư, Email: 0021413292@student.dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, giáo dục đạo đức học đường là vấn đề quan trọng, học sinh phải được trang bị kiến thức song song với giáo dục nhân cách nhằm đảm bảo cho việc bảo vệ và nuôi dưỡng sự tồn tại của xã hội. Giáo dục đạo đức muốn mang lại hiệu quả cao, cần thiết phải có sự phối hợp giữa ba lực lượng Nhà trường, Gia đình và Xã hội, đây là điều kiện tiên quyết để giáo dục học sinh. Ở bài viết này, tác giả sử dụng lý thuyết nghiên cứu các tài liệu, văn bản, tiến hành phân tích để tổng hợp những vấn đề liên quan nhằm chỉ ra sự cần thiết phải phối hợp ba chủ thể quan trọng trong giáo dục đạo đức. Nhận định, đánh giá đúng về vai trò của tam giác giáo dục là việc làm cần thiết, qua đó phát huy tốt việc giáo dục đạo đức cho học sinh cấp Trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển con người toàn diện trong thời đại mới.

Từ khóa: *Giáo dục đạo đức, học sinh, phối hợp, trung học phổ thông.*

THE NECESSITY OF COORDINATION AMONG SCHOOLS, FAMILIES, AND SOCIETY IN MORAL EDUCATION FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN THE NEW CONTEXT

Vo Thi Anh Thu[1], Ly Thi Kim Quyen[2]*

[1]Class DHGDCT21A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education,Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Vo Thi Anh Thu, Email: 0021413292@student.dthu.edu.vn*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

In the context of modern society, moral education in schools is a pressing issue. Students must be equipped not only with academic knowledge but also with moral and personality education to ensure the preservation and development of a sustainable society. To achieve high effectiveness in moral education, it is essential to establish coordination among three key forces: the school, the family, and society. This collaboration serves as a prerequisite for effectively educating students. In this article, the author applies theoretical approaches by reviewing various documents and materials, analyzing them to identify theoretical structures and developmental trends. This method is used to analyze and synthesize relevant literature to collect necessary information. Accurate assessment of the role of the educational triangle is a crucial condition for effectively implementing moral education for high school students, thereby meeting the requirements of holistic human development in the new era.

Keywords: *Moral education, students, coordination, high school.*

---

1. Đặt vấn đề

Học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT), đảm nhiệm vai trò và nhiệm vụ lớn trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục (GD), Luật GD 2019 đã chỉ rõ: "Mục tiêu GD nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế".

HS THPT là đối tượng đang trong độ tuổi trưởng thành, đang phát triển về nhân cách có nhu cầu khẳng định mạnh mẽ về cá tính, ham học hỏi nhưng đồng thời dễ bị ảnh hưởng các thói hư tật xấu ngoài xã hội. Hiện nay, những nội dung xấu độc trên Internet tiêm nhiễm rất nhiều điều sai lệch về lối sống, văn hóa, đặc biệt là đạo đức con người Việt Nam, đánh vào sự yếu kém về mặt nhận thức của HS THPT, những nội dung trên gây ảnh hưởng trực tiếp đến HS và bằng chứng là làm xuất hiện không ít HS có những biểu hiện lệch lạc trong nhận thức và trong hành vi đạo đức. Nghị quyết Trung ương hai khóa VIII của Đảng (1997) đã gióng lên hồi chuông báo động cho toàn xã hội, cho rằng cần đặc biệt đáng lo ngại trong một bộ phận HS, sinh viên có tình trạng suy thoái đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, GD là nội dung quan trọng hàng đầu trong việc rèn luyện nhân cách thế hệ trẻ, Người nhấn mạnh: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết" (Hồ Chí Minh, 2011, t. 15, tr. 612). GD đạo đức là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó nhà trường giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả đức lẫn tài. Đạo đức là cái gốc là nền tảng rất quan trọng. Do đó, Người đã khẳng định: *"Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó"* (Hồ Chí Minh, 2011, t. 9, tr. 172). Qua đó, có thể thấy rằng GD đạo đức là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của GD con người.

Tuy nhiên, thực tiễn gần đây có nhiều biểu hiện của sự xuống cấp trong đạo đức HS THPT, đây là vấn đề đang được ngành GD và xã hội quan tâm tìm cách khắc phục. Muốn GD đạo đức nói riêng và phát triển nhân cách HS nói chung, cần tạo ra sự thống nhất tác động toàn xã hội; cần xây dựng được môi trường GD lành mạnh. Trong đó, cần thiết phải có sự phối hợp của ba chủ thể GD: Gia đình – được xem là nền tảng đầu tiên hình thành nhân cách; nhà trường – nơi tổ chức GD chính thức có ảnh hưởng to lớn trong quá trình định hình nhân cách HS; và xã hội – môi trường rộng lớn tác động đến hành vi HS. Thực tế hiện nay, quá trình phối hợp GD đạo đức cho HS THPT thời gian qua và hiện nay còn nhiều bất cập do sự lỏng lẻo, thiếu kiên quyết ở các chủ thể. Do đó, trong tổ chức hoạt động phối hợp các lực lượng xã hội trong công tác GD đạo đức cho HS trường THPT gặp nhiều khó khăn. Xuất phát từ thực tiễn, nhận thấy ***"Sự cần thiết phải phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới"*** tác giả đã lựa chọn đề tài để nghiên cứu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1 Khái niệm giáo dục đạo đức

Đạo đức được hiểu theo nghĩa cụ thể "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống sức mạnh của dư luận xã hội". (Đạo đức học, 2000, tr. 8).

Trong truyền thống dân tộc Việt Nam, GD đạo đức luôn được coi là vấn đề cơ bản trong mối quan hệ thuộc về nhân cách con người. Hồ Chí Minh là người đặc biệt quan tâm đến đạo

đức và GD đạo đức cho cán bộ, HS. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức là yếu tố quan trọng để GD hình thành nhân cách HS, Người cho rằng đạo đức chính là "gốc" của cách mạng, là ngọn nguồn của mọi việc "Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân" (Hồ Chí Minh, 2011, t. 5, tr. 292).

Tóm lại, *GD đạo đức là quá trình chuyển những tri thức, chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài của xã hội đối với cá nhân thành những đòi hỏi bên trong của bản thân thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được GD.*

Xuất phát từ việc học hỏi những quan điểm trên, trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết về công tác GD đạo đức lối sống cho thế hệ trẻ như Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GD lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030"; từ đó đã cho thấy tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của việc tăng cường GD đạo đức, nhân cách cho HS hiện nay.

2.1.2. Vai trò của nhà trường trong giáo dục đạo đức học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới

Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tri thức đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải vật chất và nâng cao chất lượng cuộc sống. Thời gian qua công tác bồi dưỡng đạo đức, lối sống, nhân cách cho HS đã được các trường trung học luôn được quan tâm, chú trọng và triển khai bằng nhiều nội dung, hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng. GD đạo đức cho học sinh trung học phổ thông là yêu cầu thiết yếu, cần được thực hiện thường xuyên, lâu dài và có hiệu quả. Nhà trường đóng vai trò chủ chốt trong việc GD, bồi dưỡng đạo đức cho HS góp phần hình thành nhân cách cao đẹp hướng tới hoàn thiện các mặt, đức, trí, thể, mĩ cho người học, để từ đó nâng cao trình độ nhân lực, bồi dưỡng nhân tài nhằm phát triển đất nước trong tương lai.

a. Đặc điểm giáo dục của nhà trường

Nhà trường là một tổ chức xã hội đặc thù với cấu trúc tổ chức chặt chẽ, có nhiệm vụ chuyên biệt là GD, đào tạo nhân cách trẻ em theo những định hướng của xã hội. Nhà trường đóng vai trò rất lớn trong việc định hướng tư duy, điều chỉnh hành vi và hình thành nhân cách cho HS, góp phần xây dựng một con người hoàn chỉnh đáp ứng các yêu cầu cần thiết trong xã hội và phù hợp với tinh thần thời đại. Nhà trường là cơ quan thuộc sự quản lý của Nhà nước, được sự lãnh đạo trực tiếp và chặt chẽ của Đảng, nắm vững quan điểm và đường lối GD xã hội chủ nghĩa. Thủ tướng Chính phê duyệt Đề án 1501 "Tăng cường GD lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020". Vì vậy, *nhà trường có chức năng thực hiện mục tiêu GD&ĐT nhân cách.*

Nhà trường có nội dung GD và phương pháp GD được chọn lọc và tổ chức chặt chẽ. Trong hệ thống GD có quy định cụ thể mục tiêu, nội dung và phương pháp GD phù hợp với từng giai đoạn độ tuổi của HS.

Nhà trường có lực lượng GD mang tính chuyên nghiệp. Nhìn vào hệ thống GD có thể dự đoán được tương lai của một đất nước. Nhìn vào đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GD có thể đánh giá được chất lượng của một nền GD. Hiện nay, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GD phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý. Đại hội XIII nhấn mạnh: "Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD, đào tạo".

Môi trường GD trong nhà trường có tính sư phạm, có tác dụng tích cực trong quá trình GD đạo đức. Môi trường sư phạm có ảnh hưởng toàn diện đến hiệu quả công việc của giáo viên, sự hình thành nhân cách của HS, có tính chất quyết định hiệu quả GD. Môi trường học tập tốt sẽ tạo điều kiện để HS tập trung cao độ, chủ động, sáng tạo, yêu thích việc học tập, giúp

việc học phát huy hiệu quả, khai thác tiềm năng và nâng cao khả năng của bản thân mỗi HS. Trong đó, nhà trường đáp ứng đủ các điều kiện để kích thích HS tìm tòi, vượt qua giới hạn của bản thân, phát huy tiềm năng và sử dụng tiềm năng một cách sáng tạo, tận dụng được khả năng cá nhân, hình thành khả năng suy nghĩ độc lập, sáng tạo.

b. Vai trò của nhà trường trong giáo dục đạo đức học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới

Thứ nhất, vai trò định hướng của nhà trường: Trong quá trình phát triển và hội nhập ngày nay, quan điểm GD đạo đức, lối sống cho HS luôn cần sự đổi mới để góp phần xây dựng văn hóa học đường lành mạnh, trong sáng phù hợp với môi trường GD của thời đại toàn cầu hóa. Trong bối cảnh công nghệ thông tin và truyền thông mạnh mẽ, những nội dung xấu độc gây ảnh hưởng đến nhận thức và tư duy của HS, đòi hỏi phát huy vai trò của nhà trường trong việc định hướng đúng đắn nhằm bảo vệ HS, giúp HS nâng cao kỹ năng nhận diện thông tin, biết cách tự bảo vệ mình tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực, hướng đến văn hóa, lối sống và nhận thức lành mạnh.

Thứ hai, vai trò định hướng của giáo viên: Vai trò của người thầy rất quan trọng trong xây dựng văn hóa học đường, không những truyền đạt kiến thức, giáo viên phải chú trọng để GD đạo đức, định hướng cho HS. Chức năng, nhiệm vụ của thầy cô giáo không chỉ dừng lại ở truyền thụ kiến thức, kỹ năng mà quan trọng hơn cả là chức năng "trồng người". Bất kể ở cương vị nào, đảm nhiệm chức vụ và bộ môn nào, khi đã là người thầy người cô, mỗi GV đều cần thiết có trách nhiệm trong vấn đề GD đạo đức HS, góp phần lớn trong định hướng HS trở thành những công dân có ích cho xã hội. Nhất là ở độ tuổi THPT, khi HS có nhiều nguy cơ lệch lạc do dễ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài, lúc này người GV chính là chủ thể thích hợp nhất có thể đảm nhiệm việc định hướng HS.

Thứ ba, vai trò điều chỉnh: GD đạo đức là quá trình lâu dài, cần sự kiên nhẫn và ý thức trách nhiệm cao của GD nhà trường. Trong tiến trình GD, định hướng HS là bước đầu tiên, nhà trường sẽ đóng vai trò to lớn để điều chỉnh hành vi, uốn nắn HS. Mục đích điều chỉnh là giúp HS sớm nhận biết sai lầm, kịp thời điều chỉnh hành vi để thay đổi và trở nên tốt đẹp. Trong quá trình điều chỉnh, cần rất nhiều sự quan tâm phối hợp từ các thầy cô chủ nhiệm, thầy cô bộ môn, ban giám hiệu nhà trường, những thầy cô khác,...

2.1.3. Vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới

Nói về vai trò của gia đình, trong Quyết định Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã khẳng định: "Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và GD nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

a. Đặc điểm giáo dục của gia đình

Gia đình là một yếu tố đặc biệt không thể thay thế hay mất đi trong quá trình GD của mỗi người, thông qua nền tảng gia đình, HS được hình thành các cơ sở, nền tảng cơ bản của nhận thức và suy nghĩ. Thông qua từng độ tuổi khác nhau, con cái trong gia đình được GD theo mức độ khác nhau, tăng dần từ thấp đến cao. Bao gồm học và tự học cách ứng xử và giao tiếp trong cuộc sống với các mối quan hệ, biết nhận thức, suy nghĩ để điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực, phù hợp,...

Những tác động của gia đình trong quá trình hình thành nhân cách:

Gia đình và vai trò GD của gia đình có ý nghĩa hết sức quan trọng, đây là một xã hội thu nhỏ, là một thiết chế xã hội đặc thù, gia đình vừa là sản phẩm chịu sự tác động mạnh mẽ, liên tục của các chuyển biến xã hội, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Môi trường

gia đình sẽ là những ảnh hưởng đầu tiên và quan trọng nhất đối với sự phát triển tâm lý và tính cách của HS. Nếu HS được hấp thụ một nền GD gia đình tốt thì họ có cơ hội trở thành một người hữu ích trong xã hội cao hơn những người khác.

Gia đình là môi trường đầu tiên và quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và GD nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp. Có nhiều yếu tố tác động làm cho các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình lỏng lẻo, truyền thống tốt đẹp trong gia đình bị phá vỡ, đạo đức, lối sống xuống cấp. Vấn đề đặt ra là cần phải tăng cường vai trò của gia đình trong việc GD đạo đức, lối sống thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

b. Vai trò của gia đình trong giáo dục đạo đức học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới

Thứ nhất, vai trò định hướng tư duy: Gia đình có vai trò định hướng tư duy cho HS THPT thông qua việc GD đạo đức, ứng xử và cách sống, hướng đến mục đích GD con trẻ trở thành những người hữu ích trong xã hội, trẻ sinh ra được định hướng tốt phần nhiều đều trở thành những con người tốt. Gia đình GD HS các vấn đề cần thiết nhằm tạo cho HS sự chuẩn bị tốt nhất những suy nghĩ và tư duy vững vàng khi bước vào đời sống. Định hướng tư duy không lệch chuẩn giúp HS có sự tự tin, bản lĩnh trong quá trình trưởng thành, đủ khả năng tránh xa những ảnh hưởng xấu trên các nền tảng mạng xã hội.

Thứ hai, vai trò điều chỉnh hành vi: Gia đình là nơi yêu thương, quan tâm và chia sẻ, trong quá trình GD nhân cách trẻ, việc điều chỉnh hành vi chính là việc làm cần thiết, gia đình cần có sự quan tâm sâu sát đến HS trong giai đoạn THPT này, bởi mức độ quan trọng của việc điều chỉnh hành vi hiện tại sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hành vi của HS trong tương lai. Gia đình sử dụng những biện pháp GD nhẹ nhàng, phù hợp để mang lại hiệu quả cao trong điều chỉnh, tránh những chỉ trích thô lỗ. Bên cạnh đó, gia đình cần nhận biết sự hiện diện của các nền tảng mạng xã hội của con mình để kịp thời can thiệp khi nhận thấy những tiêu cực phát sinh.

Thứ ba, vai trò hình thành nhân cách: Gia đình là môi trường đầu tiên, trường học đầu tiên, xã hội đầu tiên và mãi mãi ảnh hưởng đến đời sống đạo đức của con người, vì vậy nó giữ tầm quan trọng quyết định việc hình thành nhân cách của HS. Xã hội luôn vận động và phát triển không ngừng, song GD gia đình vẫn luôn ảnh hưởng lâu dài và toàn diện đối với mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời. Là nơi lưu giữ và phát triển vững chắc nhất giá trị truyền thống, vì vậy cần thiết phải GD HS những phẩm chất đạo đức, lối sống văn hóa tốt đẹp.

2.1.4. Vai trò của xã hội trong giáo dục đạo đức học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh mới

GD xã hội góp phần to lớn trong thực hiện mục tiêu đào tạo con người theo định hướng XHCN của Đảng và nhà nước đã đề ra. Môi trường xã hội là nơi trẻ được trải nghiệm tất cả những mối quan hệ tồn tại trong xã hội mà không một môi trường nào đầy đủ hơn. Môi trường xã hội là nơi đánh giá những kết quả GD đạo đức mà trẻ học được, đồng thời, thông qua môi trường xã hội, HS học được những phẩm chất, chuẩn mực, hành vi mà nhà trường chưa thể cập nhật hoặc chưa kịp cho trẻ trải nghiệm.

2.2. Thực trạng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

2.2.1 Những ưu điểm trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông hiện nay

Một là, GD đạo đức góp phần hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho HS. Quá trình GD giúp HS nhận thức được tính đúng sai, tốt xấu của các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, dễ dàng điều chỉnh hành vi và tu dưỡng các phẩm chất đạo đức cần thiết. Đây là nền tảng cho sự phát triển toàn diện về tư duy, nhận thức và hành động trong mỗi HS.

Hai là, tạo lập môi trường học tập và làm việc tích cực, hiệu quả. Việc liên hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội ngày nay tiện lợi và nhanh chóng, dễ dàng trao đổi với nhau thông tin qua các ứng dụng, thông tin liên lạc, HS được tiếp cận công nghệ và học tập các giá trị đạo đức. HS có ý thức đạo đức tốt, dễ dàng hài hòa và kết nối các mối quan hệ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong môi trường lành mạnh.

Ba là, tạo điều kiện cho HS phát huy năng lực tự điều chỉnh hành vi. Ngày nay, có nhiều đổi mới sáng tạo trong GD nhà trường, chuyển từ GD kiến thức sang GD kĩ năng. HS được học tập và thực hành song song, dễ dàng tiếp thu nội dung bài học. HS được tiếp cận với cách học tập tích cực có thể phát triển kĩ năng và năng lực tư duy, sau đó tự điều chỉnh hành vi và quản lý cảm xúc để phù hợp với những giá trị đạo đức sẵn có.

Bốn là, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức tốt đẹp cho thế hệ trẻ. Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều cuộc thi, nhiều nội dung gắn kết GD gia đình và nhà trường, tổ chức diễn đàn, mời chuyên gia tâm lý GD những nội dung về gia đình, vấn nạn xã hội để HS dễ dàng tiếp cận các giá trị đạo đức đúng đắn,... là nền tảng phục vụ công tác GD đạo đức cho thế hệ trẻ trong tương lai.

2.2.2. Những hạn chế trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông hiện nay

Hiện nay, nhận thức việc phối hợp giữ nhà nhà trường, gia đình và xã hội trong việc GD đạo đức HS THPT vẫn còn nhiều thiếu sót, qua đó dẫn đến lỏng lẻo, bất cập. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy còn tồn đọng một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nội dung, phương pháp và hình thức GD đạo đức chưa được khai thác đúng với mục tiêu đề ra.

Nội dung chính của chương trình GD đạo đức bao gồm: GD tư tưởng chính trị, đạo đức, lòng yêu nước; GD lối sống; Ba là, GD kỹ năng sống. Trong đó có các hình thức GD đạo đức như: GD trực tiếp thông qua các bài giảng; GD gián tiếp thông qua các hoạt động ngoại khóa, các buổi sinh hoạt tập thể; GD thông qua hoạt động trải nghiệm. Các hoạt động GD đạo đức khác: Kết hợp với các tổ chức xã hội, gia đình, và các địa phương để thực hiện các hoạt động GD đạo đức, nâng cao nhận thức về đạo đức cho HS.

Nội dung bị hạn chế bởi thời gian giảng dạy nên không thể đáp ứng hoàn toàn việc GD tất cả các nội dung, sẽ có một số nội dung buộc rút ngắn để theo kịp tiến trình GD trên lớp; Đa số GV sử dụng các phương pháp truyền thống, chưa thu hút được HS; Hình thức giảng dạy đa phần còn qua loa, chiếu lệ, chưa phát huy hết thế mạnh của các hình thức dẫn đến những thiếu sót trong khai thác nội dung và hình thức dạy học.

Thứ hai, công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong GD HS THPT chưa chặt chẽ.

Một số bậc cha mẹ hiện nay tập trung quá nhiều vào việc phát triển kinh tế, do đó thiếu sự quan tâm GD con trẻ về các vấn đề đạo đức, ứng xử. Bên cạnh đó, việc gia đình thiếu kiến thức trong GD dẫn đến quá trình GD sử dụng các phương pháp không phù hợp, gây ra những tác động tiêu cực cho HS; Những gia đình không hạnh phúc kéo theo tâm sinh lý trẻ phát triển theo hướng tiêu cực, không có sự uốn nắn từ những giá trị đạo đức nhỏ nhất khiến trẻ có nhận thức, suy nghĩ sai lệch. Do đó, việc gia đình không làm tròn trách nhiệm của mình dẫn đến khoảng cách rất lớn của quá trình phối hợp GD.

Trong nhà trường, việc GD đạo đức cho HS chủ yếu còn chung chung, chưa có sự quan tâm sâu sát; Mức độ chú trọng GD đạo đức nằm ở tầm trung, một số HS khi đến trường vẫn còn hiện tượng vi phạm trật tự an toàn giao thông, pháp luật. Bên cạnh đó, một số nhà trường chưa chú trọng việc dân chủ hóa các nội quy, quy chế. Việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường còn hình thức; chưa phát huy được vai trò các đoàn thể xã hội trong việc GD

đạo đức HS.

Xã hội chưa khai thác triệt để chức năng của mình trong quá trình GD, các tổ chức phần lớn chỉ tập trung vào việc tuyên truyền, phổ biến đạo đức pháp luật mà chưa chú trọng đến GD HS trong thực tiễn, chưa có nhiều công tác góp phần phối hợp GD HS với các lực lượng GD. Không có sự kiểm duyệt chặt chẽ các thông tin truyền thông, gây ra những tác động xấu tư tưởng nhận thức cho HS từ những nội dung độc hại.

Thứ ba, năng lực sư phạm đạo đức của giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn bị hạn chế trong quá trình giảng dạy.

Giáo viên trong quá trình dạy học phải tuân theo chuẩn tiến độ, vì vậy không có nhiều thời gian để kèm cập và GD HS các giá trị đạo đức đúng thêm cho HS. Những hạn chế này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm sự thiếu hiểu biết về tâm lý HS, thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý lớp học, hoặc không tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra việc áp lực từ phía quản lý và phụ huynh có thể khiến giáo viên cảm thấy lo lắng, căng thẳng và ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Bên cạnh đó, hệ thống GD chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của HS và giáo viên có thể dẫn đến việc giáo viên cảm thấy thiếu động lực và không có hứng thú với công việc của mình.

Thứ tư, mức độ nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh trong việc GD đạo đức chưa rõ ràng.

Nhiều phụ huynh chưa thực sự hiểu rõ về tầm quan trọng của GD đạo đức và cách thức để GD đạo đức hiệu quả cho con cái. Trong đó, có những nguyên nhân chủ yếu như: Thiếu thời gian và sự kiên nhẫn, công việc bận rộn và áp lực cuộc sống khiến nhiều phụ huynh không có đủ thời gian để dành cho con cái, đặc biệt là trong việc GD đạo đức. Bên cạnh đó, một số phụ huynh có thể không quan tâm đến việc GD đạo đức của con cái, hoặc có thể coi việc GD đạo đức là trách nhiệm của nhà trường, đùn đẩy trách nhiệm GD đạo đức cho nhà trường, nên vô tình để con mình thiếu đi những nội dung GD cần thiết. Bên cạnh đó, một số cha mẹ trở thành tấm gương xấu và vô tình ảnh hưởng đến nhân cách HS.

2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

Có thể thấy, hạn chế trên xuất hiện từ một số nguyên nhân như: Các quy định trong GD đạo đức chưa cụ thể; Thiếu thống nhất chung trong quá trình GD giữa các chủ thể GD; Năng lực chuyên môn và trình độ của giáo viên còn hạn chế, chưa đáp ứng các yêu cầu GD mới hiện nay; Gia đình không theo kịp công tác GD mới, còn ảnh hưởng bởi những tư tưởng cũ, nuôi dạy con theo phương pháp chậm đổi mới, truyền thống; Tác động mạnh mẽ của KHCN quá nhanh chóng, làm cho việc GD không theo kịp, dẫn đến GD còn chậm thích nghi so với những biến đổi này;...

2.3. Đề xuất giải pháp phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục

2.3.1. Giải pháp nâng cao vai trò từng chủ thể

Đối với nhà trường: Nhà trường cần quan tâm nhiều hơn đối với GD đạo đức HS; Thường xuyên tổ chức các chuyên đề đạo đức, phát triển kĩ năng và năng lực ứng xử cho HS; Bồi dưỡng và nâng cao năng lực giáo viên trong GD HS, trở thành tấm gương tốt đối với HS.

Đối với gia đình: nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc GD đạo đức cho con trẻ, phát triển tốt kỹ năng làm cha mẹ, hỗ trợ con trẻ trong quá trình trưởng thành, nhất là trong giai đoạn THPT.

Đối với xã hội: phát huy vai trò tổ chức đoàn thể, đề ra các kế hoạch phối hợp GD và chương trình GD, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát truyền thông tiêu cực.

2.3.2. Giải pháp về cơ chế phối hợp

Thứ nhất, xây dựng quy chế phối hợp cụ thể.

Việc liên kết, phối hợp với gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội đối với vấn đề giáo dục trẻ nhằm đạt mục tiêu phát triển nhân cách người công dân của chế độ XHCN được coi như là một nguyên tắc quan trọng. Sự phối hợp chặt chẽ ba tổ chức GD trên đảm bảo được sự thống nhất nhận thức cũng như hành động GD theo cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp đồng tâm trong GD đạo đức và nhân cách.

Gia đình, nhà trường, các tổ chức xã hội liên kết phối hợp thống nhất trước tiên là ở nội dung hoạt động GD, bao gồm việc nuôi dưỡng, dạy dỗ ở gia đình và nội dung dạy và học của nhà trường. *Ví dụ:* Thống nhất giữa dạy văn hóa, kiến thức khoa học với GD đạo đức, GD lao động, nghề nghiệp, GD thẩm mỹ, sức khỏe môi trường, dân số, giới tính vv...

GD gia đình có thế mạnh đối với việc rèn luyện đạo đức, định hướng nghề nghiệp, rèn thói quen kỹ năng, kỹ xảo lao động chân tay, lối sống quan hệ ứng xử,... Nhà trường cũng có trách nhiệm và nhiều thuận lợi truyền thụ cho các em những vấn đề trên một cách tỉ mỉ, cụ thể, khoa học, có hệ thống trong chương trình khóa hoặc ngoại khóa bằng các phương pháp sư phạm tối ưu. Các đoàn thể xã hội trên cơ sở, những chủ trương, chính sách địa phương của các giới, thông qua buổi sinh hoạt mà tuyên truyền, GD ý thức, trách nhiệm của mỗi người công dân ở mọi lứa tuổi, trong đó đoàn thanh niên, đội thiếu niên là tổ chức trực tiếp giúp các em hình thành lý tưởng chính trị đạo đức, các năng khiếu cá nhân làm cho đời sống tinh thần thêm phong phú.

Gia đình, nhà trường, đoàn, đội cần thống nhất thời gian, cách dạy và học ở nhà và ở trường; sinh hoạt đoàn thể giúp các em sử dụng tối đa thời gian hữu ích, kết hợp hài hòa giữa lao động với nghỉ ngơi giải trí, thống nhất giữa hoạt động truyền thụ và lĩnh hội, giữa GD và tự GD của trẻ, phải thuyết phục bằng lý trí và cảm hóa bằng tình cảm, bảo đảm sự tôn trọng nhân cách của trẻ, kết hợp với yêu cầu cao, nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của họ. Sự phối hợp GD giữa gia đình, nhà trường, đoàn, đội và các tổ chức xã hội, khắc có thể diễn ra dưới nhiều hình thức. Vấn đề quan trọng hàng đầu là tất cả các lực lượng GD phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra mối quan hệ phối hợp, vì mục tiêu giáo dục đào tạo thế hệ trẻ thành người công dân hữu ích của đất nước, mỗi lực lượng GD đều có một trọng trách riêng trong quan hệ chủ động liên kết phối hợp.

Thứ hai, đề ra các giải pháp liên kết, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Đối với gia đình: Tham gia tích cực vào tổ chức hội phụ huynh của nhà trường, quan tâm giúp đỡ nhà trường xây dựng cơ sở vật chất, các phương tiện dạy, học để nhà trường có điều kiện nâng cao chất lượng giáo dưỡng và GD. Duy trì thường xuyên đều đặn giữa gia đình với nhà trường bằng số liên lạc để thông tin kịp thời. Gia đình cần xây dựng, phát huy truyền thống "tôn sư trọng đạo" đối với nhà trường, trước hết là sự tự giác đóng góp kiến thiết cơ sở vật chất trường lớp tạo ra cảm quan hấp dẫn nơi dạy và học. Mặt khác là cần phải bảo vệ uy tín cho thầy cô giáo, tránh hành vi, thái độ, những lời nói coi thường thầy cô giáo trước mặt con cái. Các bậc cha mẹ cũng cần quan tâm tạo điều kiện cho các em được sinh hoạt trong tổ chức đoàn, đội thường kì hoặc đột xuất theo các chủ đề phù hợp với lứa tuổi.

Đối với nhà trường: Nhà trường phải thể hiện là lực lượng trung tâm của mối liên kết, phối hợp GD trẻ và hướng vào một số công việc chủ yếu sau.

Đưa nội dung, mục tiêu GD trong nhà trường vào các tổ chức xã hội ở địa phương nhằm thống nhất định hướng tác động đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Phát huy vai trò nhà trường là trung tâm văn hóa, GD của địa phương, tổ chức việc phổ biến các tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa, xã hội..., đặc biệt là những kiến thức, biện pháp GD phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.

Phối hợp địa phương tổ chức cho HS tham gia tích cực vào tất cả các hoạt động văn hóa, xã hội nhằm góp phần cải tạo môi trường gia đình và xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Giúp

địa phương theo dõi tiến trình, đánh giá kết quả của việc GD, phân tích các nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả và sự phối hợp chặt chẽ giữa các môi trường GD, đặc biệt là vận dụng triệt để vai trò, ưu thế của GD gia đình.

Xây dựng, củng cố hội phụ huynh, ban GD của địa phương tạo nên một sức mạnh tổng hợp, đồng bộ hướng vào các mục tiêu, mục đích GD thế hệ trẻ một cách thường xuyên có tổ chức, có kế hoạch. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên liên lạc và chia sẻ thông tin, thông báo chủ trương, hoạt động của nhà trường và kết quả học tập, rèn luyện đạo đức của HS để cha mẹ HS có thể đồng hành cùng nhà trường, có tiếng nói chung đồng trách nhiệm trong việc GD HS của cha mẹ HS.

Với các tổ chức xã hội: Các tổ chức xã hội ở đây được hiểu bao gồm các cơ quan chính quyền có chức năng đặc biệt thực thi pháp luật như công an, tòa án,... và các đoàn thể xã hội như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, đội thiếu niên tiền phong,... tham gia vào quá trình giám sát, tác động mạnh mẽ vào quá trình GD đạo đức HS.

Thứ ba, nâng cao năng lực sư phạm đạo đức của giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn trong quá trình giảng dạy

Giáo viên cần có năng lực sư phạm và đạo đức tốt để giúp HS phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và đạo đức. Bên cạnh đó, cần có những chương trình đào tạo sư phạm chất lượng cao để trang bị cho giáo viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giảng dạy và GD HS. Tăng cường công tác quản lý và giám sát cũng góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo viên, cần có công tác quản lý và giám sát chặt chẽ để đảm bảo giáo viên tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Thêm vào đó, môi trường làm việc thoải mái, có tính cạnh tranh để giáo viên có động lực và hứng thú với công việc của mình có thể nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường sự hợp tác giữa giáo viên, phụ huynh và cộng đồng để tạo ra môi trường GD tốt hơn cho HS. Ngoài ra có thể cập nhật đổi mới và xây dựng hệ thống GD sao cho phù hợp với nhu cầu của HS và giáo viên.

Thứ tư, nâng cao hiểu biết của gia đình trong việc giáo dục học sinh

Các cơ quan ban ngành chịu trách nhiệm mở các lớp đào tạo thích hợp để phụ huynh có thể tham gia các lớp học, hội thảo hoặc các chương trình GD để nâng cao kiến thức và kỹ năng về GD đạo đức cho con. Phụ huynh nâng cao kiến thức bằng cách tìm hiểu các tài liệu, sách vở hoặc các nguồn thông tin uy tín để hiểu rõ hơn về vai trò và tầm quan trọng của GD đạo đức để GD con em. Bên cạnh đó, phụ huynh cần dành thời gian chất lượng cho con, trò chuyện, lắng nghe và chia sẻ với con về các vấn đề đạo đức. Phụ huynh cần quản lý việc sử dụng công nghệ của con một cách hợp lý, hạn chế việc sử dụng các thiết bị và ứng dụng gây ảnh hưởng tiêu cực, kịp thời điều chỉnh khi con có những biểu hiện, hành vi không đúng mực. Có thể nói, một môi trường gia đình tích cực, đầy yêu thương, tôn trọng và khuyến khích sự phát triển của con chính là sự giáo dục tốt nhất. Phụ huynh cũng nên nâng cao mối quan hệ, cùng cộng tác với nhà trường để đưa ra định hướng giáo dục cụ thể, cùng nhau GD đạo đức cho con và khuyến khích con tự giác trong việc học tập, làm việc và sống.

3. Kết luận

Vai trò GD đạo đức cho HS được thông qua mối quan hệ giữa các chủ thể: Gia đình là nơi đầu tiên GD nhân cách, là tấm gương ảnh hưởng trực tiếp đến trẻ. Nhà trường là nơi tổ chức bài bản các hoạt động GD, truyền đạt giá trị qua môn học và hoạt động tập thể. Bên cạnh đó, xã hội tạo nên môi trường thực tiễn để HS vận dụng các giá trị đạo đức. Ba thành tố trên sẽ thể hiện vị trí, vai trò và trách nhiệm GD của mình qua từng giai đoạn khác nhau, phù hợp với các đặc điểm tâm lý và lứa tuổi HS. Hồ Chí Minh đã căn dặn "GD trong nhà trường chỉ là một phần, cần có sự GD ngoài xã hội và trong gia đình, để giúp cho việc GD trong nhà trường tốt hơn. GD nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu GD trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn". Vì vậy, nhà trường phải luôn coi trọng phối kết hợp GD đạo đức giữa

gia đình và nhà trường, bên cạnh đó phối hợp với các lực lượng xã hội để nâng cao hiệu quả GD.

Con người tiến bộ mọi mặt theo thời gian là nhờ rèn luyện nhân cách trong gia đình, ở nhà trường, và trong môi trường của xã hội. Quá trình được GD và trưởng thành trong nhà trường không phải ngày một, ngày hai mà phải cả một quá trình dài. Do đó, công tác GD đòi hỏi sự kiên trì, nhẫn nại, từng bước phối hợp và uốn nắn để định hình tư duy, điều chỉnh hành vi, hình thành nhân cách cho HS. Bên cạnh đó, trong quá trình GD cần có sự quan tâm theo sát HS để chọn lọc phương pháp và kịp thời điều chỉnh những giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao năng lực học tập, đạo đức và nhân cách trẻ trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1996). Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2015). Chỉ thị của ban bí thư ngày ngày 24/3/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 – 2030.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Giáo trình Đạo đức học. (2000). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*. t. 5. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*. t. 9. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*. t. 15. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Ngô Văn Hà. (2014). Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Cộng sản*.

Quốc Hội. (2019). Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019.

Thủ tướng Chính phủ. (2012). *Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 về Phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.*

Thủ tướng Chính phủ. (2012). *Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28/08/2015 về phê duyệt Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 – 2020.*

Trần Thị Điều. (2020). Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Tạp chí Cộng sản, số 945*, các số trang 30 – 34.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TIẾP CẬN THỰC TẾ PHỔ THÔNG CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Nguyễn Trần Kim Lài[1*], Nguyễn Thị Xuân Hương[1], Phạm Thành Cơ[1]

Lê Thị Lệ Hoa[2]

[1]Lớp ĐHGDCT22A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Trần Kim Lài, Email: nguyentrankimlai00@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng tiếp cận thực tế phổ thông của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị – Trường Đại học Đồng Tháp trong quá trình học tập và thực tế nghề nghiệp. Từ việc khảo sát và phân tích, đề tài chỉ ra những hạn chế còn khó khăn như: sinh viên còn thiếu kỹ năng sư phạm, chưa chủ động trong tiếp cận môi trường thực tế, công tác phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực tập còn hạn chế. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thực tế cho sinh viên, bao gồm: đẩy mạnh rèn luyện kỹ năng nghề ngay tại trường, đa dạng hóa hình thức tiếp cận thực tế, tăng cường phối hợp với các trường phổ thông, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, và khuyến khích sinh viên tự học. Kết quả nghiên cứu góp phần hỗ trợ công tác đào tạo giáo viên môn Giáo dục kinh tế pháp luật hướng học đi đôi với hành - lý luận gắn với thực tiễn, từ đó góp phần nâng cao chất lượng sinh viên ra trường, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

Từ khóa: *Thực tế phổ thông, giải pháp nâng cao hiệu quả, sinh viên sư phạm.*

SOLUTIONS TO ENHANCE THE EFFECTIVENESS OF PRACTICAL ENGAGEMENT IN SECONDARY SCHOOLS FOR STUDENTS OF THE DEPARTMENT OF POLITICAL EDUCATION, DONG THAP UNIVERSITY

Nguyen Tran Kim Lai[1*], Nguyen Thi Xuan Huong[1], Pham Thanh Co[1] and Le Thi Le Hoa[2]

[1]Class DHGDCT22A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Tran Kim Lai, Email:nguyentrankimlai00@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

The research focuses on studying the current state of practical engagement of students from the Department of Political Education at Dong Thap University in their study process and real-world professional experience. Through surveys and analysis, the study identifies several limitations and challenges, such as: students lacking teaching skills, being passive in engaging with the real-world educational environment, and insufficient coordination between the university and practical training institutions. Based on these findings, the study proposes several solutions to improve the effectiveness of practical engagement for students, including: strengthening professional skills training at the university, diversifying methods of practical engagement, enhancing collaboration with secondary schools, cultivating professional ethics, and encouraging students to be proactive in self-learning.The research results contribute to enhancing the training of Civic Education teachers by promoting the "learning by doing" approach, linking theory with practice. This will help improve the quality of graduates and meet the demands of the ongoing reform in general education.

Keywords: *Practical engagement in secondary schools, Solutions to improve effectivenes, Pre-service teachers.*

---

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình học tập tại trường đại học, đặc biệt là đối với sinh viên ngành sư phạm, việc đi tiếp cận thực tế ở các trường phổ thông được thể hiện ở Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT, là một bước rất quan trọng. Đây là cơ hội để quan sát, học hỏi,với nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong và ngoài lớp về đặc trưng của ngành học và rèn luyện kỹ năng giảng dạy ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Sinh viên trong thời gian học tập bốn năm ở trường Đại học Đồng Tháp, hai năm đầu sinh viên được học về cơ sở lý luận và phương pháp dạy học ở cấp phổ thông, hai năm cuối sinh viên được tiếp cận thực tế ở cấp phổ thông. Đặc biệt sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, việc tiếp xúc nhằm để cho sinh viên có trải nghiệm và đút kết được kinh nghiệm trong thời gian tiếp cận thực tế giúp hiểu rõ hơn về môi trường làm việc sau này, từ đó chuẩn bị tâm thế tốt hơn cho nghề nghiệp của mình.

Tuy nhiên, qua quá trình tiếp cận thực tế, nhận thấy vẫn còn nhiều khó khăn như: chưa tự tin đứng lớp, còn lúng túng khi xử lý tình huống sư phạm, chưa thành thạo trong soạn giáo án hay tổ chức hoạt động lớp học. Bên cạnh đó, một số bạn vẫn còn thụ động, chưa chủ động học hỏi từ giáo viên hướng dẫn hoặc môi trường thực tế. Những điều này ảnh hưởng đến chất lượng thực tập cũng như khả năng giảng dạy sau này.

Trong bối cảnh hiện nay, ngành giáo dục đang đổi mới mạnh mẽ, Bộ Giáo dục & Đào tạo (BGD & ĐT) đã thay đổi chương trình giáo dục phổ thông cũ sang chương trình giáo dục phổ thông mới và thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện trong giáo dục và đào tạo, hướng tới người học làm trung tâm, vai trò của giáo viên không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh phát triển về năng lực và phẩm chất. Trong đó, yêu cầu giáo viên không chỉ giỏi kiến thức mà còn phải có kỹ năng sư phạm tốt, biết tổ chức và hướng dẫn học sinh phát triển năng lực và phẩm chất. Đặc biệt là sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị cần phải chuẩn bị đầy đủ về kiến thức ngành học, kỹ năng thực hành sư phạm ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Vì vậy, nhóm chúng em nhận thấy việc nâng cao hiệu quả tiếp cận thực tế là rất cần thiết.

Từ những lý do trên, nhóm chúng em chọn nghiên cứu đề tài: "Giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận thực tế phổ thông của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp". Mục tiêu là tìm hiểu thực trạng việc tiếp cận thực tế hiện nay của sinh viên trong khoa, xác định những khó khăn đang gặp phải, và từ đó đề xuất một số giải pháp giúp cải thiện tình hình. Để đạt được mục tiêu trên nhóm chúng tôi đã sử dụng các phương pháp để nghiên cứu như: phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu, phiếu khảo, tổng hợp và phân tích dữ liệu.

Hy vọng đề tài sẽ góp phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng thực tập sư phạm, giúp sinh viên chúng em tự tin hơn khi bước vào môi trường giảng dạy thực tế sau này, đồng thời cũng là cách để tụi em gắn việc học ở trường với nhu cầu và thực tiễn ngoài xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tiếp cận thực tế phổ thông và những vấn đề lý luận xung quanh việc tiếp cận thực tế phổ thông của sinh viên các ngành sư phạm

2.1.1. Khái niệm tiếp cận thực tế phổ thông

Đối với sinh viên khi theo học khối ngành sư phạm, không chỉ sinh viên được học về những kiến thức chuyên môn và những cơ sở lý luận khác, việc sinh viên học được những kiến thức trên ghế nhà trường là trang bị kiến thức chuyên môn trong quá trình trở thành giáo viên tương lai. Việc trang bị kiến thức không chưa đủ để sinh viên có thể trở thành một giáo viên thực sự. Vì vậy, việc sinh viên được tiếp cận thực tế phổ thông là cơ hội để sinh viên được trau dồi kỹ năng sư phạm, làm quen với nội dung, phương pháp dạy học tích cực được áp dụng thực tế, từ đó, khả năng đứng lớp, giảng dạy của sinh viên được rèn luyện và không ngừng nâng cao.

Đối với các ngành học của các trường Đại học về việc thực tập của sinh viên sư phạm

được thực hiện theo Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT "Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2003). *Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2003 về việc ban hành Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy*". Theo đó, BGD&ĐT nói đến mục đích hoạt động thực hành sư phạm: *"Tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm sớm tiếp xúc với thực tế giáo dục, có cách nhìn tổng quát về hoạt động của nhà trường, về các mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, về nhiệm vụ của giáo viên và những yêu cầu cần phải phấn đấu để trở thành giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt"* hơn nữa "*Giúp sinh viên sư phạm đi sâu tìm hiểu thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các trường phổ thông và mầm non, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp*". Trong đó, sinh viên thực tập tại các cơ sở, nằm trong lộ trình đào tạo chuẩn đầu ra của ngành học để cho sinh viên được tiếp cận về thực tiễn trong chương trình đào tạo, phát triển năng lực dạy học ở sinh viên, rèn luyện được kỹ năng nghề nghiệp, gắn kết lý luận trên ghế nhà trường với thực tế dạy học ở phổ thông, chủ động trong tiếp cận thực tế của sinh viên và thể hiện sự phối hợp giữa nhà trường, giảng viên và cơ sở thực tập sư phạm, nhằm mục đích giúp cho sinh viên quan sát được giờ học và tiết dạy thực tế trên lớp; học hỏi được những kỹ năng, phong cách làm việc sư phạm của giáo viên thực tế; tham gia thiết kế bài giảng, soạn giáo án trong tiết dạy, hỗ trợ lớp học khi có giáo viên hướng dẫn yêu cầu; tiếp cận thực tế các tình huống sư phạm ở lớp học; hiểu rõ đời sống tâm lý của học sinh trong quá trình tiếp cận thực tế.

2.1.2. Vai trò của tiếp cận thực tế phổ thông đối với sinh viên các ngành sư phạm

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc tiếp cận thực tế phổ thông đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sinh viên ngành sư phạm. Thực tập không chỉ là quá trình giúp sinh viên có được kiến thức, kinh nghiệm thực tế về một lĩnh vực chuyên môn. Những lợi ích từ quá trình thực tập mà các bạn nhận được sẽ nhiều hơn bạn tưởng nếu tìm kiếm một cơ hội thực tập đúng nghĩa. Đối với sinh viên, hoạt động thực tập tốt nghiệp có vai trò quan trọng không chỉ với quá trình học tập mà còn với cả sự nghiệp của sinh viên sau này. Vì thế, các kỳ thực tập càng trở nên cần thiết đối với sinh viên. Thông qua các hoạt động thực tiễn như thực tập tại các trường học, các bạn sinh viên có cơ hội vận dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tế, phát triển kỹ năng giảng dạy, và hiểu sâu hơn về môi trường làm việc trong lĩnh vực giáo dục.

Thứ nhất, tiếp cận thực tế phổ thông giúp sinh viên sư phạm có cái nhìn sâu sắc hơn về thực trạng và những thách thức trong ngành giáo dục. Thông qua việc trực tiếp quan sát và tham gia vào hoạt động dạy và học tại các trường phổ thông không chỉ giúp các bạn sinh viên hiểu rõ hơn về những thách thức mà giáo viên phải đối mặt, mà còn tạo động lực để các bạn tìm ra những giải pháp sáng tạo và hiệu quả. Tiếp cận thực tế trong môi trường giáo dục phổ thông mang lại cho sinh viên sư phạm cái nhìn toàn diện và sâu sắc về thực trạng cũng như những thách thức của ngành giáo dục. Tại nhiều trường học ở khu vực nông thôn, điều kiện giảng dạy còn gặp nhiều hạn chế. tình trạng thiếu thốn trang thiết bị giảng dạy cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục. Những trải nghiệm thực tế này không chỉ giúp sinh viên sư phạm hiểu rõ những trở ngại mà giáo viên phải đối mặt, mà còn khuyến khích các bạn tư duy giải pháp cải tiến phương pháp giảng dạy, từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền giáo dục.

Thứ hai, tiếp cận thực tế phổ thông cũng giúp sinh viên sư phạm có cơ hội thực hành và hoàn thiện các kỹ năng giảng dạy. Thay vì chỉ học lý thuyết trên giảng đường, các bạn sinh viên được trực tiếp áp dụng kiến thức vào thực tế thông qua các hoạt động như lên lớp thực tập, thiết kế giáo án, hay quản lý lớp học, sinh viên còn có thể áp dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tế, đồng thời nhận được sự hướng dẫn và phản hồi từ giáo viên hướng dẫn. Đặc biệt đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, việc tiếp cận thực tế phổ thông không chỉ giúp sinh viên sư phạm nắm bắt nội dung giảng dạy một cách sâu sắc hơn mà còn rèn luyện những kỹ năng thực tế cần thiết để truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả. Không chỉ rèn luyện trong việc giảng dạy, bên cạnh đó còn giúp sinh viên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong việc quản lý lớp học. Khi trực tiếp tương tác với học sinh, sinh viên không chỉ rèn luyện tính kiên nhẫn,

sáng tạo mà còn nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống bất ngờ xảy ra trong lớp học.

Thứ ba, tiếp cận thực tế phổ thông còn giúp sinh viên sư phạm hình thành và phát triển những phẩm chất cần thiết của một nhà giáo. Phát triển khả năng sáng tạo cũng là một yếu tố quan trọng mà sinh viên sư phạm có thể phát triển thông qua thực tế giảng dạy. Không chỉ vậy, việc tiếp cận thực tế còn giúp sinh viên sư phạm xây dựng tinh thần trách nhiệm và lòng tận tâm với nghề giáo. Khi tiếp xúc với học sinh ở nhiều hoàn cảnh khác nhau, sinh viên sẽ hiểu sâu sắc hơn về những khó khăn mà các em gặp phải, từ đó có ý thức hỗ trợ và đồng hành cùng học sinh trong quá trình học tập. Những trải nghiệm ban đầu này giúp sinh viên tự tin hơn sau khi ra trường và đi tìm việc, nếu thực tập tốt, sinh viên còn có cơ hội kiếm được việc làm ngay trong quá trình thực tập.

2.1.3. Những yêu cầu cần thiết của sinh viên các ngành sư phạm khi tiếp cận thực tế phổ thông

Bác Hồ dạy "Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy" Thấm nhuần nguyên lý: "Học đi đôi với hành" của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sinh viên là những mầm xanh của đất nước. Từ đó cho thấy là sinh viên sư phạm việc học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn là nhu cầu rất cần thiết. Sinh viên trước khi đến thực tế phổ thông tại các trường cần chuẩn bị một nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc, tác phong sư phạm tốt để có thể giảng dạy một cách tự tin và đạt hiệu quả cao nhất. Vì trước khi đi thực tiễn sinh viên cần nắm chắc và hiểu về các yêu cầu cần thiết của sinh viên các ngành sư phạm khi tiếp cận thực tế phổ thông:

Yêu cầu về phẩm chất năng lực đạo đức và tác phong sư phạm: Bác Hồ – Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ là lãnh tụ cách mạng vĩ đại mà còn là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng. *Bác Hồ khẳng định: "Cần, Kiệm, Liêm, Chính là nền tảng của đời sống mới, là thước đo đạo đức của con người."* Như vậy, không nhất thiết phải là giáo viên mới cần có phẩm chất đạo đức mà bất kì công nhân Việt Nam đều cần phải có một chuẩn mực phẩm chất nhất định. Nhưng sinh viên sư phạm tương lai sẽ là giáo viên là người lái đò chỉ dạy truyền đạt kiến thức, là hình mẫu là tấm gương cho học sinh noi theo. Đối với sinh viên ngành giáo dục chính trị thì yêu cầu về phẩm chất năng lực đạo đức và tác phong sư phạm chiếm vị trí quan trọng trong quá trình tiếp cận phổ thông đối với sinh viên sư sinh viên cho rằng đó là yêu cầu cần thiết là yêu cần quan trọng trong quá trình tiếp cận phổ thông đối với sinh viên sư phạm. Từ đó, là một sinh viên ngành sư phạm khi đi thực tế tại các trường phổ thông chúng ta luôn có thái độ tôn trọng lẫn nhau đồng hành cùng nhau trong học tập và làm việc. Cuối cùng, chấp hành pháp luật và các quy định của ngành là yêu cầu hết sức quan trọng đối với một sinh viên khi đi thực tế phổ thông. Nhân dân ta luôn sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vì vậy, không riêng vì giáo viên sư phạm mà bất kì công dân Việt Nam nào đều phải tuân thủ quy định pháp luật. Khi đến các trường thực tế phổ thông sinh viên cần gương mẫu trong việc thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường và ngành giáo dục. Do đó, sinh viên sư phạm cần rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, thái độ yêu thương, quan tâm, chia sẽ, tôn trọng học sinh. Cần có tác phong chuẩn mực, nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm cao sẽ giúp sinh viên tạo dựng được hình ảnh tốt trong mắt học sinh và đồng nghiệp.

Yêu cầu về kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong quá trình thực tế phổ thông: Sinh viên sư phạm khi đến thực tế cũng cần trang bị cho bản thân kỹ năng giao tiếp ứng xử khéo léo với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp để tránh xảy ra những mâu thuẫn không mong muốn gây ra hậu quả đáng tiếc. Ở đây giáo viên cần nhớ, học sinh cũng là một chủ thể giao tiếp. Ngoài ra, họ cũng cần biết cách lắng nghe, luôn có tinh thần cầu thị và tiếp thu ý kiến từ giáo viên hướng dẫn, đồng nghiệp, phụ. Từ đó, sẽ tạo thiện cảm và dễ dàng hòa nhập với môi trường thực tế mới. Trong quá trình thực tế, sinh viên cần thể hiện tinh thần cầu tiến, hăng sai học hỏi từ những người có kinh nghiệm, sẵn sàng lắng nghe, tiếp thu góp ý và chỉnh sửa sai sót từ đó hoàn thiện hơn trong quá trình thực tế. Thái độ này rất cần trong quá trình giao tiếp, không chỉ giúp sinh

viên tiến bộ nhanh chóng, học hỏi được nhiều điều mới, và luôn tạo thiện cảm đối với mọi người đồng thời còn xây dựng được mối quan hệ tích cực với môi trường sư phạm.

Yêu cầu về chuyên môn – nghiệp vụ khi thực tế phổ thông: Trong quá trình này, yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ đóng vai trò trung tâm. Đặc biệt, là kỹ năng tổ chức lớp học và tham gia các hoạt động chuyên môn một cách tích cực. William Arthur Ward (nhà giáo dục Mỹ): từng nói *"The mediocre teacher tells. The good teacher explains. The superior teacher demonstrates. The great teacher inspires."(Tạm dịch: "Người thầy bình thường chỉ biết nói. Người thầy giỏi biết giải thích. Người thầy xuất sắc biết minh họa. Người thầy vĩ đại biết truyền cảm hứng."* Câu nói này được trích từ các tuyển tập danh ngôn giáo dục, thường được ghi nhận là của William Arthur Ward – một nhà giáo dục, nhà văn và diễn giả truyền cảm hứng người Mỹ. Cho thấy được tầm quan trọng của kỹ năng sư phạm hiện đại: thuyết trình, thiết kế bài giảng, công nghệ, khơi gợi động lực. Nó được xem là nền tảng lý luận để các em có thể áp dụng trực tiếp vào thực tiễn. Trước hết, sinh viên khi lên lớp thực tập sinh viên cần chuẩn bị bài dạy kỹ lưỡng. Và người giáo viên, dù là sinh viên thực tập, cũng cần học cách trở thành người dẫn đường, chỉ dạy để các em học sinh làm được điều đó. Bên cạnh đó, kỹ năng quản lý lớp học và xử lý tình huống sư phạm cũng là yếu tố không thể thiếu trong quá trình thực tập đối với sinh viên khoa giáo dục chính trị. Từ đó trao dồi, rút kinh nghiệm cho bản thân thực hiện thật tốt trong cách quản lý vận hành một tiết dạy. Đồng thời biết cách xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm xảy ra trong tiết dạy như học sinh mất tập trung, nói chuyện riêng, hoặc có hành vi lệch chuẩn, vi phạm nội quy nhà trường,... Cuối cùng, sinh viên thực tập cần tích cực hăng say tham gia vào các hoạt động chuyên môn, hay các hoạt động Đoàn tại nhà trường như dự giờ, rút kinh nghiệm sau dạy, tham gia sinh hoạt tập thể, sinh hoạt chi Đoàn,… Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn, hiểu thêm về môi trường giáo dục thực tế tại trường phổ thông mà còn học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu từ các giáo viên đang giảng dạy.

Ngoài những yêu cầu trên, là sinh viên sư phạm nói chung đặc biệt là sinh viên khoa Giáo Dục Chính Trị nói riêng cần trang bị thêm cho mình các kỹ năng khác như: Kỹ năng giao tiếp sư phạm: chuẩn mực, chính xác, kỹ năng đánh giá học sinh: công bằng, khách quan,... Sinh viên cho rằng yêu cầu về kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin tính năng đánh giá cũng rất cần thiết và quan trọng. Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (nếu cần) hiện nay thời đại công nghệ 4.0 yêu cầu kỹ năng này rất cần thiết, nhằm phục vụ trong quá trình soạn, thiết kế bài giảng hiện đại và tiến bộ. Đặc biệt sinh viên khi đi thực tế tại phổ thông cần đáp ứng yêu cầu hiểu biết về môi trường giáo dục phổ thông. Sinh viên cần tìm hiểu trước về đặc điểm học sinh phổ thông tại nơi thực tế, điều kiện sống và sinh hoạt, chương trình giảng dạy, quy chế nhà trường tại nơi học tập và giảng dạy. Việc này giúp sinh viên dễ thích nghi và có cách làm việc phù hợp với thực tế từng trường học cụ thể.

2.2. Thực trạng tiếp cận thực tế của sinh viên Khoa Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Vài nét về sinh viên khoa GDCT

Khoa Giáo dục chính trị Trường Sư phạm được thành lập theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐT ngày 19 tháng 02 năm 2024. Gồm 02 Bộ môn: Lý luận chính trị; Giáo dục công dân. Hiện tại, Khoa có 11 viên chức và nhân viên. Trình độ đội ngũ viên chức giảng dạy: 03 tiến sĩ, 06 thạc sĩ và 02 nghiên cứu sinh. Khoa được nhà trường giao nhiệm vụ quản lý và đào tạo các ngành: Giáo dục chính trị và Giáo dục công dân. Khoa có 01 ngành đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình: Giáo dục chính trị.

Hiện tại, khoa Giáo dục chính trị được nhà trường giao nhiệm vụ quản lý và đào tạo 2 ngành: Giáo dục Chính trị và Giáo dục công dân, với số lượng khoảng 104 sinh viên. Trong đào tạo, năm 3 và năm 4 đối với môn Giáo dục chính trị đã được tiếp cận với thực tế phổ thông với 2 đợt: Thực tập cơ sở và thực tập tốt nghiệp. Đây là những hoạt động quan trọng trong

chương trình đào tạo, nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên môn vào môi trường giảng dạy thực tế, góp phần phát triển kỹ năng sư phạm và từng bước hình thành phẩm chất của một nhà giáo. Hoạt động thực tập cơ sở nhằm giúp sinh viên làm quen với môi trường giáo dục phổ thông, bên cạnh đó còn giúp sinh viên quan sát công tác giảng dạy và tổ chức hoạt động giáo dục tại trường phổ thông. Đây là giai đoạn để sinh viên quan sát, ghi nhận những tình huống thực tế- một bước đệm quan trọng để chuẩn bị cho giai đoạn thực tập tốt nghiệp sau này. Đặc biệt hơn đối với, thực tập tốt nghiệp thì đây là giai đoạn quan trọng, là giai đoạn với yêu cầu cao hơn, đòi hỏi sinh viên trực tiếp đảm nhiệm các hoạt động giảng dạy, chủ nhiệm lớp và tham gia đầy đủ vào công việc chuyên môn của người giáo viên.

Sinh viên ngành Giáo dục Chính trị là những người trẻ nuôi dưỡng trong mình khát vọng phụng sự xã hội thông qua con đường tri thức và lý tưởng sống rõ ràng. Họ được trang bị nền tảng tư duy chính trị sắc bén, khả năng phân tích vấn đề một cách toàn diện và tinh thần trách nhiệm cao trong việc định hướng nhận thức cộng đồng. Không chỉ đam mê tìm hiểu các lĩnh vực như xã hội, đạo đức, pháp luật và tư tưởng, họ còn không ngừng trau dồi kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, phản biện và lan tỏa các giá trị tích cực đến với mọi người xung quanh. Bên cạnh đó, sinh viên Giáo dục Chính trị thường có phong thái điềm đạm, chín chắn và kiên định trong lập trường cá nhân. Họ là những người có bản lĩnh, sẵn sàng đối thoại và tiếp nhận nhiều luồng quan điểm khác nhau một cách cầu thị, từ đó hình thành khả năng tư duy đa chiều và phản biện xã hội. Chính nhờ những tố chất này, họ đóng vai trò như một cầu nối giữa lý luận và thực tiễn, giữa giáo dục và hành động, góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho cộng đồng và đặc biệt là thế hệ trẻ. Ngoài việc học tập, nhiều sinh viên ngành này còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện và phong trào đoàn thể, từ đó rèn luyện bản thân và phát huy vai trò người truyền cảm hứng. Họ chính là những hạt nhân nòng cốt trong việc xây dựng môi trường học đường và xã hội lành mạnh, có định hướng, góp phần vào sự nghiệp giáo dục con người toàn diện cả về trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh.

Sinh viên ngành Giáo dục Chính trị là những cá nhân được đào tạo bài bản trong lĩnh vực khoa học chính trị, tư tưởng, đạo đức và pháp luật, với mục tiêu hướng tới việc giáo dục, định hướng giá trị sống và bồi dưỡng nhận thức chính trị cho thế hệ trẻ. Họ không đơn thuần chỉ là những người tiếp thu kiến thức, mà còn là những người truyền lửa mang trong mình sứ mệnh lan tỏa lý tưởng sống tích cực, xây dựng niềm tin vào con đường chính nghĩa, góp phần tạo dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Ngay từ khi còn trên giảng đường, sinh viên ngành này đã được rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích thời sự, nhạy bén với các vấn đề xã hội và có khả năng đưa ra quan điểm riêng một cách khoa học và thuyết phục. Họ cũng được đào tạo để trở thành những người thầy, người cô, người hướng dẫn những người có đủ năng lực và phẩm chất để giáo dục đạo đức, truyền cảm hứng sống có trách nhiệm cho học sinh, sinh viên và cộng đồng. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, sinh viên Giáo dục Chính trị còn chú trọng phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, hùng biện, tổ chức hoạt động tập thể và xử lý tình huống sư phạm. Họ thường là những người tích cực tham gia các hoạt động của Đoàn Hội, đóng vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng và nâng cao ý thức công dân cho thế hệ trẻ. Với định hướng nghề nghiệp rõ ràng, sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành này có thể đảm nhận vai trò giáo viên dạy môn Giáo dục công dân, Chính trị, hay công tác tại các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể hoặc nghiên cứu và giảng dạy ở các trường đại học, học viện. Họ là những người góp phần quan trọng trong việc hình thành nhân cách, tư tưởng và đạo đức công dân cho thế hệ tương lai.

2.2.2. Ưu điểm và hạn chế trong việc tiếp cận thực tế của sinh viên Khoa Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp

Ưu điểm

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, trong thời đại mà giáo dục giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng con người phát triển toàn diện, giáo dục và đào tạo hiện nay, yêu cầu đặt ra đối

với sinh viên sư phạm nói chung và sinh viên ngành Giáo dục Chính trị nói riêng không chỉ dừng lại ở việc nắm vững kiến thức lý luận, mà còn phải có khả năng vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giảng dạy và đời sống xã hội. Ngành Giáo dục Chính trị ngày càng thể hiện rõ vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân. Việc đào tạo sinh viên ngành này không chỉ hướng đến mục tiêu truyền đạt kiến thức về chính trị, tư tưởng, pháp luật mà còn đặt ra yêu cầu cao về năng lực thực tiễn, phẩm chất đạo đức và khả năng thích ứng với môi trường giáo dục phổ thông đang ngày càng đổi mới. Thực tiễn cho thấy, để trở thành một người giáo viên Giáo dục chính trị có năng lực và tâm huyết, sinh viên không thể chỉ học qua sách vở mà cần được rèn luyện, tiếp cận với thực tế. Từ việc tham gia thực tập, các hoạt động tuyên truyền đến công tác tình nguyện tại cộng đồng, sinh viên ngành Giáo dục Chính trị có cơ hội tiếp cận trực tiếp với môi trường giáo dục phổ thông nơi họ sẽ đảm nhận vai trò người giáo viên trong tương lai. Chính vì vậy, việc tiếp cận môi trường giáo dục phổ thông từ sớm đã trở thành một trong những lợi thế nổi bật trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Chính trị.

Việc tiếp cận thực tế tại các cơ sở giáo dục phổ thông là một trong những hoạt động thiết yếu trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục chính trị. Thực tiễn cho thấy, môi trường phổ thông là không gian lý tưởng để sinh viên vận dụng kiến thức lý luận chính trị vào thực tế giảng dạy và giáo dục. Thông qua hoạt động tiếp cận với thực tế, sinh viên không chỉ được rèn luyện kỹ năng sư phạm như thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động giáo dục, mà còn phát triển tư duy phản biện và năng lực giải quyết tình huống trong quá trình tương tác với học sinh. Đặc biệt, việc tiếp xúc trực tiếp với học sinh phổ thông giúp sinh viên hiểu sâu hơn về tâm lý lứa tuổi, mức độ nhận thức chính trị xã hội của học sinh, từ đó điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp, bảo đảm hiệu quả giáo dục. Ngoài ra, tiếp cận thực tế còn là cơ hội để sinh viên trải nghiệm văn hóa trường học, học hỏi phương pháp quản lý lớp học, cách tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và xử lý các tình huống giáo dục đa dạng. Việc tiếp cận thực tế tại các trường phổ thông không chỉ giúp sinh viên ngành Giáo dục chính trị nâng cao trình độ chuyên môn mà còn phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như tự tin, hòa đồng và duy trì thái độ vui vẻ trong công việc. Qua đó, sinh viên dần hình thành phẩm chất nghề nghiệp như tính kiên nhẫn, tinh thần trách nhiệm, và khả năng thích ứng với môi trường giáo dục thực tiễn. Một điểm đáng chú ý nữa là quá trình thực tế còn tạo điều kiện cho sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm với giáo viên bộ môn những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục chính trị trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay. Thậm chí, sinh viên còn có thể chủ động khảo sát, thu thập dữ liệu thực tế phục vụ cho các đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và tư duy khoa học ngay từ khi còn trên ghế nhà trường.

Tiếp cận thực tế tại các trường phổ thông đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao trình độ chuyên môn cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị. Trong quá trình thực tập và quan sát giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, sinh viên có điều kiện kiểm nghiệm, bổ sung và cập nhật kiến thức lý luận chính trị được học trên giảng đường vào bối cảnh giảng dạy cụ thể. Việc này không chỉ giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức chuyên ngành như chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, mà còn nâng cao khả năng phân tích, liên hệ thực tiễn xã hội, từ đó làm sâu sắc thêm tư duy chính trị xã hội và năng lực sư phạm chuyên biệt. Qua hoạt động dự giờ, lên lớp thử, soạn giáo án và phản biện chuyên môn cùng giáo viên hướng dẫn, sinh viên được tiếp cận với những phương pháp giảng dạy hiện đại, kỹ thuật sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, cũng như các hình thức đổi mới kiểm tra đánh giá. Những trải nghiệm này giúp sinh viên rút ra bài học thực tiễn quý báu, từ đó điều chỉnh tư duy nghề nghiệp và định hướng phát triển năng lực cá nhân theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo. Đồng thời, quá trình này cũng khơi gợi tinh thần tự học, tự nghiên cứu yếu tố then chốt để sinh viên tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn trong suốt sự nghiệp giáo dục về sau. Thông qua những hoạt động thực tế đa dạng và có chiều sâu như thực tập sư phạm, tham gia các chương trình chính trị xã hội và công tác cộng đồng, sinh viên có điều kiện phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để

hình thành những ưu điểm nổi bật mà sinh viên ngành Giáo dục Chính trị sở hữu khi bước vào môi trường phổ thông môi trường đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực tiễn, giữa tư duy chính trị sâu sắc và kỹ năng sư phạm linh hoạt.

Hạn chế

Ngoài những ưu điểm đã được nêu trên. Việc tiếp cận thực tế phổ thông của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị ở phổ thông còn gặp nhiều hạn chế. Để nhìn nhận về những hạn chế của sinh viên khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Đồng Tháp một cách khoa học, khách quan, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 42 sinh viên khoa Giáo dục Chính trị, các khóa Giáo dục Chính trị 22A và Giáo dục Chính trị 21A với 9 câu hỏi, thuộc 3 nhóm vấn đề về hạn chế trong tiếp cận thực tế, nguyên nhân dẫn đến hạn chế và giải giáp nâng cao hiệu quả, sinh viên có thể trả lời nhiều đáp án cho mỗi câu hỏi và 1 câu hỏi mở để sinh viên đề xuất giải pháp. Kết quả mà nhóm tác giả nhận được như sau:

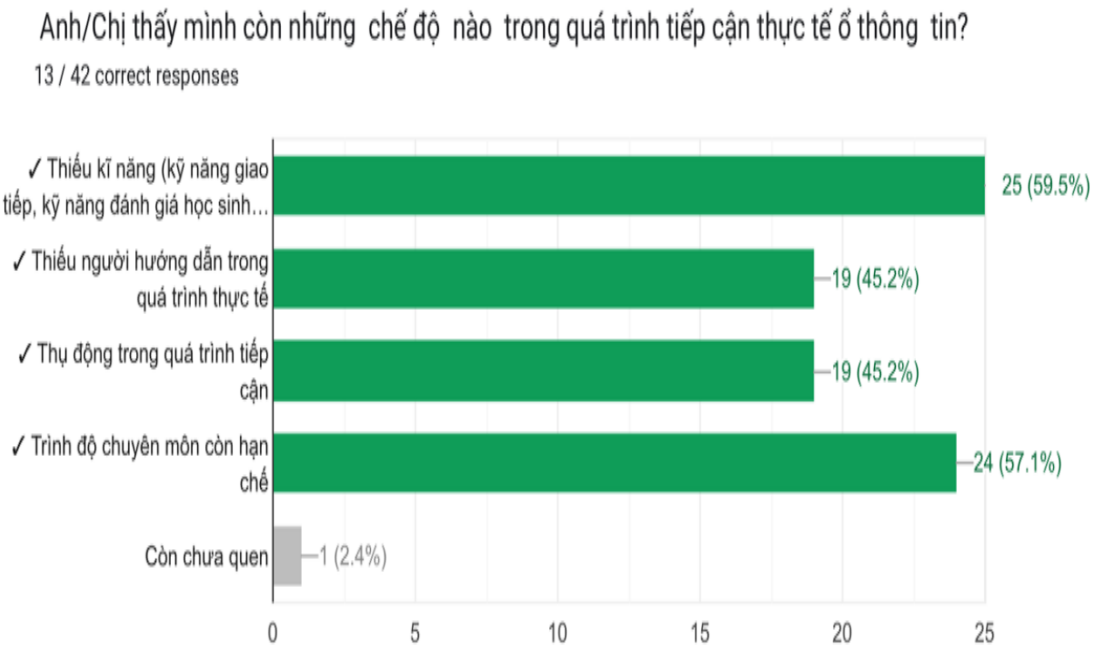

Biểu đồ 1: Những hạn chế trong quá trình tiếp cận phổ thông (đơn vị %)

Phần lớn sinh viên chú trọng vào lý luận nhiều, thời gian rèn luyện cho những kỹ năng sư phạm còn thụ động, do đó, mà ảnh hưởng nhiều trong quá trình tiếp cận thực tế như: chưa tự tin đứng trước lớp, chưa linh động về kỹ năng xử lý tình huống trong lớp học, kỹ năng soạn kế hoạch bài dạy, giao tiếp sư phạm của sinh viên đối với giáo viên hướng dẫn chuyên môn còn gặp nhiều hạn chế và chưa mang tính hiệu quả.

Qua đó, có thể nhìn nhận một cách tổng quan về sự hạn chế của sinh viên khoa Giáo dục Chính trị trong việc tiếp cận thực tế phổ thông. Trong đó, có 25 sinh viên cho rằng còn thiếu kỹ năng (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đánh giá học sinh, kỹ năng về công nghệ thông tin,…) chiếm 59,5%, và có 19 sinh viên thiếu người hướng dẫn trong quá trình thực tế chiếm 45,2%, và tiếp tục lại có 19 sinh viên còn thụ động trong quá trình tiếp cận chiếm 45,2%, có đến 24 sinh viên nhận xét hạn chế của họ về trình độ chuyên môn chiếm 57,1% và có 1 sinh viên còn chưa quen trong quá trình tiếp cận thực tế ở phổ thông về phương pháp giảng dạy, soạn giáo án và thiếu kinh nghiệm thực tế trong công tác chủ nhiệm chiếm 2,4%.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc tiếp cận thực tế của sinh viên Khoa

Giáo dục chính trị, trường Đại học Đồng Tháp

Về nguyên nhân dẫn đến hạn chế của sinh viên trong tiếp cận thực tế. Kết quả thu được, việc sinh viên khoa Giáo dục Chính trị vẫn gặp hạn chế trong quá trình tiếp cận thực tế ở phổ thông từ những nguyên nhân sau:

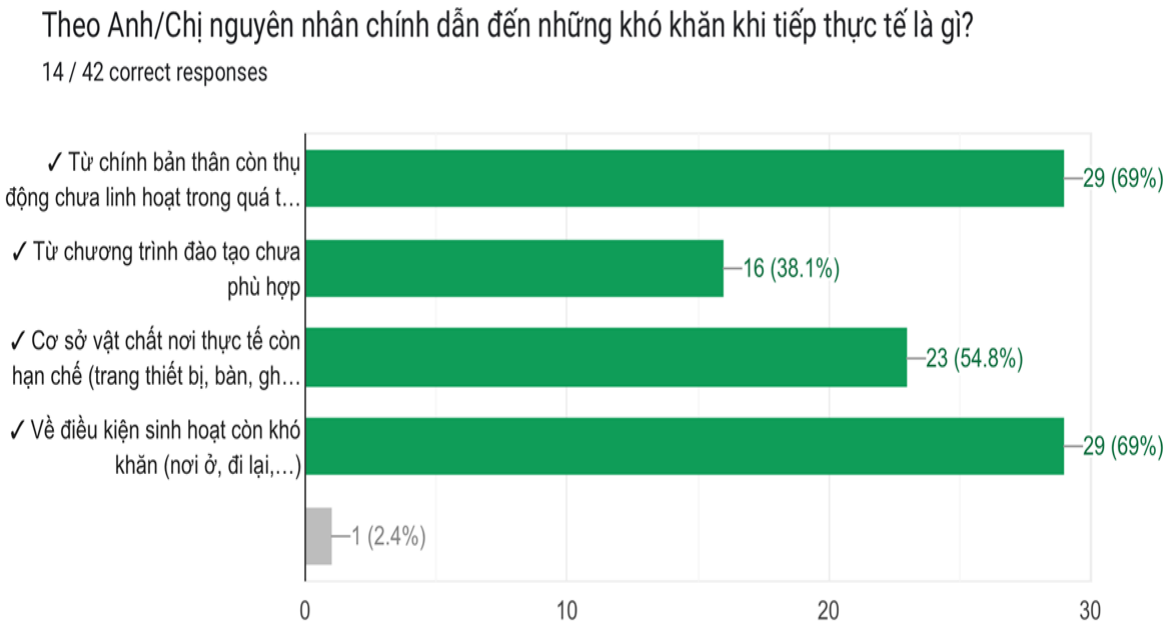

Biểu đồ 2: Nguyên nhân dẫn đến khó khăn khi tiếp cận thực tế phổ thông (đơn vị %)

Một là, từ chính bản thân còn thụ động chưa linh hoạt trong quá trình thực tế. Với 69% số lượng sinh viên cho ý kiến, như vậy, cho thấy chính bản thân còn thụ động và chưa linh hoạt trong tìm kiếm sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn, chưa tự tin đứng trước lớp, kỹ năng sư phạm hạn chế, làm cho việc tiếp cận thực tế chưa mang lại hiệu quả cao.

Hai là, từ chương trình đào tạo chưa phù hợp. Với 38,1% sinh viên cho rằng, chương trình đào tạo chưa có sự điều chỉnh hợp lý, dẫn đến việc tiếp cận của sinh viên thực tế gặp nhiều khó khăn, thời gian tiếp cận thực tế chưa phù hợp, mang nặng tính lý luận và thực tiễn còn khiêm tốn.

Ba là, cơ sở vật chất nơi thực tế còn hạn chế (trang thiết bị, bàn, ghế,..). Với 54,8% sinh viên cho rằng, cơ sở vật chất nơi thực tế còn hạn chế, dẫn đến việc sinh viên khó khăn trong việc áp dụng những kỹ năng sư phạm, phương pháp dạy học tích cực và xử lý tình huống trong lớp học, gặp nhiều khó khăn và không mang lại tính hiệu quả, từ đó, dẫn đến sinh viên tiếp thu kinh nghiệm và trải nghiệm hạn chế.

Bốn là, về điều kiện sinh hoạt còn khó khăn (nơi ở, đi lại,…). Với 69% sinh viên nhận định rằng, điều kiện sinh hoạt hạn chế là nguyên nhân dẫn đến việc tiếp cận của sinh viên gặp nhiều khó khăn, từ đó, sinh viên sẽ có trải nghiệm không tốt, quá trình tiếp cận cực tế cũng không đạt được kết quả như mong muốn, chủ yếu do nơi ở chưa gần với thực tế, thời gian đi lại dài dẫn đến khó điều chỉnh được thời gian cân đối do xuất phát từ nhiều yếu tố như: phương tiện lưu thông trên đường, trường hợp xe hư hỏng trên đường, yếu tố thời tiết,…, làm cho việc tiếp cận thực tế gặp nhiều trở ngại.

Chính vì vậy, việc tìm ra nguyên nhân dẫn đến hạn chế của sinh viên trong việc tiếp cận thực tế là hết sức cần thiết. Do đó, cần phải đề ra những phương pháp giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận thực tế, tháo gỡ được những khó khăn gặp phải trong quá trình tiếp cận thực tế của sinh

viên khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Đồng Tháp.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả của sinh viên khoa Giáo dục chính trị trong tiếp cận thực tế phổ thông hiện nay

2.3.1. Về phía trường Đại học Đồng Tháp

Hiện nay, những thay đổi về chính sách và chương trình giáo dục mới của BGDĐT, vai trò của giáo viên cũng trở nên quan trọng. Trong đó, sinh viên chính là những người giáo viên trong tương lai, vì vậy, mà việc sinh viên tiếp cận thực tế cũng trở nên quan trọng, trong thời gian tiếp cận thực tế đó sinh viên sẽ được học hỏi kinh nghiệm từ thầy cô hướng dẫn, bám sát thực tế, trải nghiệm mang tính thực tiễn, sinh viên có thể vận dụng kỹ năng sư phạm, kiến thức chuyên môn, phương pháp dạy học tích cực, hình thức tổ chức, xử lý tình huống sư phạm trong lớp học, từ đó, sinh viên tự tin, tạo điều kiện để sau khi tốt nghiệp có được những kiến thức khi bắt đầu làm việc trong môi trường sư phạm được dễ dàng hơn. Thời gian qua, em thấy nhà trường và Khoa Giáo dục Chính trị đã rất quan tâm đến việc hỗ trợ sinh viên trong các đợt tiếp cận thực tế và thực tập sư phạm. Cụ thể như là: cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, tài liệu tham khảo được cập nhật thường xuyên, thầy cô hướng dẫn rất nhiệt tình và có kinh nghiệm. Ngoài ra, trường mình cũng giữ liên hệ tốt với các trường phổ thông tiếp nhận sinh viên thực tập, có tổ chức thăm hỏi, theo dõi tình hình và hỗ trợ sinh viên kịp thời. Đây là những điều tụi em rất biết ơn và đánh giá cao. Tuy nhiên, bên cạnh những hỗ trợ của Nhà trường và Khoa Giáo dục Chính Trị, sinh viên vẫn còn gặp một vài khó khăn trong thực tế mà em nghĩ nhà trường có thể hỗ trợ thêm. Cụ thể như là:

Thứ nhất, về phía trường Đại học có thể tổ chức thêm các buổi học rèn luyện kỹ năng mềm, tổ chức thêm nhiều buổi tọa đàm, chuyên đề liên quan đến việc rèn luyện kĩ năng cho sinh viên ví dụ như: cách giao tiếp với học sinh cá biệt, nói chuyện với phụ huynh.

Thứ hai, nhà trường có thể phối hợp chặt chẽ hơn với các trường để việc phân công người hướng dẫn được rõ ràng và thuận lợi hơn cho sinh viên. Nếu có thêm nhóm trao đổi trực tuyến giữa sinh viên với giảng viên phụ trách của khoa để kịp thời hỗ trợ.

Thứ ba, nhà trường nên tổ chức các buổi họp trước các kì thực tập nhằm truyền đạt những điều cần thiết phục phụ cho nhu cầu đi thực tế của sinh viên.

Thứ tư, có các lớp ôn tập, tổng hợp kiến thức trước khi đi thực tập, kết hợp với luyện cách đưa kiến thức đó thành bài giảng dễ hiểu cho học sinh.

Cuối cùng, nếu có thư viện tài liệu gồm giáo án mẫu, tình huống chủ nhiệm, nội dung sinh hoạt lớp thì chúng em sẽ dễ hình dung hơn trước khi đến trường thực tập.

Vì vậy, chúng em biết nhà trường và khoa đã rất quan tâm, hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình học tập và thực tế, và chúng em thật sự trân trọng điều đó. Những đề xuất trên chỉ là một vài gợi ý nhỏ từ góc nhìn của sinh viên, với mong muốn quá trình thực tập sư phạm của chúng em sẽ ngày càng tốt hơn và giúp tụi em tự tin hơn trên con đường trở thành giáo viên sau này.

2.3.2. Về phía sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị

Thực tế phổ thông là một quá trình quan trọng trong đào tạo giáo viên, đặc biệt đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị những người mang sứ mệnh giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ. Đây không chỉ là dịp để sinh viên rèn nghề mà còn là cơ hội để kiểm chứng năng lực, thái độ và bản lĩnh sư phạm. Tuy nhiên, để quá trình thực tế đạt hiệu quả thực chất, sinh viên không thể bị động "đi để biết" mà cần chủ động "đi để làm, để hiểu, để trưởng thành". Trong bối cảnh đó, việc đề xuất và thực hiện các giải pháp thiết thực là yêu cầu cấp bách và có ý nghĩa lâu dài đối với mỗi sinh viên và cả quá trình đào tạo giáo viên. Tuy nhiên, theo khảo sát thực tế năm 2025 đối tượng khảo sát sinh viên lớp;

ĐHGDCT21 và ĐHGDCT22 Khoa Giáo dục Chính trị Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy:

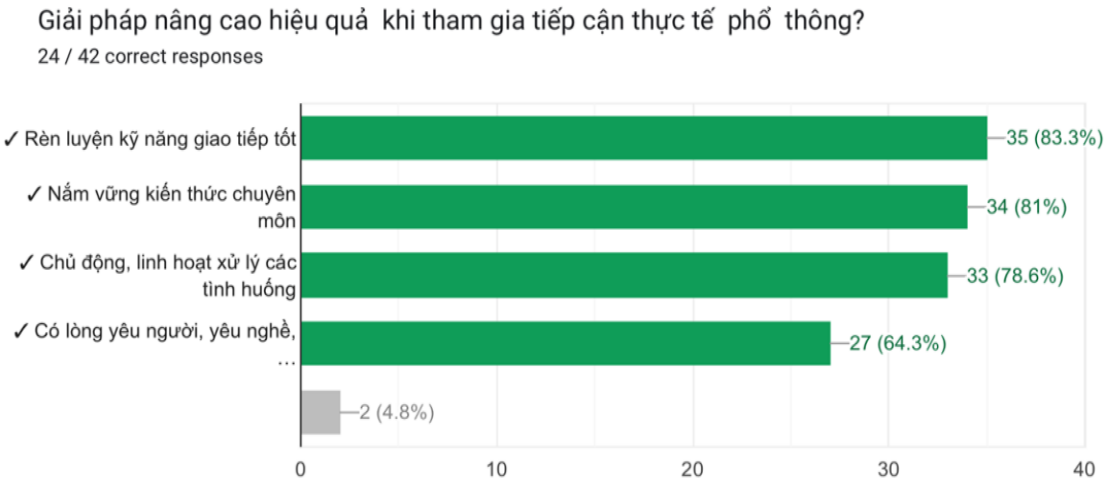

Biểu đồ 3: Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khi tham gia tiếp cận thực tế (Đơn vị %)

Tuy nhiên, theo khảo sát thực tế năm học 2024–2025 đối tượng khảo sát sinh viên lớp ĐHGDCT21 và 22 tại Khoa Giáo dục Chính trị – Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy có sinh viên cho rằng họ cảm thấy chưa đủ tự tin và thiếu kỹ năng xử lý tình huống sư phạm khi đi thực tế phổ thông, sinh viên tự đánh giá rằng họ có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và toàn diện, bản thân sinh viên chưa thực sự chủ động và chưa được trang bị đầy đủ để thích nghi nhanh với môi trường giáo dục phổ thông. Từ thực tiễn đó, việc đưa ra các giải pháp thiết thực từ phía sinh viên là điều vô cùng cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả, tính thực chất và chất lượng của hoạt động thực tế. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp tốt, nắm vững kiến thức chuyên môn, chủ động, linh hoạt xử lý các tình huống, có lòng yêu người, yêu nghề,… Theo khảo sát, có 34 sinh viên cho rằng cần nắm vững kiến thức chuyên môn chiếm tỷ lệ 81%. Vì vậy, sinh viên cần chủ động học tập, trau dồi kiến thức chuyên môn về các môn lý luận chính trị (Triết học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng…) và vận dụng linh hoạt trong việc soạn giảng môn Giáo dục công dân theo chương trình phổ thông mới (Chương trình GDPT 2018).

Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thích ứng với môi trường phổ thông. Khảo sát từ sinh viên thực tế tại các trường THPT trên địa bàn Đồng Tháp có tới 35 ý kiến sinh viên thừa nhận họ gặp lúng túng khi xử lý các tình huống giao tiếp với học sinh như: học sinh không hợp tác, nói chuyện riêng, trêu đùa quá mức hoặc không hiểu bài chiếm tỷ lệ 83,3%. Cho nên sinh viên cần nâng cao hiệu quả chất lượng thực tế phổ thông đối với sinh viên khoa giáo dục chính trị là nâng cao kỹ năng giao tiếp. Điều này đặt ra yêu cầu sinh viên cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm, tâm lý học đường, kỹ năng giải quyết tình huống và điều hành lớp học một cách linh hoạt, khéo léo. Ngoài giờ lên lớp, việc chủ động tiếp xúc, quan sát, trò chuyện với học sinh cũng giúp sinh viên hiểu hơn về tâm lý và hành vi lứa tuổi, từ đó điều chỉnh cách giảng dạy và ứng xử phù hợp hơn.

Lòng yêu nghề là một trong những yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công của người làm nghề giáo. Thấy được những điều đó, đó có đến 27 ý kiến sinh viên khoa Giáo dục Chính trị đã cho rằng đó là giải pháp để nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục với tỷ lệ khảo sát đến 64,3%. Có lòng yêu người, yêu nghề,…Nâng cao ý thức trách nhiệm và thái độ nghề nghiệp sinh viên thực hiện đầy đủ và đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao trong thời gian thực tế. Số còn lại thường vi phạm về giờ giấc, không tích cực tham gia hoạt động chuyên môn, chưa chủ động tương tác với học sinh hoặc giáo viên. Khi có tinh thần tự giác, sinh viên sẽ chủ động tìm kiếm cơ hội rèn luyện từ các hoạt động môn học tại trường, tham gia dự các chuyên đề do khoa tổ chức,… từ đó nâng cao chất lượng của quá trình thực tế.

Trong môi trường phổ thông, giáo viên thường xuyên đối mặt với nhiều tình huống sư phạm đa dạng, từ hành vi không hợp tác của học sinh, đến những thay đổi trong kế hoạch giảng dạy hoặc áp lực từ phụ huynh, nhà trường. Đã có 33 ý kiến sinh viên đã đi thực tế cho rằng khó khăn của họ là còn thụ động trong việc xử lý các tình huống sư phạm chiếm 78,6% từ đó họ đã đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận phổ thông đó là cần nên chủ động linh hoạt xử lý các tình huống sư phạm diễn ra trong quá trình học tập (chủ động tìm hiểu về tình hình trường, lớp, nắm bắt thông tin để có hướng xử lý phù hợp). Để khắc phục hạn chế này, sinh viên có thể quan sát, học tập thêm các kinh nghiệm từ thầy cô và các anh chi khóa trước. Từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân trong việc xử lý các tình huống sư phạm. Với sinh viên thực tế những người mới tiếp cận nghề khả năng xử lý các tình huống một cách chủ động và linh hoạt là một kỹ năng sống còn, thể hiện bản lĩnh, năng lực nghề và phẩm chất người giáo viên. Ngoài những giải pháp đã khảo sát thực tế sinh viên đã và đang thực tập tại các trường phổ thông. Thì còn có rất là nhiều giải pháp nhằm để cải thiện những hạn chế của sinh viên như học gắn liền với thực tiễn, nâng cao trình độ tin học, kỹ năng ngôn ngữ,… Để góp phần làm hạn chế các khuyết điểm sinh viên còn gặp phải. Cụ thể có sinh viên cho rằng họ còn thiếu kĩ năng (kĩ năng giao tiếp, kĩ năng đánh giá học sinh) để khắc phục kĩ năng này sinh viên có thể rèn luyện, nâng cao kĩ năng giao tiếp, ngôn ngữ, truyền đạt kiến thức của mình bằng cách giao tiếp nhiều hơn, đọc nhiều sách, báo,.. Từ đó nâng cao trình độ tư duy giao tiếp của mình. Đối với việc đánh giá học sinh, sinh viên có thể học tập thêm từ các thầy cô đi trước, học hỏi kinh nghiệm thông qua các tra điện tử, chủ động học hỏi thông qua qua việc đọc tìm hiểu về chương trình giáo dục. Cũng có sinh viên lại cho rằng hạn chế của họ khi đi thực tế phổ thông là do thiếu người hướng dẫn. Đối với bản thân sinh viên ngoài ảnh hưởng từ phía nhà trường sắp xếp thầy cô hướng dẫn, các bạn có thể chủ động làm quen, liên hệ các quý thầy cô mong nhận được sự giúp đỡ, chỉ dạy từ họ. Tiếp tục, lại có sinh viên cho rằng họ còn hạn chế trong việc thụ động tiếp cận thực tế. Hạn chế này, bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan chỉ chính bạn thân sinh viên mới có thể khắc phục được hạn chế này. Để khắc phục được khó khăn này, các bạn sinh viên có thể, rèn luyện kĩ năng giao tiếp, trò chuyện của mình, luôn có thái độ tự tin, vui vẻ, hòa đồng với mọi người xung quanh. Từ đó có thể có một môi trường học tập và làm việc trở nên gần gũi và thân thiện hơn. Có số ít sinh viên cho rằng khó khăn tiếp theo của họ là thiếu trình độ chuyên môn. Để khắc phục hạn chế này, sinh viên ngoài được học kiến thức trên lớp, các bạn có thể tự học tại nhà (trên mạng, thư viện,..). Có tinh thần cầu tiến trong học tập, mạnh dạng phát biểu và xây dựng bài học, hỏi đáp với sinh viên về những vấn đề bản thân chưa hiểu trong quá trình học tập,… Ngoài ra sinh viên có thể học thêm trên các lớp học Online trên mạng từ đó nâng cao trình độ kĩ năng và kiến thức chuyên môn của mình. Khó khăn cuối cùng mà sinh viên cho rằng họ còn chưa quen với môi trường tại nơi thực tế. Đây là một khó khăn sinh viên có thể khắc phục nhanh chóng. Thông qua việc học tập, tại nơi thực tế. Sinh viên sẽ dần quen theo thời gian, và không gian nơi thực tế. Các bạn nên chủ động tham gia các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề, hội thao,… tại trường từ đó gắn kết hơn trong quá trình thực tế của mình.

Một trong những khó khăn phổ biến mà sinh viên sư phạm gặp phải khi thực tế tại các trường là việc tiếp cận giáo viên chủ nhiệm lớp. Để khắc phục tình trạng này, giải pháp quan trọng hàng đầu là sinh viên cần chủ động và tích cực hơn trong việc thiết lập mối quan hệ giao tiếp với giáo viên chủ nhiệm ngay từ đầu đợt thực tế. Sinh viên nên thể hiện rõ thiện chí học hỏi, đồng thời đề xuất được tham gia vào các hoạt động của lớp như sinh hoạt đầu tuần, sổ đầu bài, ghi chép thông tin học sinh, tham dự giờ sinh hoạt lớp,… Bên cạnh đó, nhà trường và tổ chức tiếp nhận cũng cần có cơ chế kết nối ban đầu rõ ràng giữa giáo viên chủ nhiệm với sinh viên thực tế, có thể thông qua biên bản phân công nhiệm vụ cụ thể. Ngoài ra, việc tổ chức các buổi họp chuyên đề về công tác chủ nhiệm hoặc đi theo giáo viên dự giờ sinh hoạt cũng là cơ hội để sinh viên hiểu và học hỏi tốt hơn.

Vai trò chuẩn bị của sinh viên sư phạm và nhiệm vụ trong quá trình thực tập tại trường phổ thông: Trước khi xuống trường phổ thông thực tập, sinh viên cần tích cực rèn luyện và củng cố kiến thức chuyên môn, nắm vững nội dung chương trình, đồng thời trau dồi các kỹ

năng sư phạm thiết yếu như soạn giáo án, tổ chức tiết dạy, giao tiếp sư phạm, xử lý tình huống sư phạm, và kỹ năng quản lý lớp học. Việc chủ động học hỏi và luyện tập sẽ giúp sinh viên tự tin, sẵn sàng thích nghi với môi trường dạy học thực tế, đồng thời thể hiện được phong thái và phẩm chất của một người thầy trong tương lai. Khi chính thức bước vào đợt thực tập tại trường phổ thông, sinh viên cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao. Trong công tác giảng dạy, sinh viên phải soạn giáo án, lên lớp đúng giờ, ứng dụng phương pháp dạy học tích cực, đồng thời tham gia dự giờ đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm thực tiễn. Ngoài giảng dạy, sinh viên còn có cơ hội làm quen với công tác chủ nhiệm lớp. Qua đó, sinh viên sẽ học cách quản lý học sinh, tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng mối quan hệ gắn bó với học sinh, phụ huynh và tập thể sư phạm nhà trường. Bên cạnh các nhiệm vụ chuyên môn, sinh viên thực tập cũng cần tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt đoàn thể, và các phong trào thi đua tại trường phổ thông. Điều này không chỉ giúp sinh viên hòa nhập tốt với môi trường công tác mà còn góp phần rèn luyện kỹ năng tổ chức sự kiện, làm việc nhóm, và phát triển tinh thần trách nhiệm, sáng tạo.

Sau đợt thực tập, sinh viên cần nghiêm túc viết báo cáo thực tập trung thực, có chiều sâu và thể hiện được những gì đã học được từ thực tiễn. Đồng thời, cần tiếp thu những góp ý từ giáo viên hướng dẫn để rút ra bài học kinh nghiệm, nhìn nhận lại điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên con đường trở thành một nhà giáo thực thụ.

2.3.3. Về phía các trường phổ thông

Để hoạt động này đạt hiệu quả cao, không chỉ cần sự chuẩn bị chu đáo từ phía sinh viên và nhà trường đại học, mà còn đòi hỏi vai trò hết sức quan trọng từ phía các trường phổ thông nơi trực tiếp tiếp nhận, hướng dẫn và đánh giá sinh viên thực tế. Đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, hoạt động thực tế phổ thông không chỉ là dịp nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, mà còn là bước quyết định để hình thành bản lĩnh nghề nghiệp, đạo đức sư phạm và phong cách làm việc trong tương lai. Tuy nhiên, để hoạt động thực tế thực sự mang lại hiệu quả, không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực từ phía sinh viên hay nhà trường đại học, mà còn cần sự phối hợp chặt chẽ và chủ động từ phía các trường phổ thông nơi trực tiếp tiếp nhận, hướng dẫn và tạo môi trường thực hành nghề nghiệp cho sinh viên.

Trong quá trình đào tạo giáo viên, đặc biệt ở các ngành như Giáo dục Chính trị, hoạt động tiếp cận thực tế phổ thông đóng vai trò vô cùng quan trọng nhằm giúp sinh viên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hiểu rõ đặc điểm học sinh, và tích lũy kinh nghiệm giảng dạy. Thực tế cho thấy, nhiều trường học còn thiếu phòng học bộ môn, thiết bị công nghệ hỗ trợ giảng dạy, không gian sư phạm chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến quá trình học tập và thực hành giảng dạy của sinh viên. Do đó, việc đề xuất các giải pháp thiết thực để hạn chế khó khăn về cơ sở vật chất là rất cần thiết. Cần tăng cường phối hợp giữa nhà trường đại học và các trường phổ thông. Một trong những giải pháp đầu tiên là thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các trường đại học đào tạo giáo viên với các trường trung học phổ thông. Nhà trường đại học cần chủ động khảo sát điều kiện cơ sở vật chất của các trường phổ thông trước khi cử sinh viên đến thực tập. Ngoài ra, nên đa dạng hóa hình thức hỗ trợ thiết bị dạy học cho trường phổ thông. Để giảm bớt áp lực từ phía các trường phổ thông, cơ sở đào tạo có thể phối hợp cùng sinh viên chuẩn bị một số thiết bị giảng dạy cơ bản như máy chiếu mini, loa kéo, bảng phụ, giáo án điện tử, học liệu trực quan,… Trong nhiều trường hợp, các thiết bị di động, nhỏ gọn này có thể giúp khắc phục tình trạng thiếu phòng học bộ môn hoặc thiếu thiết bị công nghệ tại lớp học.

Trường phổ thông là nơi diễn ra các hoạt động dạy học hằng ngày, nơi giáo viên trực tiếp tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Đối với sinh viên sư phạm, đây chính là "mô hình thật" để họ học hỏi cách giảng dạy, quản lý lớp học, tổ chức các hoạt động Đoàn, Đội, phối hợp với phụ huynh, tiếp cận tâm lý học sinh và xử lý các tình huống sư phạm trong thực tế. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn không ít trường phổ thông tiếp nhận sinh viên với tâm lý "hỗ trợ

hình thức", thiếu cơ chế phối hợp rõ ràng với trường đại học, chưa có kế hoạch hướng dẫn cụ thể hoặc xem nhẹ tầm quan trọng của vai trò hướng dẫn. Điều này khiến một số sinh viên cảm thấy lạc lõng, bị động, thiếu cơ hội học hỏi và không phát huy được năng lực nghề nghiệp trong quá trình thực tế.

Một trong những giải pháp quan trọng đầu tiên là các trường phổ thông cần chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ sở đào tạo cụ thể là Khoa Giáo dục Chính trị để xây dựng kế hoạch thực tế rõ ràng, khoa học và có tính khả thi cao. Kế hoạch cần làm rõ: số lượng sinh viên tiếp nhận, thời gian thực tế, các nội dung công việc sinh viên cần tham gia (dạy học, chủ nhiệm lớp, hoạt động ngoại khóa, dự giờ,…). Giáo viên hướng dẫn chính là "người thầy của người thầy". Họ không chỉ là người truyền đạt kinh nghiệm giảng dạy, mà còn là hình mẫu để sinh viên học theo từ cách xử lý tình huống, kỹ năng thuyết trình, tổ chức lớp học đến cách giao tiếp, ứng xử trong tập thể sư phạm. Để hạn chế việc thiếu giáo viên hướng dẫn từ phía nhà trường cần chủ động sắp xếp thầy cô hướng dẫn hợp lý cho từng sinh viên, Ngoài ra, nếu còn thiếu giáo viên nhà trường có thể tuyển thêm các giáo viên chuyên môn về dạy và hướng dẫn tại trường. Do đó, các trường phổ thông cần lựa chọn kỹ lưỡng giáo viên hướng dẫn ưu tiên những người có chuyên môn giỏi, trách nhiệm cao, từng đạt giáo viên giỏi các cấp, có kỹ năng giao tiếp sư phạm và sẵn lòng chia sẻ, truyền nghề. Việc này không chỉ nâng cao hiệu quả thực tế cho sinh viên, mà còn góp phần khơi dậy niềm tự hào nghề nghiệp trong đội ngũ giáo viên phổ thông. Đây là những trải nghiệm thực tế vô cùng quý báu mà sách vở hay bài giảng lý thuyết không thể truyền đạt đầy đủ. Một giải pháp không thể thiếu là tổ chức các buổi nhận xét góp ý định kỳ để sinh viên biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, từ đó kịp thời điều chỉnh. Giáo viên hướng dẫn cần có nhận xét cụ thể về từng tiết dạy, về phong cách sư phạm, về kỹ năng truyền đạt, cách sử dụng phương tiện,… Những góp ý mang tính xây dựng, chân thành sẽ giúp sinh viên tiến bộ nhanh chóng. Ngoài ra, nhà trường có thể tổ chức hội thảo nhỏ sau thực tế để sinh viên chia sẻ kinh nghiệm, từ đó hình thành cộng đồng học tập chuyên môn hiệu quả.

3. Kết luận

Tiếp cận thực tế phổ thông là một hoạt động quan trọng giúp sinh viên ngành Giáo dục Chính trị vận dụng kiến thức lý luận hình thành kỹ năng nghề nghiệp và bồi dưỡng phẩm chất nhà giáo. Qua quá trình nghiên cứu, bài viết đã làm rõ cơ sở lý luận về tiếp cận thực tế phổ thông, phân tích thực trạng hoạt động, đồng thời chỉ ra những hạn chế còn tồn tại như: sinh viên thiếu chủ động, kỹ năng quan sát phân tích thực tiễn chưa cao; và hoạt động hỗ trợ, định hướng từ giảng viên còn chưa thường xuyên,.... Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thực tế phổ thông cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, bao gồm: rèn luyện kỹ năng giao tiếp tốt, nắm vững kiến thức chuyên môn, chủ động, linh hoạt xử lý các tình huống, có lòng yêu người, yêu nghề, nâng cao nhận thức và kỹ năng thực tiễn cho sinh viên thông qua các học phần tích hợp; xây dựng chương trình tiếp cận thực tế. Những giải pháp này, nếu được triển khai đồng bộ và nghiêm túc, sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên chính trị trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, do giới hạn về thời gian và phạm vi nghiên cứu, bài viết không tránh khỏi những hạn chế nhất định, rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và bạn đọc để hoàn thiện hơn trong các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân 2018.*

Bùi Văn Tuyển, Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho thanh niên hiện nay, *Tạp chí quản lý nhà nước,* số 351 (4/2025).

Đinh Quang Báo. (2016). Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội

Đồng Mão. (2024). Thực trạng nguyên nhân và giải pháp khắc phục tình trạng suy thoái đạo đức của học sinh phổ thông hiện nay.

Hồ Chí Minh *Toàn tập*. (*2011)*. tập 5. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

Nguyễn Văn Ký, Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt nam hiện nay, *Tạp chí Cộng sản.*

Nguyễn Việt Hà, Thực trạng việc làm của sinh viên sư phạm ra trường và quy trình xây dựng chương trình đào tạo giáo viên theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp (pohe), *tạp chí khoa học*, số 84/tháng 5 (2024).

Nguyễn Xuân Hòa, Những vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng Huế hiện nay, *Tạp chí Khoa học*, Tập 102, Số 3 (2015): Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn, trang 1-10.

Trần, T. T. L. (2024). Một số giải pháp nâng cao chất lượng thực tập sư phạm của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến,* tr 338 – 340. Truy cập từ *https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd/article/download/97417/82302/*

Trịnh, T. Á. H. (2020). Thực trạng và các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho học sinh nghèo ở Việt Nam. Hội thảo Khoa học Quốc gia năm 2020. Truy cập từ https://vietnam.vvob.org/sites/vietnam/files/m_06_trinh_thi_anh_hoa.pdf

William Arthur Ward. (n.d.). The mediocre teacher tells. The good teacher explains. The superior teacher demonstrates. The great teacher inspires. Retrieved from https://www.goodreads.com

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC STEM VÀO DẠY HỌC CHỦ ĐỀ 4 "LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH" MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 12

Nguyễn Ngọc Giao[1*], Lê Thị Lệ Hoa[2] , Biện Hà Uyên[1]

[1] Lớp ĐHGDCT22A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2] Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Ngọc Giao. Email:ngocgiao.31052004@gmai.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0, giáo dục STEM đã khẳng định vai trò là phương thức giảng dạy hiệu quả, giúp học sinh phát triển các kỹ năng quan trọng như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và giao tiếp. Thông qua các phương pháp dạy học theo dự án, khám phá và hợp tác, STEM không chỉ tận dụng tính liên ngành mà còn tạo cơ hội cho học sinh áp dụng kiến thức vào thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng hợp tác hiệu quả trong học tập. Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng STEM là một lĩnh vực tích hợp đòi hỏi một cách tiếp cận phù hợp để khai thác tối đa những kiến thức và kỹ năng mà nó mang lại. Vì lý do đó, bài nghiên cứu tập trung vào việc vận dụng phương pháp giáo dục STEM vào dạy học chủ đề 4 "Lập kế hoạch kinh doanh" của môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 12, với mục tiêu làm rõ các vấn đề cốt lõi trong việc áp dụng STEM theo Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 hiện nay. Bài báo sẽ phân tích khái niệm, vai trò của việc tích hợp STEM vào quá trình dạy học, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm tối ưu hóa chất lượng đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, góp phần xây dựng một nền tảng giáo dục hiện đại và bền vững.

Từ khóa: *Giáo dục kinh tế và pháp luật, giáo dục stem, lập kế hoạch kinh doanh, phương pháp.*

APPLYING STEM EDUCATION METHOD IN TEACHING TOPIC 4 "BUSINESS PLANNING" FOR GRADE 12, SUBJECT: ECONOMIC AND LEGAL EDUCATION

Nguyen Ngoc Giao[1*], Le Thi Le Hoa[2], Bien Hà Uyen[1]

[1] Class DHGDCT22A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Ngọc Giao. Email:ngocgiao.31052004@gmai.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

In the context of educational innovation to meet the requirements of the Industrial Revolution 4.0, STEM education has affirmed its role as an effective teaching method, helping students develop important skills such as critical thinking, problem solving, teamwork and communication. Through project-based, discovery and collaborative teaching methods, STEM not only takes advantage of interdisciplinary aspects but also creates opportunities for students to apply knowledge into practice, thereby enhancing the ability to cooperate effectively in learning. Through the research process, we realized that STEM is an integrated field that requires an appropriate approach to maximize the knowledge and skills it brings. For that reason, the study focuses on applying STEM education methods to teaching topic 4 "Business planning" of the subject of Economics and Law Education grade 12, with the aim of clarifying core issues in applying STEM according to the current 2018 General Education Program. The article will analyze the concept and role of integrating STEM into the teaching and learning process, thereby proposing solutions to optimize training quality and career orientation for students, contributing to building a modern and sustainable educational foundation.

Keywords: *business planning, Economic and legal education, methods, STEM education*

---

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại công nghệ 4.0, giáo dục và đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực xã hội. Việc phát triển năng lực số cho học sinh để thích ứng công cuộc chuyển đổi số hiện nay. Đặc biệt, giáo dục STEM thông qua môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách học sinh, ngoài việc giúp học sinh kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tiễn, mà còn nâng cao năng lực sáng tạo và khả năng ứng dụng vào cuộc sống. Dựa trên định hướng đó, nhiều năm qua, giáo dục Việt Nam đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, nhất là khi Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 được Quốc hội thông qua kèm với chương trình của các môn học cụ thể. Mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là: "Giúp học sinh phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, trở thành người học tích cực, tự tin có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời, có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới".

Một trong những định hướng phát triển năng lực học sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm đẩy mạnh trong những năm gần đây là giáo dục STEM. Đây là một trong những định hướng dạy học gắn liền giữa lý thuyết và thực hành để áp dụng vào thực tế, đây là phương pháp còn khá mới mẻ đối với giáo viên và học sinh hiện nay. Trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, chủ đề 4 "Lập kế hoạch kinh doanh" có đặc điểm kiến thức mang tính ứng dụng cao, tạo điều kiện thuận lợi để tích hợp giáo dục STEM.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc vận dụng các phương pháp giảng dạy thực tiễn nhằm giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và tính chủ động đang được đánh giá rất cao. Cụ thể, khi ứng dụng phương pháp STEM vào dạy học chủ đề 4 "Lập kế hoạch kinh doanh" trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 12, giáo viên không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức cơ bản mà còn khuyến khích các em vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn, qua đó giải quyết những vấn đề phức tạp trong kinh doanh và pháp luật. Qua đó, học sinh được trải nghiệm quá trình từ ý tưởng đến thực hiện một dự án kinh doanh, từ việc phân tích thị trường đến lập kế hoạch tài chính, giúp các em hình thành kỹ năng thực hành và ứng dụng đa dạng các lĩnh vực học thuật vào thực tế. Những lợi ích của việc áp dụng phương pháp STEM vào chủ đề này không chỉ nằm ở việc cải thiện hiệu quả giảng dạy mà còn góp phần định hình tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và khả năng giải quyết vấn đề của học sinh – những yếu tố quan trọng khi bước vào môi trường làm việc năng động và cạnh tranh trong tương lai. Qua đó, giáo dục không chỉ dừng lại ở truyền tải kiến thức sách vở mà còn là bệ phóng cho sự phát triển toàn diện của học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện đại theo xu hướng toàn cầu.

Việc lựa chọn vận dụng phương pháp STEM cũng tương thích với tình hình thực tế của doanh nghiệp và xu thế kinh doanh hiện nay, khi mà công nghệ và khoa học được ứng dụng mạnh mẽ vào quá trình kinh doanh. Học sinh khi tiếp cận được những nội dung mang tính tích hợp cao sẽ có cái nhìn sâu sắc hơn về các vấn đề kinh doanh, từ đó chuẩn bị tốt hơn cho hành trình khởi nghiệp và tham gia vào thị trường lao động chuyên nghiệp.

Ngoài ra, việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng STEM còn mở ra nhiều cơ hội để các trường học tiến tới xây dựng các mô hình giáo dục tiên tiến, nơi mà giáo viên và học sinh cùng nhau tạo ra một không gian học tập đổi mới, sáng tạo và thực tiễn. Đây là yếu tố mấu chốt để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và sự hội nhập quốc tế trong tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề lý luận của việc vận dụng phương pháp giáo dục STEM vào dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông

2.1.1. Tổng quan

Giáo dục STEM, viết tắt từ các từ tiếng Anh: Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kĩ thuật) và Mathematics (Toán học), là một mô hình giảng dạy tích hợp các lĩnh vực học thuật thiết yếu nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Phương pháp này không chỉ tập trung vào việc truyền đạt kiến thức mà còn chú trọng đến việc phát triển tư duy sáng tạo, phản biện và khả năng giải quyết vấn đề thông qua các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu và dự án thực tế.

Đặc biệt, khi áp dụng vào dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, mô hình STEM giúp học sinh có cái nhìn tổng hợp, liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn. Học sinh sẽ được khuyến khích tự mình tìm tòi, hợp tác và thực hiện các dự án mô phỏng quy trình lập kế hoạch kinh doanh, từ đó hiểu sâu hơn về mối liên hệ giữa các yếu tố kinh tế – pháp luật với các nguyên tắc khoa học kỹ thuật. Điều này không chỉ nâng cao hứng thú học tập mà còn góp phần định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường lao động trong tương lai.

Mô hình giáo dục STEM còn hướng tới việc chuyển đổi vai trò của giáo viên từ người truyền đạt kiến thức sang người hướng dẫn và định hướng học tập. Qua đó, học sinh được khuyến khích chủ động tự tìm tòi, hợp tác nhóm và tự thực hiện các nhiệm vụ, góp phần hình thành và phát triển các năng lực mềm cần thiết như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Đây là nền tảng quan trọng giúp học sinh không những đạt kết quả học tập cao mà còn chuẩn bị tốt cho tương lai, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tóm lại, phần tổng quan này tạo nền tảng lý luận cho toàn bộ nghiên cứu, làm rõ khái niệm của STEM và khẳng định vai trò cũng như ý nghĩa sống động của phương pháp giáo dục STEM trong việc nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường phổ thông. Qua đó, nó mở ra các hướng nghiên cứu sâu hơn về cách thức kết hợp liên ngành và áp dụng hiệu quả mô hình STEM vào bài học thực tiễn nhằm định hướng nghề nghiệp cho học sinh trong bối cảnh phát triển hiện đại.

2.1.2. Khái niệm thuật ngữ STEM

STEM là viết tắt từ các từ tiếng Anh: Science (Khoa học), Technology (Công nghệ), Engineering (Kĩ thuật) và Math (Toán học). Bản chất là trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Kĩ thuật và Toán học, được tích hợp và lồng ghép trong học tập giúp người học có thể vận dụng kiến thức học thuật với các bài học thực tiễn để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống. Với mô hình giáo dục STEM lấy học sinh làm trung tâm, giáo viên đóng vai trò tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học của học sinh, qua đó giúp học sinh có thể vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng thực tiễn vào cuộc sống. Từ đó, các năng lực được hình thành và phát triển tốt hơn. Tại Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 đã xác định: *"Đối với chương trình giáo dục phổ thông mới: Chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình các môn học và hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kĩ thuật - toán (giáo dục STEM) trong chương trình phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của quốc gia, đáp ứng thị trường lao động, chuẩn bị điều kiện đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4"* (Thủ tướng Chính phủ, 2018)

Science (Khoa học): Là môn học nhằm phát triển khả năng sử dụng các kiến thức Khoa học như Vật lí, Hoá học, Sinh học của học sinh, học sinh vận dụng kiến thức khoa học đó vào giải quyết các vấn đề khoa học trong đời sống hằng ngày.

Technology (Công nghệ): Là môn học nhằm phát triển khả năng sử dụng, quản lí, hiểu và đánh giá công nghệ của học sinh. Nó cung cấp cho học sinh những cơ hội để hiểu về công

nghệ được phát triển như thế nào,cung cấp cho học sinh những kĩ năng để có thể phân tích được sự ảnh hưởng của công nghệ mới tới cuộc sống hàng ngày của học sinh và của cộng đồng.

Engineering (Kĩ thuật): Là môn học nhằm phát triển sự hiểu biết ở học sinh về cách công nghệ đang phát triển thông qua quá trình thiết kế kĩ thuật. Kĩ thuật cung cấp cho học sinh những cơ hội để tích hợp kiến thức của nhiều môn học, giúp cho những khái niệm liên quan trở nên tường minh trong cuộc sống của họ. Kĩ thuật cũng cung cấp cho học sinh những kĩ năng để có thể vận dụng sáng tạo cơ sở khoa học và Toán học trong quá trình thiết kế các đối tượng, các hệ thống hay xây dựng các quy trình sản xuất.

Mathematics (Toán học): Là môn học nhằm phát triển ở học sinh khả năng phân tích, biện luận và truyền đạt ý tưởng một cách hiệu quả thông qua việc tính toán, giải thích, các giải pháp giải quyết các vấn đề Toán học trong các tình huống đặt ra.

Như vậy, giáo dục STEM là một phương thức giáo dục nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức khoa học gắn liền với thực tiễn, qua đó phát triển cho học sinh năng lực tư duy, sáng tạo và giải quyết vấn đề, nhằm đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế – xã hội.

2.1.3. Vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM trong dạy học

- Vai trò của giáo dục STEM

Giáo dục STEM ngày càng trở thành phương pháp giảng dạy phổ biến trong các hệ thống giáo dục toàn cầu, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng STEM không chỉ giúp học sinh tiếp cận kiến thức khoa học một cách hệ thống mà còn trang bị cho họ những kỹ năng quan trọng như tư duy phản biện, sáng tạo và làm việc nhóm. Việt Nam mở rộng giáo dục STEM đến hơn 60 trường phổ thông, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các chương trình học tập liên ngành. Đến năm 2022, chương trình giáo dục phổ thông mới tiếp tục tích hợp STEM vào giảng dạy lớp 10 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và chuẩn bị tốt hơn cho học sinh trong tương lai. Việc đưa giáo dục STEM vào trường trung học phổ thông, đặc biệt là môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển năng lực học sinh như:

Đảm bảo giáo dục toàn diện: Triển khai giáo dục STEM ở nhà trường, bên cạnh các môn học đang được quan tâm như Toán, Khoa học, các lĩnh vực Công nghệ, Kỹ thuật cũng sẽ được quan tâm, đầu tư trên tất cả các phương diện về đội ngũ giáo viên, chương trình, cơ sở vật chất.

Nâng cao hứng thú học tập các môn học STEM: Các dự án học tập trong giáo dục STEM hướng tới việc vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn, học sinh được hoạt động, trải nghiệm và thấy được ý nghĩa của tri thức với cuộc sống, nhờ đó sẽ nâng cao hứng thú học tập của học sinh.

Hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh: Khi triển khai các dự án học tập STEM, học sinh hợp tác với nhau, chủ động và tự lực thực hiện các nhiệm vụ học; được làm quen hoạt động có tính chất nghiên cứu khoa học. Các hoạt động nêu trên góp phần tích cực vào hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Kết nối trường học với cộng đồng: Để đảm bảo triển khai hiệu quả giáo dục STEM, cơ sở giáo dục phổ thông thường kết nối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học tại địa phương nhằm khai thác nguồn lực về con người, cơ sở vật chất triển khai hoạt động giáo dục STEM. Bên cạnh đó, giáo dục STEM phổ thông cũng hướng tới giải quyết các vấn đề có tính đặc thù của địa phương.

Hướng nghiệp, phân luồng: Tổ chức tốt giáo dục STEM ở trường trung học, học sinh sẽ được trải nghiệm trong các lĩnh vực STEM, đánh giá được sự phù hợp, năng khiếu, sở thích của bản thân với nghề nghiệp thuộc lĩnh vực STEM. Thực hiện tốt giáo dục STEM ở trường trung

học cũng là cách thức thu hút học sinh theo học, lựa chọn các ngành nghề thuộc lĩnh vực STEM, các ngành nghề có nhu cầu cao về nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Qua đó, phương pháp giáo dục STEM không thể thiếu trong chương trình đào tạo phổ thông 2018, ở các trường hiện nay, giúp học sinh trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khác nhau, học sinh sẽ được học tập, tiếp cận dựa trên những hoạt động trải nghiệm, thực hành sau buổi học trên lớp. Đây chính là nền tảng để học sinh để định hướng nghề nghiệp và các lĩnh vực khác trong tương lai.

- *Ý nghĩa giáo dục STEM*

Giáo dục STEM mang lại nhiều lợi ích thiết thực, không chỉ trong giáo dục mà còn trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế toàn cầu. Theo nghiên cứu của MindX (2022), STEM giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng giải quyết vấn đề thông qua các phương pháp học tập như học tập theo dự án (Project-Based Learning), học tập qua giải quyết vấn đề (Problem-Based Learning) và học tập qua thực hiện theo yêu cầu (Inquiry-Based Learning). Ngoài ra, STEM còn giúp học sinh rèn luyện kỹ năng thực hành, tư duy phản biện và khả năng ứng dụng công nghệ vào thực tiễn. Đây là cách tiếp cận mang tính ứng dụng cao, giúp học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn biết cách triển khai và vận dụng hiệu quả trong đời sống.

Giáo dục STEM ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục toàn cầu. Việc triển khai STEM vào giảng dạy không chỉ giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách có hệ thống mà còn phát triển các kỹ năng cần thiết cho công việc trong tương lai. Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách giáo dục, STEM là một hướng đi quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế số.

STEM là mô hình giáo dục hiện đại, tích hợp nhiều môn học và kỹ năng cần thiết giúp học sinh phát triển theo hướng khoa học. Chính vì vậy, nhiều cơ sở giáo dục, trường học đã ứng dụng STEM vào chương trình giảng dạy qua việc tổ chức các chuyên đề, ngày hội STEM với nhiều hoạt động trải nghiệm thú vị. Phương pháp giáo dục STEM này mang lại những giá trị trong việc tiếp thu những kiến thức, thông qua sáng tạo, tư duy của học sinh. Tính sáng tạo của các bạn nhỏ cũng theo đó mà không phát huy được nhiều. Vì thế, khi đưa vào giáo dục STEM ở phổ thông nói chung và môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật nói riêng là giải pháp hiệu quả, giúp các em học sinh phát triển tối đa khả năng tư duy, sáng tạo và khám phá thêm những khả năng của bản thân.

Phát huy khả năng tư duy logic, sáng tạo và giải quyết vấn đề: Với việc áp dụng những phương pháp dạy học truyền thống trước đây như: phương pháp diễn giảng, phương pháp trực quan, phương pháp thực hành,… thì hiện nay nhiều nhà trường đã áp dụng phương pháp giáo dục STEM trong quá trình dạy học, các hoạt động trải nghiệm, các chuyên đề, dự án, để học sinh có thể gắn liền giữa lý thuyết với thực hành. Bên cạnh đó giáo dục STEM còn giúp học sinh gắn kết giữa các thành viên trong lớp với nhau, trình bày các ý tưởng, quan điểm thông qua sản phẩm STEM, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề.

Mỗi tiết học sẽ đưa ra một vấn đề trong thực tiễn cần phải giải quyết bằng các kiến thức các em đã được học. Để giải quyết được chúng, các em học sinh sẽ phải tự mình tư duy, tìm tòi, ứng dụng các kiến thức liên môn, sử dụng các thiết bị hỗ trợ để tìm ra cách giải quyết cuối cùng. Đây cũng là những kỹ năng cần thiết mà các em sẽ phải sử dụng để có thể thích nghi và phát triển trong kỷ nguyên đổi mới.

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng đa dạng, nâng cao kỹ năng mềm: Giáo dục STEM ở phổ thông hướng đến việc học sinh cần linh động áp dụng kiến thức liên môn để giải quyết vấn đề trong học tập thông qua các dự án hay trò chơi dưới sự hướng dẫn giáo viên. Với mục tiêu là

tạo ra sản phẩm hay thí nghiệm thành công, học sinh cũng được rèn luyện bộ kỹ năng 4C: Tư duy phản biện (Critical thinking), Hợp tác (Collaboration), Giao tiếp (Communication) và Sáng tạo (Creativity) trong việc làm việc nhóm và tư duy cách truyền tải ý tưởng sản phẩm trước lớp.

Nuôi dưỡng đam mê học tập, sáng tạo của học sinh: Điểm đặc biệt của phương pháp giáo dục STEM đó là kích thích sự tò mò, thông qua tạo ra các sản phẩm hoặc mô hình vào việc ứng dụng thực tiễn cuộc sống khi xã hội đang càng phát triển. Thông qua việc trải nghiệm phương pháp giáo dục STEM ở bậc phổ thông giúp học sinh được "nuôi dưỡng" sự ham học hỏi và tăng khả năng tư duy để trở thành những người có ích cho xã hội.

Trong xu hướng của cách mạng công nghiệp 4.0, nguồn lao động chất lượng cao không chỉ cần có kiến thức chuyên ngành mà đòi hỏi có sự hiểu biết của liên ngành (interdisciplinary). Ngoài ra các kỹ năng sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề, tạo sản phẩm sáng tạo và làm việc nhóm ngày càng được đề cao. Trong khi đó, ảnh hưởng của khoa học, công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin dần chiếm ưu thế trên mọi mặt của đời sống. Giáo dục STEM là một hướng tiếp cận mới giúp trang bị cho học sinh những kiến thức cần thiết liên quan đến 4 lĩnh vực là khoa học (*Science*), công nghệ (*Technology*), kỹ thuật (*Engineering*) và toán (*Mathematics*). Các kiến thức và kỹ năng này gọi là năng lực STEM (*STEM literacy*). Điểm nổi bật của STEM là kết nối, liên hệ thông tin giữa các lĩnh vực vào trong thực tế cuộc sống. Quá trình dạy và học liên ngành (*interdisciplinary*) sẽ trở thành đặc trưng của xu hướng giáo dục tương lai, trong đó sẽ có những ngành nghề cũ mất đi, và sẽ có những ngành nghề mới ra đời. Quá trình dạy và học STEM cũng cần linh hoạt và đặt trong một hệ sinh thái học tập STEM (*STEM learning ecosystem*) đa dạng.

2.1.4. Định hướng giáo dục STEM trong giảng dạy môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông

Giáo dục STEM đã trở thành một xu hướng quan trọng trong giáo dục toàn cầu, giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, việc tích hợp STEM vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật không chỉ giúp học sinh hiểu sâu hơn về các nguyên lý kinh tế và pháp luật mà còn rèn luyện kỹ năng thực hành và tư duy phản biện.

Xét về đặc thù tri thức, môn Giáo dục Kinh tế Và Pháp luật chủ yếu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, tập trung vào việc trang bị kiến thức lý thuyết về kinh tế, pháp luật, đạo đức công dân và kỹ năng sống – những nội dung mang tính khái quát, về những kiến thức về pháp luật và kinh tế. Chính vì vậy, so với các môn học như Toán, Lý, Hóa hay Sinh, việc vận dụng giáo dục STEM trong Giáo dục Kinh tế và Pháp luật thường gặp nhiều hạn chế, do thiếu yếu tố kỹ thuật, công nghệ hay thực hành cụ thể. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là giáo dục STEM không thể áp dụng trong môn học này.Thực tế cho thấy, trong chương trình có một số chủ đề mang tính ứng dụng cao như "Lập kế hoạch kinh doanh", "Quản lý thu, chi trong gia đình",... là những nội dung có sự kết nối với thực tiễn đời sống, liên quan đến đến thực hành, đòi hỏi học sinh vận dụng tư duy logic, kỹ năng tính toán, sử dụng công nghệ để giải quyết vấn đề. Những chủ đề này hoàn toàn có thể tích hợp các yếu tố của giáo dục STEM thông qua hoạt động thiết kế sản phẩm, lập bảng tính tài chính, phân tích thị trường, thuyết trình kế hoạch, từ đó giúp học sinh rèn luyện năng lực sáng tạo, hợp tác, giải quyết vấn đề và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Như vậy, dù giáo dục STEM không phổ biến trong toàn bộ chương trình Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, nhưng với những chủ đề có tính thực hành và liên quan đến kỹ năng tính toán, công nghệ, hoàn toàn có thể triển khai hiệu quả phương pháp này để nâng cao chất lượng dạy học.

Trong chương trình môn Giáo dục công dân ban hành năm 2018, nội dung kinh tế được giảng dạy ở cả 3 cấp học (Đạo đức ở tiểu học, Giáo dục công dân ở Trung học cơ sở, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở THPT) gồm 4 mạch nội dung: hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng. Bốn mạch nội dung

kinh tế này được thực hiện theo nguyên tắc đồng tâm - phát triển. Một số nội dung kinh tế được trình bày lặp đi lặp lại hai hay nhiều lần, càng về sau càng được trình bày chi tiết hơn, sâu sắc hơn và đầy đủ hơn, điều này là cần thiết và hợp lý về mặt sư phạm, nhất là đối với những vấn đề kinh tế có nội dung mới, khó không thể tiếp thu ngay một lúc và nhanh chóng hiểu ngay được ở bậc Trung học phổ thông, Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh được thiết kế theo cấu trúc: giáo dục kinh tế 45%, giáo dục pháp luật 45% và kiểm tra, đánh giá 10%. Thời lượng dành cho môn học ở mỗi lớp là 70 tiết/năm học (mỗi tuần 2 tiết), các chuyên đề học tập ở mỗi lớp là 35 tiết/ năm học (tổng cộng 105 tiết).

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TT ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) trong chương trình giáo dục phổ thông; tổ chức thí điểm tại một số trường phổ thông ngay từ năm học 2017 - 2018. Nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường giáo dục những kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với những yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.. Bên cạnh đó, giáo dục STEM đã được đưa vào nhiệm vụ năm học của nhiều Sở Giáo dục và Đào tạo trên cả nước.

Đặc thù môn Giáo dục kinh tế và pháp luật hình thành, phát triển hành vi các phẩm chất và năng lực của người công dân thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, chuyển các giá trị văn hoá, đạo đức, các kiến thức pháp luật, kinh tế thành ý thức và hành vi của người công dân. Trong các phương pháp dạy học tích cực đang được triển khai hiện nay thì phương pháp giáo dục STEM là một phương pháp giảng dạy vô cùng hiệu quả trong việc phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, khai thác và phát huy được năng lực người học – một yêu cầu không thể thiếu trong giáo dục hiện nay. Có thể nhận thấy việc sự vận dụng phương pháp giáo dục STEM để dạy học vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật sẽ kích thích sự sáng tạo, sự tìm tòi và tinh thần đoàn kết của các em trong học tập, đồng thời giúp các em biết được nhiệm vụ của bản thân khi làm việc nhóm để phát huy khả năng sáng tạo, chủ động với kiến thức, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Việc định hướng tích hợp phương pháp giáo dục STEM vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật thực sự rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, học sinh có thể tạo ra các mô hình về kinh doanh, nông nghiệp, khởi nghiệp, hoặc các thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ vào quản lý tài chính,… dựa trên các công cụ hỗ trợ trí tuệ nhân tạo (AI), để học sinh có thể đưa ra những phân tích sâu hơn về kinh tế cũng như mối liên hệ giữa thực tiễn cuộc sống. Ngoài học lý thuyết ở trên lớp, giáo viên khuyến khích cho học sinh tự sáng tạo, tự nghiên cứu, trải nghiệm các mô hình thực tế ở xã hội, giúp học sinh khả năng tư duy phản biện, giải quyết các vấn đề tình huống đưa ra,.. Học sinh không chỉ tiếp cận những kiến thức mà còn có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần phát triển xã hội giàu mạnh. Những dự án như nghiên cứu khởi nghiệp, phân tích thị trường lao động,.. sẽ giúp học sinh có cái nhìn toàn diện hơn, khơi dậy tư duy chủ động, mà còn tạo ra các giá trị, đóng góp sự phát triển xã hội.

Giảng dạy môn học Giáo dục Kinh tế và Pháp luật là một quá trình mà giáo viên phải tổ chức, hướng dẫn học sinh hoạt động tự chiếm lĩnh các giá trị, chuẩn mực đạo đức, pháp luật, quy luật kinh tế thông qua việc nắm tri thức, qua thực hành rèn luyện trong và ngoài giờ học. Thông qua đó giúp học sinh có những phương thức ứng xử về đạo đức, pháp luật, văn hóa, hướng dẫn cho học sinh thực hành trong cuộc sống hàng ngày. Việc định hướng triển khai giáo dục STEM trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật như sau:

- Liên kết lý thuyết với thực tiễn

Giáo dục STEM hướng đến sự liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức trên sách vở mà còn có cơ hội áp dụng vào các tình huống thực tế. Khi triển khai trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, phương pháp này giúp học sinh xây dựng

tư duy kinh tế thông qua việc phân tích các mô hình kinh doanh, xác định cơ hội đầu tư và đánh giá tác động của chính sách tài chính.

Theo báo cáo của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2021), việc học tập theo tình huống giúp học sinh phát triển khả năng tư duy độc lập và nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Các mô hình kinh tế, chẳng hạn như kế hoạch kinh doanh thực tế hoặc phân tích thị trường lao động, là những tình huống giảng dạy hiệu quả giúp học sinh có cái nhìn tổng quan hơn về nền kinh tế và các vấn đề pháp lý liên quan.

- Học tập dựa trên dự án

Học tập dựa trên dự án (Project-Based Learning – PBL) là một trong những phương pháp quan trọng trong giáo dục STEM, giúp học sinh chủ động nghiên cứu, lập kế hoạch và triển khai ý tưởng kinh doanh. Theo nghiên cứu của Trần Thị Thanh Huyền (2020), mô hình PBL giúp học sinh nâng cao kỹ năng sáng tạo, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập tích hợp.

Trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật , phương pháp này có thể triển khai bằng cách yêu cầu học sinh thiết kế kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh, từ khâu nghiên cứu thị trường đến lập mô hình tài chính. Ngoài ra, học sinh có thể thực hiện các dự án đánh giá tác động của chính sách tài chính hoặc phân tích mô hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thông qua quá trình này, học sinh không chỉ nâng cao khả năng phân tích mà còn rèn luyện kỹ năng giao tiếp và thuyết trình.

- Kết hợp các công cụ số hóa

Trong thời kỳ chuyển đổi số, việc kết hợp công nghệ vào giảng dạy ngày càng trở thành yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả giáo dục. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (2021), việc sử dụng các nền tảng số trong giảng dạy giúp học sinh tiếp cận với nguồn dữ liệu thực tế, đồng thời nâng cao kỹ năng phân tích và đánh giá tài chính.

Các công cụ số được ứng dụng trong giảng dạy Giáo dục Kinh tế và Pháp luật bao gồm phần mềm lập kế hoạch kinh doanh như LivePlan, Misa, Fast Accounting, giúp học sinh thực hành kỹ năng tài chính và hoạch định chiến lược kinh doanh. Ngoài ra, các nền tảng phân tích thị trường trực tuyến hỗ trợ học sinh trong việc đánh giá xu hướng tiêu dùng và xác định cơ hội đầu tư. Việc kết hợp các công cụ số hóa không chỉ giúp học sinh nâng cao khả năng tiếp cận thông tin mà còn giúp họ hình thành tư duy quản lý tài chính trong thực tế.

- Phát triển kỹ năng tư duy phản biện

Trong giáo dục STEM, tư duy phản biện đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập và nghiên cứu. Đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, việc nâng cao năng lực tư duy phản biện giúp học sinh phân tích sâu hơn các vấn đề kinh tế, nhận diện rủi ro tài chính và đánh giá tính hợp pháp của các mô hình kinh doanh.

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hằng (2022), giáo dục STEM có thể thúc đẩy tư duy phản biện thông qua các hoạt động thảo luận nhóm, phân tích dữ liệu thực tế và đánh giá các chính sách kinh tế. Trong quá trình học, học sinh có thể thực hiện các bài tập phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, đánh giá tác động của biến động kinh tế hoặc thảo luận về các vấn đề pháp lý trong kinh doanh. Những hoạt động này không chỉ giúp học sinh hình thành tư duy logic mà còn nâng cao khả năng tranh luận và ra quyết định dựa trên dữ liệu thực tế.

Việc tích hợp giáo dục STEM vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật không chỉ giúp học sinh nâng cao hiểu biết về kinh tế và pháp luật mà còn tạo điều kiện để họ phát triển kỹ năng thực hành, tư duy phản biện và khả năng ứng dụng công nghệ. Các phương pháp giảng dạy như học tập theo tình huống, học tập dựa trên dự án và tích hợp công nghệ số đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục, giúp học sinh tiếp cận nền kinh tế số một cách chủ động và hiệu quả.

2.2. Thiết kế hoạt động dạy học chủ đề 4 "Lập kế hoạch kinh doanh" môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 12 theo mô hình STEM

2.2.1. Đặc thù tri thức môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 12

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trung học phổ thông giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế. Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, Đạo đức và Giáo dục công dân là các môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của các môn học có định hướng chính là giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành cho học sinh thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật

Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của học sinh; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp học sinh có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Ngoài ra, trong mỗi năm học, những học sinh có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học được chọn học một số chuyên đề. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của học sinh.

Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 được khái quát theo 3 phần: giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật, chuyên đề học tập. Chương trình được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, nhằm phát triển các năng lực và phẩm chất cho học sinh, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật là môn học tự chọn, với thời 70 tiết/ năm. Chương trình gồm 2 nội dung: giáo dục kinh tế (50% thời lượng), giáo dục pháp luật (50% thời lượng). Cấu trúc bài học gồm: mở đầu, khám phá, luyện tập, vận dụng.

Trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 chủ đề 4 là chủ đề lớn, đó là bài 5 "Lập kế hoạch kinh doanh" gồm 1 bài duy nhất. Đây là bài học có tính thực tiễn cao, giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học trên lớp để áp dụng xây dựng một kế hoạch kinh doanh cụ thể, có tính sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, chính vì vậy có tính yếu tố thực hành, tính toán, tổ chức, thuyết trình, nên chủ đề này phù hợp đối phương pháp giáo dục STEM.

2.2.2. Thiết kế hoạch dạy học chủ đề 4 "Lập kế hoạch kinh doanh" môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 12 theo mô hình STEM.

Việc vận dụng phương pháp STEM vào chủ đề 4 "Lập kế hoạch kinh doanh" đây là tiếp cận rất thực tế và hữu ích, ngoài học sinh học lý thuyết trên lớp mà qua đó còn áp dụng vào thực hành, để học sinh khám phá các vấn đề về kinh tế - xã hội hiện nay.

Chủ đề "Lập kế hoạch kinh doanh" gồm những nội dung kiến thức: Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh, khái niệm kế hoạch kinh doanh, mục tiêu kinh doanh, chiến lược kinh doanh. Những phần kiến thức có thể vận dụng vào dạy học theo mô hình STEM, gồm những các bước lập kế hoạch kinh doanh.

Khoa học (Science): Phân tích hành vi tiêu dùng, yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng (tâm lý học, xã hội học).

Công nghệ (Technology): Ứng dụng công nghệ trong khảo sát thị trường, thiết kế quảng cáo, sử dụng phần mềm lập kế hoạch (Excel, Canva...).

Kỹ thuật (Engineering): Thiết kế sản phẩm mẫu, cách tổ chức quy trình sản xuất.

Toán học (Mathematics): Dự tính chi phí, lợi nhuận, điểm hòa vốn, xây dựng bảng kế hoạch tài chính.

Thiết kế giáo án hoạt động STEM vào hoạt động nào của chủ đề "Lập kế hoạch kinh doanh"

Hoạt động 2:Tìm hiểu các bước lập kế hoạch kinh doanh

a) Mục tiêu: Học sinh hiểu được các bước lập kế hoạch kinh doanh

b) Nội dung: Giáo viên đưa ra vấn đề, học sinh thiết kế sản phẩm STEM

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu thị trường, tìm hiểu xu hướng kinh doanh bằng các phương pháp phân tích dữ liệu. - Giáo viên cho học sinh xem video về một startup thành công, sau đó đặt câu hỏi: "Điều gì giúp họ thành công?" - Học sinh áp dụng công nghệ để thu thập thông tin từ khảo sát, báo cáo ngành. ***Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập*** - Học sinh sử dụng bảng tính Excel/Google Sheets để tính toán chi phí, lợi nhuận, điểm hòa vốn. - học sinh thiết kế mô hình sản xuất, dịch vụ bằng các công cụ số hóa (Canva, Tinkercad). **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.** - Học sinh trình bày kế hoạch kinh doanh bằng các phần mềm trình chiếu, video minh họa. Học sinh phân tích dữ liệu thực tế để điều chỉnh kế hoạch kinh doanh dựa trên phản hồi. **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập** - Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh sử dụng mô hình toán học để đánh giá rủi ro tài chính, xác định chiến lược kinh doanh	**2. Các bước lập kế hoạch kinh doanh** Để lập được bản kế hoạch kinh doanh có chất lượng, đảm bảo cho việc kinh doanh thành công, cần thực hiện các bước cơ bản sau: Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh. Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh. Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh. Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý.

phù hợp. - Giáo viên hướng dẫn cách điều chỉnh kế hoạch dựa trên phân tích khoa học.	

2.3. Những khó khăn khi vận dụng phương pháp giáo dục STEM vào môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Việc ứng dụng phương pháp giáo dục STEM vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật gặp phải nhiều khó khăn đáng kể. Trước hết, cơ sở kiến thức của môn học vốn dày đặc lý thuyết lại khác với tinh thần tích hợp giữa thực tiễn và liên ngành của STEM, đòi hỏi giáo viên phải điều chỉnh lại cấu trúc bài giảng để tạo nên sự liên hệ hài hòa giữa các lĩnh vực như kinh tế, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Song song với đó, nhiều trường học vẫn đang gặp hạn chế về cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, từ các phần mềm mô phỏng đến thiết bị thực hành, làm giảm hiệu quả khi triển khai các hoạt động thực tiễn. Ngoài ra, vấn đề năng lực chuyên môn của giáo viên cũng là một trở ngại khi nhiều người quen với phương pháp dạy truyền thống cần nâng cao kiến thức liên ngành và kỹ năng sử dụng công nghệ để hướng dẫn học sinh trong các dự án học tập. Hệ thống đánh giá truyền thống dựa trên kiểm tra lý thuyết không còn phù hợp để phản ánh đầy đủ quá trình học tập và khả năng giải quyết vấn đề cũng như tư duy sáng tạo của học sinh trong môi trường STEM.

Giáo viên truyền thống thường quen với phương pháp giảng dạy lý thuyết định hướng. Việc áp dụng STEM đòi hỏi giáo viên phải nâng cao kiến thức liên ngành và kỹ năng sử dụng công nghệ, điều mà không phải giáo viên nào cũng đã được đào tạo bài bản. Hoạt động theo mô hình STEM thường đòi hỏi thời gian dạy học kéo dài hơn so với các bài giảng truyền thống. Quy hoạch bài giảng hiện tại không đủ linh hoạt để tích hợp các hoạt động dự án và thực tiễn đặc thù của STEM.

Những khó khăn trên cho thấy việc chuyển đổi sang phương pháp STEM trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật không chỉ là nhiệm vụ thay đổi phương pháp giảng dạy mà còn yêu cầu một sự đổi mới toàn diện từ cơ sở vật chất, đào tạo giáo viên cho cơ chế đánh giá học sinh. Điều này đặt ra một thách thức lớn trong bối cảnh hệ thống giáo dục hiện nay, nhưng cũng mở ra cơ hội để xem xét và cải tiến nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện các kỹ năng cần thiết trong thời đại số hiện nay.

2.4. Giải pháp vận dụng có hiệu quả phương pháp giáo dục STEM vào môn giáo dục kinh tế và pháp luật

2.4.1. Lựa chọn nội dung môn học phù hợp

Việc lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp đóng vai trò quan trọng trong quá trình triển khai giáo dục STEM vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Nội dung cần đảm bảo vừa cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế và pháp luật, vừa có tính ứng dụng thực tiễn cao để học sinh có thể vận dụng vào các tình huống thực tế.

Những nội dung phù hợp với phương pháp giáo dục STEM trong môn học này bao gồm các chủ đề có tính liên môn, giúp học sinh phát triển khả năng tư duy logic, phân tích và giải quyết vấn đề. Một số nội dung quan trọng có thể tích hợp STEM trong giảng dạy gồm:

Nền tảng kinh tế và tài chính với các khái niệm cơ bản như cung – cầu, thị trường, tài chính doanh nghiệp và quản lý ngân sách cá nhân, giúp học sinh hiểu rõ cơ chế vận hành của nền kinh tế. Việc sử dụng phần mềm mô phỏng tài chính hỗ trợ học sinh thực hành kỹ năng quản lý tài chính và dự toán chi phí kinh doanh.

Pháp luật liên quan đến kinh doanh với những nội dung về quy định pháp lý đối với doanh nghiệp, hợp đồng kinh tế, quyền sở hữu trí tuệ và trách nhiệm pháp lý của cá nhân khi tham gia hoạt động thương mại. Việc kết hợp các tình huống pháp lý thực tế giúp học sinh nâng

cao khả năng phân tích và vận dụng luật vào các tình huống cụ thể. Lập kế hoạch kinh doanh theo quy trình thực tế, từ nghiên cứu thị trường, định giá sản phẩm, xây dựng chiến lược tài chính đến triển khai phương thức tiếp thị. Việc sử dụng công nghệ số như phần mềm lập kế hoạch kinh doanh hoặc nền tảng phân tích thị trường giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách trực quan hơn, đồng thời có điều kiện thực hành các kỹ năng lập kế hoạch và quản lý doanh nghiệp.

Phân tích dữ liệu kinh tế thông qua các công cụ thống kê và phần mềm hỗ trợ, giúp học sinh đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, dự báo xu hướng thị trường và xác định các yếu tố tác động đến nền kinh tế. Việc sử dụng các công cụ số giúp học sinh tiếp cận với dữ liệu thực tế, nâng cao khả năng phân tích và ra quyết định dựa trên thông tin. Việc lựa chọn nội dung giảng dạy phù hợp không chỉ giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách có hệ thống mà còn tạo điều kiện để họ thực hành và áp dụng vào thực tế. Đây là bước đầu tiên trong việc triển khai giáo dục STEM hiệu quả vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, nhằm nâng cao năng lực học tập và ứng dụng của học sinh trong lĩnh vực kinh tế.

2.4.2. Kết hợp dạy học liên môn trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Dạy học liên môn là một phương pháp giáo dục giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách tổng hợp, kết nối nội dung từ nhiều lĩnh vực khác nhau để tạo nên sự hiểu biết sâu rộng hơn. Việc áp dụng phương pháp này trong giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật không chỉ giúp học sinh hiểu rõ hơn về các nguyên tắc kinh tế và pháp lý mà còn giúp họ hình thành tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề. Trong bối cảnh giáo dục STEM ngày càng được mở rộng, việc tích hợp dạy học liên môn vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật mang lại những lợi ích thiết thực, giúp học sinh vận dụng kiến thức một cách hiệu quả vào thực tiễn.

Nguyên tắc và phương pháp dạy học liên môn

Dạy học liên môn yêu cầu sự kết nối nội dung giữa môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật với các môn học khác như Toán học, Công nghệ thông tin, Khoa học xã hội và Quản lý tài chính. Việc tổ chức giảng dạy theo hướng liên môn cần tuân theo một số nguyên tắc như đảm bảo tính logic và hệ thống, giúp học sinh dễ dàng nhận diện sự liên quan giữa các khái niệm kinh tế và pháp luật với thực tế.

Quá trình giảng dạy cần tạo điều kiện để học sinh liên hệ kiến thức giữa các môn học và vận dụng vào các tình huống thực tiễn, từ phân tích dữ liệu tài chính, áp dụng toán học vào tính toán ngân sách đến hiểu các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. Nội dung giảng dạy phải đảm bảo khả năng ứng dụng, giúp học sinh hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế, pháp luật và công nghệ trong đời sống.

Các phương pháp có thể áp dụng để giảng dạy liên môn bao gồm học tập theo dự án, nơi học sinh thực hiện kế hoạch kinh doanh kết hợp phân tích các yếu tố tài chính, pháp lý và công nghệ. Việc học tập theo tình huống giúp học sinh tiếp cận các vấn đề thực tế, chẳng hạn như mô hình khởi nghiệp, tranh chấp hợp đồng kinh tế hay ảnh hưởng của các chính sách tài chính. Phương pháp thảo luận nhóm và phân tích dữ liệu giúp học sinh liên kết kiến thức từ nhiều môn học, đưa ra nhận định và giải pháp dựa trên cơ sở thông tin thực tế.

- Các nội dung có thể áp dụng dạy học liên môn

Việc kết hợp dạy học liên môn trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật có thể triển khai thông qua các chủ đề giảng dạy có tính liên ngành, giúp học sinh có cái nhìn tổng thể về các vấn đề kinh tế – pháp luật và ứng dụng vào thực tế. Một số nội dung quan trọng có thể triển khai gồm:

Lập kế hoạch kinh doanh giúp học sinh vận dụng kiến thức toán học để tính toán tài chính, phân tích chi phí – lợi nhuận và xác định chiến lược đầu tư. Các quy định pháp lý về

doanh nghiệp, hợp đồng, thuế và quyền sở hữu trí tuệ hỗ trợ học sinh hiểu rõ hơn về trách nhiệm pháp lý của cá nhân và tổ chức trong hoạt động kinh doanh. Ứng dụng công nghệ số trong kinh tế với việc sử dụng phần mềm kế toán, hệ thống phân tích dữ liệu tài chính và nền tảng thương mại điện tử giúp học sinh tiếp cận công nghệ trong quản lý kinh doanh. Chính sách kinh tế vĩ mô và tác động đến doanh nghiệp, bao gồm ảnh hưởng của lạm phát, tỷ giá hối đoái, chính sách tiền tệ giúp học sinh nhận diện các yếu tố kinh tế vĩ mô tác động đến hoạt động thương mại và thị trường.

- Lợi ích của phương pháp dạy học liên môn trong Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Việc áp dụng dạy học liên môn trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật mang lại nhiều lợi ích thiết thực, giúp học sinh không chỉ tiếp cận kiến thức một cách hệ thống mà còn nâng cao khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng vận dụng vào thực tế. Phương pháp này giúp học sinh hình thành tư duy đa chiều, liên kết kiến thức từ nhiều môn học khác nhau như toán học, công nghệ thông tin, tài chính và pháp luật, giúp họ có cái nhìn toàn diện hơn về nền kinh tế. Việc giải quyết các bài toán thực tế hỗ trợ học sinh rèn luyện tư duy phân tích, khả năng làm việc nhóm và nâng cao kỹ năng nghiên cứu.

Giáo viên có thể tổ chức các buổi học mang tính thực hành cao, nơi học sinh cùng nhau giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể, vận dụng kiến thức từ nhiều môn học để đưa ra các phương án hợp lý. Khi được tiếp cận nội dung theo hướng liên môn, học sinh không chỉ học lý thuyết mà còn có cơ hội thử nghiệm, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dựa trên dữ liệu thực tế.

Dạy học liên môn là một phương pháp tiếp cận quan trọng giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật theo định hướng giáo dục STEM. Khi được tiếp cận kiến thức một cách tổng hợp, học sinh không chỉ hiểu rõ hơn về các nguyên lý kinh tế và pháp luật mà còn có khả năng áp dụng vào thực tiễn, hình thành tư duy sáng tạo và linh hoạt trong giải quyết vấn đề. Đây là một hướng đi quan trọng trong đổi mới giáo dục, giúp học sinh có sự chuẩn bị tốt hơn cho thị trường lao động và sự phát triển của nền kinh tế số.

2.4.3. Đổi mới quá trình dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và nền kinh tế số đặt ra yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt là đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Môn học này không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế và pháp luật mà còn giúp học sinh rèn luyện kỹ năng phân tích, tư duy phản biện và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Việc đổi mới quá trình dạy học theo hướng tích hợp giáo dục STEM sẽ tạo điều kiện để học sinh tiếp cận các phương pháp học tập hiện đại, tăng khả năng vận dụng và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Định hướng đổi mới quá trình dạy học

Quá trình đổi mới giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cần tập trung vào những phương pháp giúp học sinh chủ động khám phá, tìm hiểu và thực hành các nội dung liên quan đến kinh tế và pháp luật. Một số định hướng quan trọng trong quá trình đổi mới bao gồm.

Áp dụng phương pháp học tập dựa trên thực tiễn giúp học sinh tiếp cận các tình huống kinh doanh, phân tích các vấn đề pháp lý và vận dụng kiến thức vào giải quyết các bài toán kinh tế. Việc đưa vào chương trình học các dự án thực tế sẽ giúp học sinh hiểu rõ hơn về cách vận hành doanh nghiệp, xử lý tranh chấp hợp đồng và đánh giá tác động của các chính sách tài chính.

Tích hợp công nghệ số vào giảng dạy tạo điều kiện để học sinh sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu, lập kế hoạch tài chính và dự báo xu hướng thị trường. Các phần mềm mô phỏng kinh doanh, nền tảng học tập trực tuyến và công cụ kế toán số sẽ giúp học sinh có trải nghiệm thực tế, nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ trong quản lý kinh doanh.

Thúc đẩy tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình học tập giúp học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức một cách hệ thống mà còn chủ động phân tích, đặt câu hỏi và tìm giải pháp

cho các vấn đề kinh tế và pháp luật. Việc tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống và trình bày kế hoạch kinh doanh sẽ hỗ trợ quá trình hình thành tư duy phản biện và khả năng làm việc nhóm.

- Các mô hình dạy học đổi mới theo giáo dục STEM

Việc đổi mới quá trình dạy học theo mô hình STEM có thể áp dụng thông qua các phương pháp giảng dạy tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục, tạo môi trường học tập linh hoạt và kích thích sự sáng tạo của học sinh.

- Học tập theo dự án giúp học sinh thực hiện các nhiệm vụ thực tế, từ việc xây dựng kế hoạch kinh doanh đến phân tích tác động kinh tế của các chính sách tài chính. Trong quá trình này, học sinh phải nghiên cứu, thử nghiệm và điều chỉnh kế hoạch dựa trên dữ liệu thực tế.

- Học tập theo tình huống cho phép học sinh tiếp cận các bài toán kinh tế – pháp luật có tính ứng dụng cao, giúp họ hiểu rõ hơn về cách xử lý các vấn đề phát sinh trong kinh doanh, đầu tư và quản lý tài chính. Ứng dụng công nghệ số vào quá trình giảng dạy giúp học sinh sử dụng phần mềm kế toán, nền tảng phân tích tài chính và công cụ hỗ trợ lập kế hoạch kinh doanh để nâng cao khả năng thực hành và thích ứng với môi trường kinh tế số.

- Lợi ích của việc đổi mới dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Việc đổi mới quá trình dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật mang lại nhiều lợi ích thiết thực, không chỉ giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách hệ thống mà còn nâng cao khả năng vận dụng vào thực tế. Phương pháp giảng dạy hiện đại giúp học sinh phát triển tư duy logic, kỹ năng phân tích và ra quyết định trong môi trường kinh doanh. Quá trình học tập theo mô hình STEM tạo cơ hội để học sinh thực hành, thử nghiệm và tối ưu hóa kế hoạch kinh doanh của riêng mình. Việc tích hợp công nghệ số giúp học sinh tiếp cận các công cụ phân tích dữ liệu và xây dựng chiến lược kinh doanh dựa trên thông tin thực tế, tạo điều kiện để họ phát triển năng lực sử dụng công nghệ trong lĩnh vực kinh tế. Các mô hình giảng dạy đổi mới còn giúp tăng cường khả năng làm việc nhóm, giao tiếp và kỹ năng thuyết trình của học sinh, góp phần nâng cao năng lực cá nhân và chuẩn bị tốt hơn cho thị trường lao động.

Đổi mới quá trình dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật theo hướng giáo dục STEM không chỉ giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách chủ động mà còn tạo điều kiện để họ thực hành, vận dụng và phát triển tư duy sáng tạo. Việc áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như học tập theo dự án, học tập theo tình huống và tích hợp công nghệ số sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, chuẩn bị nguồn nhân lực có tư duy nhạy bén và sẵn sàng thích ứng với nền kinh tế số.

3. Kết luận

Giáo dục STEM đã chứng tỏ là một phương pháp tiên tiến, có khả năng nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua việc kết hợp kiến thức liên môn và ứng dụng thực tiễn. Việc tích hợp phương pháp này vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật không chỉ giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách hệ thống mà còn tăng cường khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và phân tích dữ liệu kinh tế. Trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển nhanh chóng, việc đào tạo nguồn nhân lực có tư duy linh hoạt và khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động là một yêu cầu tất yếu. Giáo dục STEM cung cấp cho học sinh nền tảng vững chắc về kinh tế và pháp luật thông qua các hoạt động thực hành, từ việc lập kế hoạch kinh doanh đến phân tích chính sách tài chính và hiểu rõ các quy định pháp lý liên quan. Những phương pháp giảng dạy đổi mới như học tập theo dự án, học tập theo tình huống và dạy học liên môn giúp học sinh có cơ hội thực hành các mô hình kinh doanh thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, ra quyết định và đánh giá chiến lược kinh tế theo hướng khoa học.

Để đảm bảo tính hiệu quả của giáo dục STEM trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, cần có sự điều chỉnh từ nội dung giảng dạy đến phương pháp tổ chức lớp học nhằm phù hợp

với xu thế đổi mới giáo dục. Việc tích hợp công nghệ số vào giảng dạy không chỉ giúp học sinh tiếp cận với dữ liệu thực tế mà còn tăng cường khả năng phân tích và lập luận dựa trên thông tin kinh tế. Các công cụ mô phỏng tài chính, phần mềm lập kế hoạch kinh doanh và nền tảng quản lý doanh nghiệp giúp học sinh có cái nhìn trực quan hơn về hoạt động kinh tế, giúp họ hiểu sâu hơn về các yếu tố tác động đến doanh nghiệp và thị trường. Đồng thời, sự chuẩn bị về mặt đào tạo giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai mô hình giáo dục này. Giáo viên không chỉ cần hiểu rõ kiến thức kinh tế và pháp luật mà còn phải có khả năng hướng dẫn học sinh tiếp cận STEM theo cách khoa học, giúp họ khai thác tối đa tiềm năng học tập. Việc đổi mới phương pháp dạy học theo mô hình STEM trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật không chỉ cải thiện chất lượng giáo dục mà còn góp phần đào tạo nguồn nhân lực có tư duy chiến lược, khả năng sáng tạo và linh hoạt trong môi trường kinh tế số. Đây không chỉ là một bước đi chiến lược trong giáo dục mà còn là nền tảng quan trọng giúp học sinh có sự chuẩn bị vững chắc trước những thách thức của nền kinh tế hiện đại.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). Công văn số: 3089/ BGDĐT-GDTrH về triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học.

Bộ GD-ĐT. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).

Bộ giáo dục và đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục môn giáo dục kinh tế và pháp luật* (ban hành kèm theo thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018)

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. (2021). *"Công nghệ số và đổi mới phương pháp giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông."*

Đinh, T.T.H. (2024). *Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và Pháp luật tại Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tại tỉnh Hà Nam.* Tạp chí giáo dục Việt Nam

Lê, H.H. (2021). *Giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông 2018: Định hướng và tổ chức thực hiện,* Tạp chí Giáo dục, Số 516 (Kì 2 - 12/2021)

Nguyễn,V.T. (2023). *Định hướng dạy học những điểm mới về kinh tế trong môn Giáo dục kinh tế và Pháp luật ở trường trung học phổ thông,* Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Nguyễn T.T.H. (2022). "*Tư duy phản biện trong giáo dục STEM: Phân tích và đề xuất phương pháp giảng dạy"*

Nguyễn,T. K. (2019). *Giáo dục STEM/STEAM từ trải nghiệm thực hành đến tư duy sáng tạo.* NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần, T.T.T.H. (2020). "*Phương pháp học tập dựa trên dự án và ứng dụng trong giáo dục kinh tế."*

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2021). "*Tích hợp giáo dục STEM vào giảng dạy kinh tế và pháp luật trong trường phổ thông."*

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2022). "*Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy STEM và dạy học liên môn."*

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP HIỆN NAY

Lê Ngọc Cẩm Tú[1]*, Đoàn Duy Trúc Ngọc[2]

[1]Lớp ĐHGDCT22A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam.

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam.

[*]Tác giả liên hệ: Lê Ngọc Cẩm Tú, Email: 0022411578@gmail.dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Mục đích của nghiên cứu này là làm rõ các khái niệm, vai trò và yếu tố cấu thành của kỹ năng giao tiếp. Nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh đào tạo giáo viên sư phạm tại Trường Đại học Đồng Tháp. Nghiên cứu tập trung vào ba nhóm kỹ năng giao tiếp chủ yếu: lắng nghe chủ động và phản hồi xây dựng trong giảng dạy môn Giáo dục công dân/Giáo dục chính trị; xử lý xung đột, thuyết phục và lập luận trong giao tiếp với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh; giao tiếp bằng văn bản, tôn trọng và lễ phép trong quá trình học tập với thầy cô và bạn bè. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phân tích tổng hợp các luận điểm và quan điểm từ các nguồn tài liệu khoa học, nhằm xây dựng nền tảng lý luận vững chắc cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu dự kiến sẽ cung cấp cơ sở lý luận quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và chuẩn hóa kỹ năng giao tiếp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Từ khóa: *Kỹ năng giao tiếp, sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp.*

THEORETICAL FOUNDATION OF COMMUNICATION SKILLS AMONG STUDENTS MAJORING IN POLITICAL EDUCATION AT DONG THAP UNIVERSITY TODAY

Le Ngoc Cam Tu [1]*, Doan Duy Truc Ngoc[2]

[1]Class DHGDCT22A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Le Ngoc Cam Tu, Email: 0022411578@gmail.dthu.edu.vn*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

The purpose of this study is to clarify the concepts, roles, and components of communication skills in the context of teacher education at Dong Thap University. The study focuses on three main groups of communication skills: active listening and constructive feedback in teaching Civic Education/Political Education; conflict resolution, persuasion and argumentation in communication with colleagues and parents; written communication, respect and politeness in the learning process with teachers and friends. The main research method is to analyze and synthesize arguments and viewpoints from scientific sources, aiming to build a solid theoretical foundation for developing communication skills in the training process of students majoring in Political Education at Dong Thap University. The research results are expected to provide an important theoretical basis, contributing to improving the quality of training and standardizing communication skills for students majoring in Political Education at Dong Thap University.

Keywords: communication skills, students in political education, Dong Thap University.

---

1. Đặt vấn đề

Với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học công nghệ và kỹ thuật trong thời đại hiện nay, chúng ta đã chứng kiến rất nhiều thành tựu đáng kể. Những đổi mới này không chỉ giúp cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn mở ra vô vàn cơ hội mới trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, công nghiệp sáng tạo và trí tuệ nhân tạo. Bên cạnh đó, công nghệ không chỉ thay đổi công cụ sản xuất mà còn thay đổi cả cách thức giao tiếp và tương tác giữa con người trong một thế giới ngày càng kết nối. Trước thực tế đó, việc trang bị các kỹ năng mềm là điều tiên quyết, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng tiên tiến của xã hội như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thích nghi, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng sáng tạo..., và rất nhiều kỹ năng quan trọng khác, trong bối cảnh phát triển không ngừng về công nghệ, càng làm nổi bật kỹ năng giao tiếp. Kỹ năng này không chỉ giúp truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả mà còn xây dựng và duy trì các mối quan hệ xã hội tích cực, từ đó nâng cao hiệu quả công tác giáo dục. Thông qua kỹ năng không chỉ giúp mỗi cá nhân phát triển khả năng quản lý cảm xúc mà còn rèn luyện tư duy phản biện trong khi vẫn giữ được sự lịch thiệp và không làm mất lòng người khác. Tất cả những kỹ năng này đều là tài sản quý báu, giúp thế hệ trẻ có thể tự chủ và thành công trong xã hội đang phát triển mãnh liệt về EQ. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành Sư phạm, kỹ năng giao tiếp càng trở thành yếu tố then chốt trong quá trình đào tạo và hành nghề.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tương lai của đất nước, việc tạo ra những thế hệ vừa có đức vừa có tài luôn là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội và đất nước. Điều này thể hiện rõ qua việc cải cách chương trình giảng dạy, tập trung vào việc phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn có đạo đức, trách nhiệm với xã hội. Thông qua kỹ năng giao tiếp không chỉ giúp người học truyền đạt kiến thức và ý tưởng một cách rõ ràng, mà còn thể hiện khả năng ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần hợp tác. Chính vì thế, để đáp ứng yêu cầu của xã hội, sinh viên sư phạm nói chung, và sinh viên ngành Giáo dục Chính trị Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng phải rèn luyện kỹ năng giao tiếp để trở thành những giáo viên có thể xử lý những tình huống phức tạp thành đơn giản và tăng cường khả năng phản biện của bản thân, hỗ trợ trong làm việc nhóm. Kỹ năng giao tiếp này không chỉ có ý nghĩa trong thời gian học tập mà còn hỗ trợ sinh viên sư phạm trong công việc sau khi ra trường, giúp họ trở thành những giáo viên có khả năng tương tác và phát triển học sinh toàn diện.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết kết hợp các phương pháp nghiên cứu bao gồm: phân tích, tổng hợp, thu thập dữ liệu thứ cấp và quan sát thực tế.

Phương pháp phân tích: Dựa trên các khái niệm lý thuyết về kỹ năng giao tiếp, vai trò của kỹ năng giao tiếp trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục chính trị và yêu cầu thực tiễn trong môi trường sư phạm hiện nay, bài viết tiến hành phân tích nội dung các tài liệu lý luận, chính sách giáo dục và các công trình nghiên cứu liên quan. Đồng thời, tiến hành so sánh với một số mô hình đào tạo kỹ năng mềm tại các trường đại học trong và ngoài nước, từ đó làm rõ cơ sở lý luận và đưa ra những định hướng phát triển phù hợp với đặc thù đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Phương pháp thu thập dữ liệu: Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, bao gồm thu thập dữ liệu thứ cấp và quan sát. Cụ thể, dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các tài liệu khoa học, bài báo, luận văn, và các văn bản chỉ đạo về giáo dục kỹ năng giao tiếp cho sinh viên. Ngoài ra, dữ liệu còn được khai thác từ các báo cáo, chương trình đào tạo và kết quả khảo sát có sẵn. Nhóm nghiên cứu cũng tiến hành quan sát thực tế quá trình học tập, giao tiếp trong lớp học và các hoạt động ngoại khóa của sinh viên ngành Giáo dục chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp, nhằm có cái nhìn toàn diện và thực tiễn về hiện trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên hiện nay.

1.3. Kết quả nghiên cứu

Qua quá trình nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin từ các tài liệu lý luận, bảng hỏi khảo sát và phỏng vấn sâu, đề tài đã đạt được một số kết quả nổi bật sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được cơ sở khoa học liên quan đến kỹ năng giao tiếp, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò và các nhóm kỹ năng giao tiếp cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị. Trong đó, kỹ năng lắng nghe chủ động – phản hồi xây dựng; kỹ năng xử lý xung đột – thuyết phục, lập luận; kỹ năng giao tiếp văn bản và kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ trong môi trường học thuật – sư phạm được xác định là trọng tâm.

Thứ hai, kết quả khảo sát 120 sinh viên ngành Giáo dục Chính trị từ năm 1 đến năm 4 cho thấy mức độ rèn luyện kỹ năng giao tiếp còn chênh lệch giữa các khóa, trong đó sinh viên năm 3 và năm 4 có sự tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, phần lớn sinh viên vẫn còn hạn chế trong khả năng thuyết phục, phản hồi phê bình tích cực, kỹ năng viết văn bản học thuật và duy trì tác phong giao tiếp chuẩn mực trong các tình huống phức tạp.

Thứ ba, thông qua phỏng vấn giảng viên và cán bộ Đoàn – Hội, đề tài ghi nhận rằng kỹ năng giao tiếp có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực tập sư phạm, khả năng lãnh đạo tập thể, khả năng tiếp nhận phản biện và tương tác trong các lớp học tích cực. Đáng chú ý, các hoạt động ngoại khóa, diễn đàn học thuật, câu lạc bộ kỹ năng nếu được tổ chức bài bản sẽ góp phần nâng cao kỹ năng giao tiếp đáng kể cho sinh viên.

Thứ tư, nghiên cứu cũng xác định rõ những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp của sinh viên, bao gồm: tâm lý tự ti, ngại va chạm; thiếu môi trường thực hành thường xuyên; phương pháp giảng dạy chưa chú trọng phát triển kỹ năng mềm; và vai trò định hướng từ phía nhà trường, giảng viên, tổ chức Đoàn – Hội còn chưa đồng bộ.

Cuối cùng, từ những phân tích trên, đề tài đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện theo bốn cấp độ: nhà trường, giảng viên, tổ chức Đoàn – Hội và chính bản thân sinh viên. Các giải pháp chú trọng yếu tố thực tiễn, ứng dụng công nghệ và tạo động lực tự rèn luyện cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1 Khái niệm và tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp

2.1.1 Khái niệm

Có rất nhiều cách để định nghĩa về giao tiếp, đó là một hiện tượng tâm lý phức tạp ở mặt, nhiều góc độ khác nhau. Điển hình là hai phần trích dẫn của Tác giả Phạm Minh Hạc định nghĩa: *"Giao tiếp là hoạt động xác lập và vận hành các quan hệ người - người để hiện thực hoá các quan hệ xã hội".* Và tác giả Ngô Công Hoài cho rằng: *"Giao tiếp là quá trình tiếp xúc giữa con người với con người nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp". (*Nguyễn, S. H. & Trần, T. T. (2010), *Giáo trình Nhập môn khoa học giao tiếp*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, trang 15)

Từ đó bổ sung vào hệ thống lý luận về khái niệm giao tiếp của hai tác giả Nguyễn Thạc và Hoàng Anh, thông qua những lý luận trên cả hai tác giả đã nêu ra định nghĩa giao tiếp: *"Giao tiếp là hình thức đặc trưng cho mối quan hệ giữa con người với con người, qua đó nảy sinh sự tiếp xúc tâm lý, được biểu hiện ở các quá trình thông tin, hiểu biết, rung cảm ảnh hưởng và tác động qua lại lẫn nhau".* Hay trong giao tiếp với con người là một quá trình có chủ định hay không chủ định, có ý thức hay không ý thức mà trong đó các cảm xúc và tư tưởng được biểu đạt trong các thông điệp bằng ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ. Giao tiếp của con người được diễn ra ở các mức độ: trong con người (intrapersonal), giữa con người với con người (interpersonal) và công cộng (public). Giao tiếp của con người là một quá trình năng động, liên tục, bất thuận nghịch tác động qua lại và có tính chất ngữ cảnh (David K.

Berlo, 1960). (Nguyễn, B. M. (2008), *Giáo trình Nhập môn Khoa học Giao tiếp*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, trang 16.)

2.1.2 Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong đối với sinh viên

Thời đại chuyển mình để chuẩn bị cho kỷ nguyên "vươn mình" của dân tộc được xác lập từ Đại hội XIV trở đi, tại đại hội Tổng Bí thư Tô Lâm đã đề ra: "Câu hỏi lớn được đặt ra lúc này là chúng ta đã đủ thế và lực; đã đủ ý chí và quyết tâm để bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh của dân tộc hay chưa? Câu trả lời là: Đã đủ". Vấn đề bây giờ là chớp thời cơ lịch sử để tiến lên" V. T. & Lâm, Q. T. (2025) "Đại hội XIV của Đảng – Đại hội của kỷ nguyên vươn mình. *Nhân Dân điện tử*". Qua đó ta thấy nước ta sẽ tranh thủ tận dụng thời cơ để chính thức bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Theo đó, kỷ nguyên mới đòi hỏi phải tạo chuyển biến căn bản về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn xã hội trong việc giữ gìn, nuôi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực của đất nước. Vì thế Đảng và Nhà nước ta chú trọng vào lực lượng sinh viên với vai trò là những chủ nhân tương lai. Tại Nghị quyết Đại hội XIII, Đảng khẳng định: *"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của người học, trong đó chú trọng hình thành những phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực xã hội của sinh viên"* (Nghị quyết Đại hội XIII, 2021). Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của việc trang bị kỹ năng giao tiếp cho sinh viên, đây là một phần của sự phát triển về năng lực giao tiếp và năng lực xã hội của người học. Ngoài ra, kỹ năng giao tiếp còn được đề cập trong Nghị quyết 29-NQ/TW (2013), trong đó nhấn mạnh: *"Giáo dục và đào tạo phải chú trọng phát triển kỹ năng sống, năng lực giao tiếp và làm việc nhóm, giúp người học có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường đa dạng và hội nhập quốc tế"* (Nghị quyết 29-NQ/TW, 2013), một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của kỹ năng này sẽ giúp sinh viên thể hiện quan điểm, tư tưởng rõ ràng và thuyết phục, đồng thời xây dựng mối quan hệ vững chắc, phục vụ cho sự nghiệp phát triển cá nhân và đất nước. Theo Nghị quyết số 23-NQ/TW (2008), việc phát triển kỹ năng giao tiếp là cần thiết để sinh viên tự tin, chủ động và sáng tạo trong mọi tình huống. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, kỹ năng giao tiếp trở thành yếu tố quan trọng, giúp sinh viên không chỉ thành công trong học tập mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển đất nước. Không chỉ với sinh viên cả nước mà riêng sinh viên trường Đại học Đồng Tháp với triết lý giáo dục "Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập", đặc biệt qua quan điểm hội nhập, càng nhận thức rõ hơn vai trò của giao tiếp và trao đổi trong môi trường học tập hiện đại. Triết lý hội nhập không chỉ nhấn mạnh đến việc thích ứng với sự thay đổi và mở rộng tầm nhìn quốc tế, mà còn đề cao sự chủ động tương tác giữa sinh viên với giảng viên, bạn bè, và cộng đồng xung quanh. (Trường Đại học Đồng Tháp (2013). *Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục và Hệ giá trị cốt lõi*. Đồng Tháp: Trường Đại học Đồng Tháp.)

Với vai trò là một người giáo viên tương lai – không chỉ truyền tải những tri thức mà còn tuyên truyền các đường lối, chính sách tư tưởng của Đảng Nhà nước cho người học, muốn thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao, từ đó kỹ năng giao tiếp lại có vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình trao đổi học tập và giảng dạy với sinh viên ngành Giáo dục Chính Trị, suốt thời gian học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp tại trường, sinh viên sẽ tham gia trực tiếp vào những quan hệ giao tiếp, bao gồm mối quan hệ giao tiếp giữa sinh viên với giảng viên và sinh viên với học sinh trong giai đoạn thực tập và ra trường.

Thông qua việc giao tiếp hiệu quả giữa giảng viên và sinh viên, những kiến thức không chỉ được truyền đạt một cách rõ ràng mà còn khuyến khích sự tương tác, tư duy phản biện và học tập chủ động "chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học", (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, "*Báo cáo nhấn mạnh việc tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng*", tr. 232) việc sinh viên tích cực đặt những câu hỏi để cùng thảo luận với nhau và giảng viên sẽ điều hướng hoặc đặt ra những câu gợi mở vấn đề giúp sinh viên chủ động suy nghĩ, hình

thành tư duy phản biện trong các môn học nặng về lý thuyết. Các hình thức giao tiếp như thuyết trình, thảo luận nhóm, phản hồi cá nhân hay công nghệ truyền thông đều góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, từ những hình thức giao tiếp tích cực trên xây dựng lớp học không bị "một màu", chỉ có giảng viên "độc thoại" và kỹ năng giao tiếp cũng sẽ được thể hiện rất rõ tại lớp học với các hình thức trên, các bạn được tự do trình bày quan điểm của mình và sẽ được góp ý từ các bạn và thầy cô nhằm tạo ra sự phản hồi và giải đáp liên tục, hỗ trợ sinh viên ghi nhớ những kiến thức nhiều hơn so với việc chỉ để giảng viên giảng bài. Ngoài ra việc trao đổi các vấn đề còn được giảng viên liên tục cập nhật những việc "hot" các sự kiện, tin tức luôn được cập nhật trên mạng xã hội, qua đó tạo sự hiểu biết cho các bạn trong quá trình học tập trên lớp và qua các sự kiện xã hội. Việc giao tiếp thường xuyên còn giúp xây dựng môi trường học tập tích cực, tăng cường sự tự tin, cải thiện khả năng diễn đạt và tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên phát triển kỹ năng xã hội – những yếu tố cần thiết trong bối cảnh hội nhập và phát triển toàn cầu. Do đó, năng lực giao tiếp cần được chú trọng phát triển song song với kiến thức chuyên môn trong chương trình đào tạo đại học. Vì vậy với sinh viên ngành giáo dục chính trị trường Đại học Đồng Tháp, với những môn chuyên ngành các bạn sẽ giành thời gian tìm hiểu trước những nội dung bài học để tiết sau cùng thảo luận với các nhóm, từ đó giảm tải cho giảng viên về công tác giảng dạy và chính sinh viên có thể là người định hướng bản thân những nội dung cần tìm hiểu nhằm thuận tiện cho cả người dạy và người học trong việc hệ thống hoá hoặc giảng dạy những kiến thức có trong tài liệu, về phía sinh viên trong việc học tập, sinh viên tự chủ động tìm hiểu trước các nội dung để tiết sau lên lớp và thảo luận với những bạn khác. Hỗ trợ trong công tác học tập của sinh viên – sinh viên.

Kỹ năng giao tiếp sẽ thúc đẩy đến kỹ năng tự học và quản lý thời gian, tự chủ tự lập trong việc học tập từ đó nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo và năng lực sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Ngoài việc bổ trợ giao tiếp trong học tập và giảng dạy, giao tiếp tốt còn là phương pháp hữu hiệu được áp dụng trong các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Sinh viên ngành Giáo dục Chính trị không chỉ cần giao tiếp tốt trong môi trường học tập mà còn cần phải chuẩn bị cho công việc giảng dạy, tư vấn, và nghiên cứu. Việc giao tiếp hiệu quả giúp họ truyền đạt kiến thức về chính trị, xã hội đến học sinh, sinh viên, cũng như tham gia vào các hoạt động nghiên cứu chính trị và xã hội. Giao tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc trao đổi thông tin giữa người với người, hỗ trợ bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ và quan điểm cá nhân, từ đó tạo sự kết nối và thấu hiểu lẫn nhau. Không chỉ là phương tiện trao đổi thông tin và thể hiện cảm xúc về xã hội, giao tiếp còn giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, với những sinh viên sư phạm nói chung và đặc biệt cụ thể hơn đối với sinh viên ngành giáo dục chính trị tại Đại học Đồng Tháp, không chỉ làm việc tại Ban Tuyên giáo của Đảng, tham gia vào công tác tuyên truyền chính trị, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Mà các bạn sinh viên ngành giáo dục chính trị còn là người giảng dạy môn Giáo dục Công dân tại các trường phổ thông. Đây là một nhiệm vụ quan trọng, giúp học sinh hiểu về quyền và nghĩa vụ của công dân, rèn luyện thái độ sống tích cực và xây dựng nền tảng tư duy chính trị vững chắc. Nhờ vào kỹ năng giao tiếp hiệu quả, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm, tổ chức các hoạt động tranh luận để phát triển kỹ năng phản biện và khả năng tư duy logic từ đó nâng cao kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục chính trị. Kỹ năng giao tiếp có vai trò vô cùng quan trọng đối với học sinh, không chỉ trong học tập mà còn trong việc xây dựng mối quan hệ xã hội và phát triển nghề nghiệp. Bởi lẽ, "giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam" và "nền giáo dục mới gắn tài với đức, gắn sự sáng tạo của cá nhân với lợi ích của cộng đồng, tạo ra nền văn hóa bao dung, quan tâm đến mọi người và vì mọi người" Phạm, X. N. (2018). *Triết lý phát triển ở Việt Nam Mấy vấn đề cốt yếu*. Hà Nội: Sđd. (tr. 322).

Từ đó, với vai trò là giáo viên giảng dạy môn Kinh Tế Pháp Luật, người giáo viên phải có trách nhiệm đào tạo học sinh trở thành một người công dân có phẩm chất vừa có đức mà không thiếu tài. Trong những bài học về kinh tế và pháp luật cho học sinh làm người tử tế, có hiểu biết và biết chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, khuyến khích học sinh phát biểu hoặc đề ra những tình huống học tập sáng tạo. Điều đó tạo nên môi trường học tập tích cực và thúc đẩy động lực cho các em thể hiện bản thân: Một môi trường giao tiếp tích cực, cởi mở và hỗ trợ sẽ giúp học sinh cảm thấy động lực học tập cao hơn. Muốn thực hiện điều đó cần có kỹ năng giao tiếp bổ trợ, khi học sinh phát biểu ý kiến hay qua những việc làm vi phạm, nhờ có những sự quan tâm, hỗ trợ và trao đổi tận tình từ giáo viên sẽ giúp các em cảm thấy được lắng nghe và tôn trọng, từ đó có xu hướng tham gia nhiều hơn vào học tập và phát triển kỹ năng.

Ngoài việc hỗ trợ cho công tác giảng dạy sau khi ra trường, kỹ năng giao tiếp thông qua việc nghiên cứu khoa học trong thời gian ở trường, nghiên cứu khoa học có vai trò trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp khoa học phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. "Tham gia nghiên cứu khoa học sẽ giúp cho sinh viên: hiểu được làm cách nào để phát hiện chủ đề nghiên cứu; xây dựng thuyết minh đề cương; cách thức tổ chức thực hiện và giải quyết vấn đề nghiên cứu; tìm hiểu lịch sử vấn đề nghiên cứu; giải thích lý do vì sao phải nghiên cứu; lý giải mục tiêu của việc nghiên cứu; xác định đối tượng và khách thể nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu; cách đặt giả thuyết khoa học; xác định nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu; dự kiến sản phẩm nghiên cứu và cuối cùng là cách tìm kiếm nguồn tài liệu tham khảo nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu, thông qua tài liệu giúp sinh viên thu thập thông tin từ nhiều nguồn đáng tin cậy, bao gồm tài liệu nghiên cứu, dữ liệu khảo sát và ý kiến chuyên gia" **(**Võ, V. D. (2021) *Vai trò của việc nghiên cứu khoa học đối với sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa*. Nha Trang: Trường Đại học Khánh Hòa)

Hơn hết việc biết cách đặt câu hỏi đúng trọng tâm, thảo luận hiệu quả với các nhà nghiên cứu khác không chỉ giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc hơn về đề tài mà còn mở rộng phạm vi nghiên cứu, phát hiện những khía cạnh mới mà trước đó có thể chưa được chú ý. Trong quá trình nghiên cứu thực địa hoặc khảo sát xã hội, kỹ năng giao tiếp đóng vai trò trung tâm, giúp sinh viên tương tác với đối tượng khảo sát một cách chuyên nghiệp. Họ cần biết cách đặt câu hỏi phù hợp, giải thích nội dung nghiên cứu để người tham gia khảo sát hiểu và cung cấp thông tin chính xác. Việc giao tiếp hiệu quả không chỉ giúp thu thập dữ liệu thực tế có giá trị mà còn đảm bảo sự minh bạch và tính khách quan của nghiên cứu. Việc giao tiếp tốt còn giúp sinh viên làm việc nhóm hiệu quả, biết cách lắng nghe, chia sẻ ý tưởng và kết hợp kiến thức với đồng đội. Các dự án nghiên cứu thường đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều cá nhân, và nếu không có khả năng giao tiếp tốt, quá trình làm việc có thể gặp nhiều khó khăn. Một nhóm nghiên cứu hoạt động hiệu quả không chỉ dựa vào sự đóng góp chuyên môn của từng thành viên mà còn phụ thuộc vào sự trao đổi thông tin chính xác, rõ ràng và tôn trọng lẫn nhau.

Như vậy, kỹ năng giao tiếp không chỉ hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp nhận và truyền đạt tri thức khoa học mà còn giúp họ xây dựng các mối quan hệ học thuật, nâng cao năng lực hợp tác và làm việc nhóm. Điều này không chỉ có ích trong quá trình học tập mà còn là tiền đề vững chắc để sinh viên tiếp tục phát triển trong sự nghiệp nghiên cứu sau này.

2.2. Các kỹ năng giao tiếp của sinh viên ngành giáo dục chính trị hiện nay.

2.2.1. Kỹ năng lắng nghe chủ động- phản hồi xây dựng

Lắng nghe chủ động là khả năng tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ và hiểu đúng vấn đề. Đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, kỹ năng này đặc biệt quan trọng trong quá trình giảng dạy, giúp họ hiểu rõ hơn nhu cầu của học sinh, từ đó có thể cung cấp các giải pháp phù hợp. Ngược lại với đó là lắng nghe thụ động, khi rơi vào kiểu lắng nghe này giáo viên có thể không tập trung, không chú ý đến những gì người nói đang truyền đạt, có thể dễ dàng bị phân tâm bởi các yếu tố xung quanh như điện thoại, suy nghĩ riêng, hoặc chỉ đơn giản là không có

sự quan tâm đầy đủ đến câu chuyện. Trong công tác giáo dục, nếu người giáo viên rơi vào trạng thái lắng nghe thụ động thì khó có thể giải quyết xung đột giữa học sinh vì không theo dõi hết câu chuyện xung đột gây ra khó khăn trong giải quyết mâu thuẫn giữa các em. Điều này có thể làm tăng sự căng thẳng và ảnh hưởng đến không khí học tập trong lớp. Thiếu sự kết nối và hiểu biết với học sinh. Không lắng nghe tích cực có thể dẫn đến việc giáo viên không hiểu đúng nhu cầu và vấn đề của học sinh, từ đó không thể đáp ứng hiệu quả các yêu cầu học tập của học sinh. Khi giáo viên không dành thời gian để lắng nghe ý kiến và thắc mắc của học sinh, sẽ khó khăn trong việc tạo dựng một môi trường học tập cởi mở và tích cực, nơi học sinh cảm thấy thoải mái để chia sẻ suy nghĩ của mình, từ đó khiến học sinh không còn mong muốn chia sẻ với giáo viên, tạo nên khoảng cách trong quá trình giảng dạy và chủ nhiệm.

Trong quá trình giáo dục, bản thân giáo viên cũng cần trang bị cho bản thân khả năng phản hồi xây dựng, đây là kỹ năng đưa ra ý kiến, nhận xét mang tính tích cực, giúp người khác cải thiện và phát triển. Sinh viên ngành giáo dục chính trị cần có khả năng phản hồi xây dựng để giúp học sinh hiểu bài tốt hơn và phát triển tư duy. Giả sử nếu học sinh trình bày sai hay vi phạm nội dung thì giáo viên nếu có khả năng phản hồi tích cực sẽ có thể đưa ra những lời khuyên mang tính đóng góp, xây dựng từ đó mở ra tư duy so sánh, chọn lọc về những phương pháp được đề cử cho học sinh có cơ hội nhìn nhận đâu là phương pháp phù hợp với các em. Các bạn học sinh có thể cải thiện sự giao tiếp giữa học sinh và giáo viên, tránh trường hợp khi học sinh vi phạm mà có hành động gay gắt, trù dập để học sinh bị tổn thương gây ảnh hưởng tâm lý của các em. Phải cho các em trình bày suy nghĩ của mình theo "Chương trình giáo dục đổi mới với 5 phẩm chất chủ yếu và 10 năng lực cốt lõi cần phát triển. Chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng theo hướng tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, phát huy sự chủ động, sáng tạo của học sinh..." (Nguyễn, T. P ,2023) Phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học gắn với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. *Tạp chí Cộng sản)*

2.2.2. Kỹ năng khả năng xử lý xung đột - khả năng thuyết phục, lập luận

Trong quá trình hoạt động giáo dục, không khỏi tránh được những lúc sẽ xảy ra những mẫu thuẫn và để ứng xử như thế nào để đảm bảo có thể hoà giải tích cực, không ảnh hưởng tiêu cực đến ai thì phải trang bị khả năng xử lý xung đột là một phần quan trọng trong giao tiếp, đặc biệt khi làm việc với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh. Sinh viên ngành Giáo dục Chính trị cần có khả năng giữ bình tĩnh, phân tích tình huống và tìm ra giải pháp hoà giải khi xảy ra mâu thuẫn. Đứng trước một tình huống mâu thuẫn, bản thân giáo viên nên giữ được thái độ bình tĩnh và công bằng không nghiêng theo chiều hướng nào để tránh cho đối phương cảm thấy khó chịu, phải đảm bảo tính tích cực trong việc xử lý xung đột không để sau xung đột mối quan hệ giữa đồng nghiệp và bản thân bị ảnh hưởng, xử lý xung đột khéo léo có thể tránh được những sự chia rẽ và mất đoàn kết với đồng nghiệp. Với hoạt động giáo dục, giáo viên có thể tiếp xúc trực tiếp với phụ huynh học sinh thông qua các buổi họp để thảo luận về tình hình học tập của học sinh. Đôi khi những phụ huynh học sinh có đánh giá về hoạt động giảng dạy của giáo viên, trong tình thế đó giáo viên sẽ bình tĩnh, suy nghĩ cách để ứng phó với tình huống đó. Việc giữ được tâm lý bình tĩnh sẽ làm giáo viên nâng cao lòng tin với tất cả mọi người.

Khi có thái độ bình tĩnh để xử lý những xung đột ấy, một kỹ năng nữa sẽ bổ trợ cho quá trình ấy là: Khả năng thuyết phục và lập luận giúp sinh viên trình bày quan điểm, chính kiến của mình một cách mạch lạc và thuyết phục, đặc biệt trong các cuộc họp với đồng nghiệp, phụ huynh hay trong các hoạt động tư vấn chính trị. Qua việc bình tĩnh trong thời gian đó ta sẽ vận dụng những gì mình biết để lập luận và đưa ra những cách xử lý thuyết phục phù hợp với bối cảnh đó. Với đồng nghiệp có thể đưa ra những bằng chứng để thuyết phục đồng nghiệp đó tin tưởng về những sáng kiến, những kế hoạch của mình. Giả sử trong một cuộc họp đề xuất phương pháp dạy học của giáo viên, giáo viên muốn giới thiệu một phương pháp giảng dạy mới sẽ giúp học sinh hiểu bài tốt hơn. Nếu không có khả năng thuyết phục và lập luận, họ có thể gặp khó khăn trong việc thuyết phục các đồng nghiệp đồng ý và áp dụng phương pháp

này. Khi đưa ra những căn cứ để chứng minh cho sự khả thi của phương pháp này thì dự án sẽ được ủng hộ. Còn với phụ huynh học sinh khả năng thuyết phục và lập luận là một yếu tố vô cùng quan trọng vì giáo viên thường xuyên phải giải thích và trình bày kết quả học tập, phương pháp giảng dạy, hoặc các quyết định học thuật đối với phụ huynh học sinh. Việc có khả năng thuyết phục phụ huynh sẽ tạo sự hợp tác tích cực trong quá trình giáo dục học sinh. Khi phụ huynh có những thắc mắc về phương pháp giảng dạy hoặc chương trình học của con em mình, sinh viên ngành Giáo dục Chính trị cần có khả năng giải thích rõ ràng**,** thuyết phục về mục đích và lợi ích của các phương pháp này. Ví dụ**:** Một phụ huynh có thể thắc mắc về sự thay đổi trong chương trình học môn khi đó, sinh viên có thể sử dụng các lập luận hợp lý (chẳng hạn như nâng cao khả năng tư duy phản biện, hiểu biết xã hội, v.v.) để giải thích rằng phương pháp mới giúp học sinh phát triển toàn diện hơn, không chỉ học kiến thức mà còn rèn luyện kỹ năng sống.

2.2.3. Kỹ năng liên lạc bằng văn bản, tôn trọng và lễ phép

Khác hẳn so với ngày xưa, hiện nay việc trao đổi giao tiếp của giáo viên với học trò vô cùng đơn giản, linh hoạt hơn trước. Với sự phát triển của công cuộc chuyển đổi số và toàn cầu hoá như hiện nay thì việc giao tiếp qua không gian mạng là điều rất hiển nhiên, trong đó có các ứng dụng như Zalo, Facebook, Messenger,... và nhiều ứng dụng nhắn tin khác, đó gọi chung là giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp bằng văn bản là kỹ năng quan trọng giúp sinh viên thể hiện quan điểm, ý tưởng một cách rõ ràng qua các bài luận, email, hoặc báo cáo. Khi nhắn tin trao đổi công việc với thầy cô, các bạn cần lưu ý đến giờ giấc để tránh làm phiền lúc các thầy cô nghỉ ngơi hoặc nhắn tin quá muộn, với bạn bè cũng cần lưu ý sự chân thành và cởi mở điều quan trọng là luôn thể hiện sự chân thành và cởi mở**.** Bạn nên sẵn sàng chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách trung thực mà không phải lo lắng về việc bị đánh giá. Tuy nhiên, cũng cần phải biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác. Ví dụ**:** Khi gặp khó khăn trong học tập, thay vì giữ im lặng, sinh viên có thể chia sẻ với bạn bè để nhận được sự hỗ trợ hoặc lời khuyên. Điều này không chỉ giúp sinh viên giải quyết vấn đề mà còn củng cố mối quan hệ bạn bè. Ngoài ra còn có lắng nghe và thấu hiểu nghe một cách chủ động, thể hiện sự quan tâm và tôn trọng đối với cảm xúc và ý kiến của bạn bè. Việc này giúp sinh viên tạo dựng niềm tin và sự tôn trọng từ người đối diện.Ví dụ: Khi bạn bè chia sẻ về vấn đề cá nhân hay chuyện học tập, đừng vội phán xét mà hãy lắng nghe hết câu chuyện và có những phản hồi thấu cảm. Điều này sẽ giúp sinh viên giữ được sự gắn kết và mối quan hệ bền chặt.

Qua những tin nhắn giao tiếp cũng có thể đánh giá được phần nào con người của sinh viên, vì thế để trở thành một sinh viên giỏi, trong học tập và rèn luyện và ngay cả trong cách giao tiếp. Điều đó được thể hiện qua việc tôn trọng và lễ phép trong giao tiếp giúp duy trì mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô và bạn bè, tạo ra môi trường học tập lịch sự, thoải mái và hiệu quả. Với kỹ năng giao tiếp bằng văn bản cùng thầy cô, sinh viên cần phải biết cách viết các email hoặc thư từ một cách lịch sự**,** tôn trọng và chuyên nghiệp. Đây không chỉ là một yêu cầu về mặt ngữ pháp mà còn về cách thức diễn đạt để thể hiện sự tôn trọng đối với người nhận. Ví dụ: Sinh viên có những câu hỏi về bài giảng hoặc muốn xin lời khuyên từ thầy cô về một vấn đề học thuật nào đó. Việc gửi email với nội dung rõ ràng**,** tôn trọng, và chuyên nghiệp sẽ giúp tạo ấn tượng tốt với thầy cô.

3. Giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp.

3.1 Kỹ năng lắng nghe chủ động- phản hồi xây dựng

3.1.1. Đối với nhà trường và giảng viên

Cần tích hợp nội dung kỹ năng lắng nghe vào các học phần như: phương pháp giảng dạy và thực hành sư phạm. Điều này phù hợp với định hướng giáo dục lấy người học làm trung tâm theo Chương trình Giáo dục 2018, giúp sinh viên phát triển năng lực giao tiếp sư phạm chuẩn mực. Ngoài ra, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên kỹ thuật phản hồi ba bước: ghi nhận tích

cực, góp ý cụ thể và định hướng cải thiện. Đồng thời, việc giảng viên làm gương trong giao tiếp sẽ có tác động trực tiếp đến sinh viên, hỗ trợ hình thành thói quen ứng xử có văn hóa, góp phần tích cực trong công tác chủ nhiệm sau này. Đây là hình thức giáo dục ẩn hiệu quả, giúp sinh viên nhận thức được giá trị của việc lắng nghe và phản hồi tích cực, từ đó hình thành phong cách nghề nghiệp chuẩn mực.

3.1.3. Đối với tổ chức Đoàn – Hội và bản thân sinh viên

Tổ chức Đoàn – Hội nên tích cực tổ chức các buổi chia sẻ, nhằm tạo cơ hội cho sinh viên thực hành kỹ năng lắng nghe thông qua việc chia sẻ về học tập và cuộc sống. Những hoạt động này không chỉ khuyến khích sự đồng cảm mà còn thúc đẩy giao tiếp hiệu quả, giúp sinh viên cảm thấy gắn kết hơn với tổ chức Đoàn – Hội, từ đó giảm thiểu tình trạng "xa Đoàn – nhạt Đảng". Để sinh viên tích cực trong hoạt động giao tiếp, mỗi cá nhân cần chủ động luyện tập thói quen chú tâm khi nghe, không ngắt lời, không phán xét. Có thể luyện tập bằng cách ghi lại ý chính khi bạn trình bày, luyện tập phản hồi bằng lời nói tích cực, sử dụng câu hỏi gợi mở để khuyến khích người khác nói tiếp. Thực hành giao tiếp sẽ hiệu quả hơn nếu áp dụng phương pháp phản hồi bằng khung "SBI – Situation, Behavior, Impact"- là phương pháp phản hồi của tổ chức quốc tế như Center for Creative Leadership (CCL). Trong đó, chú ý các yếu tố như: Tình huống - hành vi - tác động. Dựa vào khung phản hồi ấy, sinh viên đánh giá được cụ thể tình huống có nguy hiểm hay hợp lý không, hành vi đó đúng hay sai, tác động đến nhưng ai, ít hay nhiều. Đó là, một khung phản hồi đơn giản, hiệu quả giúp sinh viên góp ý đúng trọng tâm mà không mang tính phán xét, từ đó tạo môi trường trao đổi tích cực.

3.2. Kỹ năng khả năng xử lý xung đột - khả năng thuyết phục, lập luận

3.2.1. Đối với nhà trường và giảng viên

Nhà trường có thể tổ chức các buổi hội thảo hoặc học phần đặc thù về quản lý cảm xúc và xử lý tình huống sư phạm, đặc biệt tập trung vào mâu thuẫn trong nhóm học sinh, giữa giáo viên với phụ huynh hoặc giữa đồng nghiệp với nhau. Tổ chức các buổi chuyên đề, trình bày các tình huống có mâu thuẫn, nên được mô phỏng để sinh viên đóng vai và phản ứng. Sau đó khảo sát xem ý kiến về việc xử lý tình huống của diễn viên có phù hợp với suy nghĩ của mình không, và nhờ người khảo sát đề xuất thêm những ý kiến của bản thân. Tạo không gian mở trực tiếp và trực tuyến cho sinh viên trình bày ý kiến – phản biện học thuật trong các diễn đàn, tọa đàm, lớp học đảo ngược. Lưu ý tính xây dựng và không công kích cá nhân, mà nên có những góp ý mang tính xây dựng và phát triển, từ đó chọn lọc những câu chuyện các bạn chia sẻ làm thành một chuyên đề riêng có thể dưới hình thức livestream trực tuyến chia sẻ các vấn đề và đề xuất phương pháp giải quyết và nhìn nhận với đội ngũ chuyên gia tâm lý học của trường. Giảng viên nên yêu cầu sinh viên trình bày bài tập nhóm dưới hình thức tranh biện. Trong đó, mỗi nhóm phải đưa ra quan điểm, sử dụng dẫn chứng để bảo vệ ý kiến và lắng nghe phản biện. Giảng viên cần chấm điểm phần xử lý mâu thuẫn trong quá trình hợp tác và kết quả cuối cùng. Khuyến khích thảo luận nhiều chiều, không áp đặt một chiều quan điểm cá nhân, lấy đó làm tiêu chí đánh giá.

3.2.3. Đối với tổ chức Đoàn – Hội và bản thân sinh viên.

Tổ chức Đoàn – Hội nên phát động các cuộc thi tranh biện về các vấn đề giáo dục hoặc xã hội, tạo cơ hội để sinh viên rèn luyện lập luận và thuyết phục người nghe trong môi trường đồng đẳng. Ngoài ra, các câu lạc bộ như Câu Lạc Bộ Kỹ năng sống, Câu Lạc Bộ Tư duy phản biện cũng có thể đóng vai trò bồi dưỡng kỹ năng này. Hoặc lồng ghép đánh giá kỹ năng xử lý xung đột vào tiêu chí rèn luyện sinh viên 5 tốt, cán bộ Đoàn – Hội xuất sắc; phản hồi sau mỗi buổi sinh hoạt chuyên đề, có thể xây dựng các sân chơi học thuật, để sinh viên có cơ hội rèn năng lực trình bày và xử lý bất đồng một cách văn minh. Phát triển toàn diện về kiến thức trên giảng đường đại học và trau dồi kỹ năng giao tiếp. Sinh viên cần tập luyện kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong sinh hoạt nhóm, học cách lắng nghe bên còn lại, xác định nguyên nhân mâu

thuẫn, đề xuất giải pháp trung lập và hướng đến mục tiêu chung. Rèn luyện thói quen kiểm soát cảm xúc, phản biện bằng lý lẽ chứ không công kích cá nhân, thể hiện bản lĩnh nhưng vẫn tôn trọng người đối thoại. Lưu ý tránh làm tổn thương đối phương trong quá trình thể hiện ý kiến của mình. Chủ động tự đánh giá năng lực cá nhân sau mỗi tình huống giao tiếp căng thẳng; chủ động xin phản hồi từ bạn bè, giảng viên để cải thiện phong cách giao tiếp và lập luận. Kết hợp với kỹ năng lắng nghe tích cực và phản hồi để lập nhật ký hằng ngày để nhớ lại cách mình giao tiếp, từ đó có kinh nghiệm hơn.

3.3. Kỹ năng liên lạc bằng văn bản, tôn trọng và lễ phép

3.3.1. Đối với nhà trường và giảng viên.

Nhà trường cần tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề về kỹ năng viết văn bản hành chính – sư phạm, có thể mời giảng viên chuyên ngành hoặc cán bộ giáo dục có kinh nghiệm thực tế đến để chia sẻ những kiến thức hữu ích cho sinh viên. Các sản phẩm văn bản như email, đơn xin thực tập, báo cáo thực tập,… cần được đưa vào tiêu chí đánh giá năng lực. Ngoài ra việc thực hành nhiều với soạn thảo văn bản cũng giúp sinh viên quen dần với việc gửi – nhận email học vụ, chẳng hạn như xin xác nhận giấy tờ, hẹn lịch làm việc, từ đó trang bị những kỹ năng cho cuộc sống sau này. Sinh viên có cơ hội tiếp cận gần hơn với công việc văn thư - một kỹ năng cần thiết trong môi trường giáo dục, từ đó xây dựng cách làm việc khoa học. Đổi mới tích hợp tiêu chí về kỹ năng viết đúng chuẩn và thái độ tôn trọng trong đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên, xét SV5T, học bổng hoặc kết quả rèn luyện đạo đức. Đánh giá phần nào năng lực làm việc của các bạn, giúp trao danh hiệu mang tính thiết thực hơn. Giảng viên nên giao bài tập yêu cầu viết văn bản như phản hồi email từ phụ huynh trong các học phần phương pháp giảng dạy, ghi biên bản họp nhóm với các môn chuyên ngành, yêu cầu hoạt động nhóm hay viết thông báo lớp học.Việc góp ý trực tiếp sẽ giúp sinh viên tiến bộ nhanh hơn. Lồng ghép kỹ năng viết và cách thể hiện sự tôn trọng vào tiêu chí đánh giá quá trình học tập, đặc biệt với các môn học có yếu tố giao tiếp sư phạm và nghề nghiệp. Sau khi đã lắng nghe phần trình bày, giảng viên tiến hành phản hồi rõ ràng, mẫu mực qua email làm gương trong việc sử dụng ngôn từ lịch sự, đúng thể thức trong trao đổi học thuật. Bước đầu bồi dưỡng và tạo môi trường cho sinh viên trong kỷ nguyên số, hội nhập như hiện nay.

3.3.3. Đối với tổ chức Đoàn – Hội và bản thân sinh viên

Tổ chức Đoàn – Hội có thể phát động cuộc thi liên quan đến soạn thảo văn bản, cuộc thi nhằm tăng khả năng giao tiếp lịch sự và tôn trọng trong văn bản với mọi người. Từ cuộc thi đó mang đến hiệu quả là nhiều sinh viên có thái độ tích cực, tự luyện tập bằng cách viết và gửi email đúng thể lệ cho giảng viên, tự tìm tòi các mẫu văn bản chuẩn, xây dựng thói quen kiểm tra lỗi ngữ pháp, chính tả, giọng điệu trước khi gửi văn bản đến người khác. Rèn kỹ năng viết bằng cách tự gửi email xin lịch hẹn, xin xác nhận, gửi đơn,... theo đúng chuẩn văn bản; đồng thời ghi nhớ phản hồi để cải thiện dần. Chủ động tham gia các khóa học kỹ năng viết, luyện tập cách viết email, báo cáo, thư cảm ơn... đúng quy chuẩn và thể hiện sự tôn trọng.

4. Kết luận

Kỹ năng giao tiếp giữ vai trò quan trọng với sinh viên sư phạm nói chung và với sinh viên ngành Giáo dục Chính Trị nói riêng của trường Đại học Đồng Tháp. Đây không chỉ là công cụ truyền đạt kiến thức mà còn là yếu tố then chốt trong việc xây dựng mối quan hệ, phát triển tư duy phản biện và rèn luyện khả năng ứng xử trong môi trường học thuật. Sinh viên có kỹ năng giao tiếp tốt thể hiện sự tôn trọng, lịch sự và nâng cao hiệu quả học tập, kết nối với bạn bè, thầy cô và cộng đồng học thuật. Đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, kỹ năng giao tiếp còn quan trọng hơn vì họ không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn truyền đạt, thuyết phục và dẫn dắt thế hệ sau hiểu rõ về các vấn đề chính trị, xã hội.

Hiện nay Việt Nam đang tiến vào giai đoạn phát triển mới, được gọi là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Qua đó mang lại những thành tựu đáng giá trong quá trình hội nhập

quốc tế nhằm khẳng định vị thế của đất nước trên trường quốc tế, như tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế và khu vực, đóng góp vào hòa bình, ổn định và phát triển bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, đất nước cũng đối mặt với không ít thách thức trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Để đáp ứng yêu cầu này, việc trang bị kỹ năng mềm cho tất cả người dân và riêng với sinh viên sư phạm trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, những giáo viên tương lai cần có khả năng giao tiếp hiệu quả, quản lý cảm xúc để tương tác với học sinh đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau và tuyên truyền kỹ năng giao tiếp với học sinh. Việc trang bị kỹ năng mềm giúp sinh viên sư phạm tự tin và linh hoạt trong môi trường giáo dục đa dạng và toàn cầu hóa. Kỹ năng giao tiếp không chỉ giúp họ truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả, thông qua đó xây dựng và duy trì các mối quan hệ xã hội tích cực, từ đó nâng cao hiệu quả công tác ngoại giao, hội nhập quốc tế tăng tiềm năng phát triển về kinh tế là tiền đề phát triển chính trị.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn, B. M. (2008). *Giáo trình Nhập môn Khoa học Giao tiếp*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

Nguyễn, S. H. & Trần, T. T. (2010). *Giáo trình Nhập môn khoa học giao tiếp*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

Phạm, X. N. (2018). *Triết lý phát triển ở Việt Nam Mấy vấn đề cốt yếu*. Hà Nội: Sđd.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật. *"Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng"*.

V. T. & Lâm, Q. T. (2025). Đại hội XIV của Đảng – Đại hội của kỷ nguyên vươn mình. *Nhân Dân điện tử*. Truy cập từ https://special.nhandan.vn/dai-hoi-cua-ky-nguyen-vuon-minh/index.html

Nguyễn, T. P. (2023). Phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học gắn với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. *Tạp chí Cộng sản*. Truy cập từ https://www.tapchicongsan.org.vn

Trường Đại học Đồng Tháp. (2013). *Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lý giáo dục và Hệ giá trị cốt lõi*. Đồng Tháp: Trường Đại học Đồng Tháp.

Võ, V. D. (2021). *Vai trò của việc nghiên cứu khoa học đối với sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa*. Nha Trang: Trường Đại học Khánh Hòa.

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NHẬN DIỆN CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CHO SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Trần Xuân An[1], Trương Chí Khương[1], Phan Anh[2]

[1]Lớp ĐHGDCT23A, Khoa Giáo dục Chính Trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Trần Xuân An, Email: tranxuanan20050105@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng, sinh viên nói chung và sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng, đứng trước nguy cơ tiếp xúc với nhiều quan điểm sai trái, thù địch, đặc biệt là các thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình". Bài tham luận này tập trung phân tích sự cần thiết của việc phát triển kỹ năng nhận diện các quan điểm này cho sinh viên khoa, vai trò của các chủ thể liên quan, và đề xuất một số giải pháp nhằm trang bị cho sinh viên khả năng tự bảo vệ và đóng góp vào việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước trên không gian mạng.

Từ khóa: *Quan điểm sai trái, thù địch, không gian mạng, kỹ năng nhận diện, phản biện, sinh viên, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp.*

DEVELOPING THE SKILL TO IDENTIFY FALSE AND HOSTILE VIEWPOINTS IN CYBERSPACE FOR STUDENTS OF THE FACULTY OF POLITICAL EDUCATION, DONG THAP UNIVERSITY

Trần Xuân An[1], Trương Chí Khương[1], Phan Anh[2]

[1]Class DHGDCT23A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam
[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Tran Xuan An, Email: tranxuanan20050105@gmail.com*

Article history
Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

In the context of deep international integration and the rapid development of cyberspace, students in general—and those of the Faculty of Political Education at Dong Thap University in particular—face the risk of exposure to numerous false and hostile viewpoints, especially tactics associated with the strategy of "peaceful evolution." This paper focuses on analyzing the necessity of developing students' skills in identifying such viewpoints, the roles of relevant stakeholders, and proposes several solutions to equip students with the ability to protect themselves and contribute to defending the ideological foundations of the Party and the State in cyberspace.

Keywords: *False and hostile viewpoints, cyberspace, identification skills, critical thinking, students, Faculty of Political Education, Dong Thap University.*

---

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay, việc phát triển kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị là một nhiệm vụ cấp thiết, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn cho thấy, mặc dù sinh viên đã được trang bị các kiến thức lý luận chính trị căn bản, song vẫn còn thiếu kỹ năng thực hành trong việc nhận diện, phản biện và xử lý thông tin xấu, độc. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, hiện nay có hơn 70 triệu người Việt Nam sử dụng mạng xã hội, trong đó có tới 92% thanh niên thường xuyên tiếp cận các nền tảng như Facebook, Tik Tok, YouTube (Bộ TTTT, 2023). Đây là môi trường dễ bị lợi dụng để phát tán các nội dung xuyên tạc, phản động. Những luận điệu này thường tinh vi, được ngụy trang dưới dạng "góp ý xây dựng", "phản biện xã hội", nhưng thực chất là nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, kích động chia rẽ dân tộc, chống phá chế độ. Chính vì vậy, cần tăng cường lồng ghép nội dung kỹ năng nhận diện và phản bác vào chương trình giảng dạy; tổ chức các hoạt động ngoại khóa như diễn đàn, tọa đàm, lớp tập huấn với sự tham gia của chuyên gia, nhà báo, cán bộ an ninh thông tin. Ngoài ra, việc xây dựng đội ngũ sinh viên nòng cốt có bản lĩnh, am hiểu công nghệ, tham gia đấu tranh trực tiếp trên không gian mạng là một giải pháp có tính khả thi và lâu dài. Các tổ chức Đoàn – Hội cần phát huy vai trò tiên phong bằng cách tổ chức các cuộc thi, chiến dịch truyền thông tích cực nhằm lan tỏa giá trị tốt đẹp và phản bác kịp thời những luận điệu sai trái. Theo Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, mỗi cán bộ, đảng viên, sinh viên ngành lý luận chính trị phải trở thành "chiến sĩ tiên phong" trên mặt trận tư tưởng. Như vậy, việc trang bị cho sinh viên kỹ năng nhận diện, phản biện trên không gian mạng không chỉ giúp các em tự bảo vệ mình mà còn góp phần vào sự nghiệp bảo vệ an ninh tư tưởng của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1.1. Một số khái niệm liên quan

Quan điểm sai trái, thù địch được hiểu là những tư tưởng, nhận định, lập luận có nội dung "nói xấu, bôi nhọ, xuyên tạc bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam, nói xấu lãnh tụ Đảng, Nhà nước…" và phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các quan điểm này thường có nhiều biểu hiện đa dạng, với những âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm, trắng trợn, thậm chí len lỏi phá hoại từ bên trong. Chúng có thể tấn công trực diện vào nền tảng tư tưởng của Đảng, tìm cách tách rời và đối lập chủ nghĩa Mác – Lênin với tư tưởng Hồ Chí Minh; xuyên tạc bản chất của Đảng và vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng, gọi đó là độc tài, chuyên quyền, đồng thời kêu gọi thực hiện đa nguyên, đa đảng. Bên cạnh sự chống phá trên lĩnh vực chính trị, các thế lực thù địch còn xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, thậm chí cổ súy chủ nghĩa xét lại, lật ngược sự thật lịch sử. Kỹ năng nhận diện trong bối cảnh hiện nay được hiểu là năng lực "nhận diện, phân biệt, đánh giá, đấu tranh và phản bác" các quan điểm sai trái, thù địch. Kỹ năng này đòi hỏi mỗi cá nhân, đặc biệt là sinh viên, cần có khả năng giữ vững lập trường Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm rõ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước để có thể tự trang bị khả năng nhận diện, chỉ rõ các đối tượng hoặc thành phần có khả năng tiến hành âm mưu chống phá, đồng thời sử dụng các luận cứ khoa học, thực tiễn để phản bác lại những luận điệu xuyên tạc đó. Trong bối cảnh thông tin đa chiều hiện nay, đặc biệt là trên không gian mạng, kỹ năng nhận diện còn bao gồm việc xử lý nghiêm các thông tin sai sự thật lan truyền và trang bị kiến thức, kỹ năng đấu tranh cho lực lượng thanh niên – lực lượng xung kích trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch là một tổ hợp năng lực nhận thức và hành động, cho phép cá nhân phát hiện, phân tích, đánh giá và phản bác các luận điệu sai lệch, từ đó có thể tự bảo vệ lập trường tư tưởng và tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh bảo vệ

nền tảng tư tưởng của Đảng. Cụ thể, các kỹ năng này bao gồm:

Kỹ năng nhận biết: Là khả năng phát hiện các nội dung, hình ảnh, phát ngôn hoặc bài viết có dấu hiệu xuyên tạc, sai lệch về chính trị, tư tưởng, kỹ năng này đòi hỏi sự tỉnh táo, khả năng tiếp cận thông tin có chọn lọc, nhận diện các nguồn thông tin đáng tin cậy và phân biệt với nguồn tin không chính thống, sinh viên phải nắm rõ những biểu hiện đặc trưng của các luận điệu sai trái để nhận diện sớm và chính xác. Khi một bài viết trên mạng xã hội đặt ra nghi vấn "Việt Nam có thực sự cần Đảng Cộng sản trong thời kỳ hội nhập?", sinh viên cần cảnh giác rằng đây là một kiểu dẫn dắt tinh vi mang tính phủ nhận vai trò của Đảng.

Kỹ năng phân tích: Sau khi nhận diện, người học cần có khả năng phân tích nội dung thông tin, làm rõ các luận điểm sai lệch, xác định mục tiêu, thủ đoạn và hình thức thể hiện của chúng. Kỹ năng phân tích còn bao gồm việc đặt thông tin trong bối cảnh chính trị – xã hội cụ thể để hiểu rõ mục đích tấn công tư tưởng mà các đối tượng thù địch hướng tới. Các đối tượng tung ra quan điểm cho rằng "Việt Nam không có tự do báo chí vì chỉ có một đảng cầm quyền", sinh viên phải thấy được sự đánh tráo khái niệm ở đây: họ cố tình so sánh thể chế chính trị Việt Nam với mô hình báo chí tư bản, trong khi báo chí Việt Nam có tính định hướng nhằm bảo vệ ổn định chính trị và lợi ích chung. Sự phân tích kỹ càng giúp sinh viên hiểu được động cơ phía sau các luận điệu kiểu này, thường là hướng tới gây hoài nghi, chia rẽ lòng tin vào thể chế chính trị.

Kỹ năng đánh giá: Đây là năng lực so sánh, đối chiếu giữa thông tin nhận được với những giá trị, chuẩn mực được xác lập trong hệ tư tưởng chính thống của Đảng và Nhà nước. Sinh viên cần có tư duy phản biện, khả năng đối chiếu với các tài liệu chính thống, văn kiện Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó đánh giá mức độ nguy hại và tính chất xuyên tạc của quan điểm sai trái.

*Kỹ năng phản biện và phản bác***:** Là khả năng xây dựng lập luận có cơ sở lý luận và thực tiễn để bác bỏ các quan điểm sai trái. Đây là kỹ năng then chốt thể hiện năng lực đấu tranh tư tưởng trên cả không gian mạng và thực tiễn xã hội. Kỹ năng này đòi hỏi sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên ngành mà còn có năng lực diễn đạt, viết lách, giao tiếp và sử dụng công nghệ để truyền thông hiệu quả.

Kỹ năng sử dụng công cụ số: Trong điều kiện hiện đại, kỹ năng nhận diện còn gắn với việc sử dụng công cụ công nghệ để kiểm tra, xác minh nguồn tin (fact-checking), quản lý thông tin cá nhân và tham gia đấu tranh trên nền tảng mạng xã hội. Đây là kỹ năng mới nhưng vô cùng quan trọng trong bảo vệ an ninh tư tưởng trên không gian mạng. Khi một bức ảnh lan truyền trên mạng xã hội cho rằng công an đánh dân trong một cuộc biểu tình, sinh viên hoàn toàn có thể sử dụng công cụ Google Reverse Image để kiểm tra. Kết quả cho thấy hình ảnh gốc đến từ một quốc gia khác, bị cắt ghép và gán ghép vào bối cảnh Việt Nam. Không những vậy, sinh viên còn có thể chủ động làm video phản bác ngắn, đăng tải lên Tik Tok hay Facebook, qua đó đấu tranh hiệu quả bằng chính công cụ mà các đối tượng thù địch đang lợi dụng.

Các kỹ năng trên không tồn tại đơn lẻ mà có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau và cần được phát triển toàn diện trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị. Việc hiểu rõ và xác định cụ thể các kỹ năng cần thiết sẽ là cơ sở khoa học quan trọng để từ đó đề xuất các giải pháp phát triển phù hợp trong bối cảnh hiện nay

2.1.2. Vai trò của việc phát triển kỹ năng

Tăng cường kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là trong điều kiện kẻ thù sử dụng chiến lược "diễn biến hòa bình" thông qua các thủ đoạn mềm như xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, kích động tâm lý chống đối trong thanh niên. Việc phát triển kỹ năng này giúp sinh viên nâng cao nhận thức, từ đó tự phòng vệ trước các luồng thông tin độc hại, không rơi vào trạng thái hoài nghi, dao động, tránh bị lợi dụng. Đồng thời, khi được trang bị kỹ năng nhận diện các

quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng, sinh viên không chỉ biết tiếp nhận thông tin một cách có chọn lọc mà còn có thể tham gia phản bác các luận điệu sai trái một cách hiệu quả.

Thực tiễn tại Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy, nhiều mô hình giáo dục lý tưởng cách mạng và phòng, chống "diễn biến hòa bình" đã được triển khai và phát huy hiệu quả tích cực. Các học phần về lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng – an ninh, công tác tư tưởng, hoạt động của Đoàn Thanh niên được xác định là nền tảng để hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng cho sinh viên. Tuy nhiên, việc giáo dục kỹ năng nhận diện thông tin sai lệch vẫn còn mang tính lồng ghép, chưa được hệ thống hóa rõ ràng, khiến khả năng tiếp cận và ứng dụng của sinh viên trong thực tiễn còn khá hạn chế.

2.2. Thực trạng nhận diện quan điểm sai trái của sinh viên

2.2.1. Ưu điểm

Có thể thấy rằng, sinh viên ngành Giáo dục chính trị ở các trường đại học, đặc biệt là tại Trường Đại học Đồng Tháp, đã được trang bị nền tảng lý luận tương đối vững chắc. Qua quá trình học tập các môn như Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam..., sinh viên có điều kiện tiếp cận một cách có hệ thống với các giá trị cốt lõi của lý luận cách mạng. Đa phần sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò lãnh đạo của Đảng, tầm quan trọng của việc bảo vệ nền tảng tư tưởng và có thái độ tích cực trước các vấn đề chính trị – xã hội đặt ra trên không gian mạng.

Bên cạnh đó, một số sinh viên còn chủ động trong việc tìm hiểu, tra cứu thông tin và bày tỏ quan điểm của mình trước các vấn đề xã hội, thể hiện vai trò là người học có trách nhiệm với cộng đồng. Hoạt động của Chi bộ, Đoàn Thanh niên cũng góp phần định hướng tư tưởng, giúp sinh viên nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị trong bối cảnh hiện đại. Những kết quả này cho thấy, việc giáo dục lý luận chính trị và tuyên truyền tư tưởng đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức của một bộ phận sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục chính trị Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2.2. Hạn chế

Tuy vậy, thực tế cho thấy bên cạnh những ưu điểm nêu trên, một bộ phận sinh viên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái. Trước hết, do ít có cơ hội tiếp cận thực tiễn, nhiều sinh viên thiếu kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin một cách sắc bén. Thông tin sai trái, thù địch hiện nay thường được trá hình tinh vi qua internet và mạng xã hội; một bộ phận sinh viên chưa có nhận thức đầy đủ, thiếu nền tảng tư tưởng chính trị vững vàng để kiểm chứng thông tin, từ đó dễ bị cuốn hút, lôi kéo theo những nguồn tin chưa xác thực.

Trong thời đại mà internet phát triển mạnh mẽ, các thế lực phản động ngày càng "sử dụng internet, các trang báo mạng phản động để đăng tải những nội dung chống phá, xuyên tạc, bóp méo sự thật" về vai trò lãnh đạo của Đảng. Ở điểm này, sinh viên chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng tìm kiếm, so sánh và phân tích thông tin để tự bảo vệ bản thân trước các thủ đoạn đó. Đã có không ít trường hợp tin vào những thông tin nửa vời hoặc lời đồn thổi; người có "quan điểm sai trái" thường là do "nhận thức chưa tới". Do vậy, nếu thiếu kỹ năng phản biện, không biết tự kiểm tra thông tin, sinh viên sẽ dễ bị dao động và ảnh hưởng tiêu cực trước những thông tin xấu, độc hại.

Đồng thời, do thói quen sử dụng mạng xã hội và chia sẻ thông tin nhanh, một số bạn trẻ chưa thật sự hình thành thói quen xác minh nguồn tin, còn thiếu tư duy phản biện chặt chẽ trước các luận điệu lệch lạc. Báo cáo tình hình sinh viên chỉ ra rằng, tuy sinh viên có nền tảng lý luận chính trị tốt, nhưng trong bối cảnh thông tin hiện nay, họ vẫn lo lắng trước các thủ đoạn "diễn biến hòa bình".

Chiến lược "diễn biến hòa bình" hiện nay do các thế lực thù địch tung ra ngày càng tinh

vi, trá hình dưới lớp vỏ bọc đòi quyền dân chủ, quyền tự do. Nếu sinh viên không kịp thời trang bị cho mình kỹ năng nhận diện và phản bác những luận điệu ấy, họ sẽ dễ bị lôi kéo vào các tổ chức phản động hoặc vô tình tiếp tay lan truyền thông tin sai trái mà không hay biết.

Một mặt, điều này đòi hỏi nhà trường và gia đình cần tiếp tục tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị và kỹ năng tư duy phản biện cho sinh viên. Mặt khác, bản thân sinh viên cũng cần tự học, rèn luyện để không ngừng nâng cao "sức đề kháng" về tư tưởng. Tóm lại, mặc dù sinh viên được trang bị nền tảng lý luận chính trị cơ bản, song ở khía cạnh thực tiễn nhận thức, họ còn thiếu kỹ năng nhận diện và phản bác thông tin sai lệch. Do đó, nhà trường cần chú trọng hơn đến việc bồi dưỡng các kỹ năng này trong quá trình giảng dạy.

2.3. Giải pháp phát triển kỹ năng nhận diện cho sinh viên

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đã phân tích, việc phát triển kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị cần được triển khai thông qua hệ thống giải pháp đồng bộ, vừa đảm bảo tính sư phạm, vừa phù hợp với đặc điểm của sinh viên trong giai đoạn hiện nay. Các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

2.3.1. Tăng cường lồng ghép kỹ năng nhận diện vào chương trình giảng dạy

Việc tích hợp kỹ năng nhận diện thông tin xấu, độc và quan điểm sai trái vào chương trình đào tạo giúp sinh viên không chỉ học lý thuyết mà còn biết áp dụng vào thực tiễn. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm trang bị kỹ năng sống, tư duy phản biện và khả năng xử lý thông tin là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

Lý luận giáo dục hiện đại nhấn mạnh đến "học để làm" và "học qua trải nghiệm". Vì vậy, việc chỉ truyền đạt lý thuyết là chưa đủ. Cần tích hợp tình huống thực tiễn, các ví dụ về thông tin xuyên tạc cụ thể để sinh viên phân tích, xử lý. Yêu cầu đặt ra từ góc nhìn của giáo dục chính trị - tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa. Các luận điệu sai trái, thù địch hiện diện ngày càng tinh vi trên nền tảng mạng xã hội, khiến sinh viên dễ bị cuốn vào mà không có khả năng phản kháng. Qua đó cần thiết kế các học phần tích hợp như: kỹ năng truyền thông chính trị, tư duy phản biện và xử lý thông tin trên mạng cần tổ chức các phiên tòa giả định về tin giả, bài học tranh biện về thông tin xuyên tạc. Giảng viên cần được bồi dưỡng định kỳ về kỹ năng công nghệ và cập nhật tình hình thông tin sai lệch hiện hành.

2.3.2. Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn – Hội

Tổ chức Đoàn – Hội sinh viên là lực lượng gần gũi, gắn bó mật thiết với sinh viên, có thể tạo ra các sân chơi sáng tạo để giúp sinh viên tiếp cận thông tin đúng đắn và phản bác thông tin sai trái. Thực tế cho thấy, các cuộc thi như "Tìm hiểu về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh", "Sinh viên với an ninh mạng" do Trung ương Đoàn tổ chức đã giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy phản biện và kỹ năng truyền thông chính trị.

Trong bối cảnh đấu tranh bảo vệ tư tưởng, Đoàn – Hội có thể tổ chức nhiều mô hình hoạt động dễ tiếp cận như: thi "ai là chiến sĩ tư tưởng giỏi", sân chơi "thử thách thông tin thật - giả", talkshow "nhận diện và phản biện". Được xem là hình thức "phi chính quy hóa" giáo dục tư tưởng, phù hợp với tâm lý và thị hiếu của sinh viên hiện đại (Cần vận dụng các hình thức mềm dẻo, sáng tạo để đưa nội dung chính trị vào đời sống sinh viên một cách tự nhiên, hiệu quả, Nguyễn Viết Thảo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2021). Từ đó, thúc đẩy tổ chức mời chuyên gia, nhà báo, cán bộ an ninh thông tin chia sẻ kinh nghiệm Mở rộng hợp tác với cơ quan công an, báo chí, chuyên gia an ninh mạng để có những buổi giao lưu, chia sẻ. Đồng thời, tạo thêm nhiều các câu lạc bộ "sinh viên phản biện", "cộng đồng sinh viên bảo vệ tư tưởng Đảng", mở các khóa học kỹ năng truyền thông số cho cán bộ Đoàn chủ chốt nhằm thực hiện được những bước đầu trong nền tư duy nhận thức Đoàn – Hội là nơi có thể tuyên truyền giáo dục cụ thể và tiếp thu nhanh chóng đối với các sinh viên.

2.3.3. Xây dựng đội ngũ nòng cốt "sinh viên bảo vệ nền tảng tư tưởng"

Tuyển chọn và bồi dưỡng nhóm sinh viên có năng lực, bản lĩnh, để tham gia đấu tranh trực tiếp trên không gian mạng nhằm hướng đến một bộ phận sinh viên có năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng để tham gia trực tiếp vào hoạt động tuyên truyền, đấu tranh phản bác trên không gian mạng là chiến lược được nhiều trường đại học triển khai. Đây là lực lượng "hạt nhân" trong việc lan tỏa thông tin chính thống và định hướng dư luận sinh viên.

Việc xây dựng lực lượng nòng cốt sinh viên tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng là một chiến lược mang tính phòng ngừa chủ động và phản ứng nhanh. Trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng" xác định rõ vai trò của toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Nghị quyết nhấn mạnh việc phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có Đoàn Thanh niên, trong công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho đoàn viên, thanh niên. Thông qua đó cần có kế hoạch tuyển chọn dựa trên tiêu chí về nhận thức chính trị, kỹ năng công nghệ và năng lực phản biện, bồi dưỡng chuyên sâu qua các lớp kỹ năng phản biện, bảo vệ nền tảng tư tưởng, truyền thông mạng xã hội để tạo cơ chế ghi nhận, khen thưởng cụ thể cho sinh viên hoạt động tích cực.

2.3.4. Ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội một cách chủ động

Tạo các kênh truyền thông, Fanpage phổ biến kiến thức chính trị đúng đắn, sinh viên là lực lượng sử dụng mạng xã hội thường xuyên và nhạy bén với xu hướng công nghệ. Do đó, việc xây dựng các kênh truyền thông số như fanpage, YouTube, Tik Tok với nội dung chính trị hấp dẫn, ngắn gọn, đúng đắn là cách làm hiệu quả để lan tỏa thông tin tích cực. Tại hướng dẫn số 172-HD/BTGTW ngày 21/11/2024 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện công tác lý luận chính trị năm 2025 đã nhấn mạnh việc phát huy vai trò của thế hệ trẻ trong việc tuyên truyền, giáo dục chính trị, đặc biệt là thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại như mạng xã hội. Hướng dẫn này khuyến khích việc tổ chức các phong trào thi đua học tập, chia sẻ các bài học về lý luận chính trị trên internet, mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đoàn viên, thanh niên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Để lan tỏa thông tin tích cực định hướng dư luận, không gian mạng là "chiến trường" không giới hạn, việc không chủ động, không hiện diện sẽ tạo ra "khoảng trống" để các thế lực thù địch khai thác. Do đó, phải "tấn công trực diện bằng chính công cụ của họ" – đó là công nghệ, mạng xã hội, truyền thông số. (Chúng ta không thể để trận địa mạng bị bỏ ngỏ – nếu không chiếm lĩnh, sẽ bị đối phương chiếm lĩnh, Ban Chỉ đạo 35, 2021). Mỗi trường nên có ít nhất một fanpage chính trị - tư tưởng, với nội dung ngắn gọn, đồ họa bắt mắt, ngôn ngữ gần gũi, sử dụng sinh viên nổi bật, có sức ảnh hưởng làm người truyền cảm hứng, đồng thời khuyến khích sinh viên tạo vlog, podcast, infographic phản bác thông tin sai lệch.

2.3.5. Rèn luyện kỹ năng phản biện, viết bài tham luận, làm video phản bác.

Hướng dẫn sinh viên kỹ năng lập luận, tranh luận, trình bày quan điểm có lý có tình. Kỹ năng lập luận, tranh luận và phản biện cần được rèn luyện thông qua các bài tập viết, thảo luận nhóm, hoặc tổ chức cuộc thi học thuật trong sinh viên. Các chương trình như "Diễn đàn sinh viên với an ninh tư tưởng" đã cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc nâng cao nhận thức và năng lực phản bác thông tin sai lệch.

Không thể đấu tranh nếu thiếu năng lực phản biện. Phản biện không phải là đối đầu, mà là sử dụng lý lẽ và lập luận để làm sáng tỏ chân lý, bảo vệ lẽ phải. Sinh viên cần được đào tạo bài bản về lập luận logic (tam đoạn luận, quy nạp, diễn dịch…), phát hiện lỗi ngụy biện (ad hominem, false dilemma, strawman…) và kỹ năng phản bác bằng văn bản, lời nói, hình ảnh/video. Tổ chức các workshop về "kỹ năng phản biện", "viết tham luận phản bác", mời chuyên gia truyền thông hướng dẫn cách làm video chính luận, biện luận truyền cảm hứng, đưa vào các môn học kỹ năng lập luận, sử dụng công cụ số như Canva, Premiere, CapCut để minh họa.

3. Kết luận

Trong bối cảnh thông tin ngày càng phức tạp và đa dạng, việc phát triển kỹ năng nhận diện các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng cho sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp là nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa chiến lược. Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp như đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động ngoại khóa, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên, nhà trường sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ chính trị vững vàng về tư tưởng, có khả năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và Nhà nước, đồng thời đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.

Thực tiễn cho thấy, dù đã được trang bị nền tảng lý luận chính trị, sinh viên vẫn cần được tăng cường năng lực thực hành để nhận diện, phản bác và xử lý hiệu quả các thông tin sai lệch. Trước sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội cùng với sự gia tăng mức độ tinh vi của các luận điệu xuyên tạc, sinh viên – đặc biệt là lực lượng đang theo học ngành lý luận chính trị – cần được xem như những "chiến sĩ tiên phong" trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Chính vì vậy, việc lồng ghép nội dung rèn luyện kỹ năng nhận diện và phản bác thông tin xấu, độc vào chương trình đào tạo, đồng thời tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với thực tiễn, là những giải pháp vừa mang tính cấp bách, vừa có ý nghĩa lâu dài. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của tổ chức Đoàn – Hội trong việc xây dựng đội ngũ sinh viên nòng cốt có bản lĩnh vững vàng, am hiểu công nghệ và sẵn sàng đấu tranh trên không gian mạng. Những hành động thiết thực này không chỉ góp phần nâng cao năng lực tự bảo vệ nhận thức chính trị cho sinh viên mà còn đóng góp tích cực vào sự nghiệp bảo vệ an ninh tư tưởng quốc gia trong tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

Bộ Chính trị. (2018). *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp. (2022). *Bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng*. https://bchqs.dongthap.gov.vn/en/chi-tiet-bai-viet//asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/13495930

Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo hiện trạng sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam*.

Ban Tổ chức, Ban Biên tập & Kỷ yếu. (2017). *Kỷ yếu Hội nghị Sinh viên Nghiên cứu Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp lần thứ hai, 22–4–2017*. Trường Đại học Đồng Tháp. https://gdct.dthu.edu.vn/wp-content/uploads/2021/11/KY-YEU-HNSVNCKH-NAM-2017.pdf#page=169

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. (2021). *Giáo trình Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng*. NXB Lý luận Chính trị.

Lê, Đ. H. (2024). Ngành Tuyên giáo đẩy mạnh chuyển đổi số, làm chủ "trận địa" mới. *Nhân Dân*. https://nhandan.vn/nganh-tuyen-giao-day-manh-chuyen-doi-so-lam-chu-tran-dia-moi-post822072.html

Lương, T. T. & Nguyễn, M. P. (2017). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền miệng ở Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 25*, 48–55. https://doi.org/10.52714/dthu.25.4.2017.451

Nguyễn, C. H., Lê, V. T., Nguyễn, H. T., & Triệu, T. C. T. (2025). Mô hình giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 14*(6), 25–36. https://doi.org/10.52714/dthu.14.6.2025.1519

Nguyễn, H. T., & Lê, V. T. (2025). Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay. *Tạp chí*

Khoa học Đại học Đồng Tháp, *14*(1), 111–120. https://doi.org/10.52714/dthu.14.1.2025.1482

Nguyễn, T. P. (2020). Nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. *Tạp chí Lý luận Chính trị*.

Trần, V. Đ., & Tiêu, T. S. (2020). Thực trạng và giải pháp giáo dục lòng yêu nước trong dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *9*(6), 82–91. https://doi.org/10.52714/dthu.9.6.2020.833

Trần, V. P. (2022). Kỹ năng phản biện và đấu tranh trên mạng xã hội của sinh viên ngành chính trị học. *Tạp chí Giáo dục Lý luận*.

Trần, V. T. (2024). Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 13*(9), 108–120. https://doi.org/10.52714/dthu.13.9.2024.1375

Trương, V. L. (2021). Thực trạng và giải pháp về giáo dục phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình" cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp qua học phần công tác quốc phòng và an ninh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 11*(4), 112–120. https://doi.org/10.52714/dthu.11.4.2022.973

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP RÈN LUYỆN TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH TRUNG PHỔ THÔNG THÔNG QUA MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

Võ Minh Trí[1], Nguyễn Ngọc Long[1*] , Bùi Thị Cúc[2]

[1]Lớp ĐHGDCT23A, Khoa Giáo Dục Chính Trị, Trường Sư Phạm, Trường Đại Học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Trường Trung học Phổ Thông Thiên Hộ Dương, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Ngọc Long, Email: longnguyenmdt@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Bài viết tập trung làm rõ vai trò và sự cần thiết của việc rèn luyện tư duy phản biện (TDPB) cho học sinh trung học phổ thông (THPT) trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mục tiêu chính là đề xuất một số phương pháp sư phạm hiệu quả nhằm phát triển năng lực TDPB cho học sinh thông qua môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GDKT&PL). Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát thực tế kết hợp phân tích tài liệu. Đối tượng khảo sát gồm 03 giáo viên và 60 học sinh thuộc ba khối lớp 10, 11, 12 tại Trường THPT Thiên Hộ Dương (Đồng Tháp). Nội dung khảo sát tập trung vào việc xác định các thuận lợi, khó khăn và nhu cầu thực tiễn trong quá trình rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL. Kết quả cho thấy, cả giáo viên và học sinh đều nhận thức được tầm quan trọng của TDPB, tuy nhiên việc triển khai còn gặp nhiều hạn chế. Đối với giáo viên: thiếu kỹ năng tổ chức hoạt động, phụ thuộc vào sách giáo khoa và chưa có nhiều kinh nghiệm xây dựng tình huống phản biện. Học sinh còn tâm lý e ngại, thiếu kỹ năng xử lý thông tin và chưa được tạo nhiều cơ hội thực hành. Hoạt động rèn luyện chủ yếu tập trung vào học sinh khá, giỏi, chưa bao quát toàn diện. Từ kết quả khảo sát đó, bài viết đề xuất một số phương pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện TDPB qua môn GDKT&PL.

Từ khóa: *Giáo viên, học sinh, môn GDKT&PL, rèn luyện tư duy, tư duy phản biện.*

SOME METHODS TO TRAIN CRITICAL THINKING FOR HIGH SCHOOL STUDENTS, THROUGH ECONOMIC AND LEGAL EDUCATION

Vo Minh Tri[1], Nguyen Ngoc Long[1*], Bui Thi Cuc[2]

[1]Class DHGDCT23A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, VietNam

[2]Thien Ho Duong High School, VietNam

***Corresponding author: Nguyen Ngoc Long, Email: longnguyenmdt@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

The article focuses on clarifying the role and necessity of cultivating critical thinking (CT) skills for high school students in the context of educational reform under the 2018 General Education Curriculum. The main objective is to propose several effective pedagogical methods to develop students' CT abilities through the subject of Economic and Legal Education (ELE). The study employs a combination of field surveys and document analysis. The survey subjects include 03 teachers and 60 students from grades 10, 11, and 12 at Thien Ho Duong High School (Dong Thap). The survey content centers on identifying the advantages, challenges, and practical needs in the process of fostering CT through ELE. The results show that both teachers and students are aware of the importance of CT; however, implementation still faces many limitations. For teachers, these include a lack of skills in organizing activities, reliance on textbooks, and limited experience in developing critical scenarios. Students, on the other hand, tend to be hesitant, lack information-processing skills, and are not provided with sufficient practice opportunities. CT activities are mainly directed at high-achieving students and do not comprehensively cover all learners. Based on these findings, the article proposes several specific methods to improve the effectiveness of CT development through the ELE subject.

Keywords: *Critical thinking, Cultivate thinking, Economic and Legal Education (ELE), Student, Teacher.*

---

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế đang chuyển đổi từ công nghiệp sang kinh tế tri thức, việc rèn luyện, phát triển tư duy phản biện (TDPB) cho học sinh được chú trọng theo hướng trở thành một trong những năng lực cốt lõi, cần thiết của học sinh.

Các chuyên gia giáo dục cho rằng, nếu bản thân học sinh không có khả năng TDPB thì sẽ khó khăn trong việc vượt qua các tri thức có sẵn để phát triển sáng tạo tri thức mới. Các khung chương trình tiên tiến của thế giới đều nhấn mạnh TDPB là một trong những năng lực quan trọng, giúp học sinh nhìn nhận, đánh giá các thông tin, giải quyết vấn đề một cách hiệu quả và sáng tạo.

Giáo dục Việt Nam đang có những bước tiến mạnh mẽ trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mĩ; trong đó, chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống, tạo điều kiện cho học sinh phát triển sáng tạo, tự chủ trong học tập.

Trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GDKT&PL) ở cấp THPT là môn học tự chọn trong chương trình, mục tiêu không giới hạn ở việc cung cấp kiến thức kinh tế và pháp luật cho học sinh mà còn rèn luyện khả năng vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống một cách phù hợp, có ý thức và trách nhiệm. Có thể xem đây là quá trình cốt lõi của TDPB trong môn GDKT&PL.

Thực tiễn giảng dạy cho thấy, nếu không có sự chú ý phát triển, rèn luyện TDPB, học sinh dễ rơi vào tình trạng học thuộc lòng kiến thức, tiếp nhận kiến thức thụ động, thiếu khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề một cách phù hợp, sáng tạo. Bên cạnh đó, giáo viên còn gặp khó khăn trong việc thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển và rèn luyện TDPB cho học sinh do thiếu tài liệu hướng dẫn, phương pháp phù hợp.

Việc nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp rèn luyện, phát triển tư duy phản biện là yêu cầu cần thiết góp phần đạt được mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (GDKT&PL) nói riêng, góp phần hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu này làm rõ sự cần thiết của việc phát triển năng lực tư duy phản biện (TDPB) cho HS THPT thông và đề xuất một số giải pháp rèn luyện TDPB hiệu quả cho HS qua môn GDKT&PL.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Tư duy phản biện

Tư duy phản biện là một khái niệm được quan tâm nhiều trong nền giáo dục hiện đại, được nhiều học giả nghiên cứu và phát triển từ nhiều góc độ khác nhau.

Theo Jim Wohlpart, định nghĩa về tư duy phê phán như sau: Tư duy phê phán là một phương thức tư duy trong đó người suy nghĩ phân tích có ý thức một vấn đề hoặc vấn đề, đồng thời đánh giá quá trình tư duy của chính mình. Hay Daniel T. Willingham đã định nghĩa về TDPB: “Theo cách hiểu thông thường, tư duy phản biện bao gồm việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ, sẵn sàng tiếp nhận những bằng chứng mới có thể bác bỏ quan điểm của mình, lập

luận một cách khách quan, yêu cầu các tuyên bố phải được chứng minh bằng bằng chứng, suy luận và rút ra kết luận từ các dữ kiện sẵn có, giải quyết vấn đề". Hay Joanne (1988) lại cho rằng tư duy phản biện là việc đưa ra giả thuyết hoặc kết luận về một vấn đề dựa vào sự tích hợp tất cả các thông tin có sẵn.

Tiếp cận và nghiên cứu từ góc độ giáo dục Việt Nam: Lê Hải Yến (2012) đã đưa ra quan điểm về TDPB chính là tư duy có suy xét, cân nhắc để đưa ra quyết định hợp lí khi hiểu hoặc thực hiện một vấn đề. Đó là một quá trình tư duy biện chứng bao gồm các bước phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo cách nhìn khác đối với vấn đề đã đặt ra nhằm làm rõ và kết luận tính chính xác của vấn đề. Hay theo tác giả Bùi Lan Hương (2021), TDPB là một loại năng lực thể hiện khả năng tiếp nhận và xử lí thông tin, phát hiện vấn đề, xem xét và đánh giá tình huống có vấn đề từ đó chứng minh các giả tính đúng đắn khoa học hoặc không khoa học của vấn đề. Các yếu tố cấu thành TDPB gồm có: tri thức về TDPB, văn hóa phản biện; cách thức tiến hành phản biện như: quan sát, phân tích, tổng hợp, thuyết trình, lắng nghe, đặt câu hỏi. Có thể nói, TDPB là một khái niệm đa chiều nhưng đều hướng đến mục đích tìm hiểu và làm rõ đối tượng đang được đề cập đến trong một quá trình quá trình tư duy.

2.1.2. Vai trò của tư duy phản biện

TDPB có vai trò trong việc giúp cho người học phát triển khả năng đương đầu với những khó khăn, vượt qua thử thách, cải thiện năng lực tư duy sáng tạo, hình thành khả năng học tập suốt đời, Paul và Elder (2008) đã nhận định. Hay theo nghiên cứu của Butler cùng các cộng sự (2017), TDPB là một năng lực tuy duy có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình dạy học, TDPB giúp phát triển năng lực đưa ra quyết định, giúp cải thiện khả năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, hoàn thiện quá trình tự đánh giá của bản thân. Năng lực TDPB có ảnh hưởng, cần thiết và quan trọng đối với kết quả học tập cũng như thành công của người học (D'Alessio et al., 2019). TDPB giúp HS trở nên nhạy bén, linh hoạt, đi liền với đó là khả năng tư duy bậc cao như phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng, khái quát hóa phát triển, giúp cho HS có thể lĩnh hội nhiều khái niệm phức tạp và trừu tượng (Nguyễn Hải Thanh & Nguyễn Thị Hiền, 2021). Có thể thấy, đối với HS, TDPB rất cần thiết và quan trọng trong hoạt động nhận thức, quá trình tìm tòi, khám phá tri thức khoa học. Rèn luyện TDPB cho HS không chỉ giúp các em trong học tập mà còn giúp giải quyết các vấn đề trong thực tiễn bằng những quyết định được đưa ra và chịu trách nhiệm trước những quyết định của chính mình.

2.2.3. Mối quan hệ giữa hệ thống yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật và tư duy phản biện

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là một bước tiến lớn của giáo dục Việt Nam, với trọng tâm phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh thông qua những đơn vị kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực nhằm đáp ứng yêu cầu trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập cùng các nền giáo dục thế giới và thị trường lao động quốc tế.

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp HS hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về kinh tế và pháp luật góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế (Bộ GD&ĐT, 2018). Trong nội dung các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của cấp THPT, có thể nhận thấy để đáp ứng được yêu cầu đó không thể không có TDPB, cụ thể (Bộ GD-ĐT, 2018).

Để HS đáp ứng được yêu cầu cần đạt của về phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua chương trình môn GDKT&PL thì không thể không có TDPB.

Bảng 1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất cần có TDPB

Phẩm chất	Nội dung
Yêu nước	Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.
Nhân ái	Đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
Chăm chỉ	Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.
Trung thực	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt; tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân; đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.

Bảng 2. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung cần có TDPB

Năng lực	Nội dung
Tự chủ và tự học	- Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.
Giao tiếp và hợp tác	- Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác. - Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	*ết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết qua lại và tạo ra các giải pháp mới.* *ối quan hệ giữa các phẩm chất, năng lực và Tư duy phản biện*

Bảng 3. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù cần có TDPB

Năng lực	Nội dung
Năng lực điều chỉnh hành vi	
Nhận thức chuẩn mực hành vi	- Hiểu và phân tích được trách nhiệm công dân trong việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, đường lối, chủ trương của Đảng và các chuẩn mực đạo đức trong đời sống xã hội và kinh tế. - Có kiến thức nền tảng về hội nhập kinh tế quốc tế để nhận định đúng đắn trước các tình huống xã hội.
Đánh giá hành vi của bản thân và người khác	- Có khả năng **phân tích, so sánh và đánh giá** hành vi, thái độ của bản thân và người khác dựa trên chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - Biết **ủng hộ điều đúng, phản biện điều sai**, kiên quyết đấu tranh với hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong các lĩnh vực đời sống.
Điều chỉnh hành vi	- Chủ động điều chỉnh cảm xúc, thái độ, hành vi cho phù hợp với yêu cầu đạo đức, pháp luật, thể hiện năng lực tự chủ và tư duy phản biện trong ứng xử xã hội. - Biết quản lý tài chính cá nhân hợp lý – một biểu hiện của tư duy phân tích, ra quyết định và giải quyết vấn đề hiệu quả.
Năng lực phát triển bản thân	
Tự nhận thức bản thân	- Có khả năng tự đánh giá khách quan về **điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, năng lực và mối quan hệ xã hội** của bản thân.
Lập kế hoạch phát triển bản thân	- Chủ động xây dựng **mục tiêu, kế hoạch học tập – rèn luyện – tài chính** cá nhân. - Bước đầu hình thành tư duy định hướng nghề nghiệp thông qua việc lựa chọn mô hình kinh tế, ý tưởng khởi nghiệp phù hợp.
Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân	- Chủ động hành động, biết **hỗ trợ và hợp tác** với người khác trong quá trình đạt mục tiêu. - **Linh hoạt điều chỉnh** mục tiêu, phương pháp học khi hoàn cảnh thay đổi; biết **tự đánh giá và khắc phục hạn chế** của bản thân.
Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội	
Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội	- Nắm vững kiến thức cơ bản về **chính sách kinh tế – xã hội, pháp luật, quyền công dân và hệ thống chính trị** Việt Nam. - Có khả năng **giải thích và phân tích đơn giản** các hiện tượng, vấn đề về kinh tế, pháp luật, đạo đức trong nước và quốc tế.
Tham gia hoạt	- Biết **vận dụng kiến thức để phân tích và xử lý** các tình huống thực tiễn gắn với đạo đức, pháp luật và kinh tế.

động kinh tế – xã hội	- Tham gia thảo luận, **tranh luận có lập luận** về các vấn đề xã hội đương đại. - Có khả năng **ra quyết định hợp lý**, giải quyết vấn đề cá nhân và cộng đồng trên cơ sở chuẩn mực đạo đức và pháp luật. - **Khuyến khích người khác tham gia** hoạt động cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm và tư duy phản biện tích cực trong hành động.

Mối quan hệ giữa hệ thống yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật với tư duy phản biện thể hiện rõ nét qua việc hình thành và phát triển các phẩm chất như trung thực, trách nhiệm, và năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo. Tư duy phản biện đòi hỏi người học biết đặt câu hỏi, không dễ chấp nhận thông tin một chiều, và đánh giá đa chiều các hiện tượng xã hội, điều này tương thích với yêu cầu về phẩm chất sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, và năng lực đánh giá, điều chỉnh hành vi cá nhân. Ngoài ra, năng lực đặc thù như điều chỉnh hành vi và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội cũng giúp học sinh vận dụng tư duy phản biện để xử lý tình huống thực tiễn, đánh giá đúng sai, góp phần xây dựng ý thức công dân và thái độ sống tích cực. Tư duy phản biện không chỉ là công cụ hỗ trợ học tập hiệu quả mà còn là nền tảng để hình thành năng lực công dân trong xã hội hiện đại.

2.2. Thực trạng rèn luyện tư duy phản biện cho học sinh tại các trường trung học phổ thông tại thành phố Cao Lãnh thông qua môn giáo dục kinh tế và pháp luật

2.2.1. Những thuận lợi và khó khăn trong việc rèn luyện tư duy phản biện của học sinh thông qua môn GDKT&PL

2.2.1.1. Khảo sát

Để tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn trong việc rèn luyện TDPB cho HS THPT thông qua môn GDKT&PL, chúng tôi tiến hành thực hiện khảo sát 63 đối tượng thuộc 02 nhóm, gồm: 03 giáo viên đang trực tiếp giảng dạy trực tiếp môn GDKT&PL và 60 HS đang học chương trình môn GDKT&PL tại trường THPT Thiên Hộ Dương, Tp Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp (HS được khảo sát thuộc 03 khối lớp: 10, 11, 12, mỗi khối lớp khảo sát 20 HS). Nội dung khảo sát làm rõ vấn đề thuận lợi và khó khăn, mong muốn của giáo viên, của HS trong quá trình dạy và học rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL từ đó đề xuất một số giải pháp rèn luyện TDPB hiệu quả cho HS thông qua môn GDKT&PL.

Nhóm khảo sát tiến hành khảo sát trong thời gian từ ngày 24/04/2025 đến ngày 26/04/2025 theo hình thức: điều tra bằng bảng hỏi đối với GV và HS, khảo sát được thực hiện ngẫu nhiên nhằm đảm bảo độ tin cậy và tính khách quan trong phân tích và đề xuất giải pháp.

2.2.1.2. Kết quả khảo sát

Thông qua bảng hỏi, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập và đánh giá những thuận lợi và khó khăn của GV, HS trong quá trình rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL.

Đánh giá các điều kiện thuận lợi từ phía GV và HS:

Đánh giá một cách khách quan các điều kiện thuận lợi từ phía GV, câu hỏi khảo sát được nhóm nghiên cứu đưa ra tập trung vào các vấn đề nhận thức của giáo viên: về chương trình, về sự cần thiết của TDPB đối với HS, rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL và các điều kiện thực hiện phương pháp rèn TDPB cho HS.

Kết quả cho thấy, tất cả GV đều nhận thức: Chương trình môn GDKT&PL hiện nay mang tính mới và mở nên quá trình dạy và học được tiến hành linh hoạt, do vậy có thể phát huy tối đa vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của GV và HS. Việc rèn luyện TDPB cho HS thông qua môn GDKT&PL là rất cần thiết.

Tất cả GV tham gia khảo sát đều đang áp dụng những phương pháp giảng dạy tích cực,

hướng đến phát triển tư duy phản biện cho HS như: thảo luận nhóm, giải quyết tình huống có vấn đề, tình huống thực tế, tranh luận,…

Đánh giá một cách khách quan các điều kiện thuận lợi từ phía HS, câu hỏi khảo sát được nhóm nghiên cứu đưa ra tập trung vào các vấn đề nhận thức của HS về TDPB, tầm quan trọng của TDPB, mong muốn và mức độ sẵn sàng rèn luyện TDPB, khả năng rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL.

Kết quả cho thấy, HS tham gia khảo sát đều cho rằng TDPB là rất quan trọng, nhận thức tích cực thể hiện sự thay đổi trong cách nhìn nhận của học sinh đối với năng lực ở góc độ mong muốn được rèn luyện và vận dụng TDPB vào quá trình học tập và cuộc sống, sẵn sàng phản biện khi gặp các vấn đề, thông tin, tình huống chưa phù hợp. Trong đó, môn GDKT&PL là môn học phù hợp để rèn luyện TDPB.

Đánh giá các khó khăn từ phía GV và nguyên nhân:

Câu hỏi khảo sát được nhóm nghiên cứu đưa ra tập trung vào các vấn đề khai thác nguồn học liệu có sẵn hoặc tự tạo ra nguồn học liệu trong quá trình giảng dạy, phục vụ cho hoạt động rèn luyện TDPB; sử dụng các phương pháp, kỹ thuật tích cực, kỹ năng tổ chức rèn luyện TDPB cho HS.

Kết quả khảo sát cho thấy: 100% giáo viên đánh giá nội dung kiến thức môn GDKT&PL hay nhưng mới và khó. Đồng thời một số tình huống, thông tin trong sách giáo chưa thật sự phù hợp để tổ chức hoạt động phản biện. Mặc dù tất cả GV đều tự tìm kiếm thông tin và xây dựng tình huống mới cho bài giảng của mình, song 66% GV chỉ đánh giá mức độ sẵn sàng của bản thân trong việc cập nhật thông tin, kiến thức mới ở mức trung bình. Tất cả GV đều nhận định rằng các hoạt động phản biện hiện nay chưa thu hút hoặc chỉ thu hút một bộ phận HS hoặc thu hút học sinh được ở 1 số nội dung của hoạt động. Đồng thời, 66% giáo viên cho biết họ chưa được tập huấn về phương pháp, kỹ thuật tổ chức hoạt động phản biện thường xuyên.

Đánh giá những khó khăn tiêu biểu mà GV gặp phải trong quá trình rèn luyện TDPB cho HS và nguyên nhân. Qua kết quả khảo sát cho thấy:

Thứ nhất, giáo viên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng và triển khai các tình huống có vấn đề phù hợp với nội dung giảng dạy. Thực tế cho thấy các tình huống, ví dụ được cung cấp trong sách giáo khoa chưa sát với thực tiễn và chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển tư duy phản biện cho học sinh, khiến hoạt động phản biện trong lớp học chưa đạt hiệu quả mong muốn. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do cấu trúc chương trình bộ môn đã thay đổi theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, trong khi kiến thức phần lớn là mới, nhiều vấn đề giáo viên trước đây ít có cơ hội tiếp cận. Do đó, giáo viên phải chủ động tự cập nhật, bổ sung kiến thức để thiết kế các tình huống phù hợp, đồng thời vẫn mang tâm lý phụ thuộc vào sách giáo khoa về mặt kiến thức.

Thứ hai, việc duy trì sự tích cực và hứng thú của học sinh trong các hoạt động phản biện cũng là thách thức không nhỏ đối với giáo viên. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật đòi hỏi giáo viên phải chủ động, linh hoạt trong phương pháp giảng dạy để rèn luyện và phát triển tư duy phản biện cho học sinh. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy nhiều giáo viên còn thiếu kỹ năng và kỹ thuật tổ chức các hoạt động phản biện. Điều này dẫn đến nội dung các hoạt động chưa thực sự lôi cuốn, chưa phát huy hết khả năng khám phá, tìm tòi và giải quyết vấn đề của học sinh, làm giảm sự tích cực và chủ động tham gia của các em.

Đánh giá các khó khăn từ phía HS và nguyên nhân:

Câu hỏi khảo sát được nhóm nghiên cứu đưa ra tập trung vào các vấn đề sự chủ động của HS trong rèn luyện TDPB, tần suất thực hành và rèn luyện, cách sử dụng và khai thác các nguồn thông tin học liệu, kỹ năng và sự hợp tác của HS trong rèn luyện TDPB.

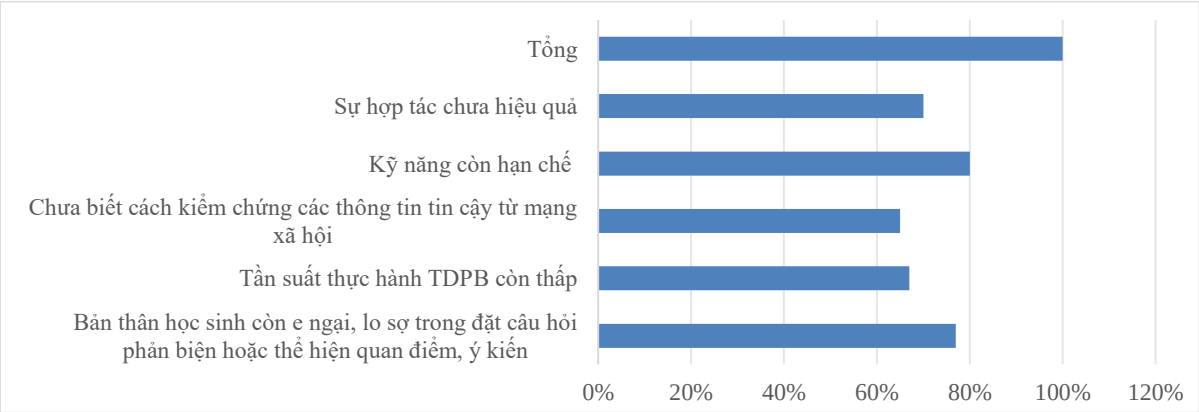

Hình 1. Những khó khăn tiêu biểu của HS trong quá trình rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL

Những khó khăn tiêu biểu mà HS gặp phải trong quá trình rèn luyện TDPB:

Một là: bản thân học sinh còn e ngại, lo sợ trong đặt câu hỏi phản biện hoặc thể hiện quan điểm, ý kiến phản biện (46/60 đối tượng khảo sát nhận thấy, chiếm tỷ lệ: 77%).

Hai là: tần suất thực hành TDPB còn thấp (40/60 đối tượng khảo sát nhận thấy, chiếm tỷ lệ 67,7%).

Ba là: chưa biết cách kiểm chứng các thông tin cậy từ mạng xã hội (39/60 đối tượng khảo sát nhận thấy, chiếm tỷ lệ 65%).

Bốn là: kỹ năng còn hạn chế (48/60 đối tượng khảo sát nhận thấy, chiếm tỷ lệ 80%).

Năm là: sự hợp tác chưa hiệu quả (42/60 đối tượng khảo sát nhận thấy, chiếm tỷ lệ 70%).

Nguyên nhân dẫn đến các khó khăn tiêu biểu của HS trong quá trình rèn luyện TDPB:

Nguyên nhân từ phía HS:

Thứ nhất: bản thân HS có tâm lý sợ nói sai, sợ bị GV và HS khác trong lớp đánh giá hoặc sợ mất lòng bạn bè, thầy cô giáo.

Thứ hai: HS thiếu thông tin liên quan hoặc thông tin quá nhiều trên mạng xã hội, mỗi nguồn thông tin lại thể hiện quan điểm khác nhau nên chưa biết cách lựa chọn và kiểm chứng các thông tin sao cho đúng.

Thứ ba: tâm lý bị động, trông chờ vào việc giao nhiệm vụ, hướng dẫn của GV, trông chờ vào các thành viên có kỹ năng, năng lực học tập khá, tốt trong quá trình làm việc nhóm.

Nguyên nhân từ phía GV:

Thứ nhất: phương pháp rèn luyện được GV tổ chức, hướng dẫn chưa hấp dẫn, đôi khi chưa phù hợp, chưa mang tính chất kích thích và ổn định trong quá trình thực hiện.

Thứ hai: hoạt động rèn luyện TDPB vẫn còn khá đơn điệu chủ yếu là thảo luận nhóm tập trung vào các tình huống, thông tin trường hợp có sẵn trong SGK.

Thứ ba: thực hiện nhiệm vụ chủ yếu tập trung vào các đối tượng HS tích cực, HS có năng lực học tập khá, tốt.

Bên cạnh khảo sát, phân tích các khó khăn tiêu biểu và nguyên nhân từ phía GV và HS trong quá trình rèn luyện TDPB, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thêm về các mong muốn, kỳ vọng của GV và HS trong rèn luyện TDPB thông qua môn GDPKT&PL. Kết quả ghi nhận: GV và HS đều thể hiện mong muốn rèn luyện TDPB thông qua môn GDKT&PL bằng việc bản thân người GV cải thiện năng lực chuyên môn; tăng cường tranh luận nhóm hiệu quả trong các tiết học; vấn đề, tình huống, thông tin sử dụng để rèn luyện TDPB phải phù hợp và

thực tế; kích thích đặt câu hỏi và phản biện; thiết lập mối quan hệ hợp tác trong quá trình học tập; thúc đẩy tư duy tìm kiếm và giải quyết vấn đề.

Tóm lại, số liệu khảo sát phản ánh thực tế học sinh THPT hiện nay đã có ý thức khá rõ ràng về tầm quan trọng của TDPB và thể hiện được tinh thần tích cực trong việc tiếp cận và rèn luyện kỹ năng này. Tuy nhiên, để TDPB trở thành một năng lực thực sự, cần có những cải tiến sâu rộng về phương pháp dạy học, môi trường giáo dục và chiến lược phát triển kỹ năng cho học sinh. Việc xây dựng một môi trường lớp học an toàn, khuyến khích học sinh học và hỗ trợ kiến thức nền tảng là những điều kiện then chốt để phát triển tư duy phản biện một cách bền vững và hiệu quả. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển TBPD cho HS thông qua môn GDKT&PL là hết sức cần thiết.

2.3. Một số giải pháp rèn luyện tư duy phản biện cho học sinh thông qua môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

2.3.1. Tăng cường vận dụng phương pháp đặt câu hỏi ngược trong dạy học

Các bước thực hiện:

Bước 1: Xác định rõ mục tiêu bài học

Trước tiên, giáo viên cần xác định được mục tiêu trọng tâm của bài học cũng như bản chất của kiến thức cần truyền tải. Phương pháp đặt câu hỏi ngược đặc biệt phát huy hiệu quả với những chủ đề có tính mở, đa chiều và gắn liền với thực tiễn đời sống. Ví dụ, trong bài 11 – Quyền bình đẳng giữa các dân tộc (môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11), học sinh không chỉ học về khái niệm bình đẳng mà còn cần hiểu vai trò của chính sách dân tộc trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đây là nội dung giàu tiềm năng để học sinh suy ngẫm, phân tích và đánh giá các vấn đề xã hội một cách sâu sắc.

Bước 2: Thiết kế hệ thống câu hỏi ngược phù hợp

Thay vì đặt ra những câu hỏi khép kín chỉ yêu cầu học sinh tái hiện kiến thức, giáo viên nên xây dựng những câu hỏi mang tính giả định, phản đề hoặc ngược chiều tư duy thông thường. Những câu hỏi này không nhằm kiểm tra kiến thức đơn thuần mà để khơi gợi tư duy phản biện và khả năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều phía.

Chẳng hạn, thay vì hỏi: "Thế nào là quyền bình đẳng giữa các dân tộc?" để khái quát khái niệm cho học sinh, giáo viên có thể hỏi:

+ "Điều gì sẽ xảy ra nếu trong xã hội vẫn tồn tại sự phân biệt đối xử giữa các dân tộc?"

+ "Việc ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số có trái với nguyên tắc bình đẳng không?"

Những câu hỏi như vậy buộc học sinh phải vận dụng cả kiến thức, thực tiễn và tư duy logic để đưa ra lập luận có chiều sâu.

Bước 3: Khuyến khích học sinh chủ động đặt câu hỏi ngược

Không chỉ giáo viên đặt câu hỏi, học sinh cũng được khuyến khích tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức bằng việc đặt câu hỏi ngược cho bạn bè hoặc nhóm thảo luận. Đây là cơ hội để các em thể hiện sự hiểu biết, góc nhìn cá nhân và khả năng dẫn dắt vấn đề.

Ví dụ: một học sinh có thể đặt câu hỏi: "Nếu mọi chức vụ lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước chỉ do người dân tộc Kinh đảm nhiệm, liệu các dân tộc khác có cảm thấy được tôn trọng không?"

Câu hỏi như vậy không chỉ gợi mở mà còn tạo điều kiện cho những cuộc trao đổi sâu sắc, góp phần định hình ý thức công bằng, tôn trọng sự đa dạng trong cộng đồng.

Bước 4: Tổ chức thảo luận nhóm nhằm đào sâu vấn đề

Sau khi các câu hỏi được đưa ra, học sinh được chia thành các nhóm nhỏ để cùng nhau phân tích, tranh luận và bảo vệ quan điểm. Việc này giúp các em hình thành kỹ năng làm việc nhóm, lắng nghe, phản hồi, cũng như làm rõ chính kiến cá nhân trên cơ sở lập luận thuyết phục.

Ví dụ, khi nhóm thảo luận câu hỏi: "Thiếu cơ hội học tập cho học sinh dân tộc thiểu số sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển toàn diện của đất nước?", học sinh có thể đưa ra các lập luận từ góc độ kinh tế, xã hội, nhân lực, qua đó nhận thức rõ vai trò của công bằng trong giáo dục và phát triển quốc gia.

Bước 5: Đánh giá quá trình học tập và phản hồi tích cực

Trong suốt quá trình học sinh thảo luận và đặt câu hỏi, giáo viên đóng vai trò là người quan sát, dẫn dắt và phản hồi. Thay vì chỉ chấm điểm đúng – sai, giáo viên nên ghi nhận nỗ lực lập luận, sự sáng tạo trong cách đặt vấn đề, khả năng lắng nghe và phản biện của học sinh. Đồng thời, giáo viên có thể bổ sung thêm kiến thức hoặc ví dụ thực tiễn để làm sâu sắc nội dung thảo luận.

Chẳng hạn, khi học sinh nêu ý kiến về sự cần thiết của đầu tư vùng dân tộc thiểu số, giáo viên có thể liên hệ đến "Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030", giúp các em kết nối bài học với thực tiễn chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đánh giá chung: Phương pháp đặt câu hỏi ngược không chỉ là công cụ giảng dạy mà còn là chất xúc tác giúp học sinh vượt ra khỏi lối học thụ động, phát triển tư duy độc lập và khả năng nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, toàn diện. Đặc biệt, trong những bài học có tính xã hội cao như quyền bình đẳng giữa các dân tộc, phương pháp này góp phần khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân và khát vọng đóng góp cho cộng đồng. Tuy nhiên, để phương pháp đạt hiệu quả cao, giáo viên cần có kỹ năng sư phạm linh hoạt, khả năng dẫn dắt thảo luận tinh tế và luôn tạo ra môi trường học tập thân thiện, tôn trọng sự khác biệt.

2.3.2. Tổ chức thường xuyên các hoạt động tranh biện trong lớp học

Các bước thực hiện:

Bước 1: Xác định chủ đề tranh biện có tính mở, mang tính thực tiễn và đa chiều

Việc lựa chọn chủ đề tranh biện cần dựa trên những nội dung trong bài học có khả năng tạo ra nhiều góc nhìn khác nhau và có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống. Chủ đề không chỉ dừng lại ở việc truyền tải kiến thức mà còn kích thích học sinh vận dụng tư duy phân tích, đánh giá, từ đó hình thành khả năng đặt câu hỏi và tìm kiếm giải pháp.

Ví dụ cụ thể với bài "Quyền bình đẳng giữa các dân tộc"

- "Chính sách ưu tiên dành cho vùng dân tộc thiểu số: Bước đi cần thiết để thực thi bình đẳng hay tiềm ẩn nguy cơ làm xói mòn nguyên tắc công bằng?"

Chủ đề này khuyến khích học sinh cân nhắc, so sánh lợi ích và thách thức của chính sách, mở ra không gian trao đổi sâu sắc và thực tiễn.

Bước 2: Tổ chức nhóm tranh biện dựa trên các lập trường đối lập rõ ràng, thúc đẩy sự thấu hiểu đa chiều

Việc chia nhóm theo các quan điểm trái chiều giúp học sinh không chỉ củng cố lập trường của mình mà còn học cách lắng nghe, thấu hiểu và phân tích quan điểm đối lập. Đây là bước quan trọng để phát triển tư duy đa chiều, tránh rập khuôn và đơn giản hóa vấn đề.

+ Nhóm ủng hộ chính sách ưu tiên nhấn mạnh vai trò của việc tạo ra sự công bằng thực chất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.

+ Nhóm phản đối đặt câu hỏi về tính công bằng tuyệt đối và tác động lâu dài của chính sách này đối với sự phát triển chung của xã hội.

Bước 3: Hướng dẫn học sinh xây dựng luận điểm, dẫn chứng và kỹ năng phản biện

Giáo viên không chỉ cung cấp kiến thức nền mà còn hướng dẫn học sinh cách khai thác tài liệu, lập luận logic và kỹ năng phản biện khoa học. Việc chuẩn bị bài bản với các luận cứ có dẫn chứng rõ ràng giúp học sinh tự tin trình bày quan điểm và đáp ứng các phản biện từ nhóm bạn.

Đây cũng là quá trình rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, và khả năng làm việc nhóm – những năng lực cốt lõi trong giáo dục hiện đại.

Bước 4: Triển khai tranh biện với phương thức linh hoạt, tạo môi trường học tập cởi mở và tôn trọng

Tùy theo điều kiện thực tế, tranh biện có thể diễn ra dưới nhiều hình thức như thảo luận nhóm, mô phỏng hội nghị, hay kết hợp với các hoạt động dự án. Trong suốt quá trình, giáo viên giữ vai trò điều phối, đảm bảo mọi học sinh đều được tham gia tích cực, đồng thời khích lệ học sinh sử dụng lý luận thay vì cảm xúc, tôn trọng ý kiến khác biệt và duy trì không khí trao đổi xây dựng.

Bước 5: Đánh giá toàn diện nhằm phát triển kỹ năng và nâng cao ý thức tự học

Đánh giá hoạt động tranh biện không chỉ dựa trên kết quả cuối cùng mà cần chú trọng vào quá trình: khả năng chuẩn bị, kỹ năng trình bày, tính logic trong lập luận, kỹ năng lắng nghe và phản biện. Việc áp dụng các hình thức đánh giá đa chiều như tự đánh giá, đánh giá đồng đội, đánh giá của giáo viên góp phần tạo động lực phát triển lâu dài cho học sinh.

Đánh giá chung: Tổ chức hoạt động tranh biện thường xuyên không chỉ giúp học sinh chủ động lĩnh hội kiến thức mà còn phát triển sâu sắc kỹ năng tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong thực tế. Hoạt động này còn góp phần nâng cao ý thức công dân, tinh thần trách nhiệm xã hội và khả năng làm việc nhóm – những phẩm chất thiết yếu trong môi trường xã hội hiện đại.

Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả, giáo viên cần thiết kế chủ đề phù hợp, tổ chức linh hoạt và tạo môi trường học tập an toàn, khuyến khích mọi học sinh tham gia. Đồng thời, giáo viên cần kiên nhẫn hướng dẫn kỹ năng tranh biện khoa học để tránh trường hợp tranh luận mang tính cảm xúc hoặc mất kiểm soát.

2.3.3. Rèn luyện kỹ năng phân tích vấn đề theo phương pháp 5W1H

Các bước thực hiện:

Bước 1: Giới thiệu phương pháp 5W1H

Giáo viên trình bày rõ ràng và cụ thể ý nghĩa của sáu câu hỏi nền tảng trong phương pháp 5W1H:

+ What (Cái gì): Xác định bản chất, nội dung của vấn đề.

+ Why (Tại sao): Phân tích nguyên nhân, động cơ hoặc lý do dẫn đến sự việc.

+ Who (Ai): Xác định chủ thể liên quan, những người ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp.

+ When (Khi nào): Thời điểm hoặc giai đoạn diễn ra vấn đề.

+ Where (Ở đâu): Địa điểm, phạm vi ảnh hưởng hoặc bối cảnh xảy ra.

+ How (Như thế nào): Cách thức, phương pháp hoặc quá trình xảy ra hoặc giải quyết vấn đề.

Bước 2: Áp dụng vào tình huống thực tế

Giáo viên cung cấp một tình huống cụ thể, gắn liền với chủ đề bài học "Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường", yêu cầu học sinh vận dụng phương pháp 5W1H để phân tích toàn diện

tình huống.

Ví dụ tình huống: "Một số doanh nghiệp trong cùng ngành thực hiện chiến lược hạ giá sản phẩm xuống thấp hơn giá thành nhằm cạnh tranh, gây tổn thất nghiêm trọng cho các doanh nghiệp khác và làm méo mó thị trường".

Học sinh sẽ dùng 5W1H để phân tích:

+ What?: Hành vi hạ giá dưới giá thành là gì?

+ Why?: Tại sao doanh nghiệp lại chọn phương thức này?

+ Who?: Ai là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hành vi này?

+ When?: Hành vi này thường diễn ra vào thời điểm nào?

+ Where?: Xảy ra ở ngành hàng, khu vực hay thị trường nào?

+ How?: Cách thức thực hiện hành vi này và các biện pháp có thể khắc phục?

Bước 3: Thảo luận nhóm

Chia lớp thành các nhóm nhỏ, các nhóm cùng thảo luận chi tiết từng câu hỏi 5W1H dựa trên tình huống đã cho. Qua đó, học sinh phát triển kỹ năng phân tích, làm việc nhóm và xây dựng lập luận khoa học, logic.

Bước 4: Trình bày và phản biện

Mỗi nhóm trình bày kết quả phân tích của mình trước lớp. Các nhóm khác sẽ đặt câu hỏi, góp ý và phản biện để làm rõ thêm vấn đề. Giáo viên điều phối giúp duy trì không khí trao đổi cởi mở, tôn trọng và tập trung vào lý luận.

Bước 5: Đánh giá và góp ý

Giáo viên đánh giá toàn diện quá trình phân tích và trình bày của học sinh dựa trên các tiêu chí: đầy đủ, chính xác, logic và khả năng tư duy phản biện. Đồng thời, đưa ra những góp ý cụ thể, giúp học sinh nhận diện điểm mạnh và những hạn chế cần khắc phục.

Đánh giá chung:

Phương pháp 5W1H là công cụ hữu hiệu giúp học sinh tiếp cận và phân tích vấn đề một cách toàn diện, tránh tư duy phiến diện hoặc thiếu chiều sâu. Khi được hướng dẫn bài bản, học sinh có thể phát triển kỹ năng tư duy logic, nhận diện rõ ràng nguyên nhân – kết quả và đề xuất giải pháp phù hợp.

Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả, giáo viên cần tổ chức hướng dẫn cụ thể, tạo điều kiện thực hành thường xuyên và hỗ trợ kịp thời. Nếu không, học sinh có thể gặp khó khăn trong việc vận dụng, hoặc phân tích một cách hình thức, thiếu sự phản biện sâu sắc.

Tóm lại, việc rèn luyện tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông cần được thực hiện một cách kiên trì, có hệ thống và linh hoạt. Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, với tính chất gần gũi thực tiễn và yêu cầu tư duy cao, là môi trường lý tưởng để thực hiện nhiệm vụ này. Nếu áp dụng đồng bộ và sáng tạo các giải pháp trên, năng lực tư duy phản biện của học sinh không chỉ được cải thiện trong học tập mà còn trở thành nền tảng cho sự thành công trong cuộc sống sau này.

3. Kết luận

Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng khoa học - công nghệ và nền kinh tế tri thức nói chung. Và sự đổi mới của chương trình giáo dục 2018 nói riêng về yêu cầu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho người học. Thì việc phát triển TDPB cho học sinh được Đảng và Nhà Nước rất quan tâm trong quá trình chuyển đổi này. Hiểu được điều này, nhóm tác giả đã nghiên cứu và đề xuất một số phương pháp rèn luyện TDPB cho học sinh THPT thông qua môn

GDKT & PL. Thông qua khảo sát thực tế tại Trường THPT Thiên Hộ Dương, kết quả cho thấy học sinh có nhận thức tốt về tầm quan trọng của tư duy phản biện, song còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình rèn luyện, chủ yếu do tâm lý, kỹ năng còn hạn chế và sự thiếu đa dạng trong phương pháp tổ chức hoạt động học. Về phía giáo viên, những khó khăn đến từ việc chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng thiết kế hoạt động phản biện, cũng như sự thay đổi chương trình khiến quá trình triển khai còn lúng túng, thiếu linh hoạt. Các phương pháp được đề xuất như đặt câu hỏi ngược, tổ chức tranh biện, áp dụng 5W1H là những hướng đi khả thi, góp phần thúc đẩy năng lực phản biện một cách hệ thống, bền vững. Tuy nhiên, nghiên cứu còn hạn chế về phạm vi nghiên cứu, chưa thực hiện trên nhiều trường học khác nhau và chưa triển khai thực nghiệm sâu rộng. Do đó, trong thời gian tới, cần có những nghiên cứu mở rộng quy mô, đồng thời tăng cường tập huấn cho giáo viên và thiết kế tài liệu hướng dẫn cụ thể nhằm hỗ trợ quá trình đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển tư duy phản biện cho học sinh THPT.

Tài liệu tham khảo

Bộ GD&T (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Môn Giáo dục Công dân* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).

Bùi Lan Hương. (2021). *Nghệ thuật tranh biện của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại và giá trị tham khảo đối với việc nâng cao năng lực tư duy phản biện cho sinh viên Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, (249), 58–67.

Butler, H. A., Pentoney, C., & Bong, M. P. (2017). *Predicting real-world outcomes: Critical thinking ability is a better predictor of life decisions than intelligence*. Thinking Skills and Creativity, 25, 38–46.

D'Alessio, F. A., Avolio, B. E., & Charles, V. (2019). *Studying the impact of critical thinking on the academic performance of executive MBA students*. Thinking Skills and Creativity, 31, 275–283. https://doi.org/10.1016/j.tsc.2018.12.002

Jim Wohlpart. (2007). *Critical Thinking Module*. Unpublished manuscript.

Lê Hải Yến. (2012). *Tìm hiểu về tư duy phản biện hay tư duy phê phán trong dạy và học*. Tạp chí Dạy và Học ngày nay, 10, 17–20.

Nguyễn Hải Thanh & Nguyễn Thị Hiền. (2021). *Rèn luyện tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 66(1), 46–56.

Paul, R., & Elder, L. (2008). *The miniature guide to critical thinking concepts and tools*. Foundation for Critical Thinking Press.

Willingham, D. T. (2007). *Critical thinking: Why is it so hard to teach?* American Federation of Teachers. https://www.aft.org/ae/spring2007/willingham

NÂNG CAO TINH THẦN "DĨ CÔNG VI THƯỢNG" TRONG RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Nguyễn Rạng Đông[1*], Nguyễn Phan Tấn Trung[1], Lê Anh Thi[2]

[1]Lớp ĐHGDCT23A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ: Nguyễn Rạng Đông, Email: nguyenrangdong.dt2019@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Tinh thần "dĩ công vi thượng" - một chuẩn mực đạo đức cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện quan điểm đề cao lợi ích quốc gia, tập thể lên trên lợi ích cá nhân và sự vận dụng trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp. Từ thực tiễn cho thấy một bộ phận sinh viên còn biểu hiện thờ ơ với hoạt động tập thể, thiếu tinh thần cống hiến, nhóm tác giả xác định mục tiêu nghiên cứu là nâng cao nhận thức và hành vi đạo đức nghề nghiệp theo tinh thần "dĩ công vi thượng". Nghiên cứu được thực hiện thông qua các phương pháp: khảo sát, tổng hợp và phân tích tài liệu. Kết quả chỉ ra rằng, mặc dù nhiều sinh viên nhận thức được ý nghĩa của tinh thần "dĩ công vi thượng", song việc thể hiện qua hành vi còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp như: tăng cường giáo dục tư tưởng đạo đức, tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tiễn và xây dựng môi trường học tập nhân văn. Nghiên cứu góp phần định hướng phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức cho đội ngũ giáo viên tương lai.

Từ khóa: *Tư tưởng Hồ Chí Minh, "Dĩ công vi thượng", đạo đức nghề nghiệp, sinh viên Giáo dục Chính trị, Đại học Đồng Tháp.*

ENHANCING THE SPIRIT OF "PUTTING PUBLIC INTEREST ABOVE ALL" IN PROFESSIONAL ETHICS TRAINING FOR STUDENTS OF POLITICAL EDUCATION – DONG THAP UNIVERSITY

Nguyen Rang Dong[1]*, Nguyen Phan Tan Trung[1], Le Anh Thi[2]

[1]*Class DHGDCT23A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] *Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[*]Corresponding author: Nguyen Rang Đong, Email: nguyenrangdong.dt2019@gmail.com

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

This article examines the spirit of "Di cong vi thuong" *("Putting the public interest above all") - a core ethical standard in Ho Chi Minh's thought, which emphasizes prioritizing national and collective interests over personal interests - and its role in fostering professional ethics among students majoring in Political Education at Dong Thap University. From practical observation, a portion of students still show indifference to collective activities and lack a sense of dedication. Therefore, the research aims to enhance students' awareness and ethical behavior based on the principle of* "Di cong vi thuong". *The study employs sociological investigation, field surveys, and document analysis. Findings indicate that while many students recognize the value of this ethical spirit, its expression through practical behavior remains limited. On that basis, the paper proposes several solutions, including strengthening moral and ideological education, organizing experiential learning activities, and building a humanistic educational environment. The research contributes to shaping the political and ethical qualities of future educators.*

Keywords: *Ho Chi Minh's thought,* "Putting the public interest above all", *professional ethics, Political Education students, Dong Thap University.*

---

1. Đặt vấn đề

Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp là một quá trình không ngừng bồi dưỡng phát triển phẩm chất và năng lực của sinh viên. Học tập và trau dồi nhiều hơn nữa để làm tăng vốn sống cho hành trình phát triển nghề nghiệp. Tinh thần "Dĩ công vi thượng" là một trong những bài học quý giá trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà mỗi sinh viên cần hiểu và vận dụng linh hoạt trong quá trình học tập và rèn luyện, xem đó là kim chỉ nam trong hành động, biết vì lợi ích của tập thể lên trên cá nhân, sống và làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Trong giai đoạn hiện nay, sinh viên được xem là lực lượng nòng cốt trong sự phát triển đất nước. Tuy nhiên, một số bộ phận xuất hiện việc tư lợi cá nhân, thiếu trách nhiệm trong quá trình hoạt động tập thể, có lối sống thực dụng đòi hỏi những lợi ích không chính đáng mất đi tinh thần tình nguyện.

Tinh thần "Dĩ công vi thượng" là khi chúng ta làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, có một mục tiêu là vì lợi ích chung của cả nhóm mà không màn lợi ích cá nhân. Để vững bước trong hành trình tương lai, mỗi cá nhân sinh viên cần nhận thức rõ được tinh thần "Dĩ công vi thượng" theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Không dừng lại ở việc học tập đơn thuần mà còn phải biết vận dụng vào quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của bản thân. Nhận thấy rõ được điều đó, nhóm tác giả đã tiếp cận cơ sở lý luận của phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm nhìn nhận mối quan hệ biện chứng giữa giữa lý luận và thực tiễn đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục chính trị. Nhận thức rõ vai trò của tinh thần "Dĩ công vi thượng" như một giá trị đạo đức cốt lõi góp phần định hướng hành vi nghề nghiệp.

Khi nghiên cứu về vấn đề này nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu và nghiên cứu những công trình, bài viết liên quan và nhận thấy có nhiều nghiên cứu mang tính chuyên sâu đề cập đến quan điểm, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu đề cập một cách bao quát, toàn diện và chuyên sâu về tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp.

Vì thế, nhóm tác giả đã tiến hành thực hiện khảo sát sinh viên ngành giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp với tổng số 23 phiếu; gồm các Lớp: Đại học Giáo dục Chính trị 21,23,24. Tổng số phiếu thu về là: 23 nhằm khảo sát mức độ nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên đối với tinh thần "dĩ công vi thượng" trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Từ đó, đề xuất một số giải pháp để nâng cao tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên

2.1.1. Một số khái niệm chung

- Tinh thần "Dĩ công vi thượng"

Tinh thần "dĩ công vi thượng" theo Hồ Chí Minh là chuẩn mực đạo đức cách mạng, yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên và công dân phải đặt lợi ích chung lên trên hết. Trong bối cảnh xây dựng và phát triển xã hội chủ nghĩa, đây chính là nguyên tắc then chốt để duy trì đoàn kết, công bằng và thúc đẩy phong trào chung. Tinh thần "Dĩ công vi thượng" chính là sự cống hiến mà người cách mạng dám đặt lợi ích chung của tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Biết hài hòa giữa lợi ích của tất cả mọi người mà không vụ lợi. Vì nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng thể hiện sâu sắc tinh thần "dĩ công vi

thượng" - lấy việc công, lợi ích tập thể làm trên hết. Người nhấn mạnh: phải "Gột rửa cho sạch hết chủ nghĩa cá nhân, bồi dưỡng tư tưởng xã hội chủ nghĩa; - Thấm nhuần sâu sắc đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; - Tác phong phải thật dân chủ, phải tin tưởng sâu sắc và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng". (Hồ Chí Minh, 2011, tr.179). Vì chủ nghĩa cá nhân là gốc rễ làm suy thoái phẩm chất người cán bộ, đảng viên. Chỉ khi biết đặt lợi ích chung lên hàng đầu, con người cách mạng mới thật sự "chí công vô tư", lấy đó làm nền tảng để hành động vì nhân dân, vì Đảng. Bốn đức: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là chuẩn mực đạo đức mà người cán bộ phải thấm nhuần. Tác phong dân chủ, gắn bó với quần chúng và tuân thủ đường lối của Đảng chính là biểu hiện cụ thể của tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong hành động. Đây là định hướng căn bản để rèn luyện người cách mạng chân chính, sẵn sàng phục vụ nhân dân vì lợi ích của cộng đồng và mọi người xung quanh.

- Đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp là một bộ phận quan trọng của đạo đức xã hội, có liên quan đến quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Đạo đức nghề nghiệp bao gồm các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trên cơ sở đó tự điều chỉnh, đánh giá hành vi của bản thân cho phù hợp với nhu cầu, lợi ích, mục đích và sự tiến bộ của xã hội. Nhờ sự thực hiện tốt và tuân theo những yêu cầu của đạo đức nghề nghiệp mà chất lượng của quá trình lao động được tăng cường, sản phẩm của lao động đáp ứng được những đòi hỏi của người tiêu dùng và xã hội. Ngược lại, khi những nguyên tắc, chuẩn mực của yêu cầu đạo đức nghề nghiệp không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì chúng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động nghề nghiệp.

Từ những khái quát trên, chúng ta có thể quan niệm đạo đức nghề nghiệp là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực của đạo đức xã hội, của bản thân nghề nghiệp đối với người lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó nhằm định hướng và điều chỉnh hành vi ứng xử những mối quan hệ của họ trong hoạt động của mình. (Trần Hải Minh, 2020, tr.3)

2.1.2. Khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh thần "Dĩ công vi thượng"

Trong "Sửa đổi lối làm việc", Người chỉ rõ "căn bệnh" ích kỷ, đề cao việc "chí công vô tư" (Hồ Chí Minh, 2000, tr.272) - tức công bằng, vô tư, không vụ lợi, làm nền tảng giữ gìn phẩm chất cách mạng. Lời dạy ấy không chỉ là một bài học mà còn là sự kỳ vọng mong muốn của Người đối với tất cả mọi người trong đó có cả thế hệ sinh viên. Một đất nước có thể phát triển mạnh mẽ và đi lên là do sự cống hiến của mỗi cá nhân góp phần vào xây dựng vững chắc Tổ quốc, vậy nếu ai cũng suy nghĩ vì lợi ích cá nhân thì lợi ích quốc gia dân tộc sẽ còn đâu. Lời dạy của Bác như muốn nhắc cho tất cả mọi người nhớ rằng đừng vì lợi ích cá nhân chi phối mà quên đi lợi ích chung.

Theo Hồ Chí Minh, tinh thần "Dĩ công vi thượng" là nguyên tắc đạo đức cốt lõi, thể hiện sâu sắc bản chất cách mạng và khoa học của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào" (Hồ Chí Minh, 2011, tr.607). Điều đó cho thấy, Đảng phải kiên định với nguyên tắc đặt lợi ích của nhân dân và dân tộc lên trên hết, đồng thời mỗi cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối tránh xa chủ nghĩa cá nhân, hành động vì lợi ích chung, không vì động cơ tư lợi.

Trong hệ thống tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, tinh thần "Dĩ công vi thượng" - lấy việc phụng sự lợi ích chung của quốc gia, dân tộc và tập thể làm lẽ sống - là một nguyên tắc đạo đức cách mạng mang tính cốt lõi. Hồ Chí Minh khẳng định rằng, đạo đức cách mạng không chỉ thể hiện ở những lời nói hay lý luận, mà phải được cụ thể hóa bằng hành động và lối sống gương mẫu. Chính vì vậy, Người đã nhấn mạnh: "Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền" (Hồ Chí Minh, 2011, tr.284). Tinh thần "Dĩ công vi thượng" không chỉ là lý tưởng đạo đức mà còn phải trở thành hành vi thực tiễn, biểu hiện qua thái độ chí công vô

tư, tận tụy với công việc chung, sẵn sàng hi sinh lợi ích cá nhân vì tập thể và cộng đồng.

"Dĩ công vi thượng" - đặt lợi ích chung lên trên hết - là nguyên tắc đạo đức căn bản, phản ánh sâu sắc lập trường, quan điểm vì dân, vì nước của người cách mạng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân" (Hồ Chí Minh, 2011, tr.672). Điều này thể hiện quan điểm xuyên suốt của Người: sự trong sáng về đạo đức, đặc biệt là thái độ sống không vị kỷ, là điều kiện tiên quyết để giữ vững lòng tin của nhân dân và tính chính danh của tổ chức cách mạng.

Từ đó, có thể thấy được tinh thần "dĩ công vi thượng" của Hồ Chí Minh không chỉ là lời kêu gọi mang tính khẩu hiệu mà là sự kết tinh giữa lý luận và thực tiễn, giữa nhận thức và hành động. Thực hành chuẩn mực này chính là con đường dẫn đến một xã hội công bằng, nhân văn, nơi lợi ích chung luôn được tôn vinh và bảo vệ. Vì thế mà mỗi sinh viên cần ra sức học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức của mình, tham gia các hoạt động phục vụ vì lợi ích cộng đồng. Cùng nhau đoàn kết chia sẻ thể hiện tinh thần của một người sinh viên trẻ tiên phong, năng động, trách nhiệm.

Hơn thế nữa tinh thần "dĩ công vi thượng" theo Hồ Chí Minh không chỉ là yêu cầu đạo đức đối với cá nhân cán bộ, đảng viên mà còn là tiêu chuẩn đánh giá tính cách mạng và sức sống của một tổ chức chính trị. Việc kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, củng cố phẩm chất "chí công vô tư" chính là nền tảng để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

2.1.3. Vai trò của tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp

Khi đọc lại các bài viết, tác phẩm hồi ký của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chúng ta thường bắt gặp câu chữ Hán quen thuộc *"*Dĩ công vi thượng*"*. Đây là lời tâm sự của Bác Hồ với Đại tướng ngay lúc hai người gặp nhau, trong lúc tâm sự Bác nói một câu: "Chú Văn ạ, làm cách mạng là phải dĩ công vi thượng". Bác dừng lại "Dĩ công vi thượng", tất cả vì nước vì dân không mảy may suy nghĩ một cái gì khác đó chính là đạo đức cao cả nhất của người cán bộ, người cách mạng, người Đảng viên. (Võ Nguyên Giáp, 2006, tr.97)

Một mẩu chuyện nhỏ nhưng đã mang lại một bài học vô cùng sâu sắc, có thể thấy sự hiện hữu của tinh thần "dĩ công vi thượng" vẫn luôn được nhắc đến nhiều lần mãi về sau này bởi lời dạy ấy là một lời dạy vô cùng đặc biệt mà tất cả mọi người cần phải ra sức phấn đấu học tập coi đó là phương châm sống mà phấn đấu suốt đời. Là một sinh viên phải lấy đó làm kim chỉ nam cho suy nghĩ và hành động của chính mình góp phần nhỏ trách nhiệm của bản thân vào tương lai xây dựng đất nước.

Trong giáo dục, sự phát triển toàn diện giữa năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức là yêu cầu cốt lõi để hình thành những nhà giáo có trách nhiệm và tâm huyết. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Dạy cũng như học, phải chú trọng cả đức lẫn tài" (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 250) đã trở thành nguyên tắc nền tảng trong quá trình đào tạo và rèn luyện sinh viên ngành Giáo dục Chính trị. Trong đó, tinh thần "Dĩ công vi thượng" - đặt lợi ích chung lên trên hết - đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng và củng cố đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Tinh thần "Dĩ công vi thượng" khuyến khích sinh viên nhận thức rõ trách nhiệm của mình không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là người làm gương về đạo đức, luôn đặt lợi ích của tập thể, của sự nghiệp giáo dục lên trên lợi ích cá nhân. Điều này tạo nên nền tảng đạo đức vững chắc, giúp sinh viên hình thành thái độ làm việc tận tâm, trung thực và có tinh thần phục vụ cộng đồng cao. Việc thấm nhuần và thực hành tinh thần này góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành Giáo dục Chính trị.

Việc thấm nhuần tinh thần "dĩ công vi thượng" giúp sinh viên nhận thức rằng nghề nghiệp không chỉ là công cụ mưu sinh mà là sứ mệnh phục vụ xã hội. Họ học cách cân nhắc hành động cá nhân trên cơ sở lợi ích tập thể, sống trách nhiệm, tránh xa lối sống vụ lợi, thờ ơ. Đồng thời, sinh viên sẽ biết điều chỉnh hành vi đạo đức trong mối quan hệ với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng. Đạo đức nghề nghiệp còn giúp sinh viên phòng tránh sai lầm, có bản lĩnh nghề nghiệp và lối sống trong sạch, lành mạnh. Từ đó, họ hình thành phong cách làm việc đoàn kết, trung thực và chuyên nghiệp.

Tóm lại, tinh thần "Dĩ công vi thượng" không chỉ là giá trị lý luận, mà còn là định hướng thực tiễn quan trọng trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị, giúp họ phát triển toàn diện về năng lực và nhân cách trong thời đại mới.

2.2. Thực trạng tinh thần "Dĩ công vi thượng" của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp hiện nay

Khoa Giáo dục Chính trị là một đơn vị trực thuộc Trường Sư phạm – Trường Đại học Đồng Tháp với vai trò quản lý, đào tạo các ngành Giáo dục Chính trị và Giáo dục Công dân. Đội ngũ giảng viên gồm có: 12 cán bộ giảng viên, 2 tiến sĩ, 8 thạc sĩ, 2 nghiên cứu sinh, 105 sinh viên. Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn cao, đảm nhiệm giảng dạy các môn lý luận chính trị như Triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với các môn nghiệp vụ sư phạm và giáo dục công dân. Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị với sự hướng dẫn tận tình của quý thầy, cô luôn hăng hái trong học tập không ngừng rèn luyện trau dồi đạo đức nghề nghiệp và trong các hoạt động phong trào. Tuy nhiên, vẫn còn đang còn nhiều hạn chế trong quá trình ấy, đặc biệt là vận dụng tinh thần "Dĩ công vi thượng" vào quá trình hoạt động của bản thân còn nhiều bất cập.

Từ đó, để làm căn cứ đề xuất các giải pháp chúng tôi tiến hành khảo sát 23 sinh viên từ năm nhất đến năm tư của Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp với phiếu hỏi tập trung ở các vấn đề cơ bản sau đây.

2.2.1. Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa và vai trò tinh thần "Dĩ công vi thượng"

Dựa trên số liệu thống kê, có thể nhận thấy rằng có đến 69,6% sinh viên ngành Giáo dục Chính trị được khảo sát cho biết họ đã từng nghe đến và hiểu tinh thần "dĩ công vi thượng", trong khi 30,4% còn lại vẫn chưa nhận thức rõ về khái niệm này. Từ số liệu này, có thể thấy rằng phần lớn sinh viên ngành Giáo dục Chính trị đã bước đầu tiếp cận và có hiểu biết nhất định về tư tưởng "Dĩ công vi thượng" – một giá trị đạo đức truyền thống, nhấn mạnh đến việc đề cao lợi ích tập thể, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân.

Nhận thức tương đối tích cực của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị về tinh thần này là một tín hiệu đáng mừng trong bối cảnh giáo dục hiện đại đang ngày càng chú trọng đến việc hình thành phẩm chất công dân, tinh thần trách nhiệm xã hội và ý thức cộng đồng. Việc gần 70% sinh viên ngành Giáo dục Chính trị thể hiện sự hiểu biết về "Dĩ công vi thượng" cho thấy sự lan tỏa của tư tưởng này trong môi trường giáo dục đại học, qua đó góp phần xây dựng một thế hệ trẻ có tinh thần vì cộng đồng, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội.

Hình 1: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên ngành Giáo dục Chính trị với mức độ hiểu biết và nghe đến cụm từ "Dĩ công vi thượng".

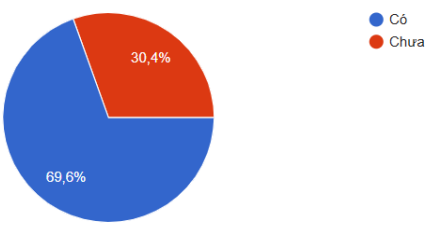

(Nguồn khảo sát năm 2025)

Tuy nhiên, tỷ lệ 30,4% sinh viên ngành Giáo dục Chính trị chưa biết đến hoặc chưa hiểu rõ về tinh thần này cũng là một dấu hiệu cảnh báo, cho thấy vẫn còn tồn tại những khoảng trống trong công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức và lý tưởng sống cho sinh viên. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tuyên truyền, lồng ghép giá trị "Dĩ công vi thượng" vào nội dung giảng dạy, các chương trình sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động cộng đồng, nhằm giúp sinh viên không chỉ nhận thức mà còn thực hành tinh thần này trong cuộc sống hằng ngày. Qua đó, góp phần hình thành môi trường học đường văn minh, đoàn kết và phát triển toàn diện về cả tri thức lẫn nhân cách.

Bên cạnh đó dựa vào khảo sát, có thể thấy rằng 69,6% sinh viên ngành Giáo dục Chính trị đánh giá tinh thần "Dĩ công vi thượng" là rất quan trọng, 26,1% cho rằng nó quan trọng và 4,3% đánh giá bình thường cho thấy phần lớn sinh viên nhận thức rõ vai trò cốt lõi của giá trị này trong quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Với đặc thù ngành học định hướng trở thành những nhà giáo - người truyền thụ tri thức và định hướng tư tưởng cho thế hệ trẻ - việc đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân là yêu cầu tất yếu để đảm bảo tính khách quan, công bằng và trách nhiệm trong hành nghề.

Hình 2: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên ngành Giáo dục Chính trị cho rằng tinh thần "Dĩ công vi thượng" có vai trò quan trọng trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.

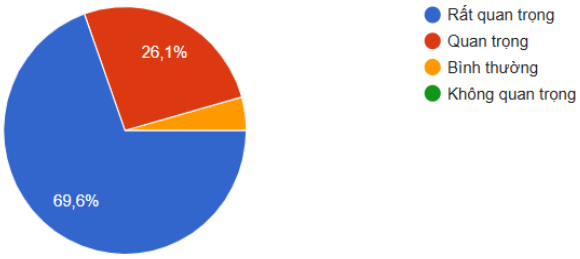

(Nguồn khảo sát năm 2025)

Tóm lại, nhận thức của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị về tinh thần "Dĩ công vi thượng" nhìn chung ở mức tích cực, với đa số sinh viên hiểu rõ đây là một giá trị đạo đức đề cao lợi ích tập thể, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh và yêu cầu của xã hội hiện đại. Tinh thần này được sinh viên đánh giá là có vai trò quan trọng trong việc hình thành phẩm chất công dân, thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và là nền tảng cần thiết trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Tuy nhiên, việc chuyển hóa nhận thức thành hành vi cụ thể vẫn cần được tăng cường thông qua trải nghiệm thực tiễn và hoạt động giáo dục giá trị sống.

2.2.2. Các yếu tố tác động đến việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp

Ý thức đạo đức nghề nghiệp là một thành phần không thể thiếu trong nhân cách của một cá nhân khi tham gia hoạt động một ngành nghề nào đó trong xã hội. Và nó được bắt nguồn từ việc nhận thức của cá nhân đó về nghề nghiệp mà mình theo đuổi. Những yêu cầu mà xã hội đưa ra đối với ngành nghề đó hoặc những nội quy, quy định của những nơi làm việc trong tương lai. Từ đó, sinh viên sẽ có ý thức rèn luyện để bồi đắp cho mình những phẩm chất còn thiếu. Nhận thức sẽ ảnh hưởng đến thái độ và hành vi. Đây là vấn đề cốt lõi để hình thành đạo đức nghề nghiệp ở sinh viên. Nền tảng để hình thành nên đạo đức nghề nghiệp ở sinh viên thì trước hết sinh viên phải nhận thức được về những phẩm chất cơ bản của đạo đức làm người, đó là:

lòng nhân ái, hướng tới làm điều thiện tránh điều ác, trung thực, có lương tâm, trách nhiệm với mọi người xung quanh, với cộng đồng, với xã hội. Đây là vấn đề cốt lõi để từ đó nhận thức được khi tham gia vào một lĩnh vực ngành nghề nào đó mình cần phải có những phẩm chất đạo đức phù hợp.

Để đi đến một hình mẫu người giáo mẫu mực sinh viên phải trải qua rất nhiều yếu tố từ bên trong lẫn bên ngoài tác động vào đến việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân. Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm. Thực chất của đổi mới kinh tế là chuyển từ mô hình kinh tế tập trung quan liêu hành chính bao cấp sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc chuyển sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó vừa có tính tích cực, vừa có tính tiêu cực đối với đạo đức. Ảnh hưởng của cơ chế thị trường đối với đạo đức là một hiện tượng hết sức phức tạp; có thể khái quát mặt tích cực và tiêu cực của nó như sau:

- Về mặt tích cực: Cơ chế thị trường kích thích sự phát triển kinh tế, tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp cận với những nguồn tri thức mới của nhân loại, từ đó tạo điều kiện cho sự phát triển sinh viên về mọi mặt, trong đó có đạo đức nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng. Sinh viên có thể thấy được khi tham gia vào kinh tế thị trường, con người có điều kiện phát triển nhân cách cá nhân: tính quyết đoán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính năng động sáng tạo trong lập thân, lập nghiệp được khẳng định.

- Về mặt tiêu cực: Bên cạnh những mặt tích cực nói trên, cơ chế thị trường cũng gây ra hàng loạt những hiện tượng tiêu cực đối với đạo đức và tiến bộ xã hội. Kinh tế thị trường kích thích chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lí.

Sinh viên là thế hệ trẻ rất dễ bị ảnh hưởng bởi mặt tiêu cực này. Bởi với kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế. Trong khi đó, nhu cầu cá nhân của thế hệ trẻ lại rất nhiều. Những lợi ích trước mắt sẽ thu hút làm các em dễ bỏ qua những lợi ích của cộng đồng, xã hội hoặc thiếu trách nhiệm với công việc.

Ngoài ra yếu tố cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học cũng có ảnh hưởng nhất định trọng việc thực hiện tổ chức giáo dục đạo đức nghề nghiệp, cơ sở vật chất là yếu tố không thể thiếu trong quá trình đào tạo, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy và học và đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. Người học phải được tiếp cận với những công nghệ mới liên quan đến cung cấp thông tin để có thể quản trị sự kiện, tổ chức sự kiện, khai thác giá trị nhân văn của các địa danh, di tích lịch sử, văn hóa - xã hội. Nghĩa là người học thực sự bước vào "thực tế" nghề nghiệp ngay trên giảng đường. Như vậy, cơ sở vật chất tại các cơ sở giáo dục đại học cũng góp phần ảnh hưởng quan trọng trong việc hình thành những yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp mà sinh viên cần có để sau này ra hành nghề.

Hơn thế nữa quá trình hoạt động nhóm, nhiều sinh viên cũng đã và đang có xu hướng chỉ hoàn thành công việc của bản thân thiếu tinh thần hỗ trợ tập thể, không có sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong quá trình học tập. Tinh thần tham gia hoạt động Đoàn – Hội vẫn chưa thực sự phát huy mạnh mẽ hoạt động chủ yếu là vì điểm rèn luyện hay một số mục đích cá nhân khác chưa thật sự phát huy hết tinh thần tự nguyện vì cộng đồng.

Thời gian qua, theo các báo cáo hoạt động của đoàn Khoa có thể thấy được với số lượng sinh viên trên 100 nhưng tỷ lệ tham gia các hoạt động chưa được hưởng ứng quyết liệt. Với việc tham gia các hoạt động cũng là cơ hội để sinh viên được trau dồi kỹ năng mềm ngoài việc học tập trên lớp. Qua đó, là nền tảng vững chắc để nhìn nhận và rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục Chính trị.

2.2.3. Nguyên nhân tác động đến tinh thần "Dĩ công vi thượng" và rèn luyện đạo đức

nghề nghiệp trong sinh viên

Tinh thần "Dĩ công vi thượng" - tức đề cao lợi ích chung, đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân - là một phẩm chất đạo đức cốt lõi cần được xây dựng ở sinh viên đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục Chính Trị, trong tiến trình đào tạo nguồn nhân lực có trách nhiệm xã hội. Dựa vào biểu đồ khảo sát, có thể nhận thấy có bốn yếu tố tác động đến tinh thần này theo mức độ giảm dần: bản thân (82,6%), xã hội (65,2%), nhà trường (52,2%) và gia đình (43,5%).

Thứ nhất, yếu tố bản thân có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Đây là minh chứng cho vai trò chủ động của sinh viên trong quá trình hình thành nhân cách đạo đức. Theo Phạm Minh Hạc: "sự phát triển đạo đức bắt đầu từ việc con người tự ý thức được trách nhiệm và biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội" (Phạm Minh Hạc, 2001, tr.79). Như vậy, nếu sinh viên không tự giác rèn luyện, mọi tác động ngoại cảnh sẽ chỉ mang tính chất hỗ trợ.

Thứ hai, yếu tố xã hội giữ vai trò định hướng. "Đạo đức không nằm ngoài xã hội. Nó phản ánh các mối quan hệ xã hội và được xã hội nuôi dưỡng thông qua những giá trị chuẩn mực" (Trần Văn Giàu, 1995, tr.112). Điều này lý giải tại sao truyền thông, cộng đồng và môi trường sống có thể thúc đẩy hoặc làm lệch chuẩn đạo đức của sinh viên.

Thứ ba, yếu tố nhà trường giữ vị trí trung gian trong giáo dục đạo đức. Trường học không chỉ dạy kiến thức mà còn có chức năng xã hội hóa, hình thành nhân cách và chuẩn mực nghề nghiệp cho sinh viên. Nguyễn Hiến Lê từng viết: "Giáo dục không chỉ là mở mang trí tuệ mà còn là rèn luyện cách sống, cách làm người giữa xã hội" (Nguyễn Hiến Lê, 1996, tr. 146). Thông qua các hoạt động ngoại khóa, công tác cố vấn học tập, giáo dục lý tưởng sống, nhà trường có thể bồi dưỡng tinh thần vì cộng đồng cho sinh viên.

Cuối cùng, yếu tố gia đình tuy có tỷ lệ ảnh hưởng thấp hơn nhưng vẫn là nền tảng đạo đức ban đầu. Nhưng theo Hồ Chí Minh: "Gia đình là cái nôi đầu tiên dạy con người làm điều hay, lẽ phải. Nếu mỗi người từ nhỏ đã thấm nhuần đạo đức trong gia đình thì lớn lên sẽ trở thành người công dân tốt" (Hồ Chí Minh, 2000, tr.52). Việc cha mẹ làm gương, thường xuyên giáo dục con về trách nhiệm và công bằng sẽ là tiền đề quan trọng để hình thành ý thức tập thể nơi sinh viên.

Tổng hợp các yếu tố trên cho thấy rằng, việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và tinh thần "dĩ công vi thượng" là một tiến trình tương tác giữa cá nhân và môi trường giáo dục - xã hội**,** trong đó yếu tố nội sinh từ chính bản thân sinh viên đóng vai trò quyết định, Tu dưỡng đạo đức cách mạng là việc suốt đời, ai không chịu rèn luyện thì dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân. Việc thiếu kiên trì trong rèn luyện đạo đức khiến sinh viên dễ bị cuốn theo các giá trị thực dụng, từ đó làm suy giảm tinh thần đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng.

Hình 3: Biểu đồ thống kê số lượng sinh viên ngành Giáo dục Chính trị cho rằng nguyên nhân tác động đến tinh thần "Dĩ công vi thượng" và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong sinh viên.

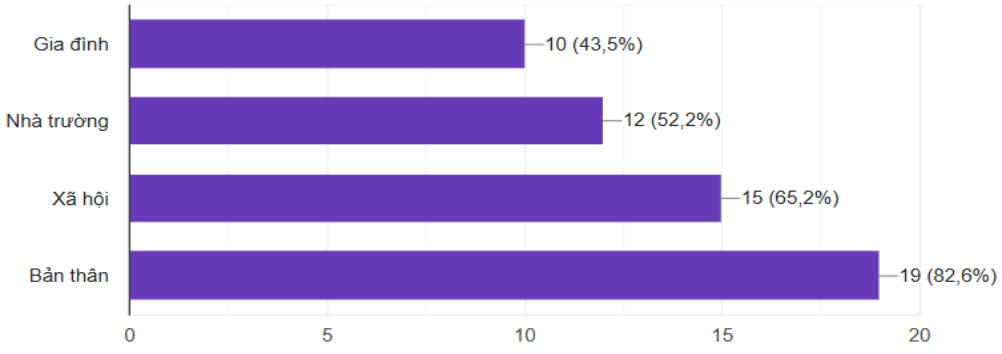

(Nguồn khảo sát năm 2025)

Tinh thần "Dĩ công vi thượng" là một phẩm chất đạo đức cốt lõi, có ý nghĩa quan trọng trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, việc hình thành và phát triển tinh thần này chịu tác động bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm sự thiếu tự giác trong rèn luyện đạo đức của sinh viên, hạn chế trong giáo dục nhà trường, ảnh hưởng từ môi trường gia đình, tác động tiêu cực của xã hội và sự lan tỏa của chủ nghĩa cá nhân qua mạng xã hội. Để nâng cao tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong sinh viên, cần tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp gắn với thực tiễn, đẩy mạnh vai trò giáo dục từ gia đình và nhà trường, đồng thời định hướng xã hội theo các giá trị cộng đồng. Bên cạnh đó, sinh viên cần chủ động tu dưỡng, tự rèn luyện bản thân, coi trọng lợi ích chung và thực hiện trách nhiệm xã hội trong suốt quá trình học tập và hành nghề.

Qua kết quả khảo sát từ ở trên việc nâng cao tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp gần 70% sinh viên ngành Giáo dục Chính trị thể hiện sự hiểu biết về "dĩ công vi thượng" và 69,6% sinh viên ngành Giáo dục Chính trị đánh giá tinh thần "Dĩ công vi thượng" là rất quan trọng, 26,1% cho rằng nó quan trọng và 4,3% đánh giá bình thường. Bên cạnh đó còn thấy được những nguyên nhân tác động đến tinh thần "Dĩ công vi thượng" và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp trong sinh viên. Từ đó, là những căn cứ xác đáng để đề xuất những biện pháp phù hợp với đối tượng.

2.3. Giải pháp nâng cao tinh thần "Dĩ công vi thượng" cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Đồng Tháp trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp

2.3.1. Về nội dung

Nội dung giáo dục nhằm nâng cao tinh thần "Dĩ công vi thượng" cho sinh viên cần tập trung làm rõ ý nghĩa, vai trò và giá trị thực tiễn của tinh thần này trong bối cảnh hiện nay. Cụ thể, cần nhấn mạnh ý thức đặt lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân; vai trò của tinh thần "Dĩ công vi thượng" trong việc hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của sinh viên. Bên cạnh đó, nội dung giáo dục cần chỉ ra những biểu hiện cụ thể của tinh thần "dĩ công vi thượng" trong học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội cũng như những thách thức, hạn chế trong việc thực hành tinh thần này, từ đó định hướng giải pháp khắc phục.

Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đưa ra quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để định hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ mới. Một hệ thống giải pháp toàn diện và đồng bộ được đưa ra, trong đó có đề cập đến: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục - đào tạo; Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục – đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục – đào tạo (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Đây là một số những định hướng lớn và đang được các cấp, các ngành triển khai tích cực nhằm tạo nên những bước chuyển căn bản, toàn diện trong giáo dục Việt Nam hiện nay.

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong công tác giáo dục phát huy tinh thần "dĩ công vi thượng" đến sinh viên trong việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức là nhân tố quyết định thắng lợi trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Để làm tốt giải pháp này cần bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp lãnh đạo và vai trò thực hiện của các cơ quan chức năng đối với công tác đào tạo sinh viên trở thành người lao động giỏi về chuyên môn nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo các tiêu chí của ngành nghề đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục

đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên được xem là mục tiêu cơ bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Hai là, đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp. Đặt nền móng vững chắc cho quá trình rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên, vận dụng tinh thần "dĩ công vi thượng" vào quá trình học tập, hoạt động, phong trào. Phổ biến đến từng sinh viên không ngừng học tập và trau dồi tinh thần ấy. Qua đó, để sinh viên thấy được những lợi ích trong việc kết hợp tinh thần "dĩ công vi thượng" vào rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của bản thân là vô cùng quan trọng và cần thiết.

Để thực hiện tốt điều ấy, người giảng viên cần tiên phong trong nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để thực hiện một cách sâu sắc, toàn diện để truyền đi ngọn lửa nhiệt huyết, giúp đỡ đồng hành cùng sinh viên vượt qua khó khăn để dấn thân cống hiến trong học tập, hoạt động phong trào từng bước hoàn thiện đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

Ba là, triển khai và lồng ghép tinh thần "dĩ công vi thượng" vào các môn học chuyên ngành: Để sinh viên ngành Giáo dục Chính trị có thể hiểu rõ và áp dụng tinh thần "dĩ công vi thượng" vào công việc sau này, các môn học như Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục công dân, Đạo đức học, Tư tưởng Mác - Lênin cần được bổ sung nội dung về giá trị cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể. Chẳng hạn, trong môn *Giáo dục chính trị*, giảng viên cần làm rõ cách thức tư tưởng Hồ Chí Minh đã khẳng định việc đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, cũng như mối liên hệ giữa giáo dục công dân và tinh thần trách nhiệm xã hội trong công tác giảng dạy và lãnh đạo.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động chuyên đề về đạo đức nghề nghiệp gắn với tinh thần "dĩ công vi thượng": Đưa vào chương trình đào tạo các chuyên đề riêng biệt về đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục, trong đó nhấn mạnh vai trò của tinh thần "dĩ công vi thượng" trong xây dựng phẩm chất và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuyên đề này sẽ giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của người giáo viên trong việc bảo vệ và phát huy giá trị đạo đức nghề nghiệp, đồng thời gắn liền với nhiệm vụ đào tạo thế hệ trẻ, truyền đạt tri thức và định hướng tư tưởng.

Tích hợp các tình huống thực tế trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp: Các giảng viên cần thiết kế các bài giảng và bài tập tình huống mô phỏng, nơi sinh viên có thể phân tích và xử lý các tình huống liên quan đến đạo đức nghề nghiệp trong công tác giảng dạy và tương tác với sinh viên. Việc này không chỉ giúp sinh viên củng cố lý thuyết mà còn rèn luyện khả năng áp dụng tinh thần "dĩ công vi thượng" trong các tình huống thực tế của nghề giáo viên.

2.3.2. Về phương pháp

Phương pháp giáo dục tinh thần "Dĩ công vi thượng" cho sinh viên đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt giữa lý luận và thực tiễn. Các phương pháp tích cực cần được sử dụng như: giảng dạy kết hợp tình huống thực tế; nêu gương người tốt, việc tốt; tổ chức thảo luận, đối thoại nhằm nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự rèn luyện. Ngoài ra, cần đẩy mạnh phương pháp thực hành thông qua các hoạt động cộng đồng, tình nguyện, nghiên cứu nhóm để sinh viên trực tiếp trải nghiệm, thực hành tinh thần vì lợi ích chung. Đặc biệt, cần khuyến khích sinh viên thực hiện tự đánh giá, tự điều chỉnh hành vi, qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Một là, nêu cao tinh thần "Dĩ công vi tượng" vào việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học thông qua giảng dạy các học phần lý luận chính trị và các học phần chuyên ngành. Việc giảng dạy các học phần có ý nghĩa khác nhau trong việc hình thành các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Đối với các học phần chuyên ngành việc lồng ghép các nội dung thực tiễn như tinh thần "dĩ công vi thượng" và quá trình giáo dục đạo đức nghề nghiệp nhằm làm cho nội dung các học phần thêm phong phú, không xa rời thực tiễn sinh động, từ đó

sinh viên sẽ nắm được mặt tích cực và tiêu cực từ bên ngoài tác động vào nhân cách nghề nghiệp của mình. Đối với các học phần lý luận chính trị, lồng ghép các nội dung thực tiễn vào việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp sẽ giúp sinh viên nhận thấy rõ vị trí, vai trò của đạo đức nghề nghiệp, thấy được sự hiệu quả của việc vận dụng tinh thần "dĩ công vi thượng" vào quá trình học tập, hoạt động phong trào.

Hai là, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua hoạt động thực tập tại các cơ quan, tổ chức. Đối với sinh viên thực hiện thực tập tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vừa là mục đích, vừa là nội dung, vừa là phương tiện của quá trình học tập, rèn luyện. Thực tập có ý nghĩa là nâng cao trình độ chuyên môn, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp, làm quen với môi trường nghề nghiệp để khi ra trường sinh viên phát huy được kiến thức và nghiệp vụ đã học. Trong quá trình làm việc và trải nghiệm thực tế, sinh viên sẽ hiểu rõ những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thầy cô đã giảng dạy trên lớp và sẽ tự đúc rút ra cho bản thân những bài học quý giá từ các bài học thực tiễn.

Ba là, phát huy vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Công tác Đoàn và phong trào Thanh niên có một ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng giáo dục đào tạo nói chung và tới việc hình thành xây dựng các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học nói riêng. Nhiều phong trào hoạt động tạo sân chơi cho sinh viên được giao lưu học tập rèn những kỹ năng mềm, giúp sinh viên được có cơ hội làm việc chung với nhau, biết chia sẻ, đoàn kết cùng nhau thực hiện hoạt động vì lợi ích chung của cộng đồng và mọi người xung quanh nêu cao tinh thần "dĩ công vi thượng". Tạo điều kiện để sinh viên được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thực hành trải nghiệm bổ ích, hấp dẫn và lành mạnh, nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức tốt đẹp nâng cao tinh thần tự giác của sinh viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó".(Hồ Chí Minh, 2011, tr.428). Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của đạo đức đối với quá trình phát triển, lao động của con người. Giáo dục đạo đức vì vậy mang trong mình một sứ mệnh cao cả - phát triển con người, phát triển xã hội. Một phần trong đó chính là công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho thế hệ trẻ nói chung và những sinh viên cao đẳng nghề nói riêng, những con người trong tương lai không xa sẽ trở thành lực lượng lao động chất lượng cao của nước nhà. Vì vậy, phải không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên thông qua công tác giảng dạy, không chỉ dạy "chữ" mà còn dạy "người". Đó chính là mục tiêu cao đẹp nhất của giáo dục.

2.2.3. Về hình thức

Hình thức tổ chức giáo dục tinh thần "Dĩ công vi thượng" cần đa dạng, sinh động và phù hợp với đối tượng sinh viên. Cụ thể, nội dung giáo dục cần được lồng ghép trong các môn học chính khóa, đồng thời triển khai qua các hội thảo, tọa đàm chuyên đề, các cuộc vận động thi đua vì tập thể như "Sinh viên 5 tốt", "Thanh niên tình nguyện". Bên cạnh đó, cần tổ chức các hoạt động thực tế như thực tập nghề nghiệp, hoạt động cộng đồng, nghiên cứu khoa học gắn với phục vụ xã hội. Việc ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các diễn đàn trực tuyến, mạng xã hội, video tuyên truyền cũng là một hình thức cần được đẩy mạnh nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận và tạo môi trường tương tác linh hoạt cho sinh viên.

Một là, đổi mới hình thức tuyên truyền, vận động trong sinh viên. Việc tuyên truyền đối với sinh viên là khâu quan trọng giúp sinh viên nhận thức và hiểu được tầm quan trọng cũng như ý nghĩa của tinh thần dĩ công vi thượng trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Truyền tải đến sinh viên bằng những từ ngữ gần gũi, thông dụng, tránh bệnh hình thức và lời nói phải đi đôi với hành động cụ thể, tránh trường hợp nói suông, đưa ra được những lợi ích thiết thứ, minh chứng bằng những lợi ích cụ thể trong việc vận dụng tinh thần "dĩ công vi thượng" vào việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Vì thế, người đứng đầu phải nêu gương và thể hiện một cách chân thành không vụ lợi. Bên cạnh đó, phát động phong trào thi đua giữa các

lớp, các khóa học,… Thường xuyên nêu gương các cá nhân, tập thể thực hiện tốt các hoạt động, phong trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các bản tin truyền thông của trường. Để việc phát huy tinh thần dĩ công vi thượng trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên được tuyên truyền rộng rãi trong sinh viên.

Hai là, Đoàn – Hội cần tổ chức các cuộc thi sáng tạo nội dung về "Dĩ công vi thượng" như: clip ngắn, podcast, hùng biện, tiểu phẩm đạo đức… để lan tỏa giá trị này trên nền tảng số – nơi sinh viên hiện nay dành nhiều thời gian và bị ảnh hưởng mạnh mẽ. Đây là hình thức kết hợp giữa giáo dục và truyền thông giá trị, đồng thời kích hoạt tính chủ động của người học. Bên cạnh đó, cần tăng cường kết nối giữa gia đình – nhà trường – xã hội thông qua hoạt động phối hợp giáo dục đạo đức. Tổ chức các buổi "Hội thảo phụ huynh – sinh viên – nhà trường" theo chủ đề như: "Vai trò của gia đình trong hình thành tinh thần vì cộng đồng", "Đạo đức nghề nghiệp trong thời đại chuyển đổi số"… nhằm tạo sự đồng thuận trong định hướng giá trị sống của sinh viên.

Ba là, phát huy vai trò tự giác trong sinh viên. Đây được xem là mục tiêu vừa là nguyên tắc trong giáo dục. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi cơ chế thị trường cùng với sự bùng nổ cách mạng công nghiệp 4.0 và mục tiêu giáo dục hướng tới sự phát triển bền vững, thì việc phát huy vai trò tự giác, tính năng động sáng tạo trong học tập, rèn luyện ở sinh viên là một nguyên tắc có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp họ biến quá trình hoạt động phong trào với tinh thần "Dĩ công vi thượng" vì lợi ích chung của cộng đồng, sự đoàn kết, chia sẻ trong quá trình làm việc nhóm vào việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân hình thành quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của bản thân. Việc tự giáo dục, tự rèn luyện là thể hiện một trình độ cao về đạo đức.

3. Kết luận

Với nhiệt huyết, nghị lực, ý chí vươn lên mạnh mẽ và trong bối cảnh đất nước hoà bình, đổi mới, phát triển, sinh viên đại học cần nêu cao tinh thần tiên phong, bản lĩnh, đoàn kết và sáng tạo, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân giữ vững, phát huy thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Trong quá trình đó, việc vận dụng và phát huy tinh thần "Dĩ công vi thượng" (lấy việc chung làm trọng) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sinh viên, nhất là trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp. Những giá trị này trở thành kim chỉ nam trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và giáo dục sinh viên, nhằm hình thành và hoàn thiện những phẩm chất đạo đức, tri thức chuyên môn cần thiết đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị – Trường Đại học Đồng Tháp.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin, mỗi sinh viên cần xác định rõ mục tiêu phát triển năng lực, phẩm chất đạo đức và tiêu chuẩn nghề nghiệp. Sinh viên cần vận dụng linh hoạt tinh thần "dĩ công vi thượng" trong học tập, rèn luyện và hoạt động thực tiễn, hướng tới việc cống hiến cho cộng đồng, đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Mỗi sinh viên cần nuôi dưỡng khát vọng phụng sự xã hội, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân vì lợi ích tập thể, đồng thời tích cực trau dồi đạo đức nghề nghiệp, xem đó là hành trang vững chắc cho tương lai. Bên cạnh đó, sinh viên cũng cần không ngừng tự đổi mới bản thân, nhạy bén trước thời cuộc, chủ động nắm bắt cơ hội, phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng và nhân cách để trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời đại mới, phấn đấu để xứng đáng với khẩu hiệu: "Tuổi trẻ Khoa Giáo Dục Chính Trị tiên phong, bản lĩnh, tự hào với cờ Đảng quang vinh".

Tài liệu tham khảo

Ban Tuyên giáo Trung ương. (2019). *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Trần Văn Bính. (2012). *Giáo dục đạo đức cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay*, Tạp chí Giáo dục, số 304.

Trương Huy Cẩn. (2017). *Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, trường đại học đồng tháp*. Tạp chí khoa học Đại học Đồng Tháp, số 25 (04 – 2017)

Phạm Văn Đức. (2018). *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học, số 5(308).

Nguyễn Văn Dũng (2015). *Chủ nghĩa cá nhân và hệ quả đối với đạo đức xã hội*: NXB Khoa học Xã hội.

Võ Nguyên Giáp. (2006). *Tổng tập Hồi ký.* NXB Quân đội nhân dân.

Phạm Minh Hạc. (2004). *Giá trị đạo đức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*: NXB Chính trị quốc gia.

Lê Văn Hảo (2010). *Giáo dục đạo đức cho học sinh, sinh viên trong thời kỳ mới*: NXB Giáo dục Việt Nam.

Lý Thanh Hiền. (2017). *Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay*. Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Lan. (2018). *Ảnh hưởng của mạng xã hội tới đời sống đạo đức sinh viên Việt Nam hiện nay*: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trần Thị Lệ. (2012). *Giáo dục gia đình và sự hình thành nhân cách trẻ em*: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hồ Chí Minh. (2000). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng*: NXB Chính trị Quốc gia.

Hồ Chí Minh. (2011). Hồ Chí Minh *toàn tập (tập 5, tr. 169.272).* Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

Trần Hải Minh. (2020). *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp – Một số vấn đề lí luận*. Truy cập từ https://www.giaoducquocte.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/cong-trinh-nghien-cuu-khoahoc/giao-duc-dao-duc-nghe-nghiep/.

Nguyễn Hữu Thật. (2014). *Đạo đức nghề nghiệp trong xã hội hiện đại*: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trần Thị Minh Tuyết. (2020). *Đạo đức nghề nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay*: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

KỸ NĂNG SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TRƯỜNG SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thị Hồng Tuyết[1*], Võ Ngọc Hương Quỳnh[1],

Nguyễn Thị Thanh Tuyền[1], Phan Anh[2]

[1]Lớp ĐHGDCT23A, Khoa Giáo dục Chính Trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Lương Thị Hồng Tuyết, Email: luongtuyet31082005@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Mục đích của nghiên cứu này nhằm khai thác hiệu quả các kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị Trường Đại học Đồng Tháp trong nghiên cứu khoa học. Bên cạnh những hiệu quả tích cực mang lại thì việc sử dụng, vận hành AI trở thành thách thức lớn. Sinh viên chưa phát huy hết các kỹ năng sử dụng AI hiệu quả, còn lạm dụng và lệ thuộc nhiều. Nhận thức tình hình đó, nhóm tác giả đã nghiên cứu và phân tích các kỹ năng sử dụng Al trong nghiên cứu khoa học của sinh viên. Từ đó, đưa ra phương pháp sử dụng hiệu quả và một số giải pháp để khắc phục những nhược điểm của sinh viên trong sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: *Kỹ năng sử dụng, ngành Giáo dục Chính trị, sinh viên, Trí tuệ nhân tạo (AI).*

SKILLS IN USING ARTIFICIAL INTELLIGENCE FOR SCIENTIFIC RESEARCH AMONG POLITICAL EDUCATION STUDENTS AT THE SCHOOL OF EDUCATION, DONG THAP UNIVERSITY

Luong Thi Hong Tuyet[1*], Vo Ngoc Huong Quynh[1],

Nguyen Thi Thanh Tuyen[1], Phan Anh[2]

[1]Class ĐHGDCT23A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Luong Thi Hong Tuyet, Email:luongtuyet31082005@gmail.com*

Abstract

The purpose of this study is to effectively explore the skills of using artificial intelligence (AI) among students majoring in Political Education at Dong Thap University in scientific research. Although AI offers many positive outcomes, its use and operation also pose major challenges. Students have not fully developed their AI skills, and there is still a tendency to overuse and depend heavily on AI tools. Recognizing this situation, the research team conducted an analysis of students' AI skills in scientific research. Based on the findings, the study proposes effective methods for AI use and offers several solutions to overcome students' limitations in applying AI in research activities.

Keywords*: AI usage skills, Political Education major, students, Artificial Intelligence (AI).*

---

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một công cụ đắc lực, hỗ trợ tích cực cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo dục đại học. Sự xuất hiện của các ứng dụng AI như Chat GPT, Google Scholar, các phần mềm phân tích dữ liệu và tổng hợp tri thức đã mở ra những phương thức học tập, nghiên cứu hoàn toàn mới, giúp sinh viên tối ưu hóa quá trình tiếp cận tri thức, xử lý thông tin và sáng tạo sản phẩm nghiên cứu.

Theo quyết định số 2289/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030* có định hướng chiến lược về đầu tư, phát triển một số công nghệ ưu tiên để chủ động hội nhập cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong đó có Trí tuệ nhân tạo. *"Trí tuệ nhân tạo (TTNT) là một lĩnh vực công nghệ nền tảng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"* [10] và trong Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030* có đưa ra nhiệm vụ cho giáo dục và đào tạo *"triển khai đại trà các chương trình phổ cập kỹ năng xây dựng dữ liệu, ứng dụng TTNT cho thanh thiếu niên; thúc đẩy các chương trình đào tạo chính quy về TTNT, khoa học dữ liệu; thúc đẩy đưa các môn học về phân tích dữ liệu, về ứng dụng TTNT vào chương trình đào tạo của các ngành học khác nhau trong các trường đại học và cao đẳng" [10].*

Do đó, đối với sinh viên ngành Giáo dục Chính trị - lực lượng sẽ đảm nhiệm vai trò giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ - việc thành thạo kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập, mà còn hình thành nền tảng tư duy khoa học, phản biện và sáng tạo cần thiết cho công tác giảng dạy sau này. Yêu cầu này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh toàn ngành giáo dục đang tích cực đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo để thích ứng với yêu cầu hội nhập và phát triển.

Tại Trường Đại học Đồng Tháp, sinh viên ngành Giáo dục Chính trị đã bước đầu tiếp cận với các công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập và nghiên cứu. Trong nghiên cứu khoa học, cách sử dụng đơn giản chỉ bằng một câu lệnh ra hàng loạt các thông tin mà người dùng mong muốn, vừa tiện lợi vừa tiết kiệm được thời gian. Sử dụng AI trong việc tìm kiếm tài liệu, gợi ý nội dung, phân tích và tổng hợp thông tin. Mang lại hiệu quả và tăng hiệu suất trong nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Bên cạnh những lợi ích mà AI mang lại, thì có những thách thức mà người dùng - sinh viên phải đối mặt. Sinh viên tìm kiếm thông tin bằng các ứng dụng AI nhưng lại không chọn lọc thông tin mà sao chép, dán vào bài nghiên cứu khoa học. Điều này, gây ra vấn đề sinh viên ngày càng lạm dụng và lệ thuộc vào trí tuệ nhân tạo. Nhất là trong nghiên cứu khoa học gây ra nhiều hậu quả: thông tin chưa xác thực, đạo văn, sao chép,… ảnh hưởng đến đạo đức và uy tín của sinh viên.

Do đó, việc ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học còn gặp nhiều hạn chế như: Sử dụng chưa có định hướng khoa học rõ ràng, thiếu kỹ năng phân tích, kiểm chứng nguồn thông tin và vận dụng sáng tạo kết quả AI hỗ trợ. Làm giảm sút năng lực tư duy độc lập và khả năng sáng tạo trong nghiên cứu.

Vậy, làm thế nào để sinh viên có thể sử dụng AI một cách hiệu quả, khai thác tối đa lợi ích mà công nghệ này mang lại, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực? Xuất phát từ thực tế đó, nhóm tác giả chọn thực hiện đề tài "Kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp". Lý do chọn đề tài là nhằm khai thác được những kỹ năng cần thiết sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học và nhận diện rõ thực trạng, thuận lợi, khó khăn trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo của sinh viên hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài nghiên cứu, nhóm tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

Phương pháp quy nạp và diễn dịch: đi từ các dữ liệu về khái niệm, ứng dụng, thực trạng của Trí tuệ nhân tạo đi đến thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp khắc phục hậu quả.

Phương pháp thu thập số liệu: thu thập thông tin, dữ liệu từ các nguồn như tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tạp chí Giáo dục Việt Nam, tạp chí Khoa học - Công nghệ, tạp chí Thiết bị giáo dục, và các trang website liên quan đến đề tài nghiên cứu để làm nền tảng và chứng minh luận điểm trong quá trình nghiên cứu.

Phương pháp điều tra: tiến hành khảo sát trực tuyến nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị với mức độ, mục đích, kỹ năng được trang bị và những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi tiến hành sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học. Các câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm, câu hỏi với nhiều lựa chọn, và câu hỏi tự luận. Và việc điều tra bằng bảng hỏi google form và được 15 sinh viên khảo sát trong đó là các năm nhất, năm hai và năm ba.

Phương pháp toán học: dùng để xử lý các dữ liệu thu thập được qua quá trình khảo sát để đưa ra tỉ lệ phần trăm đánh giá được mức độ, mục đích và khó khăn của sinh viên khi sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Khái niệm của Trí tuệ nhân tạo (AI)

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là một lĩnh vực thuộc khoa học máy tính, tập trung phát triển các hệ thống có khả năng thực hiện các nhiệm vụ thông minh như con người. John McCarthy, người được mệnh danh là "cha đẻ" của AI, đã định nghĩa AI là "khoa học và kỹ thuật của việc chế tạo máy móc thông minh" [1]. Ông nhấn mạnh rằng, trí tuệ nhân tạo không chỉ đơn thuần dựa trên các quy tắc lập trình sẵn mà còn phải bao hàm khả năng học hỏi và thích nghi từ kinh nghiệm thực tiễn. Chính quan điểm này đã tạo nền móng cho sự phát triển vượt bậc của AI hiện đại [1].

Trí tuệ nhân tạo không chỉ đơn thuần thực hiện việc xử lý dữ liệu mà còn sở hữu khả năng học hỏi, phân tích và thích nghi một cách linh hoạt trong nhiều điều kiện khác nhau [1]. AI được phân thành ba loại chính, mỗi loại đại diện cho những cấp độ phát triển và phạm vi ứng dụng riêng biệt, phản ánh tiềm năng vượt bậc của công nghệ này trong việc giải quyết các thách thức ngày càng phức tạp [1].

AI hẹp (Narrow AI): Là loại trí tuệ nhân tạo phổ biến nhất hiện nay, chuyên thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như nhận diện giọng nói, hình ảnh hoặc ngôn ngữ.

AI tổng quát (General AI): Loại AI này có khả năng tư duy và thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau với mức độ linh hoạt tương tự con người. Tuy nhiên, loại AI này vẫn đang trong quá trình nghiên cứu và phát triển.

AI siêu trí tuệ (Superintelligence): Được dự đoán sẽ vượt xa trí tuệ con người, với khả năng tự học, giải quyết các vấn đề phức tạp, và sáng tạo không giới hạn.

Ngày nay, trí tuệ nhân tạo đang từng bước thay đổi sâu rộng trong nhiều lĩnh vực từ y tế, tài chính đến giáo dục,.... Không chỉ đơn thuần xử lý dữ liệu, AI còn mở ra những phương pháp tiếp cận mới trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, trong môi trường giáo dục đại học, AI trở thành công cụ hỗ trợ quan trọng đối với sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học, từ việc khai thác thông tin, phân tích dữ liệu đến xây

dựng mô hình và kiểm nghiệm giả thuyết. Sự ứng dụng hiệu quả của AI không chỉ nâng cao chất lượng nghiên cứu của sinh viên mà còn góp phần hình thành thế hệ tri thức trẻ, năng động, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học - công nghệ trong kỷ nguyên mới.

3.1.2. Ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

Trong môi trường đại học, trí tuệ nhân tạo (AI) đang dần trở thành một công cụ không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên. Các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể được phân tích và phân chia theo các lĩnh vực cụ thể, mỗi lĩnh vực đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả nghiên cứu và học tập.

Thứ nhất, AI giúp đưa ra ý tưởng cho bài nghiên cứu bằng cách phân tích các xu hướng và chủ đề hiện tại, từ đó gợi ý những hướng nghiên cứu tiềm năng. Nó có thể nhận diện các vấn đề chưa được khai thác đầy đủ, giúp sinh viên phát hiện những chủ đề mới và tạo nền tảng cho nghiên cứu sáng tạo.

Thứ hai, sử dụng AI để thu thập và phân tích dữ liệu cải thiện chất lượng bài viết và khám phá các xu hướng nghiên cứu mới. Nhờ các thuật toán AI, sinh viên có thể tiếp cận nguồn tài liệu học thuật từ các cơ sở dữ liệu lớn như Google Scholar và Semantic Scholar. Những công cụ này tổng hợp thông tin từ hàng nghìn tài liệu, giúp sinh viên nhanh chóng tìm được nguồn tham khảo phù hợp mà không phải mất nhiều thời gian tìm kiếm thủ công. Trong nghiên cứu khoa học, AI cũng đóng vai trò quan trọng trong phân tích dữ liệu. Các phần mềm như Python, R và SPSS hỗ trợ sinh viên xử lý thông tin chính xác và hiệu quả, giúp rút ra kết luận khoa học từ các bộ dữ liệu phức tạp.

Thứ ba, trí tuệ nhân tạo (AI) còn tối ưu hóa quá trình viết và chỉnh sửa nội dung nghiên cứu. Các công cụ như Chat GPT, Grammarly và phần mềm kiểm tra đạo văn giúp sinh viên đảm bảo bài viết của mình có tính mạch lạc và chính xác. Hơn nữa, nó còn hỗ trợ dịch thuật, giúp sinh viên tiếp cận tài liệu từ các nghiên cứu quốc tế mà không bị giới hạn bởi rào cản ngôn ngữ. Trong nghiên cứu khoa học, AI không chỉ giúp sinh viên tìm kiếm tài liệu mà còn có khả năng dự đoán xu hướng nghiên cứu. Các thuật toán, phân tích dữ liệu của AI từ các bài báo khoa học, giúp sinh viên phát hiện ra các vấn đề chưa được khai thác đầy đủ hoặc các lĩnh vực nghiên cứu mới.

Thứ tư, trong các lĩnh vực như khoa học dữ liệu, sinh học và kinh tế, AI còn hỗ trợ mô phỏng các thí nghiệm và kiểm chứng giả thuyết, giúp sinh viên thực hiện thử nghiệm mà không cần tiến hành trực tiếp, tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

Tuy nhiên việc ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học cũng mang lại nhiều rủi ro nhất là việc bảo mật thông tin cá nhân. Các tội phạm an ninh mạng sử dụng AI để đánh cắp thông tin, giả mạo, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nạn nhân "cuộc tấn công mạng không chỉ dừng lại ở thời gian ngừng hoạt động mà còn kéo theo nhiều hậu quả nghiêm trọng khác: 58% tổ chức ghi nhận bị gián đoạn vận hành; 54% bị mất dữ liệu và xâm phạm quyền riêng tư; 50% đánh mất niềm tin từ khách hàng; 20% bị xử phạt do không tuân thủ quy định. Đặc biệt, 44% tổ chức xác nhận đã từng bị vi phạm dữ liệu dẫn đến thiệt hại tài chính, và 1 trong 4 vụ việc có chi phí trên 500.000 USD" [10]. Do đó, việc sử dụng cần phải thật cẩn trọng trách việc để lộ thông tin cá nhân, gia đình, địa chỉ nơi ở, nhà trường,…Hạn chế việc bị lấy thông tin, nhất là trong nghiên cứu khoa học, không nên đưa toàn bộ bài nghiên cứu của mình lên AI để chỉnh sửa vì AI có chức năng sao lưu, ghi nhớ vì vậy cần phải cẩn trọng trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học.

3.1.3. Lợi ích sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

***Thứ nhất,* tăng cường khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và tiết kiệm thời gian**

Sử dụng AI giúp sinh viên xử lý và phân tích các bộ dữ liệu phức tạp một cách nhanh chóng và chính xác. Các công cụ AI sẽ hỗ trợ sinh viên phân tích các xu hướng, phát hiện mẫu

và đưa ra các dự đoán, từ đó giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu và giúp sinh viên giải quyết các vấn đề nghiên cứu một cách hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, AI còn tự động hóa nhiều công việc lặp lại trong quá trình nghiên cứu, chẳng hạn như thu thập dữ liệu, kiểm tra độ chính xác của thông tin và thực hiện các phép toán cơ bản. Điều này giúp sinh viên tiết kiệm thời gian, giảm thiểu các công việc thủ công, từ đó có thể tập trung vào các nhiệm vụ nghiên cứu quan trọng hơn, thúc đẩy sự sáng tạo và khả năng phân tích sâu sắc hơn.

***Thứ hai,* hỗ trợ phát triển kỹ năng tư duy phản biện**

Mặc dù AI hỗ trợ sinh viên trong việc phân tích và xử lý dữ liệu, nó không thể thay thế khả năng tư duy phản biện của con người. Tuy nhiên, sinh viên phải xác định, đánh giá và kiểm tra lại những kết luận mà nó đưa ra. Điều này giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy phản biện, một kỹ năng quan trọng trong nghiên cứu khoa học.

***Thứ ba,* tạo cơ hội cho nghiên cứu liên ngành**

Trí tuệ nhân tạo (AI) có thể kết nối dữ liệu từ các lĩnh vực nghiên cứu khác nhau, tạo cơ hội cho sinh viên phát triển các phương pháp nghiên cứu liên ngành. Điều này không chỉ giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về các vấn đề nghiên cứu mà còn khuyến khích họ tích hợp kiến thức từ các lĩnh vực khác nhau để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu phức tạp.

Thứ tư, t**húc đẩy sáng tạo và khám phá các phương pháp nghiên cứu mới**

Bên cạnh đó AI không chỉ giúp sinh viên nghiên cứu các vấn đề hiện tại mà còn khuyến khích họ khám phá các phương pháp nghiên cứu mới, những lĩnh vực chưa được khai thác hoặc những cách tiếp cận mới cho các vấn đề khoa học. Bằng cách phân tích lượng lớn dữ liệu và đưa ra các gợi ý, AI có thể giúp sinh viên phát hiện các cơ hội nghiên cứu chưa được biết đến trước đó.

***Thứ năm,* nâng cao chất lượng và độ chính xác của các bài nghiên cứu**

Với khả năng tối ưu hóa các công việc như viết bài nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung và kiểm tra tính chính xác của thông tin. Các công cụ AI giúp sinh viên nhận diện lỗi ngữ pháp, sửa lỗi logic và đảm bảo các trích dẫn, tài liệu tham khảo được thực hiện đúng cách. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng bài nghiên cứu mà còn giúp sinh viên tiết kiệm thời gian trong việc hoàn thiện bài viết.

Sự phát triển của AI đã mở ra những cơ hội mới, giúp sinh viên tối ưu hóa việc học tập và nghiên cứu khoa học. Công nghệ này không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn nâng cao tính chính xác, thúc đẩy sáng tạo và tạo ra những phương thức nghiên cứu tiên tiến. Tuy nhiên, AI không thể thay thế tư duy phản biện và khả năng sáng tạo của con người. Do đó, sinh viên cần phải sử dụng AI một cách có trách nhiệm, tránh lệ thuộc và sao chép máy móc từ các công cụ AI. Đồng thời, việc đảm bảo tính minh bạch và đạo đức trong nghiên cứu cũng là yếu tố quan trọng để duy trì sự công bằng và trung thực trong khoa học.

3.2. Kỹ năng sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

Các kỹ năng cần thiết khi sử dụng AI trong nghiên cứu

a) Kỹ năng đặt lệnh hiệu quả

Kỹ năng này đòi hỏi người sử dụng phải có khả năng đặt câu hỏi một cách rõ ràng, chi tiết, cụ thể, có mục tiêu hướng đến. Kỹ năng này ảnh hưởng đến chất lượng câu trả lời mà bạn cần và khi đặt câu lệnh chuẩn xác giúp sinh viên tìm đúng thông tin cần thiết, tiết kiệm được thời gian tìm kiếm dữ liệu

Để có thể thực hiện hiệu quả kỹ năng này cần:

Thứ nhất, xác định rõ mục tiêu. Không đặt câu lệnh chung chung cần phải rõ ràng, chi tiết, cụ thể, hướng đến mục tiêu gì?

VD: Khi đặt câu lệnh *"Ảnh hưởng của AI đến giáo dục"* thì sẽ ra hàng loạt các kết quả nhưng nó chung chung không hướng đến được mục đích câu hỏi của người sử dụng. Vừa tốn thời gian vừa không chọn lọc được thông tin cần thiết. Thay vì thế, chúng ta có thể đặt câu lệnh như sau: *"Phân tích tác động của những kỹ năng sử dụng AI đến nghiên cứu khoa học của sinh viên tại các trường Đại học và kèm theo số liệu cụ thể mới nhất"* thì kết quả ra sẽ cụ thể, gần với mục đích bản thân cần.

Thứ hai, thử nghiệm và đánh giá kết quả. Sau khi AI đưa ra kết quả nếu như kết quả đó chưa phù hợp, hoặc chưa đáp ứng được mong muốn của sinh viên. Sinh viên có thể đặt thêm câu lệnh tiếp theo chi tiết, thêm ngữ cảnh và sử dụng cách diễn đạt khác để AI có thể đưa ra kết quả chính xác.

VD: Khi AI đưa ra kết quả quá dài, không nắm được trọng tâm của câu trả lời. Có thể đặt câu lệnh: *"Bạn hãy tóm tắt lại nội dung, đưa ra các ý chính, dễ hiểu và chi tiết"*.

Thứ ba, điều chỉnh và tối ưu hóa. Tiếp tục điều chỉnh cho đến khi đạt được câu trả lời cần thiết, đúng.

b) Kỹ năng phân tích, xử lý kết quả do AI cung cấp

Khi sử dụng AI thì sinh viên phải phân tích và xử lý thông tin mà AI đưa ra. Không sao chép, dán trực tiếp thông tin vào bài nghiên cứu khoa học, sinh viên phải hiểu và nắm được thông tin từ đó rút ra được kết luận của bản thân mình. Sau đó phải xử lý thông tin thành của bản thân sinh viên chứ không phải sao chép. Việc sao chép sẽ ảnh hưởng đến đạo đức học thuật, liêm chính trong nghiên cứu khoa học

Việc xử lý kết quả AI đòi hỏi sinh viên phải có một nền tảng vững chắc về kiến thức chuyên môn. Vì đặc thù của ngành Giáo dục Chính trị, việc sử dụng AI phải chọn lọc thông tin thật kĩ càng, nó có thể đưa ra kết quả sai, mơ hồ và đi sang một hướng khác. Do đó, cần phải phân tích dữ liệu kèm theo xử lý các kết quả AI mang lại để bài nghiên cứu khoa học chuẩn xác, mang tính học thuật cao.

c) Kỹ năng chọn lọc thông tin

AI cung cấp nhiều thông tin cho người dùng nhưng nhiều sinh viên còn phụ thuộc vào AI trong việc chọn lọc thông tin phù hợp và cần thiết. Kỹ năng này giúp sinh viên loại bỏ được một số thông tin dư thừa, không phù hợp giúp bài nghiên cứu khoa học của sinh viên được hoàn chỉnh, đáp ứng được yêu cầu khoa học. Bên cạnh đó, hạn chế được việc bài nghiên cứu khoa học lan man, nhiều thông tin không đúng trọng tâm.

Kỹ năng chọn lọc thông tin này rất quan trọng ảnh hưởng rất nhiều đến bài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị. Khi AI trả kết quả tìm kiếm thì sinh viên cần phải đối chiếu lại những tài liệu chính thống và kiến thức chuyên môn của bản thân sinh viên. Lựa chọn và bỏ những thông tin sai, dư thừa. Trách tình trạng thông tin sai thì bài nghiên cứu khoa học sẽ mất tính cấp thiết và thực tế của đề tài.

d) Kỹ năng đánh giá, kiểm định thông tin

Nhận thấy được nhiều sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc đánh giá thông tin có chính xác và đáng tin cậy chưa. Vì AI đưa ra kết quả nhưng chúng không đưa ra các nguồn cụ thể lấy từ đâu. Và có thể chúng đưa ra những thông tin sai sự thật, không chính thống. Đòi hỏi sinh viên phải có kỹ năng đánh giá và kiểm định thông tin. Để thực hiện kỹ năng này, sinh viên trước hết phải có nhận thức và kiến thức về vấn đề này. Không sử dụng AI một cách máy móc, cần chọn tài liệu có tác giả uy tín, có nguồn trích dẫn khoa học, đúng đắn.

3.3. Thực trạng sử dụng AI của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị trong nghiên cứu khoa học

Chúng tôi đã tiến hành tham gia khảo sát với 16 sinh viên tham gia thuộc ngành Giáo dục

Chính trị Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm Trường Đại học Đồng Tháp trong việc đưa ra các đánh giá về thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo về mức độ, mục đích và ảnh hưởng của AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Trong đó tỉ lệ nam chiếm 43,75%, tỉ lệ nữ chiếm 56,25%

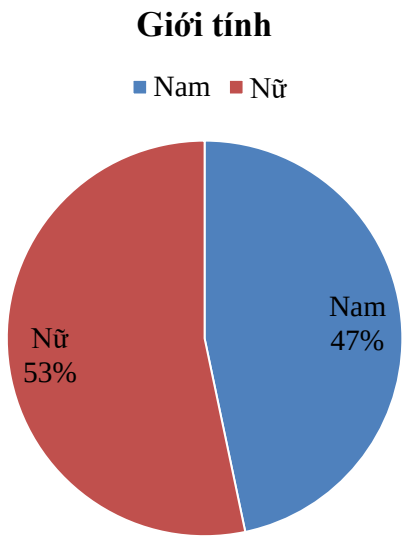

Biểu đồ 1: Tỉ lệ giới tính sinh viên tham gia khảo sát

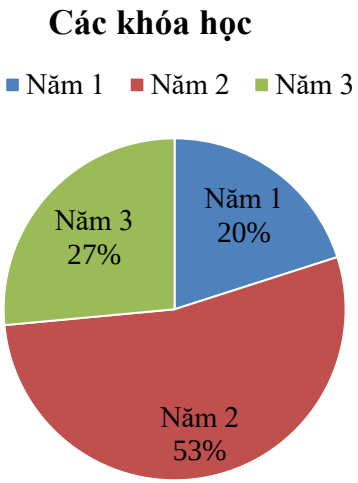

Biểu đồ 2: Các khóa học tham gia khảo sát

3.3.1. Mức độ sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

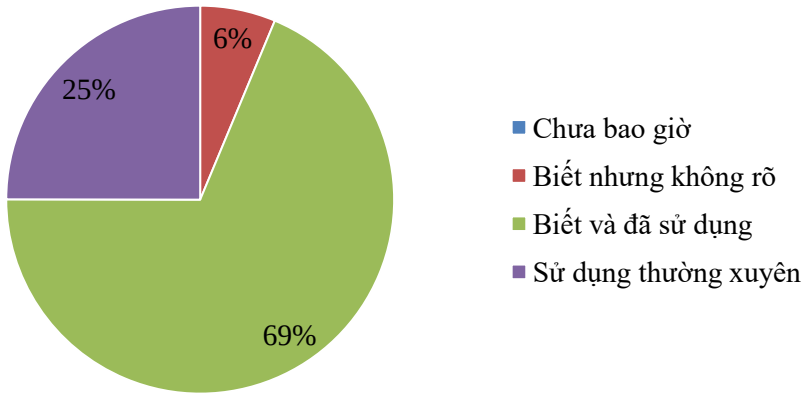

Biểu đồ 3: Mức độ nhận biết các công cụ hỗ trợ AI nghiên cứu khoa học

Qua Hình 3, thấy được tỉ lệ sinh viên biết cách sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học chiếm đến 69%. Sinh viên ngành Giáo dục Chính trị tích cực hội nhập trong bối cảnh cách mạng - công nghệ 4.0, sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu.

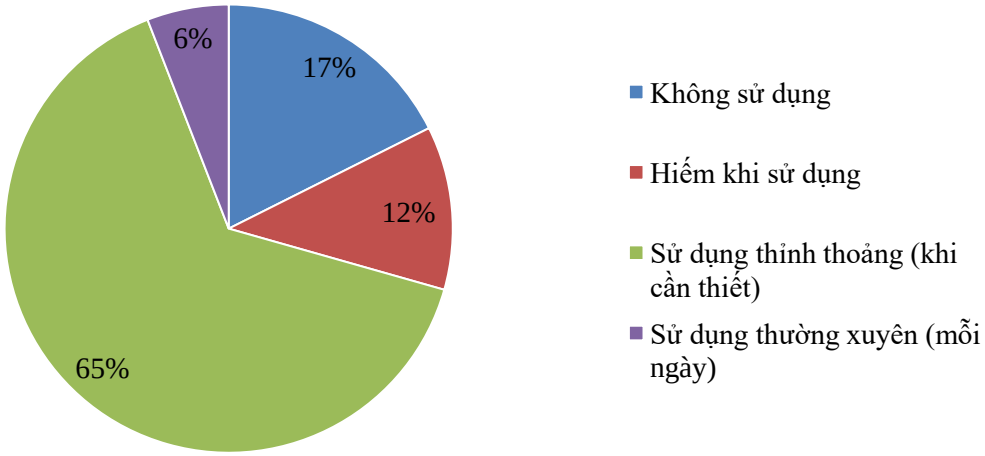

Biểu đồ 4: Mức độ sử dụng AI khi nghiên cứu khoa học của sinh viên

Hình 4, thấy được mức độ sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên là rất cao chiếm đến 65% nhưng ở mức độ thỉnh thoảng và khi cần thiết. Phản ánh sinh viên không lệ thuộc hoàn toàn vào trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học, không bị chi phối và ảnh hưởng sâu đến nghiên cứu của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị.

3.3.2. Mục đích sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học

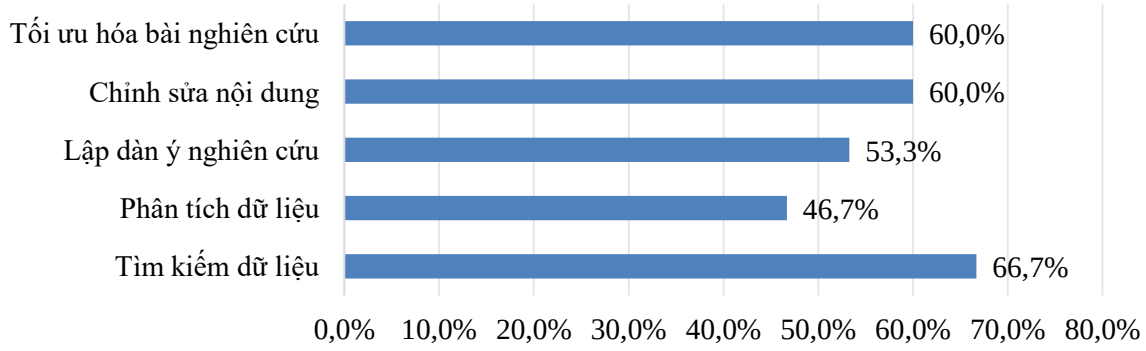

Biểu đồ 5: Mục đích sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học

Phần lớn sinh viên sử dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học là tìm kiếm dữ liệu, thông tin phục vụ cho nghiên cứu. Bên cạnh đó việc tìm kiếm dữ liệu cũng chiếm rất cao 66.7%.

Qua ba hình 3,4,5 thấy được sinh viên không lệ thuộc hoàn toàn vào AI trong nghiên cứu. Ở hình 5 có thể thấy chủ yếu sinh viên sử dụng AI là để tìm kiếm dữ liệu để phục vụ cho nghiên cứu. Sinh viên sử dụng AI như một công cụ tìm kiếm, hỗ trợ trong việc nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, sinh viên có nguy cơ lệ thuộc vào AI khi sử dụng ở mức độ thường xuyên.

3.3.3. Ảnh hưởng của các kỹ năng sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học

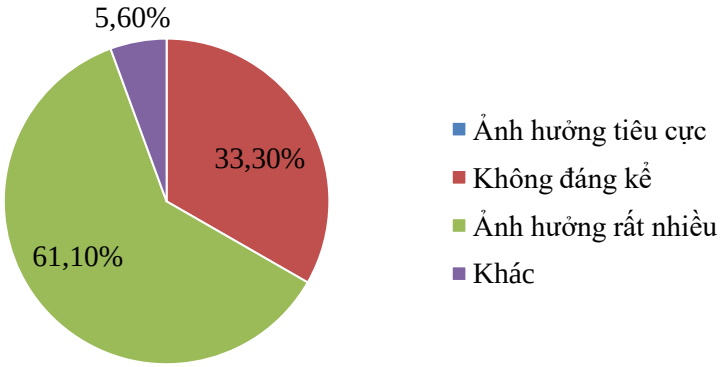

Biểu đồ 5: Các kỹ năng sử dụng AI ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên

Thấy được các kỹ năng sử dụng AI rất quan trọng trong việc nghiên cứu khoa học khi đến 61,1% nhận định nó ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng nghiên cứu khoa học và ở đây là ảnh hưởng theo hướng tích cực vì phần trăm ảnh hưởng tiêu cực là 0%. Tuy nhiên, mặc dù mang lại nhiều thuận lợi nhưng nó cũng có những khó khăn khi sử dụng những kỹ năng trong nghiên cứu khoa học của sinh viên.

a) Thuận lợi khi sử dụng những kỹ năng trong nghiên cứu khoa học

Phải thừa nhận rằng, trí tuệ nhân tạo có những ảnh hưởng rõ nét đến vấn đề nghiên cứu học tập ở đại học thông qua những thuận lợi trong quá trình thao tác các kỹ năng.

Thứ nhất, kỹ năng đặt lệnh hiệu quả mang lại nhiều lợi ích như tăng độ chính xác trong kết quả, cá nhân hóa trải nghiệm phù hợp với nhu cầu, nâng cao hiệu suất làm việc bằng cách tiết kiệm thời gian và công sức, phát triển tư duy logic qua việc tổ chức và phân tích vấn đề một cách hợp lý, cùng với khả năng sáng tạo vượt trội nhờ khai thác tiềm năng của AI để đưa ra các ý tưởng mới lạ và đột phá cho phép người học được liên tục tương tác và học hỏi, giúp người học xây dựng thói quen học tập và trau dồi kiến thức mọi lúc mọi nơi, hướng tới việc học tập suốt đời. Ngoài ra, các công cụ AI khác, ngoài AI tạo sinh, giúp người học nâng cao trải nghiệm học tập, rút ngắn quy trình công việc, đặc biệt là những việc lặp, từ đó tạo cảm hứng và môi trường thân thiện để người học trau dồi kiến thức mới. Với phương châm "đại học là tự học", việc tự học, tự nghiên cứu của SV quyết định hàm lượng tri thức đọng lại mà SV thu lượm được. Với việc ứng dụng AI trong tự học, tự nghiên cứu sẽ tạo ra hứng thú cho SV khi học, mong chờ các cách thức "tương tác" "trả lời" khác nhau của AI đối với những thắc mắc, bài tập, câu hỏi nghiên cứu của SV. Bên cạnh đó, nếu như hoạt động "tổng hợp tri thức" trong tự học, tự nghiên cứu mất rất nhiều thời gian của người học thì nay với công cụ trí tuệ nhân tạo, người học hoàn toàn có thể tiết kiệm thời gian trong khâu này. Với một lệnh yêu cầu, trí tuệ nhân tạo hoàn toàn có thể cập nhật những tri thức mới nhất, những bài báo mới nhất và gần như "tất cả" các bài báo, bài viết có tri thức về đối tượng cần nghiên cứu, xem xét. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo giúp SV sử dụng thời gian hiệu quả hơn.

Thứ hai, kỹ năng phân tích và xử lý kết quả do AI cung cấp mang lại nhiều thuận lợi như giúp người dùng hiểu rõ hơn về dữ liệu và thông tin mà AI tạo ra, nâng cao khả năng đánh giá và chọn lọc thông tin phù hợp, tối ưu hóa việc áp dụng kết quả vào thực tế một cách hiệu quả, đồng thời tăng cường khả năng tư duy phản biện và sáng tạo khi kết hợp các kết quả AI với kiến thức chuyên môn để giải quyết vấn đề một cách toàn diện. Thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo, từ đó tăng cường hiệu quả dạy và học cho cả giáo viên và học sinh. Nói cách khác, các ứng dụng AI tạo sinh với khả năng sáng tạo nội dung dựa trên bộ dữ liệu sẵn có, sẽ trở thành một công cụ vô cùng hữu ích trong quá trình đưa ra những ý tưởng mới trong quá trình học tập, nghiên cứu. Cụ thể, AI đã đóng vai trò như đồng tác giả trong quá trình thực hiện nghiên cứu khoa học giáo dục, trong đó AI thực hiện phần lớn giai đoạn xây dựng khung nghiên cứu và ý tưởng, phân tích và thảo luận để tác giả chính sửa và sắp xếp lại ý tưởng một cách phù hợp hơn.

Thứ ba, kỹ năng chọn lọc thông tin mang lại nhiều lợi ích thiết thực và đóng vai trò quan trọng trong thời đại bùng nổ dữ liệu. Trước tiên, kỹ năng này giúp cá nhân xác định được những thông tin có giá trị và phù hợp nhất từ một lượng lớn dữ liệu đa dạng, đảm bảo tính chính xác và liên quan của thông tin được sử dụng. Điều này không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn tối ưu hóa hiệu quả học tập, nghiên cứu và làm việc, khi chúng ta có thể tập trung vào các nguồn dữ liệu chính xác để giải quyết vấn đề hoặc đưa ra quyết định đúng đắn. Ngoài ra, kỹ năng chọn lọc thông tin còn giúp người dùng tránh được nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thông tin sai lệch, gây nhiễu hoặc không đáng tin cậy. Quan trọng hơn, nó thúc đẩy tư duy phản biện và khả năng phân tích, khi người dùng biết cách đánh giá các nguồn thông tin một cách kỹ lưỡng trước khi sử dụng. Đây là một kỹ năng thiết yếu không chỉ giúp nâng cao năng lực cá nhân mà còn hỗ trợ phát triển sự nghiệp trong bối cảnh hiện đại đầy cạnh tranh và thay đổi không ngừng.

Thứ tư, kỹ năng đánh giá, kiểm định thông tin mang lại nhiều lợi ích quan trọng trong việc xử lý và sử dụng dữ liệu. Kỹ năng này giúp người dùng xác định được độ tin cậy, tính chính xác và giá trị của thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó tránh bị ảnh hưởng bởi những thông tin sai lệch hoặc không đáng tin cậy. Nó cũng hỗ trợ việc ra quyết định hiệu quả hơn, khi người sử dụng có thể dựa vào các thông tin đã được kiểm chứng để phân tích và giải quyết vấn đề. Đồng thời, kỹ năng này thúc đẩy tư duy phản biện và khả năng phân tích sâu sắc, tạo nền tảng cho sự phát triển cá nhân và thành công trong môi trường học tập và làm việc. Trong thời đại mà thông tin tràn ngập và khó kiểm soát, kỹ năng đánh giá và kiểm định thông tin trở nên đặc biệt cần thiết để cá nhân hóa và tối ưu hóa việc tiếp cận tri thức.

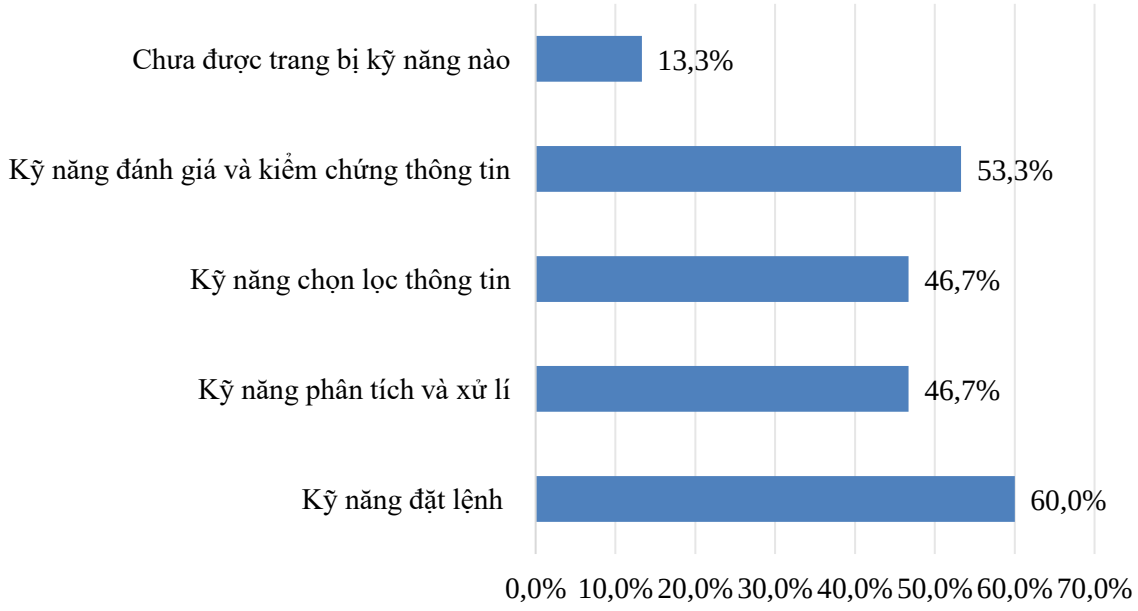

Biểu đồ 6: Những kỹ năng sinh viên được trang bị

Đây cũng là một thuận lợi, khi sinh viên ngành Giáo dục Chính trị được trang bị những kỹ năng cần thiết cho việc nghiên cứu khoa học. Trong đó kỹ năng đặt lệnh chiếm đến 60%. Không thể phủ nhận được kỹ năng này rất quan trọng, vì đặt lệnh hiệu quả thì đưa ra được thông tin nhanh, phù hiệu tiết kiệm được thời gian và hiệu suất nghiên cứu tăng cao. Tuy nhiên có những thuận lợi thì sẽ có những khó khăn.

b) Khó khăn khi sử dụng những kỹ năng trong nghiên cứu khoa học

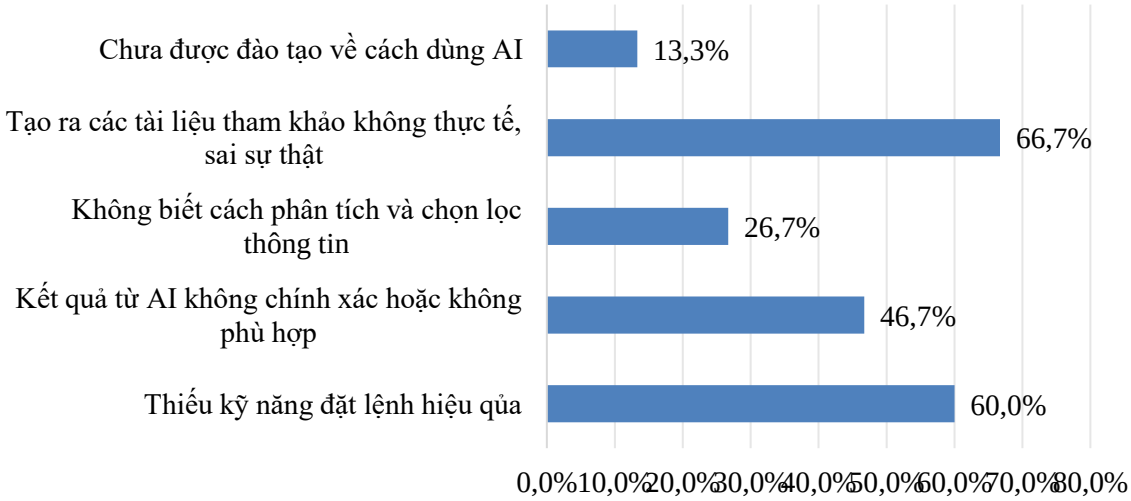

Biểu đồ 7: Tỉ lệ sinh viên gặp khó khăn khi sử dụng AI

Qua khảo sát, khó khăn lớn nhất khi sinh viên sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học là các tài liệu tham khảo không thực tế, sai sự thật. Đòi hỏi sinh viên phải đánh giá được thông tin nào đúng, chính thống. Từ đó, các kỹ năng chọn lọc thông tin và kỹ năng đánh giá và kiểm định của sinh viên còn nhiều khó khăn và hạn chế. Vậy khó khăn đó là gì?

Kỹ năng chọn lọc thông tin gặp phải nhiều khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh lượng thông tin ngày càng bùng nổ. Việc nhận diện và phân loại thông tin đáng tin cậy đòi hỏi khả năng tư duy phản biện cao và sự am hiểu về lĩnh vực liên quan, điều mà không phải ai cũng có sẵn. Ngoài ra, sự xuất hiện của các nguồn thông tin không chính thống, sai lệch hoặc được thiết kế để gây nhiễu khiến quá trình lọc thông tin trở nên phức tạp hơn, dễ dẫn đến việc bỏ sót những dữ liệu quan trọng hoặc sử dụng nhầm nguồn không chính xác. Thêm vào đó, thời gian và công sức để sàng lọc thông tin từ nhiều nguồn cũng là một thách thức lớn, nhất là khi đối mặt với áp lực công việc hay học tập. Điều này đòi hỏi không chỉ kỹ năng mà còn cả sự kiên nhẫn và kinh nghiệm trong việc xử lý dữ liệu một cách hiệu quả. Thách thức đáng lo ngại cuối cùng cũng là quan trọng nhất, liên quan tới việc sử dụng AI trong môi trường giáo dục tập trung vào tính đáng tin cậy và chính xác của những nội dung do AI cung cấp. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, các ứng dụng AI tạo sinh như Chat GPT (Open AI), Bard (Google), Copilot (Microsoft) được đào tạo trên một lượng lớn dữ liệu từ tài liệu, văn bản, trang web mà trong đó có thể chứa các nội dung, quan điểm không chính thức, còn thiếu chính xác hoặc đang được thảo luận. Ngoài ra tính "liêm chính" trong những bài làm thực chất của SV và những bài làm do trí tuệ nhân tạo làm: Do tính mạnh mẽ của các công cụ trí tuệ nhân tạo có thể làm ra những sản phẩm trí tuệ na ná con người, thậm chí nhanh chóng chóng và ưu việt hơn con người nên việc "làm giả" sản phẩm, tính liêm chính trong các bài luận, sản phẩm học tập, nghiên cứu của SV là một vấn đề rất khó kiểm soát [2]. Từ đó có thể dẫn đến sai lầm, bất công trong đánh giá giáo dục vì người làm thực chất và máy móc làm thay thật khó phân biệt [2].

Kỹ năng đánh giá, kiểm định thông tin, gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh hiện nay khi lượng thông tin ngày càng gia tăng và khó kiểm soát. Do đó, thực tế đã đưa ra các nội dung không chính xác trong các vấn đề mang tính khoa học và các quan điểm có phần thiên vị trong

các vấn đề xã hội. Hậu quả của việc liên tục nhận các thông tin sai lệch có thể gây "ô nhiễm" cho các tư liệu giáo dục, nghiên cứu đòi hỏi sự nỗ lực và thời gian đáng kể để cải thiện, kiểm chứng những thông tin do AI cung cấp cho người học. Thật vậy, cơ chế của AI là tự học tập để không ngừng bổ sung kiến thức cho bản thân nó trên môi trường Internet bất chấp việc các nguồn tri thức đó có được kiểm chứng hay không và tri thức đó là toàn cầu, nó có thể đúng ở quốc gia, khu vực này nhưng lại không đúng ở quốc gia khu vực khác, chưa kể đến các yếu tố khác biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội... Do đó các thông tin, tri thức mà AI cung cấp có tính rủi ro cao. Chẳng hạn như đối với thông tin. Chat GPT đưa ra có thể là thông tin sai khiến cho việc học tập của SV bị lệch lạc. OpenAI biết về hạn chế này, họ viết rằng: "Chat GPT đôi khi viết những câu trả lời nghe có vẻ hợp lí nhưng lại không chính xác hoặc vô nghĩa" [2]. Người dùng có thể không phân biệt được đâu là đúng, đâu là sai, khiến cho quá trình học tập và làm việc trở nên rủi ro hơn. Thậm chí, những lời khuyên về y tế còn có thể ảnh hưởng trực tiếp tới tính mạng và sức khỏe của người dùng [2].

Bên cạnh đó, cũng có những khó khăn về kỹ năng đặt lệnh hiệu quả cũng đối mặt với không ít khó khăn. Trước hết, việc xây dựng các lệnh rõ ràng và cụ thể đòi hỏi người dùng phải hiểu biết sâu về công cụ AI và các khả năng mà nó cung cấp, điều này có thể gây trở ngại với những người chưa quen thuộc với công nghệ. Ngoài ra, nếu lệnh không đủ chi tiết hoặc bị mơ hồ, kết quả trả về có thể không đáp ứng mong đợi, gây mất thời gian và công sức. Thêm vào đó, sự khác biệt giữa các hệ thống AI cũng khiến việc tạo lệnh đồng nhất và hiệu quả trở nên phức tạp hơn, đặc biệt khi người dùng phải làm việc trên nhiều nền tảng khác nhau. Cuối cùng, khả năng diễn đạt không chính xác ý tưởng trong lệnh còn có thể dẫn đến kết quả sai lệch, làm giảm hiệu suất và chất lượng công việc làm ảnh hưởng đến quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên.

Kỹ năng phân tích, xử lý kết quả do AI cung cấp có thể gặp phải một số khó khăn đáng kể. Trước tiên, việc hiểu và diễn giải kết quả AI đòi hỏi người dùng phải có nền tảng kiến thức chuyên môn cũng như khả năng tư duy phản biện, điều này có thể gây thách thức với những người mới làm quen. Ngoài ra, AI đôi khi cung cấp các kết quả mang tính xác suất hoặc mơ hồ, khiến việc phân tích và áp dụng vào thực tế trở nên phức tạp hơn. Sự phụ thuộc quá mức vào kết quả của AI mà không kiểm chứng có thể dẫn đến những quyết định sai lầm, đặc biệt khi thông tin đầu vào cho AI không đầy đủ hoặc không chính xác. Yếu tố đạo đức và tính minh bạch trong cách AI tạo ra kết quả cũng đặt ra vấn đề, đòi hỏi người dùng phải xử lý dữ liệu một cách cẩn trọng để tránh các hậu quả không mong muốn. Cụ thể, về phía công nghệ, hiện trạng đã chỉ ra rằng, quy trình thu thập dữ liệu, kiểm chứng, sàng lọc và cung cấp thông tin của các công cụ AI thông minh như AI tạo sinh đều bị can thiệp bởi công ty mẹ. Do đó, nguồn thông tin có thể bị chi phối cho mục đích của cá nhân và tổ chức. Ngoài ra, các công cụ AI tạo sinh "học" và trở nên thông minh từ chính các câu hỏi và phản hồi của người dùng, bao gồm các kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực. Do đó, các nội dung được cung cấp có thể vướng vào các vấn đề về pháp lý hay vi phạm bản quyền sử dụng nội dung. Đến nay, phần lớn các công cụ AI tạo sinh khi đưa ra thông tin mang tính chuyên môn cao cũng không một cung cấp trích nguồn, hoặc cung cấp trích nguồn không chính xác.

3.4. Giải pháp phát huy và khắc phục những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng các kỹ năng cần thiết sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

Qua khảo sát thực tế từ các phân tích trên nhóm tác giả xin được đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên như sau:

Thứ nhất, tăng cường tích hợp AI vào quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên

Qua khảo sát, điều này chiếm tỉ lệ 40% thấy được đây là giải pháp mà sinh viên mong muốn để có thể sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học một cách khoa học và hiệu quả cao. Nhà trường nên phát triển nội dung chương trình sao cho tích hợp sâu rộng các công cụ hỗ trợ học tập dựa trên AI, như các hệ thống học tập thích ứng và trợ lý ảo để cải thiện khả năng cá nhân

hóa học tập và tăng cường hiệu quả giáo dục. Ngoài ra, có thể phát triển các nền tảng giáo dục thông minh sử dụng AI, đây là các nền tảng có thể tự động điều chỉnh nội dung học tập dựa trên nhu cầu và tiến độ học tập của từng sinh viên, từ đó nâng cao kết quả học tập.

Thứ hai, đào tạo và phát triển kỹ năng cho sinh viên

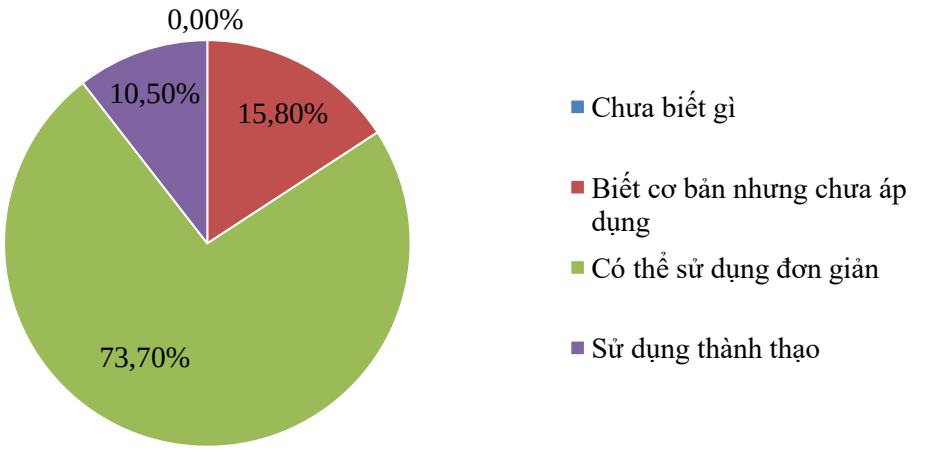

Biểu đồ 8: Mức độ thành thạo khi sử dụng các kỹ năng sử dụng AI phục vụ nghiên cứu khoa học

Qua khảo sát, cho thấy mức độ thành thạo khi sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị là ở mức sử dụng đơn giản. Tuy nhiên, do bối cảnh chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo ngày càng quan trọng. Đòi hỏi phải có một biện pháp giúp sinh viên có thể sử dụng một cách thành thạo AI.

Đối với giáo viên, nhà trường tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho giáo viên về cách tích hợp và sử dụng công nghệ AI trong giảng dạy và đánh giá sinh viên, nhằm tối ưu hóa tác động tích cực của công nghệ này. Cần tạo các lớp học tập huấn sử dụng AI cho sinh viên thuộc sư phạm trong việc giảng dạy, soạn bài giảng,…

Đối với sinh viên để nâng cao hiệu quả sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học, sinh viên cần tập trung vào việc phát triển các kỹ năng thao tác sử dụng các công cụ AI, ứng dụng AI vào xử lý dữ liệu, tìm kiếm và tổng hợp tài liệu, cải thiện chất lượng bài viết, mô phỏng thí nghiệm, đảm bảo đạo đức và bảo mật thông tin, cũng như tối ưu hóa hiệu suất nghiên cứu. Việc tích hợp AI không chỉ giúp tự động hóa quy trình mà còn mở rộng khả năng tiếp cận với những phương pháp nghiên cứu tiên tiến, nâng cao tính chính xác và tốc độ trong quá trình khám phá khoa học. Bằng cách sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, thực hành với các thư viện AI, và áp dụng các mô hình học máy vào phân tích dữ liệu, sinh viên có thể tận dụng tối đa sức mạnh của AI để thúc đẩy sáng tạo và phát triển nghiên cứu một cách hiệu quả. Bên cạnh đó cần chọn lọc thông tin một cách thông minh, có độ chính xác cao hợp lí.

Thứ ba, rèn luyện khả năng tư duy khoa học một cách sáng tạo và tự chủ

Trong nghiên cứu khoa học, việc hình thành tư duy độc lập và chủ động là yếu tố quan trọng giúp sinh viên phát triển khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề và đưa ra những đóng góp giá trị. Sinh viên cần rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá thông tin một cách khách quan, không phụ thuộc hoàn toàn vào những kết quả sẵn có. Thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức một chiều, họ nên đặt câu hỏi, khám phá những hướng đi mới, và dám thử nghiệm các giả thuyết chưa được kiểm chứng. Chủ động tìm kiếm tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, áp dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ xử lý dữ liệu, và biết cách liên kết thông tin để tạo ra những nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao là những bước quan trọng. Hơn nữa, sinh viên cần rèn luyện khả năng tự

học, tiếp cận công nghệ mới và không ngừng cập nhật kiến thức để thích nghi với sự thay đổi của khoa học và công nghệ. Một tư duy nghiên cứu chủ động không chỉ giúp sinh viên nâng cao năng suất làm việc, mà còn đặt nền tảng cho sự phát triển lâu dài trong lĩnh vực học thuật và khoa học ứng dụng.

Thứ tư, nâng cao kỹ năng công nghệ để làm nền tảng cho việc triển khai và ứng dụng AI hiệu quả

Việc nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ là nền tảng quan trọng để sinh viên có thể ứng dụng AI một cách hiệu quả trong nghiên cứu khoa học. Trước tiên, sinh viên cần nắm vững các công cụ cơ bản như lập trình Python, xử lý dữ liệu với Excel, và sử dụng các phần mềm phân tích như MATLAB hoặc R. Khi đã có nền tảng vững chắc, họ có thể tiếp cận các thư viện và mô hình AI như TensorFlow, PyTorch, giúp tự động hóa quy trình xử lý dữ liệu và đưa ra các dự đoán chính xác. Bên cạnh đó, việc hiểu về điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu và công nghệ mạng cũng đóng vai trò quan trọng, giúp sinh viên tối ưu hóa khả năng lưu trữ và truy xuất thông tin. Ngoài ra, sinh viên cần rèn luyện kỹ năng đánh giá và lựa chọn công cụ phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, thay vì chỉ chạy theo xu hướng công nghệ. Việc áp dụng AI thành công không chỉ đòi hỏi kiến thức về thuật toán mà còn yêu cầu tư duy phân tích và khả năng kết hợp công nghệ một cách sáng tạo vào từng lĩnh vực nghiên cứu cụ thể.

Thứ năm, phát triển năng lực sử dụng công nghệ làm nền tảng cho việc ứng dụng AI

Qua khảo sát, tỉ lệ cao nhất mà sinh viên mong muốn hỗ trợ để sử dụng AI một cách hiệu quả là có các khóa học đào tạo kỹ năng sử dụng AI và hướng dẫn thực tế từ giảng viên hoặc chuyên gia. Do đó, **n**hà trường nên tích hợp các nội dung thực tiễn về ứng dụng AI trong nghiên cứu, bao gồm hướng dẫn sử dụng các nền tảng trí tuệ nhân tạo phổ biến như Google Cloud AI, IBM Watson; rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi chính xác để AI đưa ra kết quả phù hợp; đồng thời cung cấp kiến thức nền tảng về cách AI hoạt động để sinh viên hiểu rõ giới hạn và khả năng của công cụ này.

Thứ sáu, tạo dựng môi trường hỗ trợ ứng dụng AI trong nghiên cứu

Một môi trường học tập hiện đại và đầy đủ điều kiện sẽ giúp việc ứng dụng AI trở nên thuận lợi và hiệu quả hơn. Qua khảo sát thực tế, để sử dụng hiệu quả AI cần nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ của nhà trường chiếm 46,7%, gần như phân nữa sinh viên mong muốn cơ sở hạ tầng của trường đầu tư và phát triển AI. Nhà trường cần quan tâm đầu tư vào hệ thống máy tính, đường truyền internet và phần mềm chuyên dụng để sinh viên có thể tiếp cận các nền tảng AI một cách dễ dàng. Các doanh nghiệp công nghệ có thể tham gia hỗ trợ bằng cách chia sẻ giải pháp, cấp quyền truy cập phần mềm hoặc phối hợp tổ chức hoạt động trải nghiệm. Đồng thời, thư viện số của trường cần được cập nhật thường xuyên, đảm bảo sinh viên có thể tiếp cận những nguồn tài liệu học thuật chất lượng và phù hợp với nội dung nghiên cứu có sử dụng AI.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học là xu hướng tất yếu, nhưng thành công chỉ đến khi người học biết khai thác công cụ này một cách chủ động, hiểu biết và có trách nhiệm. AI không thay thế con người, mà là công cụ giúp con người mở rộng khả năng tư duy và sáng tạo. Vì vậy, việc xây dựng một thế hệ sinh viên có khả năng sử dụng AI hiệu quả chính là bước đi quan trọng để phát triển nền khoa học trẻ trong thời đại chuyển đổi số.

Thứ bảy, có hướng dẫn thực tế từ giảng viên hoặc chuyên gia

Khảo sát, cho thấy đến 80% sinh viên có mong muốn được hướng dẫn trực tiếp thực tế từ giảng viên hoặc chuyên gia. Tạo điều kiện tổ chức các lớp tập huấn có chuyên gia hướng dẫn; trong quá trình học tập giảng viên hướng dẫn sử dụng sinh viên trong nghiên cứu; tổ chức khóa học kỹ năng sử dụng AI trong chương trình đào tạo,…

4. Kết luận

Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Giáo dục Chính trị giúp nâng cao hiệu suất nghiên cứu, tối ưu hóa quá trình xử lý thông tin và hỗ trợ phân tích dữ liệu. Sinh viên cần trang bị những kỹ năng quan trọng như đặt lệnh hiệu quả, phân tích và xử lý kết quả AI cung cấp, chọn lọc thông tin và đánh giá, kiểm định thông tin**.**

Mặc dù AI mang lại nhiều lợi ích, sinh viên vẫn cần nhận thức rõ về những hạn chế của công nghệ này, đặc biệt là vấn đề tính chính xác, đạo đức nghiên cứu và bảo mật thông tin**.** Việc sử dụng AI không thay thế tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu độc lập của sinh viên, mà cần được kết hợp một cách khoa học để mang lại giá trị tốt nhất cho nghiên cứu.

Vì vậy, sinh viên cần được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết để sử dụng AI hiệu quả, tận dụng được tối đa lợi ích của công nghệ này, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành giáo dục trong thời đại số. Vì vậy, việc đào tạo, hướng dẫn sinh viên về AI là một yêu cầu quan trọng, đòi hỏi các Trường tạo các lớp đào tạo và thực hành AI trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học một cách hiệu quả, tiết kiệm được thời gian, chi phí và tăng hiệu suất công việc.

Lời cảm ơn: Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ThS. Phan Anh - giảng viên hướng dẫn đã tận tình hỗ trợ và hướng dẫn cho nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

Artificial Intelligence: Khái niệm, ứng dụng, lợi ích của AI. (30/9/2024). https://vinalink.edu.vn/thu-vien-kien-thuc/artificial-intelligence.html

Bùi, T. T., & Nguyễn, M. T. (2024). Nghiên cứu ảnh hưởng của Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên. Tạp chí Giáo dục Việt Nam, 24(10), 6-11.

Cách ứng dụng AI trong nghiên cứu khoa học. (5/6/2025). https://blog.vnresource.vn/cach-ung-dung-ai-trong-nghien-cuu-khoa-hoc

Dương, T. L. (2023). Ứng dụng ChatGPT thúc đẩy dạy và học bậc đại học trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Bình Dương, quyển 6, số 2.

Hướng dẫn sử dụng AI trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm từ Đại học Mỹ và gợi ý cho Việt Nam. (26/02/2025). https://ictvietnam.vn/huong-dan-su-dung-ai-trong-giao-duc-dai-hoc-kinh-nghiem-tu-dai-hoc-my-va-goi-y-cho-viet-nam-68982.html

Lê, A. V., & Trần, M. N. (2024). Tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đối với hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục Việt Nam. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 20(5).

Nguyễn, Đ. N., & cs. (2024). Thực trạng ứng dụng ChatGPT trong học tập của sinh viên Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Huế. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, số đặc biệt: HTKH Quốc gia.

Nguyễn, T. T. T., & Nguyễn, C. P., & Nguyễn, N. L. (2024). Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tạp chí Thiết bị Giáo dục. ISSN 1859 - 0810.

Prompt Engineering: Ngôn ngữ giao tiếp với AI trong thời đại số. (8/12/2024). https://coin98.net/prompt-engineering

Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030. (26/01/2021). https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=202565

Quyết định số 2289/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030. (31/12/2020). https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=202228

Thanh, H. (2025). Việt Nam đối mặt làn sóng tấn công mạng tinh vi được hậu thuẫn bởi AI. Tạp chí Tài chính.

Trí tuệ nhân tạo là gì? Giải mã khái niệm và ứng dụng trong cuộc sống hiện đại (18/12/2024). https://vinuni.edu.vn/vi/tri-tue-nhan-tao-la-gi-giai-ma-khai-niem-va-ung-dung-trong-cuoc-song-hien-dai/

Trí tuệ nhân tạo là gì? Ứng dụng của AI trong cuộc sống (*17/10/2024).* https://mpt.com.vn/tri-tue-nhan-tao-la-gi/

NÂNG CAO Ý THỨC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TRƯỜNG SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Phạm Tấn Phước[1*], Nguyễn Đình Cường [2]

[1]Lớp ĐHGDCT23A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư Phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Phạm Tấn Phước, Email: phamtanphuoc342637@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Đề tài hướng đến việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài phân tích các khái niệm, căn cứ pháp lý và lý thuyết nền tảng liên quan đến hành vi giao thông và ý thức pháp luật. Từ sát thực tế, đề tài sẽ cho thấy thực trạng tham gia giao thông, cùng với sự chung hòa giữa nhận thức – thái độ – hành vi của sinh viên Khoa Giáo dục Chính Trị. Đề tài nhấn mạnh vai trò của sinh viên Khoa Giáo dục Chính Trị không chỉ là người chấp hành mà còn là người truyền bá pháp luật giao thông. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao ý thức như tăng cường giáo dục trong nhà trường, đẩy mạnh truyền thông, hoạt động ngoại khóa, và phát huy vai trò chủ động của sinh viên qua các mô hình câu lạc bộ, truyền thông, mạng xã hội, sân khấu hóa, lồng ghép nội dung an toàn giao thông trong giảng dạy.

Từ khóa: *An toàn giao thông (ATGT), Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT), Giáo dục Chính Trị (GDCT).*

ENHANCING THE AWARENESS OF COMPLIANCE WITH THE LAW ON ROAD TRAFFIC ORDER AND SAFETY AMONG STUDENTS OF THE FACULTY OF POLITICAL EDUCATION, *SCHOOL OF EDUCATION*, DONG THAP UNIVERSITY

Pham Tan Phuoc[1], Nguyen Dinh Cuong[2]

[1]Class DHGDCT23A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: PhamTamPhuoc, Email: phamtanphuoc342637@gmail.com*

Summary

The study aims to raise students' awareness of compliance with road traffic laws and regulations within the Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University. Based on theoretical and practical foundations, the research analyzes key concepts, legal bases, and fundamental theories related to traffic behavior and legal consciousness. By closely examining real-world contexts, the study will highlight the current state of student participation in traffic, along with the interconnection between awareness, attitude, and behavior among Political Education students. Furthermore, the research emphasizes the role of Political Education students not only as law-abiding individuals but also as promoters of traffic law education. From this perspective, the study proposes solutions to enhance legal awareness, such as strengthening education within schools, boosting communication efforts, organizing extracurricular activities, and encouraging students' active involvement through club models, media channels, social networks, theatrical performances, and the integration of traffic safety content into teaching.

Keywords: *Traffic Safety (TS), Dong Thap University (DTHU), Political Education (PE).*

---

1. Đặt vấn đề

Trật tự, an toàn giao thông là một trong những vấn đề xã hội quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân và trật tự an toàn xã hội. Trong bối cảnh tai nạn giao thông ở Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp, số vụ tai nạn liên quan đến lứa tuổi thanh niên – đặc biệt là sinh viên – luôn chiếm tỷ lệ đáng kể. Dù đã có nhiều quy định pháp luật và chiến dịch tuyên truyền, song thực tế cho thấy hành vi vi phạm pháp luật giao thông trong giới trẻ vẫn còn phổ biến, thể hiện ở nhiều hình thức như: không đội mũ bảo hiểm, đi sai làn đường, vượt đèn đỏ, sử dụng điện thoại khi điều khiển phương tiện,…

Qua đó, ta thấy được sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư Phạm, Trường Đại học Đồng Tháp – những người được đào tạo để trở thành giáo viên giảng dạy về pháp luật, đạo đức công dân – lại chính là lực lượng cần gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trong đó có luật giao thông. Tuy nhiên, sẽ có thể vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa nhận thức lý luận và thực hành thực tế, nên ta đặt ra câu hỏi rằng: Liệu sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị có thực sự là những người tiên phong trong việc chấp hành an toàn giao thông hay không?

Việc nghiên cứu đề tài "*Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp*" là cần thiết và mang nhiều ý nghĩa. Trên cơ sở phân tích lý luận, khảo sát thực tiễn và đánh giá nhận thức, hành vi của sinh viên, đề tài không chỉ góp phần phản ánh bức tranh thực tế về văn hóa giao thông trong giới trẻ, mà còn gợi mở những giải pháp nhằm nâng cao vai trò tự giáo dục, tự định hướng hành vi của sinh viên – nhất là đối với lực lượng có trách nhiệm giáo dục pháp luật cho thế hệ tiếp theo.

Nghiên cứu này kỳ vọng rằng sẽ góp phần xây dựng một môi trường học đường an toàn, văn minh và đồng thời nâng cao hình ảnh và vai trò của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị trong đời sống xã hội hiện đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn

2.1.1. Khái niệm và phân tích các thuật ngữ liên quan

"Trật tự, an toàn giao thông" là trạng thái mà trong đó hoạt động giao thông vận hành một cách ổn định, có tổ chức, đảm bảo sự an toàn tính mạng, tài sản của con người và phương tiện tham gia giao thông, đồng thời tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật do Nhà nước ban hành.

Theo Luật Giao thông đường bộ sửa đổi, bổ sung năm 2019, tại Điều 3, khoản 1, quy định:

"An toàn giao thông là trạng thái của hệ thống giao thông vận hành trong điều kiện đảm bảo hạn chế tối đa tai nạn, thiệt hại về người và tài sản; trật tự giao thông là sự tổ chức và chấp hành các quy tắc, quy định pháp luật để bảo đảm giao thông được thông suốt, ổn định và an toàn."

Khái niệm này cho thấy rằng: "an toàn" thiên về mục tiêu bảo vệ tính mạng, tài sản, còn "trật tự" thiên về sự tuân thủ hệ thống quy tắc nhằm duy trì dòng chảy giao thông có tổ chức. Hai yếu tố này có mối quan hệ mật thiết, tương hỗ nhau và cùng hướng đến xây dựng một môi trường giao thông văn minh, bền vững. Từ góc độ giáo dục, an toàn giao thông không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là vấn đề văn hóa và nhận thức pháp luật. Sinh viên – đặc biệt là sinh viên đại học – là lực lượng thường xuyên sử dụng các phương tiện cá nhân như xe máy, xe đạp điện, do đó dễ gặp rủi ro nếu thiếu ý thức chấp hành quy định. Tình trạng vi phạm như không đội mũ bảo hiểm, vượt đèn đỏ, sử dụng điện thoại khi điều khiển phương tiện… vẫn còn phổ biến và cần được quan tâm từ góc độ giáo dục pháp luật và văn hóa giao thông.

Tuân thủ pháp luật là hành vi của cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ và đúng đắn các quy định pháp luật hiện hành, không làm những điều bị cấm và có trách nhiệm pháp lý với những hành vi của mình. Theo Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018), tuân thủ pháp luật được coi là mức độ cơ bản và bắt buộc của ý thức pháp luật, thể hiện trong hành vi "không làm trái luật".

Trong bối cảnh giao thông, tuân thủ pháp luật thể hiện qua việc người tham gia giao thông:

+ Có kiến thức về luật lệ giao thông,

+ Tuân thủ đúng tín hiệu đèn, biển báo, làn đường,

+ Không thực hiện hành vi bị cấm (phóng nhanh, vượt ẩu, uống rượu bia...).

Đối với sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị – lực lượng tương lai sẽ trở thành người giảng dạy môn Giáo dục công dân, giáo dục pháp luật – việc tuân thủ pháp luật không chỉ thể hiện ý thức cá nhân mà còn liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và uy tín cá nhân trong việc làm gương, tuyên truyền và giáo dục thế hệ sau.

Văn hóa giao thông là một tập hợp các hành vi, thói quen, thái độ, chuẩn mực ứng xử của con người trong quá trình tham gia giao thông, thể hiện ở ý thức tôn trọng pháp luật, sự nhường nhịn, hợp tác, trách nhiệm với cộng đồng. Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia nhấn mạnh rằng văn hóa giao thông không chỉ là hiểu biết luật mà còn là hành vi giao tiếp ứng xử có văn minh, có trách nhiệm.

Trong môi trường học đường, văn hóa giao thông học đường không chỉ đề cập đến việc chấp hành luật mà còn liên quan đến cách sinh viên hình thành thói quen giao thông an toàn, lành mạnh, có trách nhiệm với chính mình và người khác. Đây là nơi giáo dục lý thuyết và thực hành đạo đức công dân cần gặp nhau. Việc xây dựng văn hóa giao thông học đường không thể tách rời khỏi môi trường giáo dục đại học, trong đó vai trò nêu gương của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị trở nên vô cùng quan trọng.

2.1.2. Tầm quan trọng của việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật giao thông đối với sinh viên

** Đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và sức khỏe cho chính sinh viên*

Sinh viên là lực lượng trẻ, năng động, thường xuyên di chuyển bằng các phương tiện cá nhân như xe máy, xe đạp điện. Việc thiếu ý thức chấp hành pháp luật giao thông dễ dẫn đến tai nạn, thương tích, thậm chí tử vong. Theo số liệu của Công an tỉnh Đồng Tháp năm 2024, số vụ tai nạn liên quan đến học sinh – sinh viên chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số vụ tai nạn giao thông của địa phương. Do đó, nâng cao ý thức không chỉ là yêu cầu về trách nhiệm pháp lý mà còn là yếu tố thiết yếu để bảo vệ cuộc sống và tương lai của sinh viên.

** Góp phần hình thành văn hóa ứng xử pháp luật trong giới trẻ*

Tuân thủ luật lệ giao thông là một biểu hiện trực tiếp, cụ thể của việc sống và hành động theo pháp luật. Khi sinh viên rèn luyện thói quen ứng xử có trách nhiệm – như đi đúng làn đường, không vượt đèn đỏ, đội mũ bảo hiểm – họ không chỉ góp phần giữ gìn trật tự xã hội, mà còn thể hiện sự trưởng thành về mặt nhận thức công dân. Điều này càng trở nên quan trọng hơn trong môi trường đại học – nơi đào tạo những người sẽ lan tỏa tri thức và giá trị đạo đức trong xã hội.

** Thu hẹp khoảng cách giữa nhận thức và hành vi*

Một trong những vấn đề nổi bật hiện nay là hiện tượng "hiểu đúng nhưng làm sai" – tức là sinh viên có kiến thức về pháp luật nhưng trong thực tiễn vẫn vi phạm. Việc nâng cao ý thức không dừng lại ở việc cung cấp thông tin, mà phải tạo điều kiện để sinh viên được thực hành,

phản tư và điều chỉnh hành vi. Khi kiến thức được gắn với trải nghiệm sống động và có chiều sâu, hành động mới có thể mang tính bền vững và đúng đắn.

** Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp và vai trò nêu gương*

Đối với sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, việc chấp hành pháp luật giao thông không đơn thuần là nghĩa vụ công dân, mà còn là biểu hiện của đạo đức nghề nghiệp. Trong tương lai, họ sẽ là những người truyền thụ tri thức pháp luật, giáo dục công dân – vì vậy nếu bản thân thiếu gương mẫu, quá trình giáo dục sẽ mất đi tính thuyết phục. Một nhà giáo không thể tạo ra ảnh hưởng tích cực nếu bản thân không sống đúng với những giá trị mà họ giảng dạy.

** Góp phần giảm thiểu vi phạm và tai nạn giao thông trong xã hội*

Một cộng đồng sinh viên có ý thức chấp hành luật giao thông tốt sẽ góp phần tạo ra môi trường học tập an toàn, kỷ cương. Từ việc đảm bảo an toàn đi lại, đến sự nhường nhịn, hợp tác khi tham gia giao thông trong khuôn viên trường – tất cả đều là biểu hiện của nếp sống văn minh. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành nên môi trường giáo dục tích cực, nơi mỗi cá nhân không chỉ học kiến thức mà còn được sống trong các giá trị tốt đẹp.

2.2. Thực trạng tuân thủ an toàn giao thông của sinh viên viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư Phạm, Trường Đại học Đồng Tháp

2.2.1. Mô tả tình hình chung

An toàn giao thông hiện đang là một trong những vấn đề xã hội được quan tâm sâu sắc, đặc biệt trong nhóm đối tượng học sinh – sinh viên, vốn là lực lượng trẻ, năng động nhưng cũng dễ bị chi phối bởi yếu tố tâm lý, cảm xúc và môi trường xung quanh. Tại tỉnh Đồng Tháp nói chung và Trường Đại học Đồng Tháp nói riêng, tình trạng vi phạm an toàn giao thông trong nhóm đối tượng này vẫn đang là một thách thức đặt ra đối với công tác giáo dục và quản lý.

Theo thống kê của Công an tỉnh Đồng Tháp trong năm 2024, toàn tỉnh đã xảy ra 72 vụ tai nạn giao thông liên quan đến lứa tuổi học sinh, sinh viên, khiến 24 người thiệt mạng và 34 người bị thương. Các hành vi vi phạm phổ biến bao gồm: điều khiển phương tiện không đúng phần đường, không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe khi chưa đủ tuổi, vượt đèn đỏ, chở quá số người quy định… Những con số này phản ánh mức độ nghiêm trọng của tình hình và cho thấy ý thức chấp hành pháp luật về an toàn giao thông trong một bộ phận không nhỏ sinh viên còn hạn chế.

Trong năm học 2023 – 2024, lực lượng chức năng đã xử lý hơn 1.900 trường hợp vi phạm giao thông liên quan đến học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh. Dù nhiều hoạt động tuyên truyền đã được triển khai như tổ chức 715 buổi phổ biến pháp luật, ký cam kết tại gần 600 cơ sở giáo dục với sự tham gia của hàng trăm nghìn học sinh, phụ huynh và giáo viên, song kết quả chưa thực sự đạt kỳ vọng. Điều này cho thấy giữa lý thuyết giáo dục và hành vi thực tiễn vẫn còn tồn tại một khoảng cách đáng kể.

Tại Trường Đại học Đồng Tháp – nơi đào tạo sinh viên sư phạm, đặc biệt là sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị – nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong phối hợp với Ban An toàn giao thông địa phương nhằm tổ chức tuyên truyền và giáo dục pháp luật cho sinh viên. Tuy nhiên, theo ghi nhận từ các cơ quan chức năng và phản ánh từ truyền thông, vẫn còn tình trạng sinh viên vi phạm an toàn giao thông diễn ra thường xuyên, trong đó có cả những sinh viên thuộc Khoa Giáo dục Chính trị.

Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị là nhóm đặc thù trong hệ thống đào tạo giáo viên. Họ được trang bị kiến thức sâu rộng về khoa học chính trị, pháp luật, đạo đức học và kỹ năng sư phạm. Chính những đặc điểm này đã tạo ra yêu cầu cao hơn đối với hành vi và thái độ của họ trong đời sống hàng ngày – trong đó có lĩnh vực tuân thủ pháp luật về giao thông.

Những đặc điểm nổi bật:

Nhận thức pháp luật tương đối cao, do được tiếp cận sớm và liên tục với các môn học liên quan đến pháp luật, chính sách và quyền công dân.

Có định hướng nghề nghiệp giáo dục và họ là những người sẽ giảng dạy Giáo dục công dân, Giáo dục pháp luật, do đó có yêu cầu phải là tấm gương về chấp hành pháp luật trong thực tiễn.

Dù nhận thức tốt nhưng vẫn mang tính chất của thanh niên – dễ bốc đồng, thích thể hiện bản thân, đôi khi dẫn đến hành vi vi phạm giao thông trong môi trường đô thị năng động.

Sự mâu thuẫn giữa nhận thức lý thuyết và hành vi thực tiễn chính là khoảng cách cần được làm rõ trong nghiên cứu này. Qua đó, bài nghiên cứu không chỉ phản ánh thực trạng mà còn giúp định hướng các giải pháp giáo dục phù hợp, phát huy vai trò gương mẫu và lan tỏa giá trị của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị trong xây dựng văn hóa pháp luật và văn hóa giao thông học đường.

Sự tồn tại song song giữa việc được trang bị kiến thức pháp luật và hành vi vi phạm trong thực tiễn đã đặt ra một vấn đề cấp thiết: cần nghiên cứu rõ nguyên nhân, mức độ vi phạm và mối liên hệ giữa nhận thức pháp luật với hành vi của sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính thiết thực, phù hợp với đặc điểm nhóm Khoa Giáo dục Chính trị – lực lượng đóng vai trò chủ chốt trong công tác giáo dục pháp luật học đường tương lai.

2.2.2. Kết quả khảo sát thực tế

** Tỷ lệ vi phạm:*

Mặc dù phần lớn sinh viên cho rằng mình thường xuyên tuân thủ luật giao thông (với 89,5% chọn "luôn tuân thủ"), tuy nhiên thực tế cho thấy vẫn có những hành vi vi phạm tồn tại. Theo khảo sát ở Khoa Giáo dục Chính Trị, qua 19 bài khảo sát, có đến 4 trường hợp tham gia khảo sát thừa nhận đã từng vi phạm các hành vi như: lấn làn – đi sai phần đường, sử dụng điện thoại khi đang lái, hoặc quên xi nhan khi chuyển hướng. Điều này cho thấy có một khoảng cách nhất định giữa thái độ tự đánh giá và hành vi thực tế.

Mặc dù những hành vi này không phải là các vi phạm nghiêm trọng nhất, nhưng chúng phản ánh tình trạng vi phạm ở mức độ "vô ý", mang tính thói quen và thiếu kiểm soát, có thể dẫn đến hệ lụy nếu không được điều chỉnh kịp thời.

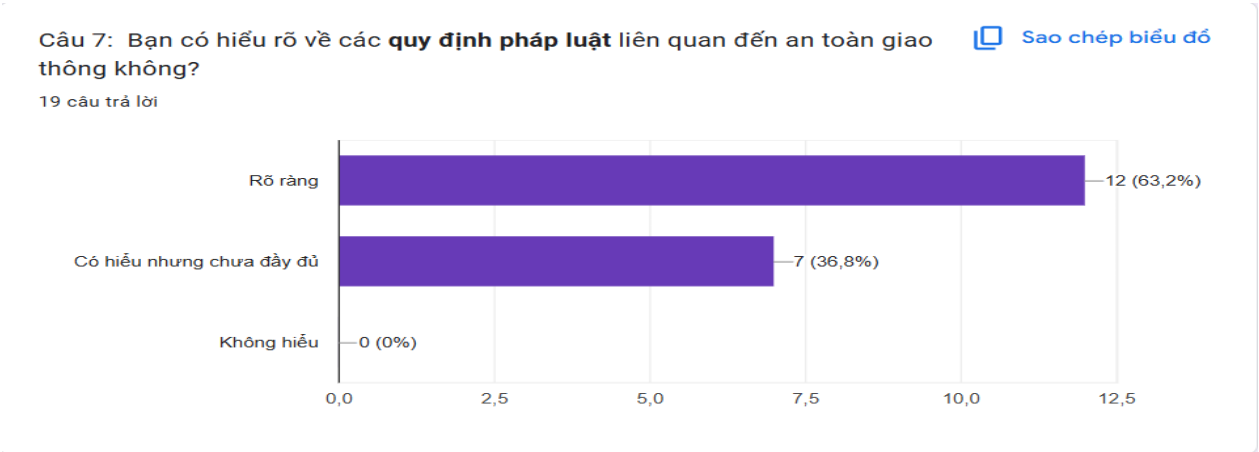

Biểu đồ 1: Mức độ hiểu biết pháp luật pháp luật giao thông của sinh viên

Theo kết quả biểu đồ 1 cho thấy, có 63,2% sinh viên cho biết họ hiểu rõ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, và 36,8% cho biết "có hiểu nhưng chưa đầy đủ". Không có sinh viên nào cho biết "không hiểu", điều này cho thấy nhìn chung nhận thức về pháp luật trong nhóm khảo sát là tương đối tốt.

Tuy nhiên, việc vẫn tồn tại hành vi vi phạm lại phản ánh một nghịch lý: hiểu luật nhưng

hành vi vẫn chưa tương xứng. Điều này phần nào cho thấy sự thiếu nhất quán giữa nhận thức – thái độ – hành vi, một vấn đề thường gặp trong giáo dục đạo đức pháp luật ở lứa tuổi sinh viên.

2.2.3. Phân tích nguyên nhân

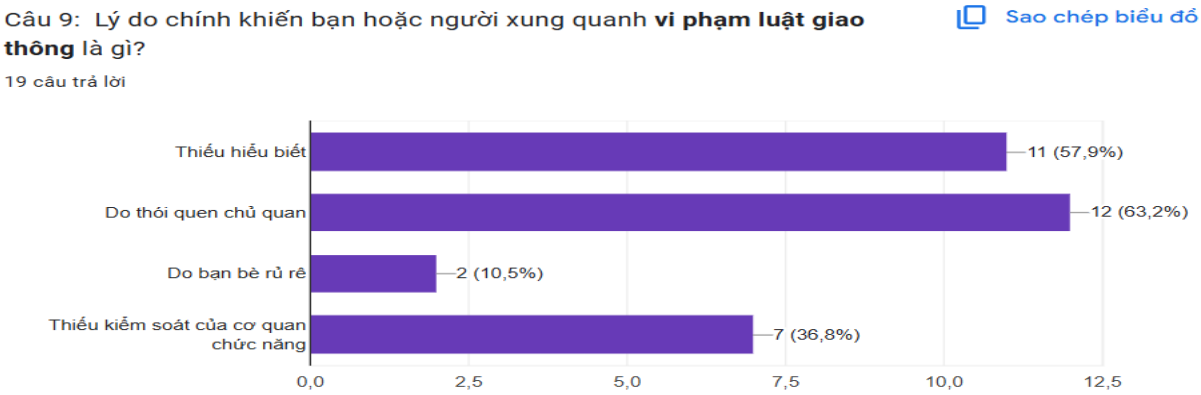

Biểu đồ 2: Những nguyên nhân dẫn đến vi phạm ATGT

** Nguyên nhân chủ quan:*

Kết quả biểu đồ 2 cho thấy 63,2% sinh viên thừa nhận lý do chính của việc vi phạm là do "thói quen chủ quan", tiếp theo là 57,9% cho rằng nguyên nhân là do "thiếu hiểu biết". Đây là hai yếu tố quan trọng nhất trong nhóm nguyên nhân chủ quan. Điều này phản ánh rằng:

Một bộ phận sinh viên chủ quan, xem nhẹ hậu quả của hành vi vi phạm, đặc biệt là những lỗi nhỏ như quên xi nhan hay dùng điện thoại.

Dù hiểu pháp luật ở mức cơ bản, nhiều sinh viên vẫn chưa được trang bị đủ nhận thức sâu sắc về hậu quả pháp lý và xã hội, từ đó dễ hình thành thói quen xấu khi tham gia giao thông.

Ngoài ra, một tỷ lệ nhỏ sinh viên (10,5%) thừa nhận bị ảnh hưởng bởi bạn bè rủ rê, cho thấy áp lực đồng đẳng cũng góp phần hình thành hành vi lệch chuẩn, dù không chiếm tỷ lệ lớn.

** Nguyên nhân khách quan:*

Một nguyên nhân quan trọng khác được nêu ra là "thiếu kiểm soát của cơ quan chức năng" (36,8%), cho thấy công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm giao thông vẫn còn chưa đủ mạnh hoặc chưa đủ thường xuyên để tạo tác động răn đe hiệu quả.

Bên cạnh đó, từ quan sát thực tế và phỏng vấn bổ sung, có thể nhận thấy hoạt động tuyên truyền pháp luật giao thông trong trường đại học còn thiếu chiều sâu, thiếu tính thực hành và chưa hấp dẫn, đặc biệt với nhóm sinh viên vốn đã có cảm giác "hiểu rồi".

2.3. Vai trò của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị trong xây dựng ý thức pháp luật giao thông

2.3.1. Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị – người hiểu luật, có trách nhiệm truyền bá luật

Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách giáo dục pháp luật, mà còn là lực lượng nòng cốt trong việc truyền bá, lan tỏa những giá trị pháp luật đến cộng đồng. Họ được đào tạo bài bản về các môn học như Giáo dục công dân, Pháp luật đại cương, Lý luận Nhà nước và pháp luật,… sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị là nhóm sinh viên có nền tảng kiến thức pháp luật khá vững chắc. Theo Nguyễn Hữu Đức (2021), nhóm sinh viên sư phạm khối xã hội – đặc biệt là Giáo dục Chính trị – thể hiện mức độ nhận biết luật pháp cao hơn trung bình sinh viên toàn trường, đặc biệt trong các lĩnh vực luật liên quan đến đời sống hàng ngày như giao thông đường bộ.

Chính vì vậy, chính bản thân sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị cần thể hiện được vai trò

tiên phong, gương mẫu trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông. Tính gương mẫu không chỉ là yêu cầu về tư cách cá nhân mà còn là chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp – bởi trong tương lai, họ sẽ là những nhà giáo dục, những người truyền cảm hứng và kiến thức cho thế hệ trẻ. Một người làm công tác giáo dục nhưng không nghiêm túc trong việc chấp hành pháp luật thì khó có thể tạo ảnh hưởng tích cực lâu dài đến người học.

2.3.2. Vấn đề "nói được – làm chưa đúng": mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn

Một trong những thách thức lớn nhất trong việc phát huy vai trò của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị trong tuyên truyền pháp luật, đó là khoảng cách giữa tri thức và hành vi, hay còn gọi là mâu thuẫn nhận thức – thực tiễn. Đây không chỉ là biểu hiện mang tính cá nhân, mà là vấn đề phổ quát trong giáo dục pháp luật, nhất là đối với giới trẻ.

Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị được trang bị đầy đủ về kiến thức luật, hiểu rõ các quy định và hậu quả pháp lý liên quan đến hành vi vi phạm an toàn giao thông. Tuy nhiên, khi đối mặt với thực tiễn, họ vẫn có thể cư xử giống như các sinh viên không chuyên về luật: Lấn làn, đi sai phần đường, sử dụng điện thoại khi đang điều khiển phương tiện, quên xi nhan khi chuyển hướng.

Việc khắc phục "nói được – làm chưa đúng" cũng đồng nghĩa với rèn luyện năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị – những người trong tương lai sẽ là giáo viên giáo dục công dân, hình mẫu cho thế hệ học sinh noi theo.

2.3.3. Trách nhiệm với cộng đồng: làm gương – tuyên truyền – khởi xướng

Vai trò của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị không dừng lại ở việc "không vi phạm", mà còn phải thể hiện qua việc làm gương, chủ động tuyên truyền, và dẫn dắt các hoạt động xã hội hóa ATGT trong nhà trường và địa phương.

Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị phải thể hiện được hình ảnh của người công dân thế hệ mới – có trách nhiệm, có hiểu biết và có bản lĩnh pháp lý. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, nơi mà pháp quyền được đề cao, việc tuân thủ luật lệ không còn là hành vi tự phát mà là biểu hiện của một xã hội văn minh, trật tự. Sinh viên Khoa Giáo dục chính trị phải trở thành những người sống "có chuẩn mực", biết khơi dậy và truyền đi các giá trị đúng đắn, đặc biệt trong những lĩnh vực gần gũi như giao thông.

2.4. Giải pháp nâng cao ý thức tuân thủ luật giao thông trong sinh viên

2.4.1. Giải pháp giáo dục trong trường đại học

Giáo dục chính khóa vẫn là giải pháp nền tảng và có tính định hướng lâu dài. Các môn học như Pháp luật đại cương, Giáo dục công dân, Kỹ năng sống,… cần được cập nhật, tích hợp nội dung về an toàn giao thông, với phương pháp truyền đạt sinh động, tình huống thực tế, tăng tính tương tác. Bên cạnh đó, tổ chức đánh giá kiến thức ATGT định kỳ sẽ giúp sinh viên tự nhìn lại mức độ hiểu biết và hành vi của mình.

Ngoài ra, nhà trường có thể phối hợp với Công an giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh tổ chức các buổi tập huấn thực hành, mô phỏng tình huống xử lý vi phạm để tăng tính thực tiễn. Theo Trần Thị Mỹ Linh (2021), việc lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật về ATGT trong chương trình học chính khóa giúp sinh viên nâng cao nhận thức rõ rệt về trách nhiệm pháp lý khi tham gia giao thông.

2.4.2. Giải pháp truyền thông và hoạt động ngoại khóa

Tổ chức các chiến dịch truyền thông ngắn hạn (tháng ATGT, tuần lễ sinh viên an toàn giao thông…) trên các nền tảng như Fanpage khoa, TikTok, Facebook sinh viên,… là cách lan tỏa nhanh và hiệu quả trong thời đại số. Thay vì tuyên truyền khô khan, nhà trường nên kết hợp phim ngắn, meme, clip tình huống để thu hút sinh viên trẻ.

Song song đó, các hoạt động ngoại khóa – trò chơi mô phỏng vi phạm và xử lý giao thông, thi vẽ tranh, thi ảnh "Sinh viên với mũ bảo hiểm chuẩn"... sẽ vừa giúp thay đổi hành vi, vừa xây dựng môi trường học đường có văn hóa giao thông tích cực. Theo Nguyễn Văn Lực (2020), các hoạt động truyền thông định hướng giá trị sẽ góp phần hình thành thói quen giao thông văn minh trong giới trẻ nếu được thực hiện nhất quán và gần gũi.

2.4.3. Giải pháp từ chính sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị

Là lực lượng có kiến thức nền về pháp luật và giáo dục công dân, sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị cần chủ động thể hiện vai trò tiên phong trong tuyên truyền và hành động. Một số đề xuất cụ thể:

Có thể kể đến các hình thức như:

+ Sinh viên có thể tham gia tổ chức và điều phối các hoạt động ngoại khóa, tọa đàm, hội thảo chuyên đề về ATGT, qua đó giúp người học nâng cao nhận thức và hiểu biết sâu sắc hơn về pháp luật giao thông.

+ Thông qua việc tổ chức các buổi trải nghiệm xử lý tình huống giao thông giả định, mô phỏng va chạm, các trò chơi học thuật về luật giao thông, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phản ứng, tư duy pháp luật và thái độ ứng xử phù hợp khi tham gia giao thông.

+ Bên cạnh công tác giáo dục, cần kết hợp việc khen thưởng kịp thời những cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt luật giao thông để khuyến khích tinh thần tích cực. Song song đó, việc xử lý nghiêm các vi phạm như không đội mũ bảo hiểm, vượt đèn đỏ, đi xe máy không giấy tờ… cũng cần được thực hiện minh bạch và có tính răn đe, thông qua sự phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng chức năng

+ Tích hợp chủ đề ATGT vào nội dung thực hành giảng dạy: Khi thực hành dạy thử môn Giáo dục công dân, sinh viên có thể lồng ghép các nội dung như: quyền và nghĩa vụ khi tham gia giao thông, xử lý tình huống va chạm, pháp lý hình sự khi gây tai nạn,… giúp vừa rèn kỹ năng sư phạm, vừa nâng cao nhận thức pháp luật.

3. Kết luận

Trật tự, an toàn giao thông không chỉ là yêu cầu về mặt luật pháp mà còn là một tiêu chí văn hóa và đạo đức công dân trong xã hội hiện đại. Qua quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và phân tích kết quả, đề tài đã chỉ ra thực trạng chấp hành pháp luật giao thông của sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Đồng Tháp tuy có nhiều điểm tích cực nhưng vẫn tồn tại những hành vi vi phạm đáng lo ngại. Đáng chú ý là khoảng cách giữa nhận thức và hành vi – một thách thức không nhỏ đối với hiệu quả của giáo dục pháp luật trong học đường.

Sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị là lực lượng có vai trò đặc biệt: vừa là người tiếp nhận tri thức pháp luật, vừa là người truyền tải những giá trị pháp lý cho thế hệ sau. Do đó, ý thức tuân thủ pháp luật giao thông ở nhóm đối tượng này không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn mang tính nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Việc "nói được – làm đúng" là một yêu cầu bắt buộc nếu họ muốn trở thành những nhà giáo dục gương mẫu, có uy tín và sức ảnh hưởng.

Đề tài đã đề xuất nhiều giải pháp thiết thực và khả thi như: tăng cường giáo dục pháp luật trong trường đại học; đẩy mạnh hoạt động truyền thông, ngoại khóa; khai thác công nghệ số và mạng xã hội để truyền tải thông điệp một cách gần gũi, hiệu quả; và đặc biệt là phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của sinh viên trong việc xây dựng các mô hình, hoạt động truyền thông văn hóa giao thông.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định: việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật an toàn giao thông trong sinh viên – đặc biệt là sinh viên Khoa Giáo dục Chính trị – là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết và cần sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, sinh viên và các cơ quan

chức năng. Chỉ khi sinh viên thực sự trở thành hình mẫu trong tuân thủ pháp luật, thì hiệu quả giáo dục pháp luật trong xã hội mới có thể lan tỏa một cách sâu rộng và bền vững.

Tài liệu tham khảo

[1]. Beck, A. T. (1976). *Cognitive therapy and the emotional disorders*. International Universities Press.

[2]. Báo Đồng Tháp. (2024). Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông cho học sinh. *Báo Đồng Tháp*. https://www.baodongthap.vn/xa-hoi/tang-cuong-cong-tac-bao-dam-trat-tu-an-toan-giao-thong-cho-hoc-sinh-129649.aspx

[3]. Facebook Trường Đại học Đồng Tháp. (2023). Hoạt động tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông cho sinh viên. *Facebook*. https://www.baodongthap.vn/xa-hoi/tang-cuong-cong-tac-bao-dam-trat-tu-an-toan-giao-thong-cho-hoc-sinh-129649.aspx [Ngày truy cập: 11/04/2025]

[4]. Nguyễn Thị Hương Giang. (2020). Xây dựng văn hóa giao thông học đường trong sinh viên các trường sư phạm hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (174).

[5]. Nguyễn Thị Thu Huyền. (2022). Tâm lý học lứa tuổi sinh viên và định hướng hành vi pháp luật. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*.

[6]. Trần Thị Mỹ Linh . (2021). Giải pháp tăng cường giáo dục pháp luật về ATGT cho sinh viên. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (131), 15–18.

[7]. Nguyễn Văn Lực. (2020). Truyền thông hành vi và ý thức pháp luật giao thông ở sinh viên. *Tạp chí Khoa học Xã hội & Nhân văn*, (72), 45–49.

[8]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2019). *Luật Giao thông đường bộ sửa đổi, bổ sung một số điều* (Số 58/2019/QH14, ban hành ngày 20/11/2019).

[9]. Nguyễn Văn Thọ. (2021). Giáo dục pháp luật cho học sinh – sinh viên trong bối cảnh mới. *Tạp chí Giáo dục lý luận*.

[10]. Trường Đại học Luật Hà Nội. (2018). *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật* (tr. 122).

[11]. Nguyễn Hữu Đức. (2021). Mức độ hiểu biết pháp luật của sinh viên sư phạm và hàm ý đào tạo. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (205), 22–26.

GIÁO DỤC AN TOÀN SỐ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN HIỆN NAY

Nguyễn Thị Băng Châu[1*], Nguyễn Yến Vy[1], Nguyễn Thị Hồng Vân[2]

[1]Lớp ĐHGDCT24A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Giảng viên hướng dẫn, Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Băng Châu, Email: chau23157@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự gia tăng của các hoạt động học tập trực tuyến, vấn đề an toàn số trở thành một nội dung quan trọng cần được chú trọng trong giáo dục đại học. Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng nhận thức và hành vi của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp liên quan đến an toàn số, từ đó đề xuất các giải pháp giáo dục phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng phòng tránh rủi ro trên môi trường mạng. Nội dung chính của đề tài bao gồm: khái quát về khái niệm an toàn số; các mối đe dọa thường gặp trong học trực tuyến như lừa đảo, đánh cắp dữ liệu cá nhân, phần mềm độc hại; và đề xuất chương trình tuyên truyền, đào tạo kỹ năng an toàn số gắn với thực tiễn học tập trực tuyến. Mục tiêu của đề tài là góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, và hiệu quả cho sinh viên trong thời đại số.

Từ khóa: *An toàn số, giáo dục số, học trực tuyến, sinh viên, Đại học Đồng Tháp.*

DIGITAL SAFETY EDUCATION FOR STUDENTS OF DONG THAP UNIVERSITY IN THE CURRENT ONLINE LEARNING ENVIROMENT

Nguyen Thi Bang Chau[1*], Nguyen Yen Vy[1], Nguyen Thi Hong Van[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2]Academic Supervisor, Faculty of Economics, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thi Bang Chau, Email: chau23157@gmail.com*

Abstract

In the context of digital transformation and the increasing prevalence of online learning activities, digital safety has become a crucial issue that needs to be prioritized in higher education. This study focuses on examining the awareness and behaviors of students at Dong Thap University regarding digital safety, thereby proposing appropriate educational solutions to enhance their ability to avoid risks in the online environment. The main contents of the research include: an overview of the concept of digital safety; common threats in online learning such as scams, identity theft, and malware; an assessment of students' understanding and internet usage habits; and the proposal of awareness campaigns and training programs on digital safety skills tailored to the realities of online learning. The objective of the study is to contribute to the creation of a safe, healthy, and effective learning environment for students in the digital era.

Keywords: *digital education, digital safety, online learning, students, Dong Thap university.*

---

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại chuyển đổi số mạnh mẽ, công nghệ thông tin đang hiện diện ngày càng sâu rộng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và học tập không còn là xu hướng mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện đại. Sau đại dịch COVID-19, hình thức học trực tuyến, học tập từ xa, và sử dụng các nền tảng số phục vụ cho mục tiêu giáo dục đã trở nên phổ biến và được duy trì như một phương thức học tập chính thức tại nhiều cơ sở đào tạo trên toàn quốc. Trong đó, Trường Đại học Đồng Tháp - một trong những trung tâm đào tạo đại học trọng điểm của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long - đã tích cực triển khai các giải pháp dạy học trực tuyến thông qua các nền tảng như Zoom, Google Meet,... kết hợp với các hệ thống quản lý học tập (LMS) và thư viện số nhằm phục vụ cho hàng nghìn sinh viên theo học mỗi năm.

Tuy nhiên, song hành với những lợi ích mà công nghệ số mang lại là những rủi ro và thách thức ngày càng gia tăng về an toàn thông tin cá nhân, an ninh mạng và đạo đức số. Sinh viên - đối tượng sử dụng mạng internet, mạng xã hội và các thiết bị số với tần suất cao - đang phải đối mặt với hàng loạt nguy cơ tiềm ẩn: từ việc bị đánh cắp tài khoản email, bị giả mạo danh tính trên mạng xã hội, đến việc bị dụ nhấn vào các đường link chứa mã độc hoặc bị quấy rối qua các ứng dụng trực tuyến. Đặc biệt, trong môi trường học tập trực tuyến, việc thiếu kỹ năng bảo mật cá nhân hoặc lơ là trong việc thiết lập các lớp bảo vệ thông tin đã dẫn đến nhiều tình huống đáng tiếc như: mất quyền truy cập tài khoản học tập, lộ tài liệu cá nhân, bị kẻ xấu lợi dụng để phát tán thông tin sai lệch, hoặc thậm chí bị tấn công bằng mã độc.

Thực tế tại Trường Đại học Đồng Tháp cho thấy, không ít sinh viên vẫn chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để ứng phó với các tình huống mất an toàn trong môi trường số. Một số sinh viên chia sẻ từng bị người lạ giả mạo giáo viên để gửi email lừa đảo, hoặc gặp tình huống lớp học trực tuyến bị người ngoài đột nhập, quấy rối gây mất trật tự. Trong khi đó, nội dung giáo dục về an toàn số hiện vẫn chưa được đưa vào chương trình đào tạo một cách hệ thống, các buổi sinh hoạt chuyên đề về bảo vệ dữ liệu cá nhân, ứng xử văn minh trên không gian mạng hay phòng tránh tấn công mạng còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, và chủ yếu do giảng viên tự lồng ghép tùy theo chuyên môn. Điều này khiến cho việc nâng cao nhận thức và năng lực bảo vệ bản thân của sinh viên trong không gian mạng vẫn còn nhiều hạn chế.

Ngoài ra, với đặc thù là một trường đại học công lập đóng trên địa bàn khu vực nông thôn và bán đô thị, nơi điều kiện tiếp cận công nghệ còn chưa đồng đều, sự chênh lệch về trình độ và điều kiện sử dụng thiết bị giữa sinh viên các tỉnh thành cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có giải pháp giáo dục an toàn số phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh thực tiễn. Không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn số còn là nền tảng để xây dựng một không gian học tập trực tuyến lành mạnh, bền vững, góp phần hình thành tư duy số, đạo đức số và văn hóa ứng xử có trách nhiệm trong môi trường giáo dục hiện đại.

Chính vì những lí do trên, nhóm tác giả đã chọn "Giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong môi trường học trực tuyến hiện nay" làm đề tài nghiên cứu, đề xuất các giải pháp giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp là một nhiệm vụ cấp thiết và mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đây không chỉ là việc xây dựng năng lực tự bảo vệ cho người học trong thời đại số, mà còn thể hiện trách nhiệm của nhà trường trong việc đảm bảo quyền lợi, sự an toàn và phát triển toàn diện cho sinh viên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về giáo dục an toàn số cho sinh viên trong môi trường học tập trực tuyến

2.1.1. Khái niệm

An toàn số: Là trạng thái trong đó cá nhân và tổ chức có thể sử dụng các thiết bị, dịch vụ

và hệ thống số (như Internet, mạng xã hội, nền tảng học tập trực tuyến...) một cách an toàn, không bị đe dọa, xâm hại hoặc tổn hại về dữ liệu, danh tính, quyền riêng tư, tinh thần hay tài sản.

Giáo dục an toàn số: Là quá trình trang bị cho người học - đặc biệt là học sinh, sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để nhận biết, phòng tránh và ứng phó với các rủi ro, mối đe dọa trên môi trường số. Giúp người học sử dụng công nghệ và Internet một cách an toàn, có trách nhiệm, tôn trọng quyền riêng tư của bản thân và người khác, cũng như ứng xử văn minh trong không gian mạng.

2.1.2. Những hệ quả của mất an toàn số cho sinh viên trong môi trường học trực tuyến hiện nay

Bên cạnh những lợi ích tích cực từ việchọc tập trực tuyến mang lại như: không tiếp xúc trực tiếp tránh lây nhiễm bệnh tật, xóa bỏ khoảng cách về không gian, học mọi lúc mọi nơi, học từ những thầy giỏi nhất, mở ra cơ hội học tập cho tất cả mọi người, phương thức này cũng hàm chứa những rủi ro hạn chế, đặc biệt là các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng nếu không áp dụng những giải pháp phù hợp. Ở Việt Nam, phương thức dạy học trực tuyến chỉ mới thực sự triển khai vài năm gần đây, triển khai mạnh mẽ nhất khi dịch bệnh diễn biến phức tạp khi học sinh không thể đến trường, cả người dạy người học cũng mới quen và hầu như chưa được tập huấn đầy đủ về kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin nói chung nên nên vấn đề bảo đảm an toàn thông tin trong dạy học trực tuyến cần được quan tâm giải quyết một cách bài bản. Thực tế thời gian qua cho thấy, nhiều tình huống mất an toàn thông tin đã xảy ra trong quá trình dạy học trực tuyến trên môi trường mạng để lại nhiều hệ lụy trong cả trước mắt và lâu dài.

Rủi ro mất an toàn số và hậu quả của nó trong dạy học trực tuyến xảy ra qua việc: lừa đảo thông qua hình thức học tập trực tuyến gia tăng, thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp.

Thứ nhất, hệ thống dạy học trực tuyến chưa đủ an toàn, hệ thống dạy học trực tuyến không bảo đảm an toàn thông tin (ATTT) có thể bị người lạ đột nhập phá lớp học, tin tặc cài đặt các ứng dụng nghe lén, nhìn lén, đánh cắp dữ liệu. Khi đó lớp học sẽ không thể thực hiện được, thông tin cá nhân bị đánh cắp, các thông tin về văn bằng chứng chỉ, điểm số, bài kiểm tra có thể bị sửa chữa phục vụ cho các mục đích phi pháp, mua bán, các học liệu có giá trị có thể bị sao chép bất hợp pháp. Nguy hại hơn, khi hệ thống bị phá hoại (thậm chí bị đánh sập) sẽ mất nhiều thời gian, công sức để khôi phục lại, gây gián đoạn việc học tập, cá biệt có trường hợp còn không thể khôi phục hoàn toàn, mất dữ liệu. Chúng lợi dụng việc học trực tuyến, lợi dụng nhu cầu tìm hiểu về các giải pháp học trực tuyến, mong muốn nâng cao kiến thức kĩ năng của giáo viên, học sinh, tin tặc cũng có thể bị dẫn dụ họ truy cập vào các đường link quảng cáo về các khóa học, các ứng dụng phục vụ học tập miễn phí, giảm giá trên mạng Internet để từ đó cài các đoạn mã độc, lấy cắp dữ liệu. Giáo viên, học sinh truy cập vào các đường link dạy học trực tuyến giả mạo (có giao diện giống như trang học trực tuyến thật), có thể bị lừa, bị đánh cắp thông tin cá nhân, dữ liệu để dùng vào các hành động như mạo danh, đe dọa (dọa đánh đập, dọa tẩy chay, dọa tiết lộ thông tin hay hình ảnh cá nhân nhạy cảm), bắt nạt, quấy rối, khủng bố tinh thần, gây tâm lí hoang mang từ đó lợi dụng, uy hiếp bắt ép thực hiện hành động phi pháp, tống tiền. Giáo viên không những không thể đảm bảo tiến độ, chất lượng bài giảng, không thể truyền đạt hết nội dung bài giảng đến đa số học sinh mà còn có thể bị chiếm quyền điều khiển, lợi dụng không gian lớp học để truyền đưa các thông tin xấu độc, kích động đến học sinh, lừa đảo học sinh và gia đình (như thông qua các thông báo chuyển tiền học, thông báo thay đổi giờ học).

Thứ hai, chất lượng tiết học không đủ đảm bảo an toàn, khi bài giảng luôn bị xen vào các âm thanh, hình ảnh không mong muốn làm cho học sinh mất tập trung; nội dung bài giảng bị chỉnh sửa dẫn đến sai lệch về nhận thức, nhầm lẫn về kiến thức cho học sinh. Nguy hiểm hơn học sinh còn có thể gặp các đoạn phim, âm thanh, hình ảnh, tin nhắn tục tĩu, bạo lực, khiêu dâm, kích thích trí tò mò làm cho suy nghĩ lệch lạc, hành động bắt chước làm theo, phản khoa

học và phản đạo đức, hung hăng hoặc ngại giao tiếp. Ngoài ra, mất ATTT có thể làm cho giờ học bị kéo dài ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của học sinh (dẫn đến các bệnh về mắt, cột sống, tâm lí mệt mỏi, mất tập trung).

Thứ ba, không bảo đảm ATTT gây khó khăn cho nhà trường trong việc triển khai các hoạt động quản lý giáo dục và dạy học trên môi trường mạng, kế hoạch học tập không thực hiện được; gây ra sự nghi ngờ không đáng có về phương thức dạy học tiên tiến này, giảm quyết tâm chuyển đổi số trong nhà trường. Môi trường giáo dục trên không gian mạng có thể bị ô nhiễm, truyền đưa những thông tin chống phá, tin sai sự thật, mất an ninh mạng và gây ảnh hưởng tâm lí tiêu cực đến giáo viên, học sinh khi tham gia dạy, học trực tuyến. Đột nhập thông qua hệ thống dạy học trực tuyến, tin tặc có thể thực hiện các cuộc tấn công mạng vào hệ thống CNTT của nhà trường, kéo theo các nguy cơ tiềm ẩn khác.

Thứ tư, ATTT không được bảo đảm sẽ gây khó khăn cho PHHS, PHHS của học sinh nhỏ tuổi, sẽ rất vất vả trong việc hỗ trợ con em học trực tuyến; đồng thời cũng phải đối mặt với các nguy cơ bị ghi âm, ghi hình, ghi bàn phím bất hợp pháp, lấy cắp dữ liệu riêng tư của cá nhân, của gia đình khi kẻ xấu lợi dụng việc học trực tuyến để tổ chức các hành vi tấn công mạng.

Tổng thể, dạy học trực tuyến nếu thiếu sự chuẩn bị kĩ lưỡng và điều kiện đảm bảo thì không chỉ làm giảm chất lượng giáo dục mà còn gây ra nhiều hệ lụy về tâm lí, sức khỏe và công bằng xã hội cho người học, người dạy và cả phụ huynh.

2.2. Thực trạng giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong môi trường học tập trực tuyến hiện nay

2.2.1. Thực trạng học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp

Đối với sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, học tập trực tuyến đã trở thành một phần quen thuộc, đặc biệt sau những ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Dưới đây là một số khía cạnh về thực trạng học tập trực tuyến của sinh viên trường.

Mức độ tham gia và kinh nghiệm: Đa phần sinh viên đã có kinh nghiệm học trực tuyến từ hai học kỳ trở lên, thậm chí nhiều sinh viên đã học trực tuyến từ ba học kỳ trở lên. Điều này cho thấy sự thích ứng và làm quen khá tốt với hình thức học tập này. Trường đã triển khai hệ thống học trực tuyến và các nền tảng hỗ trợ như Zalo, Facebook, email để duy trì hoạt động dạy và học trong thời gian giãn cách xã hội.

Hình thức và ứng dụng: Các hình thức học trực tuyến phổ biến bao gồm học tập thông qua sự hỗ trợ của giảng viên kết hợp với các tài liệu và công cụ kĩ thuật số. Trường đã và đang ứng dụng các hệ thống quản lý học tập (LMS) với nhiều chức năng hỗ trợ giảng dạy và học tập như quản lý khóa học, nội dung, bài kiểm tra, bài nộp, diễn đàn trực tuyến, chia sẻ tài liệu và theo dõi đánh giá.

Thuận lợi:

- Lãnh đạo Trường Đại học Đồng Tháp tích cực triển khai chuyển đổi số trong giáo dục, thể hiện qua việc nâng cấp hạ tầng CNTT, tổ chức tập huấn sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến cho giảng viên, sinh viên. Nhà trường đã chỉ đạo triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học và giảng viên. Trường đã tổ chức lớp tập huấn về "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy, kiểm tra và đánh giá" cho 150 sinh viên thuộc các khoa sư phạm. Hoạt động này giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng các công nghệ mới trong quá trình học tập và giảng dạy.

- Trường ban hành quy chế dạy học trực tuyến áp dụng cho toàn trường, bao gồm: quy trình dạy - học, đánh giá, lưu trữ bài giảng và đặc biệt là quy định về bảo mật tài khoản và an toàn thông tin trong môi trường số. Sinh viên được phân quyền sử dụng hệ thống học trực tuyến (LMS, Zoom, Google Meet…) và có trách nhiệm giữ an toàn cho tài khoản.

- Giờ học trực tuyến được xếp lịch cụ thể trên hệ thống đào tạo, giảng viên phải điểm danh, ghi nhận kết quả học tập như lớp học trực tiếp. Phòng Thanh tra - Kiểm tra thường xuyên giám sát giờ giấc lên lớp, tình trạng vào - ra lớp, chất lượng buổi học online thông qua các báo cáo định kỳ và phản ánh từ sinh viên.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin của trường có tổ hỗ trợ kỹ thuật, giúp sinh viên:

+ Cấp lại mật khẩu, khôi phục tài khoản học tập.

+ Hướng dẫn đăng nhập, sử dụng các phần mềm học trực tuyến.

+ Khắc phục sự cố liên quan đến đường truyền, lỗi phần mềm.

+ Kênh hỗ trợ thường qua email, fanpage, hotline và cả trực tiếp tại trường.

- Trường trang bị hệ thống học trực tuyến (LMS) có xác thực tài khoản riêng, hỗ trợ đồng bộ thông tin đào tạo. Mạng nội bộ và Wi-Fi trường có các biện pháp bảo mật cơ bản, góp phần đảm bảo an toàn dữ liệu trong quá trình truy cập, lưu trữ thông tin học tập.

- Linh hoạt về thời gian và không gian, sinh viên có thể học tập mọi lúc, mọi nơi có kết nối internet; Tiếp cận tài liệu dễ dàng, tài liệu học tập thường được cung cấp trực tuyến, giúp sinh viên dễ dàng truy cập và ôn tập; tương tác đa dạng, bên cạnh tương tác với giảng viên, sinh viên còn có cơ hội tương tác với nhau thông qua các diễn đàn, nhóm học tập trực tuyến.

Khó khăn và thách thức: Hoàn cảnh kinh tế và điều kiện học tập của sinh viên còn nhiều hạn chế. Đa số sinh viên đến từ khu vực nông thôn, miền núi, thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, điều kiện kinh tế không đồng đều. Nhiều sinh viên không có thiết bị cá nhân phù hợp như laptop, máy tính bảng để học trực tuyến; phần lớn học bằng điện thoại di động, gây khó khăn trong thao tác và bảo mật. Hạ tầng mạng Internet không ổn định, nhất là khi học tại quê hoặc khu trọ có băng thông yếu, dẫn đến gián đoạn học tập và dễ bỏ lỡ các nội dung quan trọng về an toàn số.

- Trường chưa có đội ngũ chuyên trách lớn để hỗ trợ cá nhân hóa cho sinh viên khi gặp sự cố kỹ thuật (đăng nhập, mất mật khẩu, nghi ngờ lộ thông tin…). Kênh hỗ trợ còn mang tính chung chung, thiếu sự chủ động trong tư vấn về an toàn thông tin cá nhân cho sinh viên.

- Một số giảng viên chưa thành thạo các công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến (LMS, Zoom, Google Meet…), dẫn đến tiết học đơn điệu, thiếu tương tác, ít lồng ghép nội dung về an toàn số. Việc sử dụng tài liệu điện tử, video, ứng dụng minh họa… còn hạn chế, khiến sinh viên ít hứng thú và chủ động học tập.

- Khi học online, sinh viên dễ vắng mặt, bật máy nhưng không học thực sự, hoặc gian lận trong kiểm tra. Thiếu công cụ theo dõi thời gian, nội dung tương tác của sinh viên, khiến việc quản lý giờ giấc và chất lượng học tập trở nên khó kiểm soát.

- Một số sinh viên dùng mật khẩu yếu hoặc chia sẻ tài khoản học tập, dẫn đến nguy cơ bị truy cập trái phép, mất quyền truy cập, hoặc để người ngoài tham gia lớp học. Đã có trường hợp lớp học bị người lạ vào quấy rối, hoặc giả mạo danh tính để gây mất trật tự.

- Ý thức bảo mật thông tin cá nhân của sinh viên còn thấp: dùng chung tài khoản, không thoát khỏi thiết bị công cộng, không cài phần mềm chống virus, không xác thực hai lớp. Các hành vi như tải tài liệu không rõ nguồn, click vào đường link lạ, lộ số CCCD, tài khoản ngân hàng cũng là mối nguy an toàn số nghiêm trọng.

Đánh giá hiệu quả: Một số nghiên cứu cho thấy hiệu quả học tập trực tuyến chịu ảnh hưởng bởi sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, cũng như giữa sinh viên với nhau; Phản hồi từ sinh viên về các học phần được giảng dạy thí điểm trực tuyến thường tích cực, cho thấy sự đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy cơ bản.

Giải pháp và định hướng phát triển: Trường hoàn thiện hệ thống thiết bị và đường truyền,

đồng thời tập huấn phương pháp giảng dạy trực tuyến cho giảng viên; Thành lập các hội đồng chuyên môn để thẩm định và phát triển chương trình học trực tuyến được chú trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo lâu dài.

Các giảng viên có thể áp dụng các công cụ tương tác trực tuyến để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của các buổi học. Nhìn chung, học tập trực tuyến đã trở thành một phương thức quan trọng tại Trường Đại học Đồng Tháp. Mặc dù vẫn còn tồn tại một số thách thức, nhà trường và sinh viên đang nỗ lực để thích ứng và nâng cao hiệu quả của hình thức học tập này.

2.2.2. Thực trạng giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp

Chuyển đổi số trong giáo dục diễn ra sâu rộng, đặc biệt là sự phổ biến của hình thức học tập trực tuyến, vấn đề đảm bảo an toàn số cho người học trở thành yêu cầu cấp thiết. Đối với sinh viên - nhóm đối tượng vừa là người học vừa là công dân số đang trong quá trình hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ - việc nâng cao nhận thức và năng lực về an toàn số cần được tiếp cận một cách hệ thống, khoa học và có tính thực tiễn cao. Để tiếp cận hiệu quả vấn đề này tại Trường Đại học Đồng Tháp, cần triển khai nghiên cứu bằng sự kết hợp linh hoạt và hợp lý giữa các phương pháp thực chứng và lý luận.

Trước hết, việc khảo sát thực trạng là bước khởi đầu cần thiết nhằm thu thập dữ liệu trực tiếp từ đối tượng nghiên cứu - sinh viên các khoa, ngành khác nhau trong trường. Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ nhận thức, thói quen sử dụng các nền tảng số, khả năng nhận diện rủi ro và hành vi ứng phó với các tình huống mất an toàn số như lộ lọt thông tin cá nhân, tấn công mạng, xâm hại quyền riêng tư, lừa đảo trực tuyến,… Kết quả khảo sát giúp hình thành một bức tranh tổng quan về hiện trạng, từ đó làm cơ sở cho bước phân tích tiếp theo.

Trên cơ sở dữ liệu thu được, tiến hành phân tích các chiều cạnh của vấn đề: đặc điểm nhận thức của sinh viên theo nhóm ngành, năm học; các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi an toàn số; mức độ gắn kết giữa nhận thức và hành vi thực tiễn; vai trò của nhà trường và giảng viên trong giáo dục an toàn số…Việc phân tích không chỉ dừng lại ở việc lý giải hiện tượng mà còn giúp nhận diện các nguyên nhân tiềm ẩn, từ đó làm rõ các lỗ hổng trong giáo dục kỹ năng số hiện nay.

Tiếp theo là bước tổng hợp nhằm khái quát các kết quả phân tích thành các nhóm vấn đề nổi bật: thiếu kiến thức nền tảng về an toàn số; tâm lý chủ quan, dễ dãi trong bảo vệ dữ liệu cá nhân; thiếu kỹ năng nhận diện rủi ro trên không gian mạng; sự thiếu đồng bộ trong các chương trình, hoạt động hỗ trợ sinh viên tiếp cận thông tin an toàn số. Việc tổng hợp giúp hệ thống hóa vấn đề dưới góc nhìn liên ngành - kết hợp giữa giáo dục, công nghệ thông tin, và tâm lý học. Từ những nền tảng đó, đề xuất được đưa ra theo hướng thiết thực và khả thi, gắn với đặc thù của Trường Đại học Đồng Tháp. Chẳng hạn, xây dựng mô-đun "kỹ năng an toàn số" tích hợp trong các học phần kỹ năng mềm hoặc tin học đại cương; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và tập huấn theo hình thức mô phỏng tình huống; triển khai các chiến dịch truyền thông nội bộ nhằm thay đổi hành vi; đồng thời xây dựng hệ thống cảnh báo và hỗ trợ sinh viên khi gặp sự cố an toàn thông tin. Những đề xuất này không chỉ giải quyết vấn đề trước mắt mà còn góp phần định hướng chiến lược phát triển bền vững cho giáo dục số trong nhà trường.

Nhằm đánh giá mức độ hiểu biết và áp dụng các biện pháp an toàn số khi học trực tuyến, chúng tôi đã khảo sát sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. Dưới đây là kết quả chi tiết.

BẢNG KHẢO SÁT: Giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp

STT	Nội dung khảo sát	Tỉ lệ sinh viên (%)
1	**Bạn có biết về khái niệm "an toàn số" không?**	

	- Có	68%
	- Không	32%
2	**Bạn đã từng được học hay tham gia buổi tuyên truyền về an toàn số chưa?**	
	- Có	21%
	- Không	79%
3	**Mức độ hiểu biết về các rủi ro trên môi trường số (lừa đảo, mất dữ liệu, v.v.)**	
	- Rất rõ	12%
	- Tương đối rõ	37%
	- Mơ hồ	33%
	- Không biết	18%
4	**Bạn có sử dụng xác thực hai lớp (2FA) khi đăng nhập tài khoản học tập không?**	
	- Có	27%
	- Không	73%
5	**Bạn đã từng bị lộ thông tin cá nhân/ mất quyền truy cập tài khoản chưa?**	
	- Có	15%
	- Không	85%
6	**Bạn có thường xuyên cập nhật phần mềm/chống virus trên thiết bị học tập?**	
	- Có	41%
	- Không	59%
7	**Bạn đánh giá như thế nào về sự cần thiết của giáo dục an toàn số trong trường?**	
	- Rất cần thiết	78%
	- Bình thường	20%

	- Không cần thiết	2%

Nhận thức về an toàn số còn hạn chế: Mặc dù có tới 68% sinh viên biết khái niệm an toàn số, nhưng đây chỉ là nhận thức cơ bản, còn 32% chưa biết hoặc chưa rõ về khái niệm này. Điều này cho thấy công tác truyền thông và giáo dục về an toàn số chưa rộng khắp, nhiều sinh viên vẫn chưa được tiếp cận đầy đủ kiến thức cơ bản.

Giáo dục chính quy về an toàn số rất yếu: Chỉ 21% sinh viên từng tham gia buổi tuyên truyền hoặc học về an toàn số. Phần lớn, lên đến 79%, chưa từng được đào tạo chính thức về vấn đề này. Đây là khoảng trống lớn trong chương trình giáo dục hiện nay, ảnh hưởng đến khả năng tự bảo vệ của sinh viên khi học tập trực tuyến.

Hiểu biết về rủi ro môi trường số còn thấp: Chỉ có 12% sinh viên hiểu rõ các rủi ro như lừa đảo, mất dữ liệu cá nhân; trong khi đó, 33% hiểu mơ hồ và 18% hoàn toàn không biết. Việc thiếu hiểu biết này làm tăng nguy cơ sinh viên trở thành nạn nhân của các hành vi tấn công mạng hoặc mất thông tin quan trọng.

Thói quen bảo mật còn yếu: Đáng lo ngại khi 73% sinh viên không sử dụng xác thực hai lớp (2FA), một trong những biện pháp bảo vệ tài khoản hiệu quả nhất hiện nay. Thêm vào đó, 59% không thường xuyên cập nhật phần mềm hoặc sử dụng phần mềm diệt virus, khiến thiết bị học tập dễ bị tổn thương trước các mã độc và lỗ hổng bảo mật.

Tỷ lệ sinh viên bị ảnh hưởng trực tiếp: Mặc dù chưa quá cao, nhưng 15% sinh viên từng gặp sự cố bị lộ thông tin cá nhân hoặc mất quyền truy cập tài khoản. Đây là con số cảnh báo cần được quan tâm và khắc phục kịp thời.

Ý thức về tầm quan trọng của giáo dục an toàn số rất cao: Một điều tích cực khi có tới 78% sinh viên đánh giá giáo dục an toàn số là rất cần thiết. Điều này cho thấy sinh viên mong muốn được trang bị kiến thức và kỹ năng để bảo vệ bản thân khi học trực tuyến.

Từ bảng khảo sát, có thể thấy: Nhận thức và kiến thức an toàn số của sinh viên còn khá hạn chế, đặc biệt là những sinh viên không thuộc ngành kỹ thuật. Chương trình giáo dục hiện chưa đáp ứng được nhu cầu và mức độ cấp thiết của vấn đề an toàn số trong thời đại học trực tuyến. Hành vi bảo mật cá nhân còn yếu, dễ dẫn đến các rủi ro mất dữ liệu và thông tin cá nhân. Sinh viên rất mong muốn được đào tạo, nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn số.

Hiện nay, Trường Đại học Đồng Tháp đang tích cực triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn số cho sinh viên, trong bối cảnh môi trường mạng ngày càng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tổ chức chuyên đề về an toàn an ninh mạng, vào ngày 22/10/2024, Trường Đại học Đồng Tháp phối hợp với Công an Phường 6 tổ chức chuyên đề về "An toàn an ninh mạng và phòng ngừa tội phạm công nghệ cao". Chương trình nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về những nguy cơ tiềm ẩn trên không gian mạng và cách bảo vệ bản thân trong môi trường số ngày càng phát triển. Trong chương trình, Trung tá Võ Trường Giang đã chia sẻ về các phương thức lừa đảo tinh vi trên mạng xã hội và cung cấp kỹ năng nhận diện tội phạm công nghệ cao, giúp sinh viên tự bảo vệ mình trước các rủi ro như lừa đảo trực tuyến và đánh cắp thông tin cá nhân.

Phối hợp với lực lượng công an địa phương, nhà trường thường xuyên phối hợp với Công an các xã, phường trên địa bàn thành phố Cao Lãnh để trao đổi thông tin và đề xuất các biện pháp nâng cao an ninh trật tự trong cộng đồng sinh viên. Các hoạt động này bao gồm phòng chống cháy nổ, quản lý cư trú và đảm bảo an toàn trong khu vực trường học. Tuyên truyền và cảnh báo qua các kênh truyền thông, phòng Công tác Sinh viên và Truyền thông của trường thường xuyên đăng tải các khuyến cáo trên mạng xã hội, cảnh báo sinh viên về các chiêu trò lừa đảo qua mạng như giả danh công an, ngân hàng hoặc tuyển dụng việc làm không rõ nguồn gốc. Xây dựng môi trường sống an toàn, nhà trường yêu cầu các chủ nhà trọ ký cam kết đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, góp phần xây dựng môi trường sống "An toàn - Văn minh

- Không cháy nổ" cho sinh viên.

Trường Đại học Đồng Tháp đang nỗ lực xây dựng một môi trường học tập và sinh hoạt an toàn cho sinh viên thông qua việc tổ chức các chuyên đề, phối hợp với lực lượng công an, tuyên truyền qua các kênh truyền thông và đảm bảo an toàn nơi ở. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao hơn, nhà trường có thể xem xét tích hợp nội dung giáo dục an toàn số vào chương trình học chính khóa và tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số chuyên sâu cho sinh viên. Trường Đại học Đồng Tháp đã có những hoạt động bước đầu trong việc giáo dục an toàn số cho sinh viên, nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này. Tuy nhiên, để đáp ứng đầy đủ nhu cầu và trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong môi trường số đầy rủi ro, nhà trường cần tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động giáo dục về an toàn số một cách hệ thống và hiệu quả.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong môi trường học tập trực tuyến hiện nay

2.3.1. Tăng cường nhận thức và truyền thông

Nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong môi trường học trực tuyến hiện nay là tăng cường nhận thức và truyền thông về an toàn số một cách sâu rộng, có chiều sâu và liên tục. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, sinh viên đang là nhóm đối tượng sử dụng internet, mạng xã hội và các nền tảng học trực tuyến nhiều nhất, đồng thời cũng là nhóm dễ bị tổn thương nếu thiếu hiểu biết và kỹ năng phòng vệ trên không gian mạng. Môi trường học tập trực tuyến hiện nay không chỉ mở ra nhiều cơ hội tiếp cận tri thức mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ như bị đánh cắp thông tin cá nhân, bị lừa đảo qua mạng, bị xâm nhập tài khoản, tiếp cận với các nội dung độc hại, hoặc bị lợi dụng cho các mục đích phi pháp. Chính vì vậy, việc nâng cao nhận thức cho sinh viên về an toàn số không nên chỉ dừng lại ở những cảnh báo đơn lẻ, rời rạc, mà cần trở thành một chiến lược truyền thông bền vững và mang tính hệ thống.

Trước hết, nhà trường cần đẩy mạnh tổ chức các buổi chuyên đề, hội thảo chuyên sâu về an toàn thông tin, phòng chống tội phạm mạng với sự tham gia của các chuyên gia an ninh mạng, cán bộ công an, hoặc đại diện từ các tổ chức chuyên trách trong lĩnh vực công nghệ. Các buổi chia sẻ cần đi sâu vào các tình huống cụ thể mà sinh viên dễ gặp phải trong đời sống hằng ngày như lừa đảo qua tin nhắn giả mạo ngân hàng, giả danh công an để đòi nộp tiền phạt, các hình thức đánh cắp tài khoản học tập, lạm dụng quyền truy cập trong lớp học trực tuyến, v.v. Bên cạnh đó, nhà trường cần tận dụng tối đa các nền tảng số mà sinh viên thường xuyên sử dụng như Facebook, Zalo, YouTube, email trường và website học tập để truyền tải nội dung tuyên truyền dưới nhiều định dạng: video ngắn, infographic, bài viết tình huống, meme hài hước mang thông điệp cảnh báo, livestream tương tác hỏi - đáp trực tiếp với chuyên gia. Đặc biệt, các bài đăng nên được xây dựng bằng ngôn ngữ gần gũi, dễ hiểu, mang màu sắc sinh viên để tăng tính tiếp cận và tương tác. Đồng thời, nhà trường nên xây dựng một chuyên mục thường trực về "An toàn số mỗi ngày" trên hệ thống quản lý học tập (LMS) hoặc cổng thông tin điện tử, nơi sinh viên có thể cập nhật nhanh các cảnh báo mới nhất, hướng dẫn bảo mật tài khoản, các công cụ kiểm tra mức độ an toàn cá nhân trên internet. Tại đây, cũng nên lồng ghép các câu hỏi trắc nghiệm ngắn, tình huống xử lí để sinh viên tự đánh giá mức độ hiểu biết của mình. Một cách làm sáng tạo khác là phát động các cuộc thi mang tính giáo dục như cuộc thi viết bài tuyên truyền, thiết kế video clip ngắn, poster, infographics hoặc meme với chủ đề "Cảnh báo an toàn số", "Góc nhìn sinh viên về an ninh mạng", khuyến khích các bạn sinh viên vừa học vừa sáng tạo, chủ động truyền thông tích cực trong cộng đồng bạn bè. Việc tuyên truyền từ chính sinh viên với sinh viên bao giờ cũng dễ lan tỏa hơn so với hình thức áp đặt từ trên xuống.

Bên cạnh đó, trường nên thành lập hoặc hỗ trợ thành lập các nhóm sinh viên tình nguyện phụ trách mảng truyền thông kĩ thuật số - có thể là "Đội sinh viên an toàn số" hoặc "Câu lạc bộ truyền thông mạng thông minh" - với nhiệm vụ theo dõi thông tin thời sự mạng xã hội, cảnh

báo sớm cho cộng đồng sinh viên, và kết nối với phòng Công tác sinh viên để phản ánh kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Những nhóm sinh viên này có thể tổ chức các buổi tuyên truyền lưu động, trò chơi tương tác, vẽ tranh cổ động hoặc tổ chức hội trại an toàn số gắn với các sự kiện lớn của trường.

Tóm lại, việc tăng cường nhận thức và truyền thông về an toàn số cho sinh viên không thể là hành động ngắn hạn, mà phải là một chiến lược dài hạn, linh hoạt, sáng tạo và bám sát đời sống sinh viên. Khi mỗi sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp hiểu rõ giá trị của việc bảo vệ mình trong không gian mạng, hành động cẩn trọng, có trách nhiệm và biết cách hỗ trợ lẫn nhau, thì đó chính là nền tảng để xây dựng một môi trường học tập trực tuyến an toàn, lành mạnh và phát triển bền vững.

2.3.2. Tích hợp vào chương trình đào tạo

Nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong bối cảnh học trực tuyến hiện nay là tích hợp nội dung giáo dục an toàn số vào chương trình đào tạo chính khóa và ngoại khóa một cách có hệ thống, khoa học và linh hoạt. Hiện nay, phần lớn các hoạt động giáo dục về an toàn số mới dừng lại ở mức độ tuyên truyền bên ngoài chương trình học, mang tính ngắn hạn, thời điểm và không tạo được sự tiếp nối dài hơi. Điều này dẫn đến việc sinh viên dễ lãng quên, hoặc tiếp cận kiến thức theo hướng thụ động, thiếu chiều sâu và không thể áp dụng trong thực tế. Do đó, việc đưa giáo dục an toàn số vào chương trình đào tạo chính thức sẽ giúp chuẩn hóa nội dung, đảm bảo tính liên tục, bám sát năng lực đầu ra, đồng thời hình thành cho sinh viên một nền tảng kiến thức và kỹ năng vững chắc về sử dụng công nghệ thông tin một cách an toàn, có trách nhiệm.

Cụ thể, nhà trường có thể tích hợp các chuyên đề về an toàn số vào các học phần có liên quan như Tin học đại cương, kỹ năng mềm, Pháp luật đại cương hoặc Giáo dục công dân. Trong đó, nội dung cần được xây dựng phù hợp với từng ngành học, trình độ đào tạo, bối cảnh nghề nghiệp tương lai để đảm bảo tính thiết thực và hấp dẫn. Ví dụ, sinh viên ngành Sư phạm cần biết cách bảo vệ dữ liệu cá nhân của học sinh, kiểm soát tài khoản dạy học trực tuyến, hay xử lý tình huống bị quấy rối qua mạng; sinh viên ngành Kinh tế cần nắm rõ cách bảo mật giao dịch điện tử, phòng tránh lừa đảo tài chính; còn sinh viên Công nghệ thông tin thì phải hiểu sâu về các nguyên tắc bảo mật hệ thống, mã hóa dữ liệu, phòng chống phần mềm độc hại, v.v. Đặc biệt, nhà trường có thể đưa vào các tình huống mô phỏng (case study), trò chơi hóa bài giảng (gamification) hoặc sử dụng hệ thống học liệu trực tuyến (LMS) để tổ chức đánh giá, kiểm tra kỹ năng an toàn số một cách linh hoạt, hấp dẫn và hiệu quả hơn. Bên cạnh chương trình chính khóa, việc bổ sung các khóa học ngắn hạn, các lớp kỹ năng mềm hoặc tín chỉ tự chọn về chủ đề an toàn thông tin, nhận diện lừa đảo số, kỹ năng tự vệ trong không gian mạng cũng là một hướng đi thiết thực và linh hoạt. Những lớp học này có thể tổ chức theo hình thức kết hợp (blended learning), cho phép sinh viên học chủ động trên nền tảng trực tuyến và thảo luận trực tiếp để giải quyết các vấn đề thực tế. Đồng thời, giảng viên cần được bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy an toàn số, cập nhật liên tục những mối đe dọa công nghệ mới để truyền đạt thông tin sát với thực tiễn, không mang tính lí thuyết suông.

Quan trọng hơn, việc tích hợp giáo dục an toàn số vào chương trình đào tạo không chỉ mang ý nghĩa trang bị kiến thức mà còn góp phần hình thành văn hóa số lành mạnh trong cộng đồng sinh viên. Khi sinh viên nhận thức rõ ràng về quyền riêng tư, biết cách ứng xử có trách nhiệm trên mạng, tuân thủ luật pháp và sẵn sàng hỗ trợ bạn bè cùng nâng cao năng lực số, thì đó chính là nền tảng để xây dựng một xã hội số an toàn và phát triển bền vững. Với vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Đồng Tháp cần đi đầu trong việc thiết kế chương trình học có tính tích hợp cao, phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại và yêu cầu thực tiễn của chuyển đổi số quốc gia. Trong Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có đề cập: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng

thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước. Nhưng để phát triển nó như thế nào thì cũng cần đến các bạn trẻ, trong Hội nghị Nghị sĩ trẻ toàn cầu lần thứ 9 (14-17/9/2023) Nguyên Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng đã gửi đến thông điệp "Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội, là tuổi dời non lấp biển. Giới trẻ có những lợi thế to lớn trong tận dụng các cơ hội. Nhất là các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại. Là lực lượng nắm giữ chìa khóa để mở ra những cánh cửa mới, những cách nghĩ và cách làm mới." chính vì vậy, trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia - một cuộc cách mạng về tư duy, công nghệ và mô hình phát triển - tuổi trẻ đóng vai trò then chốt, các bạn trẻ là thế hệ được tiếp cận sớm và sâu với công nghệ số, có khả năng thích ứng nhanh, sáng tạo linh hoạt và không ngừng đổi mới, từ đó trở thành lực lượng tiên phong trong việc lan tỏa tinh thần số hóa đến mọi tầng lớp xã hội. Không chỉ vậy, trong lĩnh vực giáo dục - nơi được xem là "vườn ươm" cho tương lai - vai trò của người trẻ càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, họ không chỉ là đối tượng thụ hưởng các thành quả của chuyển đổi số giáo dục, mà còn là tác nhân chủ động kiến tạo và thúc đẩy những thay đổi tích cực trong phương pháp học tập, giảng dạy và phát triển tri thức. Có thể nói, nếu muốn xây dựng một xã hội số toàn diện, phát triển một nền giáo dục mở, linh hoạt và sáng tạo, thì không thể không bắt đầu từ việc phát huy vai trò và tiềm năng của tuổi trẻ. Trong xã hội số, sáng tạo là tài nguyên lớn. Thanh niên với tư duy cởi mở, ít bị ràng buộc bởi lối mòn, là nhân tố đưa ra những ý tưởng đột phá, nhiều startup công nghệ, nền tảng giáo dục mới đều được sáng lập bởi người trẻ. Xây dựng xã hội số và giáo dục số không chỉ là chuyện của công nghệ, mà là chuyện của con người - đặc biệt là người trẻ. Đặt họ vào trung tâm của quá trình chuyển đổi chính là chìa khóa tạo ra sự bền vững và hiệu quả.

2.3.3. Ứng dụng công nghệ hỗ trợ an toàn

Nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp trong môi trường học trực tuyến là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin như một công cụ hỗ trợ quản lý, giám sát, cảnh báo và nâng cao năng lực tự bảo vệ của sinh viên trên không gian mạng. Trong thời đại chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, bản thân công nghệ không chỉ là môi trường mà còn là giải pháp hữu hiệu để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình dạy và học. Do đó, việc ứng dụng công nghệ một cách thông minh, đồng bộ và phù hợp sẽ góp phần đáng kể vào việc hình thành môi trường học trực tuyến an toàn, hiệu quả và bền vững cho sinh viên.

Cụ thể, nhà trường cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng số như nền tảng học trực tuyến (LMS), hệ thống quản lý học vụ, email trường, và cổng thông tin sinh viên có tính bảo mật cao, có khả năng phát hiện và ngăn chặn các hành vi đăng nhập trái phép, gửi thư rác, hoặc truy cập bất thường vào dữ liệu người học. Hệ thống học tập cần được tích hợp các tính năng như xác thực hai lớp (2FA), mã hóa dữ liệu đầu vào - đầu ra, đồng thời cho phép giảng viên và quản trị viên giám sát hoạt động học tập một cách minh bạch, kịp thời phát hiện dấu hiệu gian lận hay xâm nhập trái phép. Bên cạnh đó, trường có thể tích hợp các công cụ cảnh báo thông minh (AI hoặc bot phân tích hành vi) để gửi thông báo ngay lập tức đến sinh viên khi phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn như lừa đảo qua email trường, yêu cầu cung cấp mật khẩu bất thường hoặc truy cập đường dẫn độc hại.

Ngoài ra, nhà trường cần đẩy mạnh triển khai các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ kỹ năng tự học an toàn cho sinh viên. Một ví dụ thiết thực là xây dựng app hoặc website nội bộ giúp sinh viên tự kiểm tra mức độ bảo mật tài khoản, đánh giá thói quen sử dụng mạng an toàn, nhận diện các loại hình tấn công mạng thông qua trò chơi tương tác hoặc mô phỏng tình huống. Các công cụ kiểm tra này không chỉ giúp sinh viên nhận ra lỗ hổng trong cách sử dụng thiết bị cá nhân mà còn tạo điều kiện để họ tiếp cận các hướng dẫn cụ thể nhằm khắc phục, từ đó hình thành ý thức và kỹ năng phòng ngừa nguy cơ an toàn số ngay từ sớm. Trường cũng nên xây dựng kho học liệu mở về an toàn thông tin số dưới dạng video, infographics, podcast hoặc khóa học trực tuyến có chứng nhận hoàn thành, tạo động lực cho sinh viên học tập chủ động, tích lũy kỹ năng

một cách bài bản.

Việc ứng dụng công nghệ cũng cần được triển khai song hành với cơ chế phản ánh, hỗ trợ kĩ thuật nhanh chóng và chuyên nghiệp. Nhà trường có thể xây dựng hệ thống hỗ trợ kĩ thuật 24/7 hoặc đội ngũ phản ứng nhanh với các sự cố số (Digital Safety Response Team), nơi sinh viên có thể gửi yêu cầu hỗ trợ, báo cáo các sự cố bảo mật, và được hướng dẫn xử lí một cách nhanh chóng, kịp thời. Điều này vừa tạo tâm lí an tâm khi học trực tuyến, vừa góp phần xây dựng lòng tin giữa sinh viên và nhà trường trong công cuộc chuyển đổi số giáo dục.

Tóm lại, việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục an toàn số không chỉ giúp nhà trường quản lý tốt hơn mà còn mang lại cho sinh viên những công cụ thiết thực để tự trang bị và tự bảo vệ mình trong không gian số. Trường Đại học Đồng Tháp với định hướng phát triển theo hướng hiện đại và ứng dụng công nghệ cao, cần chủ động tận dụng thế mạnh này để xây dựng một hệ sinh thái học tập trực tuyến an toàn - thông minh - thân thiện, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có năng lực số toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỉ nguyên số.

2.3.4. Xây dựng văn hóa số trong nhà trường

Nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn số cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp là xây dựng và phát triển văn hóa số trong toàn bộ môi trường học đường, hướng đến hình thành thói quen, thái độ và hành vi đúng đắn khi tham gia vào không gian mạng. Văn hóa số không chỉ đơn thuần là việc sử dụng công nghệ thành thạo, mà quan trọng hơn là cách mỗi cá nhân - từ cán bộ quản lý, giảng viên đến sinh viên - ứng xử có trách nhiệm, tôn trọng người khác và tuân thủ pháp luật khi hoạt động trong môi trường số. Đây là yếu tố mang tính nền tảng, quyết định sự bền vững của mọi nỗ lực giáo dục an toàn số, đặc biệt trong bối cảnh học trực tuyến đang ngày càng trở thành một phần thiết yếu trong giáo dục đại học.

Để xây dựng văn hóa số, trước hết nhà trường cần ban hành và phổ biến rộng rãi bộ quy tắc ứng xử trong môi trường học trực tuyến, trong đó quy định rõ các chuẩn mực đạo đức số, cách giao tiếp lịch sự, bảo vệ quyền riêng tư của người khác, tôn trọng bản quyền nội dung, và không lan truyền thông tin giả mạo, độc hại. Quy tắc này cần được lồng ghép trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, các lớp kỹ năng sống hoặc môn học giáo dục công dân để tạo nền tảng nhận thức sớm cho sinh viên. Bên cạnh đó, trường nên xây dựng các chiến dịch truyền thông nội bộ như "Sinh viên Đồng Tháp sống đẹp trên mạng", "Văn hóa số là bản sắc sinh viên thời đại mới" thông qua các hoạt động tương tác như hội thi trực tuyến, thiết kế biểu tượng văn hóa số, video lan tỏa thông điệp văn minh mạng, từ đó từng bước hình thành cộng đồng sinh viên có trách nhiệm và chủ động trong việc bảo vệ không gian mạng lành mạnh.

Ngoài ra, để văn hóa số trở thành một phần tự nhiên trong đời sống học đường, nhà trường cần tạo ra môi trường học tập và làm việc số minh bạch, dân chủ và cởi mở. Các kênh tương tác giữa nhà trường - sinh viên như hệ thống phản hồi học vụ, tư vấn tâm lí học đường, hỗ trợ kĩ thuật nên được tổ chức khoa học, dễ tiếp cận và có cơ chế phản hồi rõ ràng. Khi sinh viên cảm thấy được tôn trọng và lắng nghe trong không gian số, họ sẽ chủ động tham gia, đồng thời lan tỏa những giá trị tích cực đến người khác. Trong môi trường đó, mỗi cán bộ giảng viên cũng cần trở thành hình mẫu về đạo đức số, từ cách tổ chức lớp học trực tuyến, bảo vệ thông tin học viên, đến việc xử lí nội dung phản cảm, vi phạm chuẩn mực. Sự nhất quán trong hành vi giữa các thành phần trong nhà trường chính là điều kiện quan trọng để văn hóa số được hình thành và phát triển bền vững.

Hơn nữa, việc xây dựng văn hóa số cũng cần được lồng ghép trong hoạt động của các đoàn thể, câu lạc bộ sinh viên. Các hoạt động tình nguyện, hội nhóm, nghiên cứu khoa học nếu được tổ chức qua nền tảng trực tuyến cũng là cơ hội để sinh viên rèn luyện tinh thần hợp tác, kỹ năng giao tiếp, ứng xử văn minh và sáng tạo trong môi trường số. Khi sinh viên được trao quyền, được định hướng và được sống trong một môi trường số tích cực, họ sẽ trở thành những tác nhân lan tỏa văn hóa an toàn số không chỉ trong nhà trường mà cả trong cộng đồng rộng lớn

hơn.

Tóm lại, xây dựng văn hóa số trong nhà trường là một chiến lược lâu dài, đòi hỏi sự đồng bộ từ nhận thức đến hành động của toàn thể cán bộ và sinh viên. Trường Đại học Đồng Tháp cần xem đây là nền tảng để phát triển một môi trường giáo dục số an toàn, nhân văn và hiện đại, góp phần đào tạo nên những công dân số có trách nhiệm, bản lĩnh và văn hóa trong thời đại chuyển đổi số toàn diện.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là trong giáo dục đại học, vấn đề an toàn số đã trở thành một yêu cầu cấp thiết và mang tính sống còn đối với sinh viên - những công dân số tương lai. Đối với Trường Đại học Đồng Tháp, việc nâng cao hiệu quả giáo dục an toàn số không chỉ là nhiệm vụ ngắn hạn nhằm ứng phó với các rủi ro công nghệ, mà còn là một chiến lược lâu dài nhằm xây dựng môi trường học tập trực tuyến an toàn, văn minh và phát triển bền vững. Bốn nhóm giải pháp được đề xuất gồm: (1) Tăng cường nhận thức và truyền thông; (2) Tích hợp giáo dục an toàn số vào chương trình đào tạo; (3) Ứng dụng công nghệ hỗ trợ an toàn; và (4) Xây dựng văn hóa số trong nhà trường - là những hướng đi toàn diện, khả thi và phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Sự phối hợp đồng bộ giữa các giải pháp này không chỉ giúp sinh viên trang bị kiến thức, kỹ năng và công cụ để tự bảo vệ mình trong không gian mạng, mà còn góp phần định hình thái độ sống tích cực, ý thức pháp luật và tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong môi trường số. Trong hành trình này, vai trò của nhà trường là then chốt - từ hoạch định chính sách, xây dựng nội dung giảng dạy, tổ chức truyền thông đến tạo lập môi trường số an toàn và nuôi dưỡng văn hóa số nhân văn. Đồng thời, sinh viên cũng cần chủ động học hỏi, thực hành và lan tỏa những giá trị tích cực để cùng xây dựng một cộng đồng học đường hiện đại, trách nhiệm và an toàn trên không gian mạng. Chỉ khi cả nhà trường và sinh viên cùng hành động, giáo dục an toàn số mới thực sự phát huy hiệu quả thiết thực và lâu dài trong kỉ nguyên số hiện nay

Lời cảm ơn: Chúng em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến cô Nguyễn Thị Hồng Vân - người đã tận tình chỉ dẫn và đồng hành cùng chúng em trong quá trình thực hiện bài tham luận này. Và chúng em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Khoa Giáo Dục Chính Trị đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu. Những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô và bạn bè sẽ là động lực để chúng em tiếp tục hoàn thiện hơn trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Trường Đại học Đồng Tháp & Công an Phường 6, TP. Cao Lãnh. (2024). tổ chức chuyên đề về *An toàn về an ninh mạng và phòng ngừa tội phạm công nghệ cao.*

Trường Đại học Đồng Tháp & Công an các xã, phường trên địa bàn TP. Cao Lãnh tổ chức Tăng cường phối hợp trong công tác quản lý sinh viên và an ninh trật tự tại địa phương

Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ sinh viên hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số, sử dụng tên miền quốc gia ".VN"

Yêu cầu phát triển năng lực số cho học viên, sinh viên Học viện Hành chính Quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số (quanlynhanuoc.vn)

Mất an toàn thông tin trong dạy học trực tuyến: Những hệ lụy và giải pháp cấp bách (mic.gov.vn)

Nghị quyết số 52-NQ/TW (2019) về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hội nghị Nghị sĩ trẻ toàn cầu lần thứ 9 (2023)

GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC VÀ TỰ NGHIÊN CỨU CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG SƯ PHẠM

Nguyễn Trường Hải[1*], Đặng Khánh Vy[1], Lê Anh Thi[2]

[1]ĐHGDCT24A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ: Nguyễn Trường Hải, Email: nguyengiang.252309@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh hội nhập và đổi mới giáo dục hiện nay, việc nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu cho sinh viên, đặc biệt trong các học phần lý luận chính trị là yêu cầu cấp thiết. Cùng với, cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội của Đảng đã nêu "Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động". Nhận thức được tầm quan trọng đó, nhóm tác giả đã phân tích cơ sở lý luận, đánh giá từ thực trạng dạy và học các học phần lý luận chính trị tại Trường Đại học Đồng Tháp. Từ đó, đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm góp phần phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu cho sinh viên Trường Sư phạm.

Từ khóa: *Giải pháp, học phần Lý luận chính trị, năng lực tự học và tự nghiên cứu, phương pháp học tập, sinh viên sư phạm.*

SOLUTIONS TO ENHANCE SELF-LEARNING AND SELF-RESEARCH SKILLS IN POLITICAL THEORY SUBJECTS FOR PEDAGOGICAL SCHOOL STUDENTS

Nguyen Truong Hai[1*], Đang Khanh Vy[1], Le Anh Thi[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[*]Corresponding author: Nguyen Truong Hai, Email:nguyengiang.252309@gmail.com

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

In the context of integration and educational innovation today, enhancing self-learning and self-research capabilities for students, especially in political theory courses, is an urgent requirement. Along with this, the Party's program for building the country during the transition to socialism has stated that "the Communist Party of Vietnam takes Marxism-Leninism and Ho Chi Minh thought as the ideological foundation and guiding principle for action." Recognizing the importance of this, the authors' group has analyzed the theoretical basis and evaluated the current situation of teaching and learning political theory courses at Dong Thap University. From there, practical solutions are proposed to contribute to the development of self-learning and self-research skills for students at the Pedagogical University.

Keywords: *Solution, political theory subjects, self study and research, learning method, pedagogical students.*

---

1. Đặt vấn đề

Năng lực tự học và tự nghiên cứu là nền tảng hình thành tư duy và năng lực cho sinh viên trong tương lai, đặc biệt đối với các học phần lý luận chính trị. Tuy nhiên, trên thực tế tỉ lệ sinh viên có năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị chưa đạt hiệu quả cao. Qua đó, mức độ sinh viên vận dụng và hình thành các giải pháp nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu còn thấp trong môi trường học tập hiện nay.

Trong bối cảnh nền giáo dục đổi mới từng ngày và yêu cầu cao của xã hội hiện nay, việc phát triển và nâng cao các năng lực tự học và tự nghiên cứu là điều mà sinh viên nói chung và sinh viên sư phạm nói riêng cần hướng đến để đáp ứng với nền giáo dục tiên tiến. Vì thế, vai trò của sinh viên sư phạm rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Bởi, họ chính là những thế hệ, những nhà giáo dục trong tương lai, việc nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu giúp họ rèn luyện bản thân, nghiệp vụ sư phạm, thích nghi với nhịp phát triển của xã hội, phát triển kỹ năng nhà giáo thời đại mới sáng tạo và văn minh, hình thành phẩm chất, phong cách, đạo đức, pháp luật, nâng cao nhận thức từ việc tìm tòi kiến thức qua các học phần lý luận chính trị ở sinh viên sư phạm.

Việc nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu cho sinh viên sư phạm đối với các học phần lý luận chính trị mang đến những mục tiêu và định hướng có ý nghĩa sâu sắc. Nhằm hình thành và phát triển những kỹ năng cần thiết, tự lực, tự chủ, chủ động trong học tập và trong công việc tương lai. Nâng cao nhận thức, phẩm chất, nhân cách chuẩn mực cho sinh viên sư phạm - những thế hệ nhà giáo dục thời đại mới là những mục tiêu, định hướng của nhóm tác giả đặt ra khi nghiên cứu đề tài này. Trên thực tế, đã và đang có rất nhiều tác giả, nhà khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này, nhưng nhóm tác giả chưa thấy bài nghiên cứu về trọng tâm đối tượng và phạm vi nghiên cứu ở Trường Đại học Đồng Tháp. Vì thế, nhóm tác giả lựa chọn "Nâng cao hiệu quả học tập các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp" làm đề tài nghiên cứu.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để củng số và phát huy tối đa hiệu quả của đề tài nghiên cứu. Nhóm tác giả đã sử dụng những cách tiếp cận như: Duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và thực tiễn nhằm làm rõ các thành tố ảnh hưởng đến năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị. Cùng với đó, các phương pháp nghiên cứu cũng được nhóm tác giả vận dụng vào đề tài như: Phân tích - tổng hợp, logic - lịch sử và điều tra xã hội học để đánh giá thực trạng học tập hiện nay và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu cho sinh viên phù hợp trong việc tiếp thu tri thức của sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận về năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị

3.1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu

Nâng cao những năng lực cần thiết nói chung và năng lực tự học, tự nghiên cứu nói riêng là yêu cầu quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Năng lực tự học và tự nghiên cứu không chỉ hỗ trợ về khía cạnh tiếp thu kiến thức đối với môn học mà còn rèn luyện, hình thành tư duy, kỹ năng và phẩm chất ở sinh viên. Đồng thời, chúng còn thúc đẩy sự tự giác, tích cực, độc lập và tinh thần trách nhiệm trong học tập, giúp sinh viên sư phạm trở thành đội ngũ giáo dục chất lượng, góp phần vào sự phát triển của xã hội trong tương lai. Vì vậy, cần hiểu rõ năng lực tự học, tự nghiên cứu là gì và cách áp dụng vào học tập các học phần lý luận chính trị như thế nào?

** Khái niệm năng lực*

"Năng lực" được dùng chỉ để những phẩm chất và khả năng của một cá nhân trong giải quyết vấn đề cuộc sống hoặc công việc, là thuộc tính của cá nhân được hình thành và phát triển nhờ những yếu tố sẵn có của mỗi người và thông qua quá trình học tập, rèn luyện, bản thân huy

động tổng hợp những kiến thức, hiểu biết, kỹ năng và các thuộc tính khác như yêu thích, đam mê, sự quyết tâm,... sau khi thực hiện và hoàn thành tốt một nhiệm vụ cụ thể và đạt được mục tiêu đề ra trong những hoàn cảnh nhất định.

** Khái niệm tự học*

"Tự học" là một thuật ngữ phổ biến ở giảng đường đại học, là một hình thức học tập diễn ra phụ thuộc vào sự chủ động của người học, khác với hình thức học tập truyền thống gắn liền với sự điều khiển của giảng viên. Hình thức này, người học là trung tâm, có vai trò chủ động trong thiết kế kế hoạch học tập, tìm tòi, các nội dung kiến thức ngoài giáo trình và kiến thức trên lớp để đạt được mục tiêu bản thân đề ra. Theo Nguyễn Cảnh Toàn (1999) - Luận bàn về kinh nghiệm tự học "Tự học là quá trình người học tự giác, tự nguyện, tự tổ chức, tự điều chỉnh các hoạt động học tập để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng và hình thành năng lực tư duy độc lập". Qua đó, tự học không chỉ là một hình thức hay phương pháp học tập mà còn là một năng lực, yêu cầu thiết yếu, cần thiết cho mỗi sinh viên ngày nay.

** Khái niệm tự nghiên cứu*

Cũng như tự học, thuật ngữ "tự nghiên cứu" cũng là một hình thức, hoạt động học tập lấy người học làm vai trò chủ đạo, tự giác trong công cuộc mở mang kiến thức. Nhưng mức độ cao hơn so với tự học, đòi hỏi sinh viên phải trang bị nhiều thao tác hơn như chủ động đặt vấn đề, tìm kiếm và xử lý số liệu bằng việc khảo sát, thống kê xác suất từ vấn đề mang đậm tính khoa học. Theo Boud, D. & Feletti, G. (1991) - The Challenge of Problem-Based Learning "Tự nghiên cứu là năng lực then chốt trong học tập dựa trên vấn đề (Problem-based Learning - PBL), đòi hỏi người học chủ động phát hiện vấn đề, thiết kế phương pháp và theo đuổi việc nghiên cứu độc lập". Vì thế, sinh viên phải trang bị nhiều kỹ năng hơn như: Kỹ năng tư duy phân tích, xử lý thông tin,... để có thể sử dụng hiệu quả hình thức học tập này.

Bảng 1: So sánh các yếu tố của tự học và tự nghiên cứu

	Tiêu chí	**Tự học**	**Tự nghiên cứu**
Giống nhau		- Đều là hình thức học tập tích cực, chủ động tiếp thu tri thức. Rèn luyện sự kiên trì, học hỏi. - Người học đóng vai trò chủ đạo, thoát khỏi sự phụ thuộc vào thầy cô. - Hình thành và phát triển tinh thần tự giác, khả năng tư duy độc lập,...	
Khác nhau	Phương pháp	Liên hệ củng cố và mở rộng kiến thức đã học	Phân tích, đặt vấn đề, thiết kế tài liệu,...
	Mức độ	Tập trung việc hiểu và áp dụng kiến thức đã học	Mức độ cao hơn tự học, đòi hỏi sự sáng tạo, phân tích
	Ứng dụng	Áp dụng vào quá trình học tập và công việc. Phục vụ học tập cá nhân	Phục vụ quá trình phát hiện vấn đề và đóng góp tri thức mới
	Đối tượng (phù hợp)	Học sinh (trung học cơ sở trở và trung học phổ thông), sinh viên, người tự học	Nhà nghiên cứu, học viên cao học, sinh viên nghiên cứu khoa học,...

** Học phần lý luận chính trị*

Học phần lý luận chính trị là những học phần bắt buộc trong chương trình giáo dục đại học ở Việt Nam gồm: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đóng vai trò quan trọng và là nền tảng tư tưởng trong việc hình thành tư duy phản biện, nâng cao nhận thức xã hội cho người học. Giúp hình thành thế giới quan khoa học trong nhận thức và hành động, đặc biệt đối với sinh viên sư phạm trong công tác sau này để đảm bảo tính khoa học, tính đảng trong quá trình dạy học. Qua rèn luyện và nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị giúp người học nắm vững kiến thức cơ bản, củng cố về tác phong, thái độ học tập chuẩn mực, chiếm lĩnh, vận dụng tri thức và bản lĩnh chính trị vào cuộc sống.

3.1.2. Các thành tố của năng lực tự học và tự nghiên cứu học phần lý luận chính trị

Với bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay, hình thành và phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu của sinh viên là yêu cầu cấp bách, đặc biệt đối với hai đối tượng chính là sinh viên sư phạm và các học phần lý luận chính trị - đội ngũ giáo dục tương lai và học phần giữ vai trò hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và tư tưởng chính trị. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều sinh viên vẫn còn thụ động, thiếu phương pháp học hiệu quả, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo và tinh thần nghiên cứu. Nhóm tác giả đã nghiên cứu và phân tích các thành tố của năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Sư phạm làm cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp phù hợp tới thực tiễn, giúp sinh viên tiếp cận kiến thức hiệu quả hơn gồm các thành tố như sau:

Một là, nhận thức của sinh viên sư phạm về năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị. Năng lực tự học và năng lực tự nghiên cứu được coi là một trong những năng lực chủ chốt và giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm hiện tại và tương lai sau này. Cá nhân nắm bắt được hệ thống kiến thức và những kỹ năng, kinh nghiệm do chính bản thân thực hiện thông qua quá trình học tập độc lập theo định hướng tự học và tự nghiên cứu. Việc nhận thức đúng đắn về năng lực tự học và tự nghiên cứu không chỉ góp phần giúp cho sinh viên sư phạm - những nhà giáo dục tương lai chủ động trong việc chiếm lĩnh, tiếp thu tri thức, tư tưởng chính trị mà còn thúc đẩy khả năng tư duy, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề, tình huống sư phạm. Do vậy, nâng cao nhận thức của sinh viên sư phạm về tầm quan trọng của năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị vô cùng cần thiết để tạo điều kiện hình thành phẩm chất, năng lực sinh viên sư phạm chất lượng cho nền giáo dục.

Hai là, động lực thúc đẩy để sinh viên sư phạm nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị. Động lực không chỉ là một thuật ngữ thể hiện sự quyết tâm hay là nguồn năng lượng tâm lý mạnh mẽ giúp cá nhân vượt qua những khó khăn mà còn là yếu tố quyết định để một người phát triển bản thân và đạt được mục tiêu. Đối với học tập, nó là nguồn thúc đẩy quá trình lĩnh hội tri thức giữa các học phần lý luận chính trị mang tính trừu tượng, hàn lâm. Từ đó, thúc đẩy cá nhân tích cực tham gia vào quá trình học tập, trau dồi các giải pháp, phương pháp về năng lực tự học và tự nghiên cứu. Theo Nguyễn Cảnh Toàn - Lê Hải Yến (2011) - Xã hội học tập, học tập suốt đời và các kỹ năng tự học "Nhu cầu học tập và mục tiêu đích học càng rõ ràng chính đáng thì động lực càng mạnh giúp bạn tăng thêm nghị lực và ý chí cũng như lòng kiên trì theo đuổi việc học đến thành công". Động lực càng lớn khi bạn có một nhu cầu và mục tiêu rò ràng, chẳng hạn như: Động lực học tập của một sinh viên có nhu cầu tự học, tự nghiên cứu về học phần tư tưởng Hồ Chí Minh để có thể đạt được mục tiêu trở thành một nhà giáo có tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh,...

Động lực không chỉ góp phần làm tăng tính tự giác ở sinh viên mà còn là yếu tố hình thành động cơ học tập và xây dựng tinh thần trách nhiệm, là nền tảng quan trọng hình thành lòng yêu nghề, tư tưởng chính trị, lý tưởng cách mạng của thế hệ sinh viên, giáo viên hiện tại.

Ba là, chiến lược học tập để nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị. Để học tập hiệu quả, mỗi cá nhân cần xây dựng chiến lược học tập phù hợp với

mục tiêu và điều kiện của bản thân. Chiến lược này bao gồm các phương pháp và kế hoạch học tập khoa học, giúp người học chủ động, giảm áp lực, đặc biệt với các học phần lý luận chính trị. Theo Nguyễn Cảnh Toàn - Lê Hải Yến (2011) - Xã hội học tập, học tập suốt đời và các kỹ năng tự học "Có kế hoạch học và thời gian biểu tự học khoa học và phù hợp với điều kiện của mình...Việc có một kế hoạch đúng và phù hợp giúp bạn có một cái đích rõ ràng để phấn đấu và tạo một nếp làm việc khoa học". Một chiến lược với thời gian biểu đan xen khoa học giữa nghỉ ngơi và học phần khác với các học phần lý luận chính trị sẽ giúp cho sinh viên sư phạm giảm áp lực, có thời gian gian phát triển nghiệp vụ sư phạm, có những phương pháp, giải pháp học tập tự học phù hợp như: Biết cách tự học và tự nghiên cứu ngoài giáo trình, biết cách đặt vấn đề, tìm hiểu thông tin,... Qua đó, trong quá trình nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị, sinh viên cần thiết phải đặt ra cho bản thân một chiến lược phù hợp với điều kiện thực tế.

Bốn là, khả năng thích ứng, tiếp cận với những kỹ thuật, phương pháp học tập hiện đại. Theo Luật giáo dục (2019) đối với giáo dục đại học "Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế". Việc sinh viên rèn luyện khả năng thích ứng và tiếp cận với các kỹ thuật, phương pháp học tập hiện đại là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu học tập của cá nhân. Lựa chọn và nắm bắt kịp thời những giải pháp học tập mới giúp cho sinh viên sư phạm nâng cao chất lượng học tập hiệu quả, đón đầu tri thức, tăng sự thích thú với những học phần chính trị như: Học tập qua công nghệ AI (Artificial Intelligence) - Trí tuệ nhân tạo, những phương pháp nghiên cứu khoa học, dự án,...Việc phụ thuộc với những kỹ thuật, phương pháp truyền thống và lúng túng trước những kỹ thuật, phương pháp mới sẽ là điều hạn chế lớn đối với sinh viên khi học tập các môn lý luận chính trị. Các kỹ thuật, phương pháp mới không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức, hình thành tư duy mà còn kích thích sinh viên quan tâm và chú ý đến các vấn đề chính trị hiện nay.

Năm là, khả năng đánh giá và cải thiện năng lực tự học, tự nghiên cứu. Đây là bước quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu. Ở khả năng này, sinh viên sẽ thường xuyên tự kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập với mục tiêu đề ra, giúp người học nhìn ra những ưu, nhược điểm của bản thân, từ đó đề xuất các biện pháp điều chỉnh phù hợp. Theo Đỗ Khánh Năm (2017) - Phát triển kĩ năng tự học cho sinh viên "Đánh giá trong tự học thực chất là người học tự ý thức về trình độ, khả năng nhận thức của bản thân với kết quả hoặc phương pháp tự học mà mình đã thực hiện, qua đó đối chiếu giữa cái mà mình thực hiện với mục đích cần đạt".

Song, cải thiện năng lực tự học và tự nghiên cứu không thể tách rời với chiến lược học tập và thói quen bản thân. Biết sử dụng, khai thác hiệu quả các kỹ năng, phương pháp, giúp cho sinh viên sư phạm nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu, tiếp cận, hiểu sâu hơn những nội dung ý nghĩa cốt lõi của các học phần lý luận chính trị.

Trên đây, là một số những thành tố của năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị. Các thành tố như: Nhận thức, động lực, chiến lược học tập, những khả năng ở thời đại mới hay tự đánh giá,... đóng vai trò trong việc xây dựng và hình thành nền tảng tư duy độc lập, chủ động, sáng tạo, giúp sinh viên Trường Sư phạm hiểu sâu sắc hơn về bản chất, giá trị sau những kiến thức ý nghĩa của các học phần lý luận chính trị. Tuy nhiên, để có thể vận dụng triệt để và khai thác hiệu quả những thành tố trên, yêu cầu đòi hỏi mỗi sinh viên Trường Sư phạm phải có nhận thức và thái độ tích cực trong quá trình học tập và rèn luyện, để nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu ở các học phần lý luận chính trị.

3.1.3. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị

Nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên

Trường Sư phạm có ý nghĩa lý luận sâu sắc trong việc bồi dưỡng năng lực học tập cho sinh viên sư phạm. Theo Nguyễn Cảnh Toàn (1997) - Quá trình dạy - tự học "Tự học là con đường phát triển chủ yếu của người học, là phương thức rèn luyện năng lực tư duy và sáng tạo". Việc nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu giúp sinh viên chủ động tiếp cận nền tảng tri thức một cách rành mạch và hiểu sâu sắc bản chất các quy luật của đời sống xã hội qua những nội dung môn học mang lại. Ngoài ra, còn góp phần hình thành quan điểm đổi mới giáo dục, coi người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Hướng tới xây dựng một nền giáo dục bền vững và lâu dài.

Hơn thế, đối với ý nghĩa thực tiễn, việc phát triển năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị giúp sinh viên Trường Sư phạm rèn luyện tinh thần tự chủ, tự giác, khả năng thích ứng và xử lý thông tin trong bối cảnh xã hội hiện nay. Năng lực này sẽ giúp cho sinh viên luôn chủ động cập nhật các kiến thức mới kịp thời, biết vận dụng lý thuyết vào trong thực tiễn giáo dục và cuộc sống. Vì vậy, biết áp dụng những kiến thức lý thuyết vào trong thực tiễn sẽ giúp sinh viên xử lý tình huống học tập và nghề nghiệp một cách hiệu quả.

Qua đó, việc nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Sư phạm không chỉ mang ý nghĩa cấp thiết trong việc hình thành những năng lực cần thiết cho sinh viên sư phạm học tập hiệu quả mà còn là nhân tố quyết định đào tạo ra những thế hệ sinh viên sư phạm, đội ngũ giáo viên tương lai chất lượng.

3.2. Thực trạng năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị của sinh viên Trường Sư phạm - Trường Đại học Đồng Tháp

Đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, mọi lĩnh vực đều được Đảng, Nhà nước chủ trương đổi mới và giáo dục là một trong những lĩnh vực cần quan tâm hàng đầu. Đối với môi trường đại học việc thay đổi những phương pháp dạy và học để nâng cao năng lực cho sinh viên nói chung và sinh viên sư phạm nói riêng, đặc biệt về các học phần lý luận chính trị đang ngày một được chú trọng. Nhưng thực tiễn hiện nay, việc nâng cao năng lực sinh viên còn nhiều hạn chế qua nhiều thực trạng khác nhau như: Góc nhìn và sự hiểu biết, yếu tố tác động, nguyên nhân hạn chế,... là những vấn đề đang diễn ra hiện nay.

Để đánh giá thực tế mức độ tự học và tự nghiên cứu của sinh viên sư phạm đối với các học phần lý luận chính trị, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát với 171 sinh viên Trường Sư phạm - Trường Đại học Đồng Tháp trong năm học 2024 - 2025 thông qua bảng hỏi trực tuyến. Khảo sát được thực hiện trên nền tảng Google Form từ ngày 21 tháng 4 năm 2025 đến ngày 5 tháng 5 năm 2025, nhằm thu thập ý kiến, phản ánh thực trạng năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị của sinh viên Trường Sư phạm.

Khảo sát được tiến hành theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên, đối tượng khảo sát là sinh viên thuộc các ngành sư phạm tại Trường Sư phạm - Trường Đại học Đồng Tháp. Phiếu khảo sát được phát hành thông qua nền tảng trực tuyến bằng Google Form, đảm bảo tính thuận tiện, nhanh chóng. Nội dung khảo sát, nhóm tác giả đã nêu rõ mục đích nghiên cứu, đảm bảo tính bảo mật thông tin cho cá nhân. Kết thúc khảo sát, nhóm tác giả đã thu thập số liệu và tổng kết số phiếu. Các số liệu được thể hiện dưới dạng bảng và biểu đồ minh họa rõ ràng cho ý kiến và quan điểm của sinh viên sư phạm.

3.2.1. Góc nhìn và sự hiểu biết của sinh viên Trường Sư phạm về năng lực tự học và tự nghiên cứu

Đầu tiên về mức độ tự học và tự nghiên cứu của sinh viên sư phạm đối với các học phần lý luận chính trị, tiến hành khảo sát với 171 sinh viên Trường Sư phạm - Trường Đại học Đồng Tháp năm 2024 - 2025 thông qua bảng hỏi trực tuyến. Với câu hỏi: "*Bạn có thường xuyên tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị không?"*

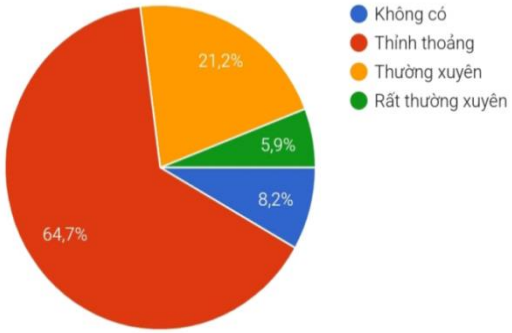

Biểu đồ 1: Khảo sát mức độ thường xuyên tự học, tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị

Qua khảo sát cho thấy, phần lớn sinh viên sư phạm chưa có thói quen tự học và tự nghiên cứu thường xuyên các học phần lý luận chính trị. Cụ thể, 64,7% sinh viên cho biết chỉ "thỉnh thoảng" mới tự học và tự nghiên cứu; 21,2% cho biết "thường xuyên" thực hiện việc này; chỉ 5,9% "rất thường xuyên" duy trì hoạt động tự học và tự nghiên cứu; trong khi, 8,2% sinh viên sư phạm hoàn toàn không có thói quen tự học. Những con số trên cho thấy tỷ lệ sinh viên chưa có thói quen tự học và tự nghiên cứu. Qua đó, phản ánh mức độ chủ động và tinh thần tự giác học tập đối với các học phần lý luận chính trị còn hạn chế. Song, trong bối cảnh xã hội đang đề cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, nhưng đối với thực trạng này, nhóm tác giả đề xuất cần có những giải pháp cụ thể để nâng cao động lực học tập và hướng dẫn phương pháp học phù hợp cho sinh viên.

Với câu hỏi tiếp theo: "*Theo bạn, việc tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị có mang lại lợi ích cho sinh viên?"* Kết quả trả lời của sinh viên như sau:

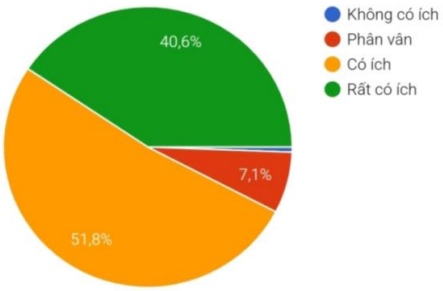

Biểu đồ 2: Kết quả khảo sát nhận thức về việc tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị mang lại lợi ích cho sinh viên

Cụ thể, 51.8% sinh viên cho rằng việc tự học và tự nghiên cứu có ích cho bản thân và 40.6% cho rằng rất có ích, đa số sinh viên đánh giá cao lợi ích của việc chủ động đối với quá trình học tập. Một tỉ lệ nhỏ 7.1%, vẫn phân vân, nguyên nhân có thể do thiếu thông tin hoặc kinh nghiệm thực tế trong việc áp dụng phương pháp tự học. Song, 1% sinh viên cho rằng việc tự học và tự nghiên cứu là không có ích, phản ánh quan điểm độc lập. Điều này có thể đến từ những khó khăn trong việc tổ chức học tập cá nhân hoặc những rào cản khác. Tóm lại, kết quả khảo sát hình 2 cho thấy sự đồng thuận cao về hiệu quả của việc tự học và tự nghiên cứu trong việc nâng cao năng lực học tập của sinh viên các học phần lý luận chính trị. Ở vấn đề khác: *"Bạn đánh giá mức độ khó khăn khi tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị như thế nào?"*

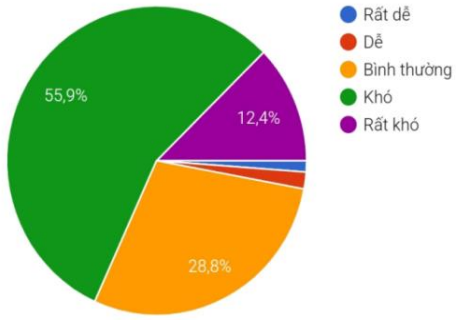

Biểu đồ 3: Đánh giá của sinh viên về mức độ khó khăn khi tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị.

Kết quả cho thấy, 55,9% người học cho rằng việc tự học và tự nghiên cứu là "khó", 12,4% đánh giá là "rất khó". Trong khi đó, 28,8% lựa chọn mức "bình thường", và tỷ lệ rất thấp đánh giá là "dễ" hoặc "rất dễ". Phản ánh một thực trạng đáng quan tâm: Phần lớn sinh viên gặp khó khăn khi tiếp cận và tự học các học phần Lý luận chính trị – những học phần mang tính trừu tượng, nhiều khái niệm lý thuyết và đòi hỏi tư duy cao. Kết quả này cũng là cơ sở để khẳng định sự cần thiết của việc xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu cho sinh viên sư phạm hiện nay.

3.2.2. Các yếu tố tác động năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị của sinh viên Trường Sư phạm

*Về sự quan tâm: S*ự quan tâm là một yếu tố tác động đến quá trình học của sinh viên. Đối với 171 sinh viên sư phạm qua khảo sát, mức độ quan tâm đến năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị có mức tỷ lệ tương đối thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2: Thực trạng mức độ quan tâm của sinh viên Trường Sư phạm

Mức độ quan tâm	Số lượng sinh viên	Tỉ lệ
Rất hứng thú	75/171	43,9%
Hứng thú	68/171	39,8%
Bình thường	20/171	11,7%
Không hứng thú	8/171	4,7%

Khảo sát cho thấy mức độ quan tâm của sinh viên đối với việc tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị còn thấp. Cụ thể, 43,9% sinh viên lựa chọn mức "bình thường" và 39,8% cho rằng bản thân "hứng thú" với hoạt động này. Trong khi đó, tỷ lệ sinh viên "rất hứng thú" chỉ chiếm 11,7% nhưng vẫn còn một bộ phận nhỏ sinh viên "không hứng thú".

Phần lớn sinh viên chưa thực sự hứng thú hay niềm yêu thích đối với việc tự học và tự nghiên cứu với học phần. Lý do có thể xuất phát từ đặc điểm trừu tượng, hàn lâm của môn học hoặc từ hình thức tổ chức lớp học chưa phù hợp, chưa tạo được sự chủ động và cảm hứng học tập cho sinh viên. Đặt ra yêu cầu cần có những đổi mới trong phương pháp giảng dạy, hướng dẫn tự học và tự nghiên từ phía giảng viên và nhà trường.

Về định hướng: Để nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên sư phạm cần thay đổi và định hướng theo những cách như:

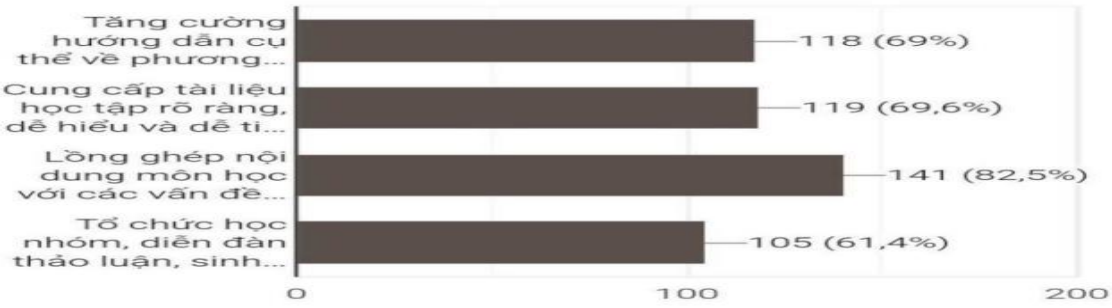

Biểu đồ 4: Khảo sát (lựa chọn nhiều phương án) những định hướng nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chinh trị của sinh viên Trường Sư phạm

Qua bảng khảo sát cho thấy sinh viên đều nhận thức được sự cần thiết phải đổi mới trong việc tự học và tự nghiên cứu đối với các môn lý luận chính trị. Trong đó, phương án "Lồng ghép nội dung môn học với các vấn đề thực tiễn" với tỷ lệ 82,5% với 141 lượt chọn, cho thấy sinh viên mong muốn được học tập gắn liền với thực tế để tăng tính ứng dụng và hứng thú trong học tập. Các giải pháp như "Cung cấp tài liệu học tập rõ ràng, dễ hiểu và dễ tìm" đạt 69,6% với 119 lượt chọn và "Tăng cường hướng dẫn cụ thể về phương pháp tự học" đạt tỷ lệ 69% với 118 lượt chọn, phản ánh mong muốn được hỗ trợ nhiều hơn về mặt phương pháp và tài nguyên học tập. Bên cạnh đó, 61,4% với 105 lượt chọn, sinh viên cho rằng cần "Tổ chức học nhóm, diễn đàn thảo luận" để tăng cường trao đổi, chia sẻ và khuyến khích việc học tập chủ động của sinh viên.

Từ những số liệu trên, có thể thấy rằng việc định hướng tổ chức học tập và hỗ trợ những tài liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu của sinh viên đối với các học phần lý luận chính trị.

3.2.3. Nguyên nhân hạn chế năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị của sinh viên Trường Sư phạm

Bảng 3: Khảo sát (lựa chọn nhiều phương án) những khó khăn của sinh viên sư phạm trong quá trình nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu

Những khó khăn	Số lượng sinh viên	Tỉ lệ
Thiếu thời gian	95	55,6%
Thiếu tài liệu	75	43,9%
Nội dụng học khó hiểu, hàn lâm	119	69,6%
Phương pháp học chưa hiệu quả	89	52%
Đề xuất khác	2	1,2%

Khó khăn phổ biến nhất khi tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị là "Nội dung học phần khó hiểu" chiếm tỷ lệ 69,6%. Điều này cho thấy, phần lớn sinh viên gặp trở ngại trong việc tiếp cận và hiểu các khái niệm, lý thuyết trừu tượng. Tiếp theo là "Thiếu thời gian" với 55,6%, áp lực về thời gian học tập và các hoạt động khác khiến sinh viên khó có thể đầu tư đủ thời gian để tự học. "Phương pháp học chưa hiệu quả" cũng là một trở ngại lớn với 52%, phản ánh nhiều sinh viên chưa tìm được cách học phù hợp với môn học này.

Ngoài ra, "Thiếu tài liệu" cũng là một trở ngại với 43,9%, nguồn tài liệu học tập chưa

phong phú và đa dạng. Cuối cùng, đề xuất khác về khó khăn nhận được 2 lượt chọn (1.2 %).

Từ kết quả trên có thể thấy rằng để nâng cao năng lực, cần chú trọng cải tiến phương pháp giảng dạy, cung cấp tài liệu dễ tiếp cận và hỗ trợ sinh viên trong việc định hướng phương pháp học tập. Những hạn chế để phát huy năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị còn nằm ở chương trình đào tạo, mà ở đó, chủ thể là sinh viên trải nghiệm mới có thể đánh giá chính xác nhất và sự đánh giá của sinh viên Trương sư phạm về chương trình như sau:

Bảng 4: Khảo sát của sinh viên sư phạm về đánh giá chương trình học tập của các học phần lý luận chính trị

Mức độ	Số lượng sinh viên	Tỉ lệ
Rất phù hợp	17/171	9,9%
Phù hợp	98/171	57,3%
Phân vân	49/171	28,7%
Không phù hợp	7/171	4,1%

Phần trăm đánh giá của sinh viên sư phạm về chương trình ở những mức độ khác nhau. Cụ thể, 57,3% chọn "Phù hợp", hơn một nửa sinh viên khảo sát nhìn nhận chương trình hiện tại có những điểm tích cực. Tuy nhiên, 28,7% sinh viên lựa chọn "Phân vân" và 4,1% chọn "Không phù hợp", một bộ phận không nhỏ sinh viên chưa hoàn toàn tin tưởng vào sự hiệu quả và tính thực tiễn của chương trình đào tạo. Trong khi đó, 9,9% cho rằng chương trình "Rất phù hợp", phản ánh rằng, có một bộ phận sinh viên có phương pháp học tập phù hợp với chương trình học. Nhưng, đối chiếu với các số liệu trên, vẫn còn nhiều hạn chế cần cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tự học, tự nghiên cứu ở một nhóm người học.

3.3. Một số giải pháp phát triển năng lực học tập độc lập theo định hướng tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị, Trường Sư phạm - Trường Đại học Đồng Tháp

3.3.1. Giải pháp từ phía cá nhân người học

Về nhận thức: Nhận thức có vai trò rất quan trọng trong quá trình nâng cao năng lực cá nhân của mỗi sinh viên. Để nhận thức đúng đắn, đòi hỏi đầu tiên sinh viên phải hiểu rõ vai trò của tự học và tự nghiên cứu là những điều kiện cần thiết để phát triển tư duy, phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng. Kế tiếp, sinh viên cần nhận ra trách nhiệm của bản thân trong giai đoạn hiện nay, trách nhiệm ấy buộc bản thân phải nhìn nhận và phải đổi mới phương pháp học thay vì phụ thuộc và thụ động quá nhiều vào việc "thầy giảng trò chép" cụ thể đối với các học phần lý luận chính hàn lâm. Hiểu rõ vai trò hay nhận thức đúng trách nhiệm của bản thân là những giải pháp hiệu quả xuất phát từ phía cá nhân người học đối với các học phần lý luận chính trị.

Về hành động: Nhận thức chỉ phát huy tối đa giá trị khi nó được cụ thể hóa bằng những hành động thiết thực. Để có được sự chủ động, tự chủ, tự giác học tập, đặc biệt đối với các học phần lý luận chính trị, cần có những hành động như: Xây dựng chiến lược, kế hoạch học tập rõ ràng theo tuần, tháng, học kì, năm,... Chủ động tham khảo và trao đổi nội dung kiến thức với bạn bè và giảng viên. Song, sinh viên cần có những hành động cần thiết và hữu ích, tránh gây mất thời gian và công sức bản thân. Bên cạnh đó, sinh viên cần tham gia các cuộc thi về học phần lý luận chính trị như: Olympic các môn Triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (lần thứ XXIV, Trường Đại học Đồng Tháp), nghiên cứu khoa học về những vấn đề Triết học, lời dạy của Hồ Chủ tịch,...

3.3.2. Giải pháp phương pháp dạy và học

Đối với giảng viên: Giảng viên - người định hướng cho sinh viên cần triển khai thêm nhiều phương pháp dạy mang tính phát triển những năng lực tự học và tự nghiên cứu cho sinh viên. Đối với các học phần lý luận chính trị, giảng viên cần hỗ trợ và áp dụng những kỹ thuật và phương pháp thực tiễn như: trải nghiệm thực tế làm bài thu hoạch, tìm hiểu và phân tích các tác phẩm kinh điển hay cuộc đời hoạt động cách mạng Hồ Chí Minh, đi tìm hiểu về lịch sử Đảng bộ địa phương thông qua các khu di tích,...Tất cả đều nhằm phát huy và định hướng năng lực học tập độc lập đối với các học phần lý luận chính trị.

Đối với sinh viên: Nếu giảng viên là người định hướng thì sinh viên đóng vai trò là người chủ động trong quá trình tìm tòi, thu nạp kiến thức và hình thành năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị sâu sắc, trong đó phương pháp học là điều kiện tiên quyết. Sinh viên cần tập trung vào những phương pháp học mang tính nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu ở các học phần lý luận chính trị như: phương pháp học tập qua dự án, phương pháp học tập nêu vấn đề,... Việc áp dụng phương pháp học mới và hiệu quả vào các học phần lý luận chính trị sẽ đảm bảo về tính tự giác, mặt khác nội dung bài học sẽ được liên hệ vào thực tiễn giúp sinh viên hiểu rõ về bản chất hơn như: Đánh giá nền kinh tế thị trường trong giai đoạn hiện nay hay nhận thức trong học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh,...

3.3.3. Giải pháp về chương trình đào tạo

Qua khảo sát có 57,3% trên tổng 171 sinh viên sư phạm cho rằng chương trình đào tạo các học phần lý luận chính trị hiện nay ở mức phù hợp. Nhưng vẫn còn 28,7% trên tổng 171 còn phân vân. Vậy sự phân vân đó đến từ yếu điểm nào của chương trình đào tạo và cần làm gì để cải tiến chương trình đào tạo học phần lý luận Chính trị để nâng cao năng lực tự nghiên cứu của sinh viên. Theo Luật giáo dục 2019, Điều 8 khoản 1 "Chương trình giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học,...". Chương trình đào tạo cần thiết kế, tăng cường thêm các học phần về những kỹ năng mềm để phát triển năng lực người học như tự học và tự nghiên cứu. Đồng thời tăng cường tích hợp lý thuyết với thực hành, linh hoạt hình thức truyền đạt nội dung học phần, những phương pháp đánh giá đa dạng để phản ánh đúng năng lực của sinh viên và nội dung kiến thức.

3.3.4. Giải pháp về công nghệ và tư liệu số

Trong quá trình đổi mới nền giáo dục, công nghệ - kĩ thuật là phương tiện đồng hành và hỗ trợ hiệu quả cho sinh viên, đặc biệt ở năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị. Không gian học tập hiện đại và nguồn tư liệu dồi dào thể loại trên các trang mạng, các thư viện số của trường,... Khai thác nguồn tài nguyên về công nghệ phục vụ cho việc phát triển năng lực học tập độc lập ở các học phần lý luận chính trị giúp sinh viên tiếp cận nguồn tri thức nhanh chóng thông qua các trang mạng như: Youtube, Google,... Từ đó, sinh viên có thể xem những bài giảng, nội dung nhiều lần, tiết kiệm tối đa thời gian về những phương pháp truyền thống, học tập mọi lúc mọi nơi, thiết kế chiến lược và kế hoạch học tập trên Excel. Việc áp dụng công nghệ và tư liệu số phát huy tính chủ động học tập độc lập đến gần hơn với sinh viên, hỗ trợ cho sinh viên sư phạm bắt kịp công nghệ - kĩ thuật, tin học ở thời đại mới.

Với nghiên cứu này, nhóm tác giả chỉ mới thực hiện khảo sát sinh viên ở một trường, chưa phân tích cụ thể theo năm học, theo khóa, chuyên ngành nên còn gặp nhiều hạn chế về số lượng sinh viên tham gia bình chọn, dẫn đến chưa nhận được nhiều ý kiến về những khó khăn, nhược điểm sát thực. Với định hướng nghiên cứu về thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao năng lực của sinh viên khối ngành sư phạm các học phần lý luận chính trị, nhìn nhận thực tế và tìm ra giải pháp để giải quyết các vấn đề khó khăn trong dạy và học hiện nay. Thời gian tới, nhóm tác giả sẽ mở rộng phạm vi khảo sát, đối chiếu với sinh viên ngoài sư phạm hoặc sinh viên trên địa bàn. Có thể, xác định, so sánh trong năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị ở nhiều đối tượng khác nhau. Qua đó, có thể tiếp cận được với tâm lý, phương

pháp,... của người học vì mục đích nâng cao giải pháp năng lực tự học, tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Sư phạm.

4. Kết luận

Nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Sư phạm là một yêu cầu mang tính tất yếu trong bối cảnh giáo dục và đào tạo hiện nay. Đây không chỉ là nhiệm vụ cơ bản mà còn là một trong những điều kiện cốt lõi để hình thành nên năng lực quan trọng. Đặc biệt, trong thời đại tri thức ngày càng phát triển nhanh chóng, yêu cầu người học không chỉ tiếp thu kiến thức một cách thụ động, mà cần chủ động tìm kiếm và vận dụng thông tin một cách sáng tạo vào thực tiễn giảng dạy sau này.

Từ những kết quả khảo sát thực tế trên và quá trình phân tích các yếu tố tác động, những nguyên nhân hạn chế về nhận thức của bản thân sinh viên. Có thể thấy rằng, nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu các học phần lý luận chính trị hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế và cần được quan tâm. Tuy nhiên, nếu biết cách vận dụng và phát huy các giải pháp định hướng phù hợp với đặc điểm của sinh viên sư phạm thì hoàn toàn có thể nâng cao chất lượng học tập và hiệu quả học tập các học phần lý luận chính trị.

Vì vậy, việc vận dụng và phát huy hiệu quả các giải pháp nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà còn là chiến lược lâu dài. Những giải pháp này cần được triển khai một cách rộng rãi có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên. Khi các giải pháp được áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo thì năng lực tự học và tự nghiên cứu của sinh viên sẽ ngày càng được nâng cao. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn lý luận chính trị, giúp sinh viên hình thành tư duy độc lập và bản lĩnh nghề nghiệp phù hợp những yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục trong thời kỳ hội nhập và phát triển hiện nay.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn (cô) ThS. Lê Anh Thi - giảng viên hướng dẫn đã tận tình hỗ trợ và định hướng nghiên cứu. Đồng thời cảm ơn CLB SVNCKH Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư Phạm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình viết bài.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*. https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html

Bùi, T. H. (2023). Biện pháp nâng cao năng lực tự học các môn Lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 63(03).* https://jst.iuh.edu.vn/index.php/jst-iuh/article/view/4827

Đỗ, K. N. (2017). Phát triển kĩ năng tự học cho sinh. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam, 138,* 41-45. http://vjes.vnies.edu.vn/vi/phat-trien-ki-nang-tu-hoc-cho-sinh-vien

Luật Giáo dục, Luật số 43/2019/QH14. (2019). https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-giao-duc-2019-so-43-2019-qh14-175003-d1.html

Nguyễn, C. T. (1997). *Quá trình dạy - Tự học.* Hà Nội: NXB Giáo dục.

Nguyễn, C. T. (1999). *Luận bàn và kinh nghiệm về tự học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Nguyễn, C. T., & Lê, H. Y. (2011). *Xã hội học tập - học tập suốt đời và các kỹ năng tự học.* Hà Nội: NXB Dân trí.

Boud, D., & Feletti, G. (1991). *The Challenge of Problem-Based Learning.* London: Kogan Page.

TÁC ĐỘNG CỦA MẠNG XÃ HỘI ĐẾN NHẬN THỨC CHÍNH TRỊ CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY

Lê Bảo Trâm[1], Đoàn Duy Trúc Ngọc[2]

[1]*Lớp ĐHGDCD24A, Khoa Giáo dục Chính Trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

[2]*Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ: Lê Bảo Trâm, Email: lebaotram217@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Kent Conrad từng nói "Tiếp cận máy tính và Internet đã trở thành nhu cầu giáo dục cơ bản trong xã hội của chúng ta.". Mạng xã hội ngày nay vượt xa vai trò là một không gian chia sẻ cá nhân, nó đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc hình thành và định hình nhận thức về các vấn đề chính trị, đặc biệt là đối với sinh viên. Việc tiếp nhận thông tin chính trị qua các nền tảng như Facebook, TikTok, Instagram đã và đang ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức và hành vi của họ. Nhận thấy rõ được tính cấp thiết của vấn đề trên trong bối cảnh xã hội hiện nay, bài viết tập trung nghiên cứu sâu về những tác động đa chiều mà mạng xã hội gieo vào nhận thức chính trị của sinh viên đương đại và từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát huy những mặt tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực.

Từ khóa: *mạng xã hội, nhận thức chính trị, sinh viên, hiện nay*

THE IMPACT OF SOCIAL MEDIA ON THE POLITICAL AWARENESS OF CONTEMPORARY STUDENTS

Le Bao Tram[1], Doan Duy Truc Ngoc[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Le Bao Tram, Email: lebaotram217@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

Kent Conrad once said, "Access to computers and the Internet has become a basic need for education in our society." Today, social media goes far beyond being merely a space for personal sharing; it plays an increasingly important role in shaping political awareness, especially among students. Receiving political information through platforms such as Facebook, TikTok, and Instagram has had a profound impact on their awareness and behavior. Recognizing the urgency of this issue in the current social context, this article aims to deeply examine the multidimensional impacts of social media on the political awareness of contemporary students, and to propose solutions that enhance its positive effects while mitigating its negative consequences.

Keywords: social network, political awareness, students, nowadays

---

1. Đặt vấn đề

Theo quan điểm của Thomas L. Friedman, thời đại ngày nay được gọi là "thế giới phẳng", nơi mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống, đặc biệt là đối với sinh viên. Mạng xã hội đã tạo ra một "vũ trụ số" đa chiều, nơi sự tương tác và tiếp nhận thông tin diễn ra với tốc độ và quy mô chưa từng có. Sự thiết yếu của việc tiếp cận không gian mạng trong giáo dục đã được dự đoán từ lâu, như Nicholas Negroponte, người sáng lập MIT Media Lab, từng khẳng định: "Kỹ thuật số không còn là tương lai, nó là hiện tại". Trong bối cảnh đó, mạng xã hội không chỉ là nơi kết nối cá nhân mà còn trở thành một "trường tranh luận chính trị" sôi động, nơi sinh viên tiếp xúc với vô vàn quan điểm và thông tin chính trị thông qua các nền tảng như Facebook, TikTok, và Youtube. Một báo cáo gần đây của UNESCO (2023) nhấn mạnh rằng, "Sự gia tăng sử dụng mạng xã hội đã mang lại cơ hội tiếp cận thông tin rộng lớn hơn cho giới trẻ, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức về khả năng phân biệt thông tin chính xác và sai lệch". Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, bài viết tập trung khám phá những tác động phức tạp mà "vũ trụ số" mang lại cho sự hình thành nhận thức chính trị của sinh viên hiện nay, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm trang bị cho họ khả năng "điều hướng" thông tin một cách hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu về "mạng xã hội" và "nhận thức chính trị của sinh viên"

2.1.1. Khái niệm mạng xã hội

Mạng xã hội là các nền tảng trực tuyến cho phép người dùng tạo hồ sơ cá nhân, kết nối với bạn bè, gia đình và những người có cùng sở thích, chia sẻ thông tin, ý tưởng, hình ảnh và video, cũng như tương tác và tham gia vào các cộng đồng trực tuyến. Các nền tảng mạng xã hội phổ biến hiện nay bao gồm Facebook, Twitter, Instagram, TikTok, YouTube.

2.1.2. Khái niệm nhận thức chính trị

Nhận thức chính trị có thể được hiểu là quá trình cá nhân thu thập, xử lý, giải thích và đánh giá thông tin liên quan đến các vấn đề chính trị bao gồm hệ thống, các chủ thể, các chính sách công và các sự kiện. Nhận thức chính trị bao gồm sự hiểu biết về các khái niệm chính trị cơ bản, thái độ và niềm tin đối với các thể chế và quy trình, cũng như khả năng phân tích và đánh giá các thông tin chính trị.

Trong cuộc sống, chúng ta có thể thấy rõ điều này qua nhiều tình huống thực tế. Một sinh viên theo dõi các trang tin tức trực tuyến và mạng xã hội có thể hình thành nhận thức về một chính sách giáo dục mới thông qua việc đọc các bài phân tích, bình luận từ các chuyên gia và ý kiến trái chiều từ cộng đồng mạng. Sự hiểu biết về chính sách cũng như thái độ ủng hộ hay phản đối của bản thân từ đó có nhận định, đánh giá, đó chính là biểu hiện của nhận thức chính trị. Hay là cách sinh viên tiếp cận thông tin về các cuộc bầu cử. Thông qua các diễn đàn trực tuyến, các nhóm mạng xã hội, họ có thể tìm hiểu về các ứng cử viên, chương trình hành động tranh cử và thảo luận với bạn bè về lựa chọn của mình. Quá trình tìm hiểu, so sánh thông tin và đưa ra quyết định bầu cử phản ánh mức độ và chiều sâu nhận thức của họ. Thậm chí, những sự kiện lớn như các vấn đề về nhân quyền được lan tỏa mạnh mẽ trên mạng xã hội cũng tác động sâu sắc đến nhận thức chính trị của sinh viên. Họ có thể tiếp cận đa dạng các góc nhìn, hình thành quan điểm riêng và thể hiện sự ủng hộ hay phản đối thông qua các hoạt động trực tuyến hoặc ngoại tuyến.

Nhìn chung, nhận thức chính trị không chỉ là kiến thức khô khan về các khái niệm mà còn là một quá trình sống động, liên tục được hình thành và điều chỉnh thông qua tương tác với thông tin và các sự kiện trong đời sống hàng ngày. Đặc biệt trong bối cảnh mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, không gian này đã trở thành một kênh quan trọng tác động đến cách sinh viên tiếp nhận, xử lý và đánh giá các vấn đề chính trị.

2.1.3. Mối liên hệ giữa mạng xã hội và nhận thức chính trị của sinh viên

Theo nghiên cứu của Rainie và Wellman (2012) trong Networked: The New Social Operating System, "Mạng xã hội đã tạo ra một cấu trúc mạng lưới cho phép thông tin lan truyền với tốc độ và phạm vi chưa từng có." hay Castells (2009) trong Communication Power nhấn mạnh vai trò của internet và các nền tảng xã hội trong việc phân tán khả năng sản xuất và phổ biến thông tin, tạo ra một "không gian dòng chảy" (space of flows) xuyên biên giới. Về mặt khoa học truyền thông, mạng xã hội hoạt động như một hệ thống phân tán, phá vỡ các rào cản về không gian và thời gian trong việc truyền tải thông tin. Tốc độ lan truyền thông tin trên mạng xã hội diễn ra theo cấp số nhân, nhờ vào khả năng chia sẻ và tương tác liên tục giữa người dùng. Tính dễ dàng tiếp cận đề cập đến chi phí thấp và sự thuận tiện trong việc thu thập thông tin chính trị so với các phương tiện truyền thống. Điều này tạo ra một môi trường thông tin chính trị đa dạng và phong phú chưa từng có. Tuy nhiên, chính sự "phẳng hóa" thông tin này, bên cạnh những lợi ích không thể phủ nhận, lại tiềm ẩn nguy cơ về sự trà trộn và lan tỏa của thông tin sai lệch.

Bối cảnh này đặc biệt đáng lưu tâm khi xét đến đặc điểm của sinh viên - nhóm đối tượng được Pew Research Center (2014-2015) ghi nhận với "Tỷ lệ sinh viên sử dụng mạng xã hội hàng ngày cao hơn đáng kể so với các nhóm tuổi khác". Sự năng động của sinh viên thể hiện ở việc họ sẵn sàng khám phá và thích ứng với các nền tảng công nghệ mới. Khả năng tiếp cận công nghệ cao là một hệ quả của bối cảnh xã hội hiện đại, nơi thiết bị di động và internet trở nên phổ biến, điều này từng được Prensky (2001) đưa ra khái niệm về 'thế hệ kỹ thuật số bản địa' (digital natives) rằng "Những người trẻ sinh ra và lớn lên trong kỷ nguyên số có xu hướng sử dụng công nghệ một cách tự nhiên và tích cực hơn". Việc sinh viên là nhóm sử dụng tích cực nhất đồng nghĩa với việc họ có tần suất và thời gian tương tác cao với các nội dung trên mạng xã hội, bao gồm cả thông tin chính trị.

Từ sự bùng nổ của mạng lưới thông tin và đặc tính "công dân số" của sinh viên, một hệ quả tất yếu được đặt ra là mạng xã hội sở hữu một tiềm năng to lớn trong việc tác động đến cách sinh viên tiếp nhận, hiểu và hình thành quan điểm về các vấn đề chính trị. Do đó, nghiên cứu toàn diện về sự tương tác này rất cần thiết, không chỉ về mặt học thuật mà còn cho các chiến lược giáo dục và thông tin. Theo Bennett và Iyengar (2008), "Mạng xã hội tạo điều kiện cho các hình thức tham gia chính trị cá nhân hóa và dựa trên mạng lưới". Nghiên cứu này có thể giúp nâng cao năng lực thông tin cho sinh viên, hỗ trợ họ đánh giá thông tin khách quan và hình thành quan điểm chính trị vững chắc, đồng thời tìm ra giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của mạng xã hội lên nhận thức chính trị của giới trẻ.

2.2. Sự phát triển của mạng xã hội hiện nay

Sự bùng nổ của Internet và công nghệ số đã kéo theo sự phát triển vượt bậc của mạng xã hội, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của hàng tỷ người trên toàn cầu. Theo báo cáo "Digital 2024: Global Overview Report" của We Are Social và Meltwater, tính đến tháng 1 năm 2024, đã có 4.95 tỷ người dùng mạng xã hội trên toàn thế giới, tương đương với hơn 62% dân số toàn cầu. Con số này không ngừng gia tăng, cho thấy sức ảnh hưởng ngày càng lớn mạnh của các nền tảng trực tuyến này (We Are Social & Meltwater, 2024). Và trong số vô vàn các nền tảng mạng xã hội, một số tên tuổi vẫn duy trì vị thế dẫn đầu về số lượng người dùng và mức độ phổ biến. Nổi bật nhất là Facebook (Meta) tiếp tục là mạng xã hội có lượng người dùng hoạt động hàng tháng lớn nhất, theo sau là YouTube (Google), WhatsApp (Meta), Instagram (Meta), và TikTok (ByteDance) (Statista, 2024). Mỗi nền tảng này sở hữu những đặc điểm và thu hút những đối tượng người dùng khác nhau, tạo nên một hệ sinh thái mạng xã hội đa dạng và phong phú. Tại Việt Nam, xu hướng này cũng diễn ra mạnh mẽ. Báo cáo "Digital 2024: Vietnam" cho thấy hàng chục triệu người Việt Nam đang sử dụng Internet và mạng xã hội một cách thường xuyên. Đáng chú ý, "sinh viên là một trong những nhóm người dùng năng động nhất trên mọi nền tảng mạng xã hội phổ biến" (We Are Social & Meltwater, 2024). Sự

am hiểu công nghệ và nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin cao khiến sinh viên trở thành lực lượng tiên phong trong việc tiếp nhận và sử dụng các ứng dụng mạng xã hội.

Sự phát triển của mạng xã hội đã mang đến một cuộc cách mạng trong cách thức tiếp cận thông tin của giới trẻ. Sinh viên ngày nay không còn bị giới hạn bởi các kênh truyền thông truyền thống như báo in hay truyền hình. Thay vào đó, họ dễ dàng và nhanh chóng tiếp cận thông tin từ đa dạng các lĩnh vực như truyền thông, giáo dục, văn hóa, xã hội, và đặc biệt là chính trị thông qua các nền tảng mạng xã hội. Đối với nhiều người trẻ, "Mạng xã hội đã trở thành nguồn cung cấp tin tức và thông tin chính trị hàng đầu, thậm chí vượt qua cả các phương tiện truyền thông truyền thống về mức độ tiếp cận và ảnh hưởng" (Newman et al., 2023). Mạng xã hội tạo ra một môi trường thông tin đa chiều, nơi sinh viên có thể tiếp xúc với nhiều quan điểm và nguồn thông tin khác nhau. Những nguồn này có thể đến từ các tổ chức chính thống (ví dụ: trang thông tin của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ), các cá nhân có ảnh hưởng (influencer, chuyên gia), bạn bè, người thân, và thậm chí là những người dùng xa lạ. "Sự đa dạng này vừa mang lại cơ hội tiếp cận thông tin phong phú, vừa tiềm ẩn những thách thức liên quan đến tính xác thực và độ tin cậy của nguồn tin" (O'Connor et al., 2022). Quan đó ta có thể thấy, sự phát triển của mạng xã hội hiện nay đã tạo ra một môi trường thông tin phức tạp và đa chiều, có tác động sâu sắc đến cách sinh viên tiếp cận, tương tác và hình thành nhận thức chính trị của mình.

2.3. Tác động của mạng xã hội đến nhận thức chính trị của sinh viên

2.3.1. Tác động tích cực

Với sự phát triển ngày càng sâu rộng, mạng xã hội đã mang đến những tác động không nhỏ, đặc biệt là những ảnh hưởng tích cực đến quá trình hình thành và phát triển nhận thức chính trị của sinh viên. Mạng xã hội mở ra một không gian thông tin rộng lớn và đa dạng, vượt ra ngoài các kênh truyền thống. Sinh viên có thể tiếp cận tin tức, phân tích, bình luận từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm các tổ chức tin tức chính thống, các trang blog cá nhân, các nhà hoạt động xã hội, và thậm chí từ chính các chính trị gia và cơ quan nhà nước. Sự đa dạng này có thể giúp sinh viên hình thành một bức tranh toàn diện hơn về các vấn đề chính trị, khuyến khích tư duy phản biện và giảm bớt sự phụ thuộc vào một nguồn thông tin duy nhất. Thông tin nhanh chóng và cập nhật trên mạng xã hội cũng giúp sinh viên nắm bắt kịp thời các sự kiện đang diễn ra, tạo điều kiện cho việc hình thành quan điểm cá nhân dựa trên những thông tin mới nhất. Không dừng lại ở vai trò một "thư viện" thông tin khổng lồ, mạng xã hội còn cung cấp các nền tảng cùng các tính năng đa dạng để sinh viên bày tỏ quan điểm, tham gia vào các cuộc thảo luận trực tuyến, ký các bản kiến nghị điện tử, và kết nối với những người có cùng mối quan tâm. Các hashtag và các chiến dịch trực tuyến có thể nhanh chóng thu hút sự chú ý và tạo ra các phong trào xã hội. Sinh viên có thể sử dụng mạng xã hội để tổ chức các hoạt động ngoại tuyến, các buổi nói chuyện về các vấn đề chính trị. Tính tương tác cao và khả năng lan tỏa thông tin nhanh chóng của mạng xã hội đã tạo ra những phương thức tham gia chính trị mới, phù hợp với sự năng động và kết nối của giới trẻ. Ngoài ra, mạng xã hội còn là một "giảng đường" mở, nơi sinh viên có thể tham gia vào các nhóm thảo luận, diễn đàn trực tuyến về các chủ đề khác nhau. Tại đây, họ có cơ hội trao đổi ý kiến, đặt câu hỏi, và học hỏi lẫn nhau. Sự tương tác với những người có quan điểm khác biệt cũng có thể mở rộng góc nhìn và khuyến khích tư duy đa chiều. Các chuyên gia, nhà nghiên cứu, và các tổ chức xã hội cũng có thể sử dụng mạng xã hội để chia sẻ kiến thức và phân tích chuyên sâu về các vấn đề chính trị, giúp sinh viên nâng cao hiểu biết và nhận thức. Bên cạnh đó, mạng xã hội còn đóng vai trò như một "ngòi nổ" cảm xúc, khơi dậy sự quan tâm của sinh viên đối với các vấn đề xã hội thông qua các câu chuyện cá nhân, hình ảnh, video và các định dạng nội dung hấp dẫn khác. Việc chứng kiến những bất công xã hội hoặc những vấn đề nổi bật trên mạng xã hội có thể thúc đẩy sinh viên hành động, bằng cách chia sẻ thông tin, tham gia các chiến dịch nâng cao nhận thức, hoặc ủng hộ các tổ chức hoạt động vì cộng đồng. Mạng xã hội cũng tạo ra một cảm giác cộng đồng và đoàn kết giữa những người có chung mối quan tâm, khuyến khích họ cùng nhau lên tiếng và hành động.

Một điểm sáng đáng chú ý là sự dân chủ hóa thông tin và tiếng nói. Mạng xã hội đã phá vỡ thế độc quyền thông tin của các phương tiện truyền thống, cho phép những tiếng nói trước đây bị lãng quên hoặc bị gạt ra ngoài lề xã hội có cơ hội được lắng nghe. Sinh viên, với sự nhạy bén và khả năng thích ứng nhanh chóng với công nghệ, đã tận dụng các nền tảng này để chia sẻ những trải nghiệm cá nhân, những quan điểm độc đáo về các vấn đề chính trị và xã hội, góp phần làm phong phú thêm bức tranh thông tin chung. Điển hình là những hành động đẹp của nhóm "Nghệ An Xanh", được thành lập vào tháng 02 năm 2023 bởi bốn sinh viên Đại học Vinh, nhóm này thường xuyên tổ chức các hoạt động nhặt rác tại các khu vực ô nhiễm ở thành phố Vinh và chia sẻ video lên TikTok nhằm lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường. Những video chân thực và đầy cảm xúc của nhóm bạn đã nhanh chóng lan tỏa, thu hút sự chú ý của dư luận, các tổ chức bảo vệ môi trường và thậm chí cả các cơ quan chức năng. Nhờ tiếng nói mạnh mẽ từ mạng xã hội, vấn đề ô nhiễm đã được giải quyết, mang lại sự thay đổi tích cực cho cuộc sống của người dân địa phương. Câu chuyện của "Nghệ An Xanh" cho thấy mạng xã hội có thể trở thành một công cụ mạnh mẽ để sinh viên lên tiếng về những vấn đề quan trọng và thúc đẩy sự thay đổi xã hội.

Thêm vào đó, mạng xã hội còn tạo ra một "hiệu ứng lan tỏa tri thức" một cách tự nhiên và rộng khắp. Các bài phân tích chuyên sâu, các thông tin đồ họa (infographic) dễ hiểu, hay các video ngắn giải thích các khái niệm chính trị phức tạp được chia sẻ và lan truyền một cách nhanh chóng trong cộng đồng sinh viên. Điều này giúp những kiến thức chính trị khô khan trở nên dễ tiếp cận và hấp dẫn hơn, khuyến khích sự tìm hiểu và nâng cao hiểu biết một cách tự nguyện. Chúng ta có thể thấy rõ điều này ở cộng đồng RCES (Research Community for Economics Students). Đây là một cộng đồng sinh viên tại Khoa Kinh tế Chính trị - Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, nơi sinh viên chia sẻ các hướng nghiên cứu và kiến thức về kinh tế chính trị. RCES thường xuyên tạo ra các chuỗi bài đăng trên Facebook, giải thích các học thuyết kinh tế - chính trị bằng ngôn ngữ gần gũi và ví dụ thực tế. Những bài viết của nhóm nhận được sự tương tác lớn từ bạn bè và các sinh viên khác, tạo ra những cuộc thảo luận sôi nổi và giúp nhiều người tiếp cận được những kiến thức mà trước đây họ cảm thấy khó hiểu. RCES đã tận dụng sức mạnh lan tỏa của mạng xã hội để trở thành một "người truyền lửa" tri thức chính trị trong cộng đồng sinh viên.

Cuối cùng, mạng xã hội còn đóng vai trò như một "bệ phóng" cho sự tham gia chính trị trực tuyến và ngoại tuyến. Các chiến dịch kêu gọi ký tên trực tuyến, các sự kiện gây quỹ cộng đồng, hay các lời kêu gọi tham gia các hoạt động tình nguyện liên quan đến các vấn đề chính trị và xã hội thường được lan tỏa mạnh mẽ trên mạng xã hội, thu hút sự hưởng ứng đông đảo của sinh viên. Sự dễ dàng kết nối và phối hợp thông qua các nền tảng này đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia vào các hoạt động chính trị một cách linh hoạt và hiệu quả. Ta có thể thấy điều đó qua chiến dịch "Thương về Miền Trung" của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên và Công Đoàn Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng phát động. Chiến dịch này nhằm kêu gọi ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Chiến dịch được triển khai trên mạng xã hội Facebook, thu hút sự quan tâm và tham gia của đông đảo sinh viên và cộng đồng. Họ đã kêu gọi quyên góp nhu yếu phẩm, tiền bạc và tổ chức các buổi bán hàng gây quỹ trực tuyến. Nhờ sức mạnh kết nối của mạng xã hội, chiến dịch đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ cộng đồng sinh viên và người dân địa phương, góp phần giúp đỡ những người gặp khó khăn. Hành động này cho thấy mạng xã hội không chỉ là nơi để thảo luận mà còn là một công cụ mạnh mẽ để sinh viên hiện thực hóa những hành động chính trị và xã hội có ý nghĩa.

Chung quy lại, tác động tích cực của các nền tảng trực tuyến đến nhận thức chính trị của sinh viên là không thể phủ nhận. Nó không chỉ mở rộng không gian thông tin, tạo điều kiện bày tỏ quan điểm và tương tác, mà còn dân chủ hóa tiếng nói, lan tỏa tri thức và tạo ra những "bệ phóng" mạnh mẽ cho sự tham gia chính trị của giới trẻ. Việc khai thác hiệu quả những tiềm năng này sẽ góp phần xây dựng một thế hệ sinh viên có nhận thức chính trị sâu sắc, tích cực và có trách nhiệm với xã hội.

2.3.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những lợi ích tích mà mạng xã hội mang lại cho việc tiếp cận và tham gia chính trị của sinh viên, không thể phủ nhận những thách thức tiềm ẩn, đặc biệt trong bối cảnh thông tin lan truyền với tốc độ chóng mặt nhưng độ kiểm chứng lại là một dấu hỏi lớn. Nền tảng trực tuyến đã trở thành một môi trường mà thông tin lan truyền rất nhanh chóng, nhưng không phải lúc nào cũng được kiểm chứng. Tin giả, thông tin sai lệch, và các thuyết âm mưu có thể dễ dàng thu hút sự chú ý và gây nhầm lẫn cho sinh viên, đặc biệt là những người chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc đánh giá nguồn tin. Việc tiếp xúc thường xuyên với thông tin sai lệch có thể dẫn đến những nhận thức sai lệch về các sự kiện chính trị, các chính sách công, và các nhân vật chính trị, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hình thành quan điểm chính trị đúng đắn. Chẳng hạn như trong thời gian gần đây, khi dự thảo về một chính sách giáo dục mới được công bố, trên TikTok đã xuất hiện nhiều video ngắn cắt ghép các phát biểu của một quan chức Bộ Giáo dục và Đào tạo, tạo ra hiểu lầm rằng chính sách này sẽ gây ra nhiều bất lợi cho sinh viên và người dân. Những video này, với hiệu ứng bắt mắt và âm nhạc lôi cuốn, đã nhanh chóng thu hút hàng trăm nghìn lượt xem và chia sẻ trong cộng đồng sinh viên. Nhiều bạn trẻ đã tin tưởng vào nội dung được lan truyền này mà không tìm hiểu kỹ thông tin từ các nguồn chính thống. Hậu quả là, một làn sóng phản đối mạnh mẽ đã diễn ra trên mạng xã hội, với nhiều bình luận tiêu cực và thậm chí là những lời lẽ công kích cá nhân nhắm vào vị quan chức kia. Một số sinh viên còn dựa trên thông tin sai lệch này để viết các bài đăng thể hiện sự bất bình, lan truyền những quan điểm tiêu cực về chính sách mới trước khi nó thực sự được ban hành và giải thích đầy đủ. Sau đó, các cơ quan báo chí và các trang thông tin chính phủ đã phải lên tiếng đính chính, cung cấp thông tin chính xác về dự thảo chính sách, làm rõ những điểm bị cắt ghép và xuyên tạc trên mạng xã hội. Tuy nhiên, sự việc này đã gây ra những hiểu lầm không đáng có, tạo ra dư luận tiêu cực và cho thấy rõ ràng cách thức thông tin sai lệch có thể nhanh chóng định hình nhận thức của sinh viên về các vấn đề chính sách quan trọng, ảnh hưởng đến sự đánh giá khách quan và quá trình hình thành quan điểm chính trị dựa trên sự thật.

Nguy cơ này càng trở nên trầm trọng hơn khi các nhóm chính trị hoặc những người có sức ảnh hưởng lớn trên mạng xã hội có thể sử dụng nền tảng này để truyền bá các quan điểm, hoặc thậm chí là tuyên truyền một cách có chủ đích. Sinh viên, đặc biệt là người trẻ dễ bị ảnh hưởng có thể bị cuốn theo những thông điệp này mà không có sự phân tích kỹ lưỡng. Việc tiếp xúc liên tục với một luồng thông tin nhất định từ các nhóm này có thể dẫn đến sự sai lệch trong nhận thức và làm suy yếu khả năng đánh giá đa chiều. Một "cơ chế ngầm" khác góp phần tạo nên rủi ro sai nhận thức thông tin chính là các thuật toán của mạng xã hội, chúng thường có xu hướng xây dựng nên các "bong bóng lọc" (filter bubbles) hoặc "buồng vang" (echo chambers), nơi sinh viên chỉ tiếp xúc với những thông tin và ý kiến tương đồng với quan điểm hiện tại của họ. Điều này có thể làm giảm sự tiếp xúc với các quan điểm khác biệt, dẫn đến sự phân cực trong nhận thức chính trị và làm trầm trọng thêm sự chia rẽ trong xã hội. Bên trong các bong bóng này, thông tin sai lệch có thể lan truyền dễ dàng hơn mà không bị thách thức bởi các quan điểm đối lập.

Mặc dù mạng xã hội cung cấp nhiều nguồn thông tin, nhưng sự tiện lợi và tính cá nhân hóa của nó đôi khi lại trở thành "con dao hai lưỡi". Chúng có thể khiến sinh viên chỉ tập trung vào những nội dung phù hợp với sở thích hoặc quan điểm hiện tại của họ. Điều này có thể dẫn đến việc bỏ qua các nguồn thông tin chính thống, các phân tích sâu sắc, hoặc các quan điểm khác biệt, làm giảm đi tính đa chiều trong quá trình tiếp cận thông tin và hạn chế khả năng hình thành một cái nhìn toàn diện về các vấn đề. Có thể thấy, mạng xã hội mang đến những cơ hội to lớn để sinh viên mở rộng kiến thức chính trị, tương tác và tham gia vào các vấn đề xã hội, đồng thời cũng là nơi có nhiều nguy cơ tiềm ẩn không thể lơ là, đặc biệt là vấn nạn thông tin sai lệch, sự ảnh hưởng từ các nhóm lợi ích và nguy cơ phân cực quan điểm. Việc nhận thức rõ ràng cả hai mặt của vấn đề là vô cùng quan trọng để sinh viên có thể tận dụng tối đa lợi ích mà mạng xã hội mang lại, đồng thời trang bị cho mình khả năng 'tư duy phản biện' để đối phó với

những thách thức và thông tin sai lệch trên không gian mạng, từ đó hình thành một nhận thức chính trị vững vàng và toàn diện.

2.4. Giải pháp nâng cao nhận thức chính trị của sinh viên thông qua mạng xã hội

Trong bối cảnh xã hội số hiện nay, việc tận dụng nền tảng trực tuyến như một công cụ giáo dục chính trị không chỉ mang tính khả thi mà còn vô cùng cần thiết. Do đó, việc đề xuất và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên thông qua mạng xã hội là một hướng đi phù hợp với xu thế hiện đại, góp phần hình thành thế hệ công dân trẻ có trách nhiệm và hiểu biết sâu sắc về các vấn đề chính trị – xã hội.

Thứ nhất, cần tăng cường giáo dục và nâng cao kỹ năng phân tích thông tin. Việc đưa môn học về kỹ năng đánh giá và nhận diện thông tin sai lệch vào chương trình học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để đánh giá thông tin. Đây là một việc vô cùng quan trọng trong bối cảnh mạng xã hội tràn lan các nguồn tin không kiểm chứng. Các môn học có thể tập trung vào việc dạy sinh viên cách xác định nguồn tin đáng tin cậy, phân biệt giữa chân lý và ý kiến, nhận diện các kỹ thuật ngụy tạo thông tin (như deepfake, photoshop), và hiểu rõ về các thuật toán lan truyền thông tin trên mạng xã hội. Việc tích hợp nội dung này vào các môn học hiện có hoặc xây dựng các môn học độc lập sẽ giúp sinh viên hình thành một "bộ lọc" thông tin hiệu quả khi tiếp xúc với môi trường mạng. Ngoài ra, cần tổ chức các khóa học hoặc hội thảo hướng dẫn sinh viên nhận diện và phân tích thông tin chính trị trên mạng xã hội. Bên cạnh chương trình học chính thức, các khóa học ngắn hạn, hội thảo, hoặc buổi nói chuyện chuyên đề có thể cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực tế để đối phó với thông tin sai lệch và phân tích thông tin chính trị một cách khoa học và chính xác. Các hoạt động này có thể mời các chuyên gia về truyền thông, chính trị học, và an ninh mạng để chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. Nội dung có thể bao gồm cách sử dụng các công cụ kiểm tra thông tin (fact-checking), cách nhận diện các dấu hiệu của tin giả, cách phân tích các luận điểm chính trị, và cách bảo vệ bản thân khỏi các chiến dịch thông tin sai lệch.

Thứ hai, khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên vào các diễn đàn chính trị và xã hội có chất lượng. Việc xây dựng và thúc đẩy các diễn đàn trực tuyến, nhóm thảo luận giúp sinh viên trao đổi thông tin chính thống và đa chiều tại các trường đại học, các câu lạc bộ, các tổ chức sinh viên, hoặc các tổ chức xã hội có thể tạo ra các nền tảng trực tuyến lành mạnh, nơi sinh viên có thể thảo luận về các vấn đề chính trị và xã hội một cách văn minh và có trách nhiệm. Các diễn đàn này cần được quản lý chặt chẽ để đảm bảo tính chính xác của thông tin và ngăn chặn các hành vi tiêu cực lan truyền thông tin sai lệch. Việc mời các chuyên gia tham gia vào các cuộc thảo luận này có thể cung cấp những góc nhìn sâu sắc và kiến thức chuyên môn cho sinh viên. Đồng thời, khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội thông qua các nền tảng mạng xã hội một cách có trách nhiệm. Mạng xã hội có thể là một công cụ mạnh mẽ để thúc đẩy sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động chính trị và xã hội, từ việc ký đơn kiến nghị trực tuyến đến việc tham gia các chiến dịch nâng cao nhận thức. Tuy nhiên, điều quan trọng là khuyến khích sinh viên tham gia một cách có trách nhiệm, dựa trên thông tin đã được kiểm chứng, và tôn trọng các quan điểm khác biệt. Các trường học và tổ chức có thể cung cấp hướng dẫn về cách sử dụng mạng xã hội một cách hiệu quả và đạo đức trong các hoạt động chính trị và xã hội.

Thứ ba, thúc đẩy các chính sách bảo vệ người dùng trên mạng xã hội. Bằng cách yêu cầu các nền tảng mạng xã hội tăng cường các biện pháp kiểm duyệt nội dung và chống lại thông tin sai lệch, sự an toàn của người dùng sẽ được đảm bảo, tạo điều kiện cho một môi trường trực tuyến lành mạnh. Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội cần phối hợp với các công ty sở hữu mạng xã hội để yêu cầu họ thực hiện các biện pháp mạnh mẽ hơn trong việc phát hiện và loại bỏ thông tin sai lệch, tin giả, và các nội dung độc hại khác. Điều này có thể bao gồm việc cải thiện các thuật toán phát hiện tin giả, tăng cường đội ngũ kiểm duyệt viên, và minh bạch hóa các chính sách kiểm duyệt nội dung. Đồng thời hỗ trợ các sáng kiến và công cụ

kiểm tra thông tin độc lập. Việc khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức và cá nhân phát triển các công cụ và nền tảng kiểm tra thông tin độc lập sẽ giúp sinh viên có thêm nguồn tham khảo đáng tin cậy để xác minh thông tin trên mạng xã hội. Các trường học và thư viện có thể đóng vai trò trong việc quảng bá và hướng dẫn sinh viên sử dụng các công cụ này. Ngoài ra cần nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của sinh viên khi sử dụng mạng xã hội. Sinh viên cần được giáo dục về quyền riêng tư, quyền tự do ngôn luận (trong khuôn khổ pháp luật), và trách nhiệm của họ khi chia sẻ thông tin trên mạng xã hội, như Tim Cook - CEO của Apple, từng nhấn mạnh: "Quyền riêng tư là một quyền cơ bản của con người. Nó không chỉ là một điều tốt đẹp để có; đó là một điều thiết yếu." hay Bill Gates cũng từng cảnh báo về sự lan truyền thông tin sai lệch: "Internet đã trở thành một quảng trường công cộng, nhưng nó cũng chứa đầy những tin đồn và thông tin sai lệch.". Do đó, sinh viên cần được nâng cao kỹ năng tư duy phản biện và kiểm chứng thông tin, tham gia các hoạt động chính trị một cách có ý thức, chủ động tìm kiếm thông tin đa chiều, cân bằng thời gian sử dụng mạng xã hội, hiểu về các nguy cơ tiềm ẩn như bị theo dõi, bị lộ thông tin cá nhân, hoặc bị ảnh hưởng bởi các chiến dịch thông tin sai lệch. Việc nâng cao nhận thức này sẽ giúp sinh viên sử dụng mạng xã hội một cách an toàn và có trách nhiệm hơn, góp phần xây dựng một không gian mạng lành mạnh.

3. Kết luận

Nghiên cứu về "Tác động của mạng xã hội đến nhận thức chính trị của sinh viên hiện nay" cho thấy đây là một lĩnh vực vừa mang lại những cơ hội to lớn vừa tiềm ẩn không ít thách thức. Mạng xã hội đã trở thành một kênh thông tin chính trị quan trọng, cung cấp sự đa dạng trong nguồn tin, thúc đẩy sự tham gia chính trị trực tuyến và tạo ra không gian trao đổi, học hỏi về các vấn đề chính trị, xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng đã chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực đáng lưu tâm. Vấn nạn thông tin sai lệch, tin giả lan truyền nhanh chóng trên mạng xã hội có thể làm xói mòn nhận thức chính trị đúng đắn của sinh viên. Sự ảnh hưởng của các nhóm cực đoan hoặc những cá nhân có sức ảnh hưởng lớn có thể dẫn đến sự thiên lệch trong quan điểm. Hơn nữa, các "bong bóng lọc" và "buồng vang" trên mạng xã hội có nguy cơ tạo ra sự phân cực trong nhận thức và làm giảm sự đa chiều trong việc tiếp cận thông tin chính trị. Do đó, để tận dụng tối đa những lợi ích và giảm thiểu những tác động tiêu cực, việc tăng cường giáo dục kỹ năng phân tích thông tin, khuyến khích sự tham gia vào các diễn đàn chính trị chất lượng và thúc đẩy các chính sách bảo vệ người dùng trên mạng xã hội là vô cùng cần thiết. Nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ vai trò phức tạp của mạng xã hội trong việc định hình nhận thức chính trị của sinh viên, từ đó đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm xây dựng một môi trường mạng lành mạnh và hỗ trợ sự phát triển nhận thức chính trị tích cực cho thế hệ trẻ. Việc tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về các khía cạnh khác nhau của vấn đề này vẫn là một nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh xã hội thông tin ngày càng phát triển.

Tài liệu tham khảo

Bennett, W. L. & Segerberg, A. (2012). The Logic of Connective Action: Digital Media and the Personalization of Contentious Politics. *Information, Communication & Society, 15(*5*),* 739-768. https://doi.org/10.1080/1369118X.2012.670661

Castells, M. (2009). *Communication Power.* Oxford: Oxford University Press.

Friedman, T. L. (2005). *The World Is Flat: A Brief History of the Twenty-First Century*. New York: NXB Farrar, Straus and Giroux.

Gates, B. (1999). *Business @ the Speed of Thought: Succeeding in the Digital Economy.* New York: Grand Central Publishing.

Inskeep, S. (Ngày 01 tháng 10 năm 2015). Apple CEO Tim Cook: 'Privacy Is A Fundamental Human Right'. *NPR.* Truy cập từ https://www.npr.org/sections/alltechconsidered/2015/10/01/445026470/apple-ceo-tim-cook-privacy-is-a-fundamental-human-right?utm_source=chatgpt.com

Kim, Y. (2022). Virtual Reality Data and Its Privacy Regulatory Challenges: A Call to Move Beyond Text-Based Informed Consent. *California Law Review, 110*(1), 225-266. https://doi.org/10.15779/Z380Z70X6P

Kim Chi (RCESer tham gia dự án RCES Companion mùa thứ 2). (Ngày 30 tháng 11 năm 2015). Cùng UEBer bắt tay thực hiện NCKH (lĩnh vực Kinh tế chính trị). *Cộng đồng sinh viên Kinh tế nghiên cứu khoa học*. Truy cập từ https://rces.info/sinh-vien-kinh-te-nckh/cung-ueber-bat-tay-thuc-hien-nckh-linh-vuc-kinh-te-chinh-tri/

Negroponte, N. (1995). *Being Digital*. New York: NXB Alfred A. Knopf.

Newman, N & cs. (2023). *Digital News Report 2023* (12). Oxford: Reuters Institute for the Study of Journalism, Đại học Oxford.

Nguyễn, D. (Ngày 16 tháng 04 năm 2023). 4 chàng sinh viên chuyên đi nhặt rác. *Dân trí*. Truy cập từ https://dantri.com.vn/doi-song/4-chang-sinh-vien-chuyen-di-nhat-rac-20230414200416101.htm?utm_source=chatgpt.com

Nguyễn, L. N. (2020). *Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến học tập và đời sống của sinh viên hiện nay*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

Prensky, M. (2001). Digital Natives, Digital Immigrants. *On the Horizon, 9(*5*),* 1-6. https://doi.org/10.1108/10748120110424816

Rainie, L. & Wellman, B. (2012). *Networked: The New Social Operating System*. Cambridge: MIT Press.

UNESCO. (2023). *Online Disinformation and Hate Speech: Global Perceptions, Impacts and Responses.* Paris: UNESCO và công ty khảo sát toàn cầu Ipsos Public Affairs.

We Are Social & Meltwater. (2024). *Digital 2024: Global Overview Report.* London: We Are Social, San Francisco: Meltwater.

(Ngày 19 tháng 08 năm 2015). The Demographics of Social Media Users. *Pew Research Center*. Truy cập từ https://www.pewresearch.org/internet/2015/08/19/the-demographics-of-social-media-users/

NÂNG CAO BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Trần Thị Bé Ty[1] và Đặng Thị Yến Mai[1], Hồ Thị Hồng Cúc[2]

[1] Lớp ĐHGDCT24A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ: Trần Thị Bé Ty, Email: tranthibety1706@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Ngày nay, khi đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao, bên cạnh những lợi ích như mở rộng cơ hội phát triển, tiếp cận tri thức và hội nhập quốc tế, cũng xuất hiện không ít thách thức – đặc biệt là đối với thế hệ sinh viên, những người đang trong quá trình hình thành hệ giá trị và lý tưởng sống. Dưới tác động của mạng xã hội, nguồn thông tin đa chiều, lối sống thực dụng, một bộ phận sinh viên có biểu hiện thờ ơ với các vấn đề chính trị – xã hội, thiếu kiên định về lập trường tư tưởng và chưa thể hiện rõ vai trò công dân trong các hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xuất phát từ thực trạng đó, nghiên cứu này nhằm làm rõ vai trò của bản lĩnh chính trị đối với sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, khảo sát thực trạng hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, qua đó củng cố lập trường tư tưởng và ý thức công dân ở sinh viên trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: *Sinh viên, bản lĩnh chính trị, mạng xã hội, giáo dục.*

ENHANCING POLITICAL FORTITUDE AMONG STUDENTS OF DONG THAP UNIVERSITY

Tran Thi Be Ty[1] and Dang Thi Yen Mai[1], Ho Thi Hong Cuc[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Tran Thi Be Ty, Email: tranthibety1706@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

In today's context, as material and spiritual living standards continue to improve, alongside benefits such as expanded development opportunities, access to knowledge, and international integration, numerous challenges also arise—especially for the student generation, who are in the process of forming their values and life ideals. Under the influence of social media, the availability of diverse information, and a pragmatic lifestyle, a segment of students has exhibited indifference towards political and social issues, a lack of consistency in their ideological stance, and an unclear demonstration of their role as citizens in national construction and defense activities. Given this reality, this study aims to clarify the role of political fortitude for students at Dong Thap University, assess the current situation, and propose solutions to enhance political fortitude, thereby strengthening ideological stance and citizenship awareness among students in the present context.

Keywords: *Students, political fortitude, social media, education.*

---

1. Đặt vấn đề

Bản lĩnh chính trị của sinh viên có vai trò hết sức quan trọng, góp phần phát huy sự chủ động, tính sáng tạo và hành động chính trị tích cực của sinh viên Việt Nam. Bởi lẽ, bản lĩnh chính trị của sinh viên là tổng hòa những tri thức chính trị, ý chí chính trị và niềm tin chính trị. Ba yếu tố này có sự thống nhất, phát triển, tạo nên trạng thái chính trị bền vững, ổn định, bảo đảm định hướng chính trị đúng đắn, phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn xã hội. Sinh viên là lực lượng chính tạo nên đội ngũ tri thức, chính họ là những người quyết định tương lai và vận mệnh của đất nước sau này. Trong thời đại hiện nay sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông, công nghệ và toàn cầu hóa đã tác động sâu sắc đến nhận thức chính trị của sinh viên cả về mặt tích cực lẫn tiêu cực. Trước hết, sự bùng nổ thông tin trên Internet giúp sinh viên tiếp cận thông tin đa chiều nhưng đồng thời cũng đặt họ trước nguy cơ bị tác động bởi tin giả, sai lệch và các luồng tư tưởng tiêu cực, thiếu chọn lọc thông tin chính thống. Bên cạnh đó, chương trình giáo dục chính trị trong nhà trường còn mang tính lý thuyết khô khan, chưa mang tính thực tiễn, làm giảm hứng thú tiếp thu của sinh viên. Ngoài ra, một bộ phận sinh viên còn thờ ơ đối với các vấn đề liên quan chính trị, chưa quan tâm đúng về trách nhiệm của công dân. Nếu không có bản lĩnh chính trị vững vàng, sinh viên có thể dễ dàng bị dao động, mất phương hướng trước những vấn đề quan trọng của đất nước dẫn đến thờ ơ với các vấn đề chính trị - xã hội nước Nhà thậm chí bị lôi kéo vào những tư tưởng cực đoan, phản động.

Vì vậy, nhóm tác giả đã đưa ra chủ đề "Nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên Trường Đại Học Đồng Tháp" nhằm góp phần xây dựng và phát triển nước Nhà.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về bản lĩnh chính trị

2.1.1. Khái niệm bản lĩnh chính trị

Bản lĩnh chính trị là sự tổng hợp giữa hai yếu tố thái độ và hành vi. Là sự thống nhất giữa tri thức, niềm tin, ý chí của cá nhân trong các vấn đề chính trị - xã hội, đảm bảo giữ vững định hướng trước những ảnh hưởng đa chiều của xã hội.

Người có bản lĩnh chính trị là người có khả năng phân biệt đâu là thông tin chính thống - phi chính thống; không dao động trước những luận điệu xuyên tạc, phản động; biết kiên định với lý tưởng cách mạng, chủ trương của Đảng, Nhà nước và có ý thức bảo vệ lợi ích dân tộc. Họ sẵn sàng phản biện, đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, tiêu cực về tư tưởng chính trị một cách có văn minh và có trách nhiệm.

2.1.2. Vai trò của bản lĩnh chính trị đối với sinh viên

Bản lĩnh chính trị đóng vai trò quan trọng trong quá trình định hướng hành động và tư tưởng của sinh viên. Đặc biệt là khi xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ của thời đại số, thông tin truyền thông cùng những biến động phức tạp về chính trị – xã hội trong và ngoài nước, việc xây dựng và củng cố bản lĩnh chính trị cho sinh viên càng trở nên cấp thiết.

Thứ nhất, giúp sinh viên bảo vệ quan điểm, giữ vững lập trường, kiên định với mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng và nhà nước, không bị chi phối hay dao động trước các thông tin phi chính thống, luận điệu xuyên tạc, phản động hay xu hướng cực đoan, lệch lạc.

Thứ hai, góp phần xây dựng xã hội tích cực. Mỗi một sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng sẽ thể hiện trách nhiệm công dân rõ nét hơn trong việc tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và đấu tranh với cái xấu, cái sai trong xã hội.

Thứ ba, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy độc lập và tư duy phản biện. Trong xã hội hiện đại, việc sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và đưa ra chính kiến nhằm bảo vệ

lý tưởng và phản bác các luận điệu sai trái là rất cần thiết.

Thứ tư, là nền tảng để sinh viên không ngừng tự hoàn thiện phẩm chất và nhân cách của mình, thích ứng với môi trường sống đa dạng. Từ đó hình thành một thế hệ trí thức trẻ vừa "hồng" vừa "chuyên" – có đạo đức cách mạng, có năng lực chuyên môn và có trách nhiệm với Tổ quốc.

Bản lĩnh chính trị không chỉ là một tiêu chí mang tính lý tưởng, mà còn là điều kiện thực tiễn quan trọng góp phần tạo nên một lớp sinh viên có bản sắc, lý tưởng sống tích cực và đóng vai trò nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong giai đoạn mới.

2.1.3. Các yếu tố tác động đến bản lĩnh chính trị của sinh viên

Thực tế cho thấy, có nhiều yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển bản lĩnh chính trị của sinh viên, trong đó có cả yếu tố chủ quan lẫn khách quan. Cụ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức chính trị của sinh viên bao gồm: phẩm chất chính trị cá nhân, thể hiện qua năng lực tự nhận thức, bản lĩnh và thái độ của mỗi cá nhân đối với các vấn đề chính trị – xã hội; yếu tố thời đại, đặc biệt là tác động của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đặt ra nhiều cơ hội và thách thức trong việc tiếp cận thông tin và định hình tư tưởng; sự phát triển của các nền tảng mạng xã hội, với vai trò là kênh thông tin phổ biến, đa chiều nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến nhận thức lệch lạc nếu thiếu khả năng chọn lọc; môi trường giáo dục, bao gồm cả chương trình đào tạo chính khóa lẫn các hoạt động ngoại khóa, có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và lập trường chính trị; cuối cùng là hoạt động của các tổ chức Đoàn – Hội, với vai trò định hướng tư tưởng, tạo môi trường rèn luyện và nâng cao ý thức chính trị cho sinh viên trong thực tiễn.

Yếu tố cá nhân là cơ sở hình thành và phát triển bản lĩnh chính trị. Sinh viên cần có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc bằng cách chủ động tiếp cận và tìm hiểu các môn lý luận chính trị như: Việc rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên không thể tách rời quá trình tiếp thu kiến thức từ các học phần lý luận chính trị như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, sinh viên cũng cần tích cực học tập, nghiên cứu chính sách và pháp luật của Nhà nước. Bởi lẽ, nếu lý tưởng chính trị không được đặt trên nền tảng của kiến thức pháp lý vững vàng, thì trong quá trình vận dụng vào thực tiễn, nhận thức và hành động của sinh viên có thể vượt khỏi giới hạn của pháp luật, dẫn đến những biểu hiện vi hiến, vi phạm pháp luật, dù xuất phát từ động cơ tích cực.

Việc học không chỉ mang tính chất đối phó mà phải xuất phát từ nhu cầu nhận thức thực sự, từ tinh thần cầu thị và mong muốn hiểu đúng, hiểu sâu về nền tảng tư tưởng của Đảng. Khi sinh viên ý thức được vai trò của các môn học này trong việc định hướng lý tưởng sống, hình thành thế giới quan và nhân sinh quan đúng đắn nhờ đó bản lĩnh chính trị sẽ được củng cố càng thêm bền vững. Đồng thời, sự chủ động trong tìm hiểu các vấn đề chính trị – xã hội, khả năng tư duy độc lập, biết phân tích và đánh giá thông tin cũng là biểu hiện cụ thể của bản lĩnh chính trị ở mỗi cá nhân.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là bối cảnh lớn đang tác động sâu sắc đến quá trình hình thành và phát triển bản lĩnh chính trị của sinh viên hiện nay. Quá trình hội nhập mở ra nhiều cơ hội để sinh viên tiếp cận tri thức mới, giao lưu văn hóa, nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng toàn cầu. Tuy nhiên, song song với những lợi ích đó là những thách thức không nhỏ. Sinh viên dễ bị ảnh hưởng bởi các giá trị ngoại lai, trong đó có lối sống phương Tây đề cao chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, thờ ơ với trách nhiệm công dân và các vấn đề chính trị – xã hội. Nếu không có bản lĩnh chính trị vững vàng, sinh viên có thể rơi vào tình trạng sính ngoại, lệch chuẩn trong nhận thức và hành động, thậm chí dần xa rời các giá trị truyền thống và lý tưởng cách mạng. Thực tế này đòi hỏi việc xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên không

chỉ nhằm giữ vững lập trường tư tưởng mà còn là điều kiện để hội nhập một cách chủ động, có chọn lọc và phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc.

Ảnh hưởng từ mạng xã hội. Sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã góp phần thúc đẩy sự ra đời của nhiều nền tảng mạng xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên kết nối học tập, làm việc và tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả. Ở khía cạnh tích cực, mạng xã hội là công cụ giúp sinh viên bày tỏ quan điểm cá nhân, tiếp cận các vấn đề chính trị – xã hội, qua đó góp phần hình thành tư duy phản biện và nâng cao bản lĩnh chính trị. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, mạng xã hội cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Đây là môi trường dễ phát tán các thông tin sai lệch, phản động, xuyên tạc lịch sử, cổ súy lối sống thực dụng, bạo lực, suy đồi đạo đức. Nếu thiếu khả năng chọn lọc và bản lĩnh chính trị vững vàng, sinh viên rất dễ bị ảnh hưởng, dẫn đến lệch lạc trong tư tưởng, suy giảm ý thức công dân, thậm chí bị lôi kéo vào các hành vi vi phạm pháp luật. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc giáo dục, định hướng và xây dựng bản lĩnh chính trị cho sinh viên một cách chủ động, hiệu quả và phù hợp với thời đại số.

Yếu tố giáo dục – đặc biệt là giáo dục chính trị, tư tưởng – giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển bản lĩnh chính trị của sinh viên. Giáo dục không chỉ truyền đạt tri thức mà còn góp phần định hình thế giới quan, nhân sinh quan và lập trường tư tưởng cho người học. Tuy nhiên, trong thực tế, việc giảng dạy các môn lý luận chính trị ở một số cơ sở giáo dục còn mang nặng tính hàn lâm, thiếu thực tiễn; phương pháp tiếp cận chưa phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của sinh viên, còn nặng về áp đặt một chiều, ít khuyến khích tư duy phản biện. Điều này dẫn đến tình trạng sinh viên tiếp thu kiến thức một cách thụ động, thiếu chiều sâu, khó vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Bên cạnh nội dung chương trình, môi trường giáo dục cũng cần được xây dựng theo hướng dân chủ, cởi mở và khuyến khích sinh viên tự do thể hiện chính kiến trong khuôn khổ pháp luật. Điều này góp phần hình thành bản lĩnh chính trị một cách tự nhiên, bền vững. Yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về *"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo"* (2) cũng đã nhấn mạnh đến việc chuyển từ dạy học truyền thụ một chiều sang phát triển năng lực, phẩm chất người học – trong đó có năng lực tư duy chính trị độc lập và bản lĩnh trước các vấn đề xã hội. Do đó, cần đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, khả năng phản biện, gắn kết kiến thức với thực tiễn nhằm giúp sinh viên hiểu sâu, tin chắc và hành động đúng đắn theo lý tưởng của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Từ các hoạt động phong trào Đoàn – Hội trong nhà trường. Các hoạt động Đoàn – Hội giữ vai trò quan trọng trong việc rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Thông qua việc tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các diễn đàn chính trị – tư tưởng, các hoạt động tình nguyện, sinh viên không chỉ được giáo dục lý tưởng cách mạng, mà còn có cơ hội thể hiện trách nhiệm công dân, rèn luyện năng lực tổ chức, lãnh đạo và tinh thần cống hiến vì cộng đồng. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nhấn mạnh: *"Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi qua các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, qua đó, vừa làm công tác giáo dục, vừa phát huy vai trò của lớp trẻ tham gia phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đồng thời, tăng cường khả năng đoàn kết, tập hợp thanh thiếu nhi vào tổ chức"* (1). Tuy nhiên, trong thực tế, không ít sinh viên vẫn còn tâm lý thụ động, xem nhẹ các hoạt động Đoàn – Hội, thậm chí cho rằng đây là hình thức "điểm danh" mang tính hình thức, thiếu tính hấp dẫn và chiều sâu chính trị. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đổi mới nội dung, hình thức tổ chức phong trào sao cho gần gũi, thiết thực, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu phát triển của sinh viên hiện nay. Khi phong trào Đoàn – Hội thực sự gắn với đời sống tinh thần và khát vọng cống hiến của sinh viên, thì chính nó sẽ trở thành một kênh giáo dục bản lĩnh chính trị hiệu quả, bền vững.

2.2. Thực trạng bản lĩnh chính trị của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Trong bối cảnh chuyển biến nhanh chóng của đời sống chính trị – xã hội hiện nay, việc bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên là một nhiệm vụ quan trọng, góp phần hình thành nhân cách, năng lực và trách nhiệm xã hội của thế hệ trẻ. Tại Trường Đại học Đồng Tháp, công tác giáo dục chính trị – tư tưởng thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện qua nhận thức, thái độ và hành vi chính trị của sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện và phục vụ cộng đồng.

Trên thực tế, sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp đã tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng gắn liền với ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần cống hiến. Theo báo cáo thường niên năm 2021 của Đoàn – Hội sinh viên Trường, Câu lạc bộ "Giọt máu yêu thương" đã vận động được 1.671 tình nguyện viên tham gia hiến máu với 1.500 đơn vị máu thu nhận; Câu lạc bộ "Thanh niên phản ứng nhanh phục vụ cộng đồng" thu hút khoảng 500 sinh viên và đoàn viên phối hợp cùng các đơn vị chức năng thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh hiệu quả. Ngoài ra, mô hình "Pha chế dung dịch rửa tay khô sát khuẩn" đã huy động nguồn lực xã hội và đóng góp nội bộ để sản xuất gần 1.000 lít dung dịch sát khuẩn tay đạt tiêu chuẩn WHO, hỗ trợ người dân, chiến sĩ biên phòng và học sinh tại các địa bàn khó khăn trong tỉnh Đồng Tháp.

Bên cạnh đó, sinh viên còn tham gia nhiều chương trình thiện nguyện ý nghĩa. Chi hội Khuyến học phối hợp với Đoàn Trường vận động các đơn vị, mạnh thường quân hỗ trợ người dân, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (trong đó có sinh viên Lào và Campuchia) với hàng trăm phần quà, 1.200 kg gạo, 2.000 quyển tập, và 14 suất học bổng. Chương trình "Chuyến xe tình bạn" đã hỗ trợ trên 330 phần quà và nhu yếu phẩm thiết yếu cho sinh viên ở lại ký túc xá và nhà trọ trong thời kỳ dịch bệnh, với tổng kinh phí gần 150 triệu đồng. Những hoạt động đó phản ánh rõ nét tinh thần xung kích, lý tưởng sống tích cực và sự gắn kết giữa bản lĩnh chính trị với hành động cụ thể vì cộng đồng trong sinh viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những biểu hiện tích cực, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa thực sự quan tâm sâu sắc đến các vấn đề chính trị – xã hội, còn thờ ơ trong việc tiếp cận và tìm hiểu đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Điều này được thể hiện gián tiếp qua thực tế: các hoạt động học tập lý luận chính trị – tư tưởng như hội thảo về tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm hiểu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng hoặc tọa đàm định hướng lý tưởng cách mạng thường có tỷ lệ sinh viên tham dự thấp hơn so với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Ngoài ra, một số khoa, ngành chưa thực sự chủ động phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục chính trị sâu rộng, dẫn đến sự chênh lệch về mức độ tiếp nhận, hiểu biết và thực hành lý tưởng chính trị giữa các nhóm sinh viên.

Như vậy, có thể thấy rằng sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp có nền tảng chính trị – tư tưởng tích cực, nhưng còn tồn tại sự không đồng đều về mức độ nhận thức và thực hành chính trị. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tăng cường đổi mới phương pháp giáo dục chính trị, gắn lý luận với thực tiễn, tạo môi trường để sinh viên được rèn luyện bản lĩnh thông qua các tình huống xã hội cụ thể, qua đó nâng cao khả năng phân tích, phản biện và định hướng hành vi phù hợp với phẩm chất người thanh niên Việt Nam thời đại mới.

2.3. Một số giải pháp nâng cao bản lĩnh chính trị của sinh viên trường Đại học Đồng Tháp

Trước những thách thức do quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông số và những tác động từ mặt trái của đời sống xã hội hiện đại, sinh viên ngày nay càng cần có bản lĩnh chính trị vững vàng để định hướng tư tưởng và hành động một cách đúng đắn. Xuất phát từ thực tiễn đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp, dựa trên việc xử lý các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp như đã phân tích ở phần trên.

Thứ nhất, tăng cường giáo dục lý luận chính trị và chủ động nâng cao nhận thức tư tưởng cho sinh viên.

Sinh viên cần tích cực, chủ động và tự giác trong quá trình học tập các học phần lý luận chính trị như: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam,… Việc học tập nghiêm túc sẽ giúp sinh viên hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng và lập trường tư tưởng vững vàng. Đồng thời, sinh viên cần chủ động cập nhật các thông tin chính trị – xã hội trong nước và quốc tế từ các nguồn chính thống, nhằm nâng cao khả năng nhận diện, phản biện trước những luận điệu sai trái, âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Thứ hai, đổi mới phương pháp giáo dục chính trị – tư tưởng trong nhà trường.

Công tác giáo dục chính trị – tư tưởng cần được triển khai thường xuyên, có hệ thống, và phù hợp với tâm lý lứa tuổi sinh viên. Nhà trường có thể vận dụng các phương pháp dạy học tích cực như: học theo nhóm, học theo tình huống, học thông qua dự án khoa học, tọa đàm chuyên đề… nhằm phát triển tư duy phản biện, kỹ năng diễn đạt và năng lực tự học của sinh viên. Những hình thức này không chỉ giúp nâng cao chất lượng tiếp nhận kiến thức, mà còn tạo ra môi trường rèn luyện bản lĩnh chính trị thông qua tương tác, thảo luận và hành động thực tiễn.

Thứ ba, tăng cường các hoạt động thực tiễn và trải nghiệm chính trị – xã hội.

Giáo dục bản lĩnh chính trị sẽ hiệu quả hơn khi gắn với môi trường thực tiễn sống động. Do đó, nhà trường cần tổ chức thường xuyên các hoạt động như: hành trình về nguồn, thăm quan di tích lịch sử – cách mạng, giao lưu với các nhân chứng lịch sử, tình nguyện tại địa phương… Đây là những phương thức thiết thực để sinh viên cảm nhận được giá trị lịch sử dân tộc, hiểu rõ vai trò của thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một số mô hình có thể tiếp tục nhân rộng như: “Mùa hè xanh”, “Sinh viên với biển đảo quê hương”, “Hành trình theo dấu chân Bác”…

Thứ tư, trang bị kỹ năng sử dụng Internet và bảo vệ tư tưởng trên không gian mạng.

Trước nguy cơ sinh viên dễ bị chi phối bởi các thông tin sai lệch trên mạng xã hội, cần đẩy mạnh giáo dục kỹ năng số, đặc biệt là năng lực phân tích – đánh giá – phản biện thông tin. Nhà trường và Đoàn – Hội nên tổ chức các lớp tập huấn, diễn đàn chuyên đề về “An toàn thông tin và chủ quyền tư tưởng trong không gian mạng”, hướng dẫn sinh viên cách nhận diện tin giả, luận điệu phản động, và sử dụng mạng xã hội một cách văn minh, có trách nhiệm. Việc lan tỏa thông tin tích cực cũng là một giải pháp góp phần xây dựng bản lĩnh chính trị trong môi trường số.

Thứ năm, phát huy vai trò của tổ chức Đoàn – Hội trong rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên giữ vai trò quan trọng trong giáo dục lý tưởng sống và bản lĩnh chính trị cho sinh viên. Cần thiết kế các phong trào mang tính chiều sâu, gắn với đời sống thực tiễn của sinh viên như: “Sinh viên 5 tốt”, “Thanh niên sống đẹp – sống có ích”, “Thắp sáng lý tưởng cách mạng trong sinh viên”, v.v… Đặc biệt, các hoạt động cần tránh hình thức, bảo đảm tính tự giác và sáng tạo, từ đó giúp sinh viên rèn luyện bản lĩnh một cách chủ động, bền vững. Việc lồng ghép mục tiêu giáo dục chính trị trong các hoạt động văn hóa, thể thao, khởi nghiệp… cũng góp phần đa dạng hóa con đường hình thành bản lĩnh chính trị trong sinh viên hiện nay.

3. Kết luận

Thông qua quá trình khảo sát và phân tích, có thể khẳng định bản lĩnh chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc định hướng tư tưởng, củng cố niềm tin, lập trường và lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong bối cảnh hiện đại đầy biến động. Sinh viên là lực lượng

nòng cốt của đất nước trong tương lai, nhưng cũng là đối tượng dễ bị chi phối bởi các yếu tố ngoại cảnh như mạng xã hội, thông tin sai lệch, hay tác động của lối sống thực dụng, phi chính trị. Trước thực tế đó, bản lĩnh chính trị cần được xem như một "lá chắn" vững chắc, giúp sinh viên nhận diện, phản bác những luận điệu xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước – những "virus độc hại" đang len lỏi trong không gian mạng và đời sống xã hội. Việc nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên không chỉ là yêu cầu mang tính thiết yếu, mà còn là một chiến lược lâu dài trong công tác giáo dục lý luận chính trị, góp phần hình thành thế hệ công dân có bản lĩnh, có lý tưởng, và sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tham khảo

Ban Bí thư Trung ương Đảng. (2015). *Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 về tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi thông qua các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ.* Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.* Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Đồng Tháp. (2021). *Báo cáo thường niên công tác tình nguyện, phản ứng nhanh và hỗ trợ sinh viên trong đại dịch COVID-19*. Đồng Tháp: Văn phòng Đoàn Trường.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1–2).* Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Hồ Chí Minh. (2000). *Toàn tập (Tập 5)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Lý Luận Chính Trị. (n.d.). *Nâng cao ý thức chính trị cho sinh viên Việt Nam hiện nay.* Truy cập từ https://lyluanchinhtri.vn

Tạp Chí Cộng Sản. *Đấu tranh phản bác những thông tin xuyên tạc, sai trái, thù địch trên không gian mạng, giữ vững trận địa tư tưởng, lý luận của Đảng trong bối cảnh mới*. Truy cập từ https://tapchicongsan.vn.

Tạp chí Tuyên giáo. (n.d.). *Một số vấn đề về giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay.* Truy cập từ https://tuyengiao.vnTrường Đại học Đồng Tháp. (2021).

Báo cáo tổng kết công tác Đoàn – Hội và phong trào thanh niên năm học 2020–2021. Đồng Tháp: Văn phòng Đoàn Trường.

Văn phòng Chính phủ. (2022). *Đề án 06/CP về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030.* Truy cập từ https://chinhphu.vn

VẬN DỤNG KỸ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN TRONG TỔ CHỨC THẢO LUẬN NHÓM Ở MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

Lê Trần Bảo Ngọc [1*], Lê Thị Lệ Hoa[2]

[1] Lớp ĐHGDCT24A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Lê Trần Bảo Ngọc, Email: ltbaoognc11@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Đề tài "Vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật" nhằm nâng cao hiệu quả học tập, phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy phản biện cho học sinh. Mục tiêu của đề tài là áp dụng kĩ thuật "Khăn trải bàn" để tổ chức thảo luận nhóm hiệu quả, giúp học sinh tích cực, chủ động trong tiếp thu kiến thức. Phương pháp nghiên cứu gồm khảo sát thực trạng, lựa chọn nội dung phù hợp, xây dựng kế hoạch dạy học, thực nghiệm và lấy ý kiến phản hồi từ học sinh, giáo viên. Kết quả cho thấy học sinh hứng thú hơn với bài học, tích cực tham gia thảo luận, chia sẻ ý kiến và làm việc nhóm hiệu quả hơn. Giáo viên nhận thấy phương pháp này giúp lớp học sôi nổi, học sinh hiểu bài sâu và phát triển toàn diện hơn về năng lực học tập. Đề tài khẳng định tính hiệu quả và khả năng áp dụng rộng rãi của kĩ thuật "Khăn trải bàn" trong giảng dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

Từ khóa: *Áp dụng rộng rãi, giáo dục Kinh tế và Pháp luật, hiệu quả, khăn trải bàn, thảo luận nhóm.*

APPLYING THE PLACEMAT TECHNIQUE IN ORGANIZING GROUP DISCUSSIONS IN ECONOMICS AND LAW EDUCATION

Le Tran Bao Ngoc[1*], Le Thi Le Hoa[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Le Tran Bao Ngoc, Email: ltbaoognc11@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

This research, titled "Applying the Placemat Technique in Organizing Group Discussions in Economics and Law Education", aims to enhance learning effectiveness and develop communication, cooperation, and critical thinking skills in students. The primary objective is to effectively implement the "Placemat" technique for group discussions, fostering active and proactive knowledge acquisition among students. The research methodology includes surveying the current situation, selecting appropriate content, developing lesson plans, conducting experiments, and gathering feedback from students and teachers. The results indicate that students are more engaged in lessons, actively participate in discussions, share ideas, and collaborate more effectively in groups. Teachers observe that this method invigorates the classroom, deepens students' understanding, and comprehensively develops their learning capabilities. This study affirms the effectiveness and wide applicability of the "Placemat" technique in teaching Economics and Law Education.

Keywords: *Wide applicability, Economics and Law Education, effectiveness, placemat, group discussion*

---

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, việc chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực của người học đã trở thành mục tiêu ưu tiên hàng đầu. Điều này đòi hỏi người giáo viên phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Đặc biệt, với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật – một môn học mới mang tính tích hợp và thực tiễn cao, việc tổ chức các hoạt động học tập theo hướng phát triển năng lực lại càng quan trọng và có ý nghĩa sâu sắc. Tuy nhiên, nhìn nhận trên thực tế, hoạt động thảo luận nhóm trong dạy học môn này còn mang tính hình thức, học sinh tham gia chưa hiệu quả, thiếu gắn kết và ít thể hiện được chính kiến. Một trong những nguyên nhân là do giáo viên chưa vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực. Kỹ thuật "Khăn trải bàn" là một kỹ thuật phù hợp để tổ chức thảo luận nhóm hiệu quả, giúp học sinh phát huy vai trò cá nhân, đồng thời rèn luyện kỹ năng hợp tác, lắng nghe và phản biện. Xuất phát từ thực tiễn đó, tôi nghiên cứu lựa chọn đề tài *"**Vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật**"* nhằm tìm hiểu tính hiệu quả khi vận dụng và đề xuất cách tổ chức phù hợp trong thực tiễn giảng dạy.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề lý luận về phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

2.1.1. Khái niệm PPDH và kỹ thuật dạy học

2.1.1.1. Khái niệm và quy trình thực hiện kỹ thuật

Phương pháp dạy học (PPDH) được hiểu là hệ thống bao gồm các cách thức phối hợp hoạt động trong quá trình truyền và tiếp thu kiến thức giữa giáo viên và học sinh nhằm đạt được mục tiêu trong giáo dục. PPDH không đơn giản là cách thức truyền đạt kiến thức trong hoạt động dạy mà còn là một quá trình tổ chức, điều khiển hoạt động học tập của học sinh để hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất. Hay theo tài liệu *Lí luận dạy học* của PGS.TSKH Nguyễn Văn Hộ viết***:*** *"Phương pháp dạy học là các con đường, là cách thức vận động của nội dung dạy học phù hợp với quy luật phát triển tâm lí, sinh lí và trình độ nhận thức của người học, là các biện pháp tổ chức hợp tác giữa giáo viên và trò nhằm giúp cho trò chiếm lĩnh được nội dung dạy học một cách vững chắc"* **(**PGS.TSKH Nguyễn Văn Hộ, Lí luận dạy học, 2002, tr.14**)** Bổ sung theo định hướng của chương trình giáo dục phổ thông mới, PPDH hiện nay không chỉ chú trọng đến việc truyền thụ tri thức, mà còn hướng tới phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua các hình thức tổ chức đa dạng, linh hoạt. Tài liệu hướng dẫn dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật đã nêu rõ rằng: ***"****Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung"* (Nguyễn Thị Thu Hoài. Hướng dẫn dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật theo chương trình phổ thông mới. *2020. Tr.23)* như tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân, năng lực tự chủ, năng lực hợp tác và hành vi ứng xử đúng đắn với chuẩn mực xã hội.

Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, PPDH cần được đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa người học. Cụ thể, chương trình xác định rằng: ***"****Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông"* (Nguyễn Thị Thu Hoài. Hướng dẫn dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật theo chương trình phổ thông mới. *2020. Tr.23)* – điều này cho thấy phương pháp và kỹ thuật dạy học cần tổ chức sao cho người học được tham gia, trải nghiệm, phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Kỹ thuật dạy học là một trong những cách thức cụ thể hóa, mang tính chiến lược của người giáo viên được vận dụng trong một phương pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng và phát triển tư duy cho học sinh. Nếu phương pháp được coi như "định hướng đi" thì kỹ thuật được coi là "phương tiện" hỗ trợ để thực hiện hiệu quả phương

pháp đó. Các kỹ thuật dạy học chưa phải là các PPDH độc lập mà là những thành phần của PPDH. Các kỹ thuật dạy học có thể kể đến như: Các mảnh ghép, động não, bể cá hay khăn trải bàn.

Kỹ thuật "Khăn trải bàn" (Tablecloth Technique) là một trong những kỹ thuật dạy học tích cực đã được thiết kế nhằm phát huy tinh thần đoàn kết, phối hợp lẫn nhau giữa học sinh, nâng cao khả năng tư duy, xử lí tình huống và trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân của học sinh thông qua hoạt động nhóm. Kỹ thuật này là một trong những kỹ thuật đặc biệt hiệu quả, khi vận dụng trong các tiết học có nội dung mở, cần trao đổi, thảo luận đa chiều như môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, kỹ thuật này đã thể hiện tính tối ưu, hiệu quả khi được vận dụng vào hoạt động dạy học, học sinh được khai thác tiềm năng, nâng cao không những là kiến thức mà còn là các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và phải thống nhất, chắt lọc thông tin chính xác.

Quy trình thực hiện kỹ thuật "Khăn trải bàn" gồm các bước chính như sau:

Chuẩn bị: Giáo viên chia lớp thành các nhóm (thường là nhóm 4), phát cho mỗi nhóm một tờ giấy lớn (có thể là A2) được chia làm 4 phần xung quanh và 1 phần trung tâm.

Làm việc cá nhân: Mỗi học sinh suy nghĩ và viết ý kiến của mình vào phần ô cá nhân tương ứng trên tờ giấy.

Thảo luận nhóm: Sau khi hoàn thành phần cá nhân, các thành viên thảo luận để thống nhất các ý kiến, chọn lọc nội dung tiêu biểu, hoặc tổng hợp quan điểm để ghi vào phần trung tâm.

Trình bày trước lớp: Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, từ đó giáo viên tổng kết và hệ thống lại kiến thức.

2.1.1.2. Đặc điểm nổi bật của kỹ thuật khăn trải bàn

Kỹ thuật "Khăn trải bàn" là một trong những kỹ thuật tạo ra môi trường học tập tích cực, dân chủ, giúp học sinh phát triển năng lực làm việc nhóm, năng lực giao tiếp và tư duy phản biện. Sau đây là số đặc điểm nổi bật trong thảo luận nhóm với kỹ thuật này gồm:

Mỗi cá nhân đều được phát huy vai trò của bản thân: Khi tham gia học trong kỹ thuật này với mỗi học sinh đều có không gian riêng để làm việc, suy nghĩ và bày tỏ quan điểm của cá nhân, hạn chế tình trạng ỷ lại trong nhóm.

Thúc đẩy hoạt động phối hợp: Với mỗi học sinh khi tham gia làm việc nhóm đều phải lắng nghe, trao đổi, thỏa thuận để đi đến thống nhất ý kiến chung, góp phần hình thành, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cùng nhau và đi đến kết quả tốt đẹp.

Tạo ra môi trường học tập đa dạng, phong phú: Được học tập, rèn luyện với kỹ thuật này giúp học sinh được thoải mái trình bày quan điểm độc lập, thảo luận nhóm sẽ có tính đa chiều và phong phú hơn do nhiều góc nhìn, quan điểm, ý kiến được đưa ra từ học sinh.

Góp phần kích thích tư duy phản biện: Trong quá trình thảo luận và chọn lọc ý kiến giúp học sinh rèn luyện khả năng đọc, đánh giá ý kiến của bạn cùng nhóm đồng thời cũng phải phản biện và tự bảo vệ quan điểm của chính mình.

2.1.2. Sự cần thiết cần phải đổi mới phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học

Mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông mới hiện nay là học sinh phải phát huy được năng lực, phẩm chất và việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực, lấy người học làm trung tâm ngày càng trở nên cấp thiết. Do đó, việc truyền tải kiến thức một thụ động, một chiều cần được thay đổi nhằm nâng cao chất lượng giảng của người giáo viên cũng như phát huy năng lực học tập cho học sinh. Thảo luận nhóm được xem là một trong những phương pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập cho cả thầy và trò. Nhìn trên thực tế thì việc tổ chức hoạt động thảo luận nhóm trong dạy học vẫn còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao và chưa phát

huy hết vai trò của người học vì chưa tối ưu được cách thức tổ chức, phương pháp điều hành và cả thời gian của một tiết học. Vì vậy, những khó khăn trên đặt ra yêu cầu cần đổi mới cả về hình thức tổ chức, phương pháp điều hành và kỹ thuật triển khai để hiệu quả việc tổ chức dạy học.

Đối với môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật trong chương trình phổ thông, nội dung học bao gồm nhiều mặt vừa nặng lí thuyết, vừa mang tính thực tiễn cao và buộc học sinh học phải có sự thông hiểu, vận dụng liên hệ với xã hội cao. Hoạt động thảo luận nhóm không chỉ giúp học sinh rèn luyện tư duy phản biện, khả năng giao tiếp, làm việc nhóm mà còn hỗ trợ hình thành năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, nếu thảo luận nhóm không được tổ chức hợp lý, học sinh dễ rơi vào trạng thái thụ động, lười suy nghĩ, không hợp tác, hoặc chỉ một vài cá nhân làm việc, trong khi các thành viên khác ỷ lại.

Kỹ thuật dạy học tích cực, đặc biệt là kỹ thuật "Khăn trải bàn"**,** mang lại hình thức thảo luận có tính tổ chức cao, giúp học sinh thể hiện quan điểm cá nhân, lắng nghe ý kiến người khác và cùng nhau đưa ra kết luận chung. Kỹ thuật này khắc phục được những nhược điểm của thảo luận nhóm truyền thống, đồng thời tạo môi trường học tập sinh động, sáng tạo, phù hợp với đặc trưng bộ môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

Do đó, việc vận dụng kỹ thuật "Khăn trải bàn" vào tổ chức thảo luận nhóm trong dạy học không chỉ là yêu cầu đổi mới phương pháp, mà còn là giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng dạy học, phát triển năng lực toàn diện cho học sinh.

2.1.3. Đặc điểm tri thức môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật là môn học tích hợp, thuộc nhóm các môn học định hướng nghề nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông 2018. Môn học cung cấp cho học sinh những tri thức phổ thông cơ bản về kinh tế và pháp luật, đồng thời góp phần hình thành phẩm chất, năng lực công dân như: ý thức thượng tôn pháp luật, tinh thần trách nhiệm, năng lực tự chủ, khả năng thích ứng và hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Theo tài liệu hướng dẫn dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, **"**môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân", qua đó khẳng định vai trò định hướng giá trị, đạo đức, và hành vi công dân cho người học. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật và kinh tế, học sinh được bồi dưỡng "tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật"**.**

Đặc biệt, môn học đóng vai trò định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh phát triển năng lực lựa chọn nghề nghiệp phù hợp sau trung học phổ thông thông qua các chuyên đề phù hợp với nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp cá nhân. Theo chương trình, "môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh"**,** giúp người học định hình con đường phát triển tương lai gắn với thực tiễn.

Ngoài ra, môn học này còn có vai trò như một môn học giáo dục đạo đức, chính trị, pháp luật trong nhà trường phổ thông; cung cấp những hiểu biết thiết yếu về pháp luật và kinh tế để học sinh vận dụng vào đời sống hằng ngày cũng như tham gia vào đời sống kinh tế - xã hội một cách có trách nhiệm. Nội dung chính của môn học là "học vấn phổ thông cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông".

Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật bao gồm nhiều chủ đề gắn liền với đời sống thực tiễn của học sinh như: quyền và nghĩa vụ của công dân, thị trường và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế, hợp đồng dân sự, thuế và ngân sách nhà nước, quyền sở hữu trí tuệ,... Những nội dung này đòi hỏi học sinh không chỉ phải hiểu khái niệm, quy định pháp luật, mà còn biết phân tích tình huống, liên hệ thực tế và đưa ra nhận định, đánh giá.

Trong quá trình dạy học, việc phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh thông qua các hoạt động học tập là điều cần thiết. Một trong những phương pháp đó là dạy học theo nhóm – nơi học sinh được thảo luận, trình bày ý kiến, lắng nghe và phản biện. Kỹ thuật "Khăn trải bàn" là một hình thức cụ thể thuộc phương pháp này, có tác dụng khuyến khích học sinh suy nghĩ độc lập, chia sẻ quan điểm cá nhân và đồng thời rèn luyện khả năng hợp tác trong tập thể. Kỹ thuật này không chỉ giúp học sinh lĩnh hội kiến thức hiệu quả mà còn góp phần rèn luyện kỹ năng sống, hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động – phù hợp với định hướng phát triển năng lực toàn diện trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

Ngoài ra, việc áp dụng kỹ thuật này còn tạo không khí học tập tích cực, giảm bớt sự căng thẳng trong giờ học lý thuyết, tăng sự chủ động, hứng thú và tính tự giác trong học sinh. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông mới.

2.1.4. Định hướng vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật

Kỹ thuật khăn trải bàn là một trong những kỹ thuật và là hình thức trong tổ chức hoạt động nhóm mang đầy tính tích cực, sáng tạo, cho phép học sinh được phát huy năng lực tư duy, tranh luận và hợp tác thông qua việc trình bày và chia sẻ ý kiến cá nhân độc lập trên một tờ giấy lớn được chia thành nhiều ô, tương ứng với số lượng thành viên trong nhóm. Với triết lý phát huy năng lực, phẩm chất của người học thì việc áp dụng kỹ thuật khăn trải bàn vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật là hoàn toàn phù hợp. Để đạt được hiệu quả tối ưu trong quá trình vận dụng kỹ thuật này vào tiết học thì tôi có một số định hướng sau:

Nội dung phù hợp: Kỹ thuật khăn trải bàn là một kỹ thuật đặc biệt phù hợp với những nội dung có tính mở, đòi hỏi học sinh phải có tính tư duy, phân tích và đưa ra chính kiến, quan điểm độc lập. Ví dụ: Khi học bài liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân, thì người học có thể nêu ra các ý kiến, suy nghĩ của mình thông qua những kiến thức đã biết, những trải nghiệm cho biết đâu là quyền và đâu là nghĩa vụ của một công dân.

Hiểu rõ quy trình thực hiện: Trước khi bắt đầu hoạt động, giáo viên cần nêu rõ mục tiêu của hoạt động, yêu cầu từng học sinh viết ý kiến cá nhân vào ô của mình, sau đó thảo luận và thống nhất ý kiến nhóm để ghi vào phần ô trung tâm. Giáo viên ở đây đóng vai trò điều phối, quan sát, hỗ trợ, và tạo động lực học tập cho học sinh.

Tăng cường phản hồi và đánh giá: Sau khi thảo luận, mỗi nhóm sẽ trình bày kết quả, từ đó giáo viên tổ chức cho các nhóm phản biện, trao đổi và nhận xét lẫn nhau. Việc đánh giá sẽ tập trung vào quá trình tham gia, mức độ đóng góp ý kiến và khả năng hợp tác nhóm, qua đó phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện và tự học của học sinh.

2.2. Thực trạng và giải pháp vận dụng kỹ thuật 'Khăn trải bàn' trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn GDKT & PL

2.2.1. Thực trạng vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn GDKT & PL

2.2.1.1. Những ưu điểm và hạn chế trong vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn GDKT & PL

**Ưu điểm*

Phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh: Kỹ thuật khăn trải bàn tạo cơ hội để mỗi học sinh đều được thể hiện suy nghĩ cá nhân, quan điểm, góc nhìn cho từng nội dung được giáo viên khai thác, đặt câu hỏi và trả lời một cách độc lập không cần phải giống một câu trả lời khuôn mẫu nào hết, qua đó sẽ thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ động vào quá trình học tập của học sinh.

Rèn luyện kỹ năng tư duy, hợp tác và giao tiếp: Trong quá trình làm việc học sinh phải tự mình đưa ra câu trả lời của bản thân thông qua những kiến thức đã biết và trải nghiệm của bản thân, điều đó buộc người học phải chủ động sắp xếp, suy nghĩ để đưa ra câu trả lời hoàn chỉnh. Kỹ thuật khăn trải bàn là một kỹ thuật đòi hỏi một kết quả từ sự thống nhất của một tập thể, do đó người học không chỉ thể hiện ý kiến riêng mà còn phải biết lắng nghe, trao đổi, tiếp thu những ý kiến cùng nhóm. Điều này đòi hỏi học sinh phải luôn cầu thị tinh thần tích cực để giao tiếp hiệu quả và hợp tác thành công.

Tạo môi trường học tập dân chủ và cởi mở: Kỹ thuật này cần phải có những ý kiến riêng biệt, nên mỗi học sinh đều có quyền được đưa ra quan điểm, ý kiến cá nhân mà không cần phải theo một ai, từ đó hình thành tinh thần tôn trọng sự khác biệt, học cách lắng nghe và phản biện một cách văn minh.

Phù hợp với các chủ đề mở, tình huống pháp lý: Môn GDKT&PL có nhiều nội dung bài học mang tính thảo luận, phân tích như: quyền và nghĩa vụ công dân, tình huống vi phạm pháp luật, tranh chấp hợp đồng,....Kỹ thuật khăn trải bàn là một kỹ thuật hoàn toàn phù hợp và tốt giúp học sinh được tiếp cận các tình huống này một cách sáng tạo và có chiều sâu. Từ đó học sinh được khai thác các kiến thức một cách chủ động và thú vị.

Tăng tính hiệu quả trong tổ chức dạy học tích cực: Một trong mười điểm mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018 là *"Thực hiện PPDH tích cực: tích cực hóa hoạt động học tập; chú trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh; thực hiện phương châm "Học qua làm".* Việc áp dụng kỹ thuật này cho thấy sự chủ động đổi mới phương pháp của giáo viên, chuyển từ "dạy học truyền thụ" sang "dạy học tổ chức hoạt động", giúp học sinh tự tin chiếm lĩnh tri thức, chủ động trong việc tìm hiểu nội dung học, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**Hạn chế*

Mất nhiều thời gian trong tiết học chỉ cho 1 hoạt động: Không phải chủ đề nào cũng chỉ có 1 - 2 nội dung cần khai thác, mà còn rất nhiều nội dung khác, hơn hết kỹ thuật này còn phải qua nhiều bước (cá nhân – nhóm – tổng hợp – trình bày), nên nếu giáo viên không quản lý thời gian tốt, một hoạt động có thể kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ bài học.

Khó đánh giá cá nhân chính xác: Kỹ thuật này yêu cầu một kết từ sự thống nhất của một nhóm nên trong khi kết quả nhóm được thể hiện rõ, việc đánh giá mức độ đóng góp của từng học sinh có thể gặp khó khăn nếu học sinh ỷ lại bạn bè, chỉ đợi bạn có kết quả mình viết theo.

Yêu cầu không gian và điều kiện tổ chức phù hợp: Để thực hiện kỹ thuật này hiệu quả yêu cầu phải có nhiều dụng cụ hỗ trợ như bàn học nhóm, tài liệu, bút viết, và thời gian chuẩn bị khăn trải bàn... nên nếu lớp học đông như các lớp 50 học sinh/ 1 lớp như ở một số thành phố lớn thì việc bố trí bàn ghế nhóm trong một lớp học là điều rất khó khăn với giáo viên. Ngược lại, ở các vùng nông thôn, vùng biên giới thì lại thiếu điều kiện vật chất thì sẽ khó triển khai hiệu quả khi thiếu nhiều dụng cụ.

2.2.1.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn GDKT & PL

Kỹ thuật khăn trải bàn bao gồm nhiều bước: học sinh viết ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến và trình bày trước lớp. Mỗi bước đều cần thời gian riêng để đảm bảo học sinh có thể suy nghĩ, trao đổi và tổng hợp hiệu quả. Đặc điểm của môn GDKT & PL là có nhiều khái niệm pháp lý, nội dung trừu tượng và tình huống yêu cầu phân tích kỹ, do đó học sinh cần nhiều thời gian để hiểu và đưa ra quan điểm đúng đắn. Nếu giáo viên không kiểm soát tốt thời gian cho từng hoạt động, hoặc chưa quen với kỹ thuật này, việc triển khai có thể bị kéo dài, không đảm bảo hoàn thành bài học đúng kế hoạch.

Trong hoạt động nhóm, đặc biệt với kỹ thuật khăn trải bàn, sản phẩm cuối cùng thường là kết quả tổng hợp của cả nhóm. Việc này khiến giáo viên khó nhận biết chính xác ai là người đưa ra ý kiến hay, ai ít tham gia. Nhiều học sinh có thể dựa vào bạn khác để hoàn thành nhiệm vụ nhóm mà không thực sự đóng góp, dẫn đến tình trạng "ỷ lại" giáo viên sẽ gặp khó khăn trong việc đánh giá đúng năng lực và mức độ tham gia của từng học sinh.

Kỹ thuật khăn trải bàn đòi hỏi học sinh phải làm việc theo nhóm xung quanh bàn lớn hoặc đủ chỗ để chia sẻ và viết lên tờ giấy chung. Nếu phòng học quá chật, bàn ghế cố định, sẽ khó tổ chức linh hoạt. Ngoài không gian, giáo viên cần chuẩn bị đầy đủ các vật dụng hỗ trợ như: giấy khổ lớn (khăn trải bàn), bút màu, phiếu giao nhiệm vụ… Trong điều kiện cơ sở vật chất thiếu thốn hoặc lớp học đông, việc tổ chức trở nên khó khăn và mất nhiều thời gian chuẩn bị.

2.2.2. Giải pháp vận dụng có hiệu quả kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn GDKT & PL

2.2.2.1. Lựa chọn nội dung phù hợp

Để vận dụng hiệu quả kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, giáo viên cần lựa chọn nội dung thảo luận một cách cẩn trọng và phù hợp. Nội dung được chọn nên mang tính mở, tạo điều kiện cho học sinh suy nghĩ độc lập, thể hiện quan điểm cá nhân và nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. Trong chương trình GDKT&PL, các chủ đề như quyền và nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm pháp lý, các tình huống vi phạm pháp luật, vấn đề sở hữu tài sản, hay hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường… là những nội dung rất phù hợp để học sinh thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn. Đây đều là những vấn đề gần gũi với thực tiễn cuộc sống, có khả năng khơi dậy hứng thú học tập và sự chủ động tìm hiểu của học sinh. Giáo viên cần cân nhắc chọn những nội dung phù hợp với trình độ nhận thức, lứa tuổi và khả năng tư duy của học sinh, nhằm đảm bảo tất cả các em đều có thể tham gia đóng góp ý kiến. Việc lựa chọn đúng và trúng nội dung không chỉ giúp buổi thảo luận diễn ra sôi nổi, hiệu quả mà còn góp phần rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh.

2.2.2.2. Chuẩn bị phương tiện dạy học đầy đủ, sáng tạo

Để tổ chức hoạt động khăn trải bàn hiệu quả trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, giáo viên cần chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho quá trình thảo luận nhóm. Các vật dụng cần thiết bao gồm: giấy khổ lớn để làm "khăn trải bàn", bút viết, tài liệu học tập liên quan đến chủ đề. Tờ khăn trải bàn cần được thiết kế rõ ràng, chia thành các khu vực hợp lý để học sinh dễ dàng ghi lại ý kiến cá nhân ở từng góc và thống nhất ý kiến chung của nhóm ở phần trung tâm. Hình thức trình bày tuy không cần cầu kỳ hay sử dụng màu sắc, nhưng cần được khuyến khích thể hiện mạch lạc, dễ đọc và có tính logic. Ngoài ra, việc sắp xếp bàn ghế linh hoạt để học sinh có thể ngồi theo nhóm và trao đổi thuận tiện là yếu tố quan trọng. Trong trường hợp nhà trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt, giáo viên có thể linh hoạt ứng dụng một số phương tiện hỗ trợ như bảng tương tác hoặc máy chiếu đơn giản để tổng hợp và trình bày kết quả buổi thảo luận. Việc chuẩn bị chu đáo, đúng trọng tâm sẽ góp phần làm cho hoạt động thảo luận nhóm diễn ra hiệu quả, tạo điều kiện phát triển năng lực hợp tác và tư duy cho học sinh.

2.2.2.3. Đổi mới quy trình tổ chức phương pháp thảo luận nhóm phù hợp thực tiễn dạy học

Trong sự thay đổi của ngành giáo dục hiện nay, việc tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cần được đổi mới theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn dạy học tại từng lớp học cụ thể. Giáo viên không nên áp dụng một mô hình cố định mà cần căn cứ vào nội dung bài học, số lượng học sinh và điều kiện cơ sở vật chất để điều chỉnh cách thức triển khai cho hiệu quả. Với những nội dung mang tính mở, có nhiều góc nhìn như tình huống pháp luật, quyền và nghĩa vụ công dân hay vấn đề kinh tế trong thực tiễn, thảo luận nhóm là phương pháp phù hợp để học sinh phát huy tư duy và năng lực cá nhân.

Ví dụ, trong bài học "Bảo hiểm" trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, giáo viên có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ để thảo luận về các loại bảo hiểm, lợi ích và trách nhiệm khi tham gia bảo hiểm. Mỗi nhóm có thể phân tích một loại bảo hiểm cụ thể như bảo hiểm y tế, bảo hiểm nhân thọ hay bảo hiểm tài sản, sau đó tổng hợp và đưa ra kết luận về sự quan trọng của mỗi loại bảo hiểm trong đời sống xã hội. Việc chia nhóm có thể linh hoạt tùy vào số lượng học sinh trong lớp – nhóm nhỏ để đảm bảo sự tham gia của tất cả học sinh, hoặc nhóm lớn khi cần tổng hợp ý kiến từ nhiều góc nhìn khác nhau.

Bên cạnh đó, việc giao nhiệm vụ có thể thay đổi theo mức độ của nhóm – nhóm học sinh có năng lực trung bình, khá có thể được giao nhiệm vụ phân tích một khía cạnh đơn giản, trong khi nhóm có năng lực giỏi có thể chịu trách nhiệm phân tích sâu các vấn đề phức tạp, sản phẩm thảo luận có thể được trình bày. Chính sự linh hoạt trong quy trình tổ chức sẽ giúp hoạt động thảo luận nhóm thực sự phát huy hiệu quả, phù hợp với thực tế và nhu cầu học tập của học sinh.

3. Kết luận

Trong Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn 2045, được Thủ tướng phê duyệt, "nhiệm vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục" là một trong mười nhiệm vụ hàng đầu phải thực hiện. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá là yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội và năng lực học sinh. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu "Vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong tổ chức thảo luận nhóm ở môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật" không chỉ là một lựa chọn phù hợp mà còn là một bước đi cần thiết, giúp môn học này gắn kết lý thuyết với thực tiễn hơn nữa.

Bài nghiên cứu này đã làm rõ lý do vì sao kỹ thuật khăn trải bàn là công cụ hiệu quả trong việc tổ chức thảo luận nhóm trong môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Môn học này có tính xã hội và thực tiễn cao, vì vậy khi áp dụng kỹ thuật này trong phương pháp thảo luận nhóm giúp học sinh nâng cao khả năng phân tích, tư duy phản biện và hợp tác. Việc áp dụng kỹ thuật khăn trải bàn giúp học sinh hiểu sâu hơn các vấn đề xã hội, pháp lý và kinh tế trong đời sống thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề.

Thông qua việc trình bày khái niệm về kỹ thuật này, phân tích đặc điểm của môn học và thực trạng hiện tại, nghiên cứu đã chỉ ra những ưu điểm rõ ràng như khả năng tạo không gian thảo luận mở cho học sinh thoải mái đưa ra quan điểm, khuyến khích sự sáng tạo và tự chủ của học sinh. Tuy nhiên, cũng có một số hạn chế cần khắc phục, như yêu cầu về cơ sở vật chất và khả năng phân bổ thời gian hợp lý trong lớp học. Từ đó, bài nghiên cứu đã đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khi áp dụng kỹ thuật khăn trải bàn vào môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo Dục. (02/01/2025). Thủ tướng phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Truy cập từ https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=10213

Báo điện tử Chính phủ. (23/09/2023). 10 điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Truy cập từ https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/10-diem-moi-cua-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018-119230206174054873.htm

Nguyễn Minh Đoan & Trần Thị Mai Phương (Đồng Chủ biên). (2022). *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Minh Đoan & Trần Thị Mai Phương (Đồng Chủ biên). (2024). *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Thu Hoài (Chủ biên). (2020). *Hướng dẫn dạy học môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật theo chương trình phổ thông mới* (tr. 23). Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

PGS.TSKH Nguyễn Văn Hộ. (2002). *Lí luận dạy học* (tr.14). Nhà xuất bản Giáo dục.

Trần Thị Mai Phương (Chủ biên). (2022). *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VẤN ĐỀ SỨC MẠNH MỀM TRONG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hồ Thị Như Ý [1*], Trần Huỳnh Anh Thư [1], Nguyễn Đình Cường [2],

[1] Lớp ĐHGDCD24A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

** Tác giả liên hệ: Hồ Thị Như Ý, Email: ynhu02491@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Nghiên cứu tập trung làm rõ tính cấp thiết của việc nâng cao sức mạnh mềm của văn hóa chính trị trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bằng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu và tiếp cận liên ngành, bài viết khẳng định rằng văn hóa chính trị với các giá trị, niềm tin và hành vi công dân có vai trò then chốt trong việc tạo dựng sự đồng thuận xã hội, quản trị minh bạch và niềm tin công chúng. Kết quả nghiên cứu không chỉ làm sáng tỏ mối quan hệ giữa văn hóa chính trị và thiết chế nhà nước, mà còn đề xuất các giải pháp thực tiễn như giáo dục công dân, đào tạo công chức, nâng cao đạo đức công vụ và hiện đại hóa quản trị. Nghiên cứu cho thấy phát huy sức mạnh mềm văn hóa chính trị là yếu tố quyết định để xây dựng một Nhà nước dân chủ, hiệu lực và được quốc tế ghi nhận.

Từ khóa: *"Sức mạnh mềm", "Quy luật mềm", "Văn hóa chính trị", "Hội nhập quốc tế", "Nhà nước pháp quyền".*

ENHANCING THE UNDERSTANDING OF THE SOFT POWER OF POLITICAL CULTURE IN THE PROCESS OF BUILDING A SOCIALIST RULE-OF-LAW STATE IN VIETNAM FACULTY OF POLITICAL EDUCATION

Ho Thi Nhu Y[1]*, Tran Huynh Anh Thu[1], Nguyen Dinh Cuong[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Ho Thi Nhu Y, Email: ynhu02491@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract

This study highlights the urgent need to enhance the soft power of political culture in building a socialist rule-of-law state in Vietnam. Using document analysis and interdisciplinary approaches, the research emphasizes that political culture - encompassing civic values, beliefs, and behaviors - plays a pivotal role in fostering social consensus, ethical governance, and public trust. The findings clarify the interrelation between political culture and state institutions, while proposing practical solutions such as civic education, public servant training, improving administrative ethics, and modernizing governance. The study concludes that leveraging the soft power of political culture is essential to developing a democratic, effective, and internationally respected Vietnamese state.

Keywords: "*Soft power", "Soft law", "Political culture", "International integration", "Rule-of-law state".*

---

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu khách quan và cấp thiết. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, mang ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền không chỉ dừng lại ở hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả bộ máy, mà cần có nền tảng bền vững là văn hóa chính trị.

Văn hóa chính trị, với tư cách là hệ giá trị, niềm tin và chuẩn mực ứng xử trong đời sống chính trị, đóng vai trò như "sức mạnh mềm" góp phần tạo dựng môi trường chính trị ổn định, thúc đẩy việc thực thi pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý và củng cố tính chính danh của quyền lực nhà nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, phát huy tốt sức mạnh mềm này sẽ giúp tăng uy tín quốc gia và củng cố niềm tin xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy văn hóa chính trị ở nước ta vẫn chưa được khai thác hiệu quả; tình trạng hình thức, tư duy nhiệm kỳ, thiếu đối thoại, phản biện… vẫn tồn tại, ảnh hưởng đến niềm tin nhân dân. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài "Vấn đề sức mạnh mềm của văn hóa chính trị trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam" có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhằm làm rõ vai trò, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả nguồn lực đặc biệt này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về văn hóa chính trị và sức mạnh mềm của văn hóa chính trị trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Khái niệm và đặc trưng của văn hóa chính trị

Văn hóa chính trị là một phạm trù phức tạp, được tiếp cận từ nhiều góc độ như chính trị học, xã hội học, triết học và văn hóa học. Về cơ bản, đó là hệ thống các giá trị, niềm tin, thái độ và hành vi chính trị của cá nhân, cộng đồng đối với nhà nước, quyền lực và thể chế, được hình thành qua lịch sử và thể hiện trong đời sống chính trị - xã hội. Theo tư tưởng Mác -Lênin và Hồ Chí Minh, văn hóa chính trị là nền tảng tinh thần và động lực cho sự phát triển xã hội, phản ánh nhận thức chính trị và phương thức tham gia quản lý xã hội của nhân dân.

Các học giả quốc tế như Almond, Verba, Lucian Pye hay Werner Patzelt đều thống nhất rằng văn hóa chính trị là hệ thống niềm tin, thái độ và hành vi chính trị được lưu truyền và định hình hành vi chính trị, gắn với cảm xúc, giá trị và truyền thống. Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu uy tín như Phạm Ngọc Quang, Đặng Xuân Kỳ, Vũ Khiêu...cũng khẳng định văn hóa chính trị là một bộ phận của văn hóa dân tộc, phản ánh trình độ dân chủ, pháp quyền và đạo đức công dân.

Văn hóa chính trị mang những đặc trưng cơ bản: tính lịch sử – xã hội; tính hệ giá trị; tính định hướng hành vi; tính mềm dẻo, lan tỏa và tính tương tác với thể chế. Nó không chỉ phản ánh trình độ phát triển chính trị của quốc gia mà còn là nguồn lực mềm quan trọng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện đại, dân chủ và nhân văn.

2.1.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là mô hình nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Khác với mô hình pháp quyền tư sản, nhà nước này kết hợp tính pháp quyền và tính xã hội chủ nghĩa, hướng tới tự do, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích cá nhân và cộng đồng.

Để xây dựng và vận hành hiệu quả Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp, pháp luật phải được thực thi nghiêm túc, mọi cá nhân và tổ chức đều bình đẳng và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đồng

thời, Nhà nước phải tôn trọng, bảo vệ và phát huy quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân.Cơ cấu quyền lực cần được tổ chức hợp lý, bảo đảm sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm ngăn chặn lạm quyền. Bên cạnh đó, cần xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính và phục vụ nhân dân hiệu quả. Hệ thống tư pháp phải độc lập, công tâm, công bằng, là chỗ dựa bảo vệ công lý và quyền con người.

Cuối cùng, phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa là điều kiện nền tảng để nhân dân thực hiện quyền làm chủ, trực tiếp tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội, qua đó tăng cường tính chính danh và sức mạnh của thể chế. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là yêu cầu khách quan, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi sự chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó văn hóa chính trị đóng vai trò then chốt, quyết định sự thành công.

2.1.3. Khái niệm, biểu hiện của sức mạnh mềm trong chính trị và văn hóa

Sức mạnh mềm, theo Joseph Nye, là khả năng gây ảnh hưởng thông qua sức hấp dẫn và sự tự nguyện, thay vì cưỡng chế hay mua chuộc. Trong nội tại mỗi quốc gia, đặc biệt là trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, sức mạnh mềm đóng vai trò thiết yếu trong việc củng cố tính chính đáng của quyền lực, thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện và xây dựng niềm tin chính trị – pháp lý trong cộng đồng. Nguồn lực quan trọng sản sinh ra sức mạnh mềm chính là văn hóa chính trị – tổng thể các giá trị, niềm tin và hành vi chính trị chi phối cách công dân tương tác với nhà nước và pháp luật.

Trong lĩnh vực chính trị, sức mạnh mềm thể hiện qua nhiều biểu hiện rõ nét. Trước hết, đó là tính chính danh của quyền lực và sự đồng thuận xã hội, giúp duy trì ổn định nội bộ mà không cần đến các biện pháp cưỡng chế. Khi nhà nước được nhìn nhận là đại diện hợp pháp và chính đáng của nhân dân, sự tuân thủ pháp luật và ủng hộ chính sách diễn ra một cách tự nguyện. Bên cạnh đó, việc thiết lập thể chế dân chủ, pháp quyền và tôn trọng quyền con người không chỉ tạo nên nội lực chính trị vững chắc, mà còn trở thành nguồn sức mạnh mềm có sức lan tỏa trong và ngoài nước, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Hơn nữa, một nền hành chính minh bạch, hiệu quả, gần dân sẽ củng cố uy tín chính trị, tạo dựng niềm tin công chúng và tăng cường sự gắn kết giữa chính quyền và người dân – yếu tố cốt lõi của quyền lực mềm trong quản trị nhà nước.

Trong lĩnh vực văn hóa, sức mạnh mềm được biểu hiện thông qua sự lan tỏa của các giá trị truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và năng lực sáng tạo, tạo nên bản sắc dân tộc đặc thù – một dạng "thương hiệu mềm" góp phần nâng tầm hình ảnh quốc gia. Bên cạnh đó, một môi trường văn hóa chính trị lành mạnh, đặt trên nền tảng dân chủ, pháp quyền và đạo đức công vụ, không chỉ củng cố niềm tin xã hội mà còn có khả năng định hướng dư luận theo hướng tích cực và ổn định. Cuối cùng, sự phát triển của công nghiệp văn hóa, truyền thông và giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc "xuất khẩu" các giá trị mềm, qua đó thu hút đầu tư, du lịch và nguồn nhân lực chất lượng cao – những yếu tố ngày càng có giá trị chiến lược trong cạnh tranh toàn cầu hiện nay.

Trong lý luận chính trị hiện đại, sức mạnh cứng là khả năng đạt được mục tiêu bằng cưỡng chế, trừng phạt hoặc phần thưởng vật chất, chủ yếu thông qua công cụ quân sự, kinh tế và quyền lực nhà nước. Nó tác động từ bên ngoài vào hành vi, buộc đối tượng phục tùng thông qua áp lực, chứ không phải sự đồng thuận. Trong quản trị quốc gia, sức mạnh cứng biểu hiện qua hệ thống cưỡng hành pháp luật, công cụ kiểm soát hành vi và thiết chế an ninh – trật tự.

Trái với đó, sức mạnh mềm là khả năng gây ảnh hưởng bằng cách thu hút, thuyết phục và tạo dựng sự tự nguyện hợp tác thông qua giá trị văn hóa, thể chế chính trị chính danh và chính sách có sức lan tỏa. Nếu sức mạnh cứng thiên về ép buộc và đối kháng, thì sức mạnh mềm tạo ra sự tuân thủ xuất phát từ nhận thức và niềm tin. Do vậy, trong bối cảnh hiện đại, nơi

tính chính danh và đồng thuận xã hội trở thành nền tảng cho quyền lực bền vững, sức mạnh mềm ngày càng được xem là thước đo trình độ phát triển và tính văn minh trong quản trị quốc gia, bổ sung và, trong nhiều trường hợp, vượt lên sức mạnh cứng truyền thống.

2.2. Vai trò của sức mạnh mềm văn hóa chính trị trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

2.2.1. Tạo lập sự đồng thuận xã hội và ổn định chính trị – sức mạnh mềm từ chức năng cố kết và định hướng giá trị của văn hóa chính trị

Một trong những điều kiện tiên quyết để xây dựng Nhà nước pháp quyền là sự đồng thuận xã hội và ổn định chính trị. Trong bối cảnh Việt Nam – một quốc gia với nhiều thành phần dân cư, vùng miền, trình độ phát triển không đồng đều – thì việc quy tụ lòng dân, tạo sự thống nhất trong đa dạng là một thách thức lớn. Văn hóa chính trị – thông qua chức năng cố kết xã hội và định hướng giá trị – đã phát huy sức mạnh mềm của mình bằng cách hình thành hệ giá trị chung như lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết dân tộc, ý thức cộng đồng, niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Chính những giá trị này không chỉ giúp củng cố sự thống nhất trong nhận thức và hành động giữa Nhà nước và nhân dân, mà còn giúp các tầng lớp xã hội hiểu đúng, tin tưởng và tham gia tích cực vào quá trình thực thi pháp luật, thay vì chỉ thụ động chấp hành. Đồng thuận không đến từ áp đặt hay tuyên truyền đơn tuyến, mà là kết quả của quá trình thẩm thấu giá trị, được khơi gợi từ trong văn hóa chính trị Việt Nam, vốn mang tính cộng cảm, mềm dẻo và thích ứng cao.

Trong một xã hội dân chủ, đồng thuận không đồng nghĩa với đồng dạng, nhưng phải có một mẫu số chung về giá trị – đó là vai trò của văn hóa chính trị trong việc định hướng sự thống nhất đa dạng, làm cho Nhà nước không trở thành một "thực thể xa lạ" với nhân dân, mà là kết tinh của ý chí và nguyện vọng nhân dân – đúng tinh thần Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2.2.2. Nâng cao đạo đức công vụ và tinh thần thượng tôn pháp luật – sức mạnh mềm từ chức năng điều tiết và đặc điểm giáo dục bền vững của văn hóa chính trị

Nhà nước pháp quyền không chỉ là nhà nước của luật pháp, mà còn là nhà nước của đạo đức công vụ và trách nhiệm chính trị. Để cán bộ, công chức thực sự trở thành "công bộc của dân", không thể chỉ dựa vào quy chế, luật định, mà cần có nền tảng văn hóa chính trị – với chức năng giáo dục giá trị và điều tiết hành vi công quyền.

Sức mạnh mềm của văn hóa chính trị thể hiện qua việc hun đúc những chuẩn mực như trung thực, liêm chính, tận tụy, trách nhiệm – giúp hình thành đạo đức công vụ "vừa hồng vừa chuyên". Những chuẩn mực này không ép buộc cán bộ bằng cưỡng chế, mà cảm hóa bằng lý tưởng, khơi dậy tự trọng nghề nghiệp và tinh thần phục vụ nhân dân như một sứ mệnh. Đó chính là đặc điểm giáo dục mềm dẻo, bền vững của văn hóa chính trị – thứ mà không bộ luật hành chính nào có thể thay thế.

Bên cạnh đó, văn hóa chính trị góp phần nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật – không phải bằng cách tuyệt đối hóa pháp lý, mà bằng cách kết nối pháp lý với giá trị đạo đức, chính trị và nhân văn. Khi pháp luật được hiểu không chỉ là công cụ cưỡng chế, mà là biểu hiện của công lý và lương tâm cộng đồng, thì sự tuân thủ sẽ trở nên tự giác hơn. Đây là minh chứng cho chức năng điều tiết của văn hóa chính trị – không phải để thay thế luật pháp, mà để tạo nội lực văn hóa cho việc thực thi luật pháp một cách có trách nhiệm.

2.2.3. Xây dựng hình ảnh Nhà nước phục vụ nhân dân – sức mạnh mềm từ đặc điểm linh hoạt và cấu trúc dân chủ của văn hóa chính trị

Một Nhà nước pháp quyền thực sự không phải là Nhà nước "quản lý xã hội từ trên xuống", mà là Nhà nước phục vụ – đồng hành và tạo điều kiện để nhân dân làm chủ. Để kiến tạo được hình ảnh ấy, cần đến sức mạnh mềm từ đặc điểm linh hoạt – dân chủ – thích ứng cao của văn

hóa chính trị Việt Nam, vốn hình thành qua hàng chục năm đổi mới và hội nhập. văn hóa chính trị định hình một mô hình quan hệ Nhà nước – công dân dựa trên tôn trọng, hợp tác và trách nhiệm hai chiều. Thay vì duy trì văn hóa "xin – cho", văn hóa chính trị hướng đến cấu trúc hành chính kiểu mới: minh bạch, giải trình, lắng nghe và cải cách. Những cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính phủ số, chính quyền điện tử… không thể thành công nếu thiếu nội lực văn hóa từ chính đội ngũ cán bộ và hệ thống chính trị.

Quan trọng hơn, sức mạnh mềm của văn hóa chính trị còn tạo động lực để người dân chủ động tham gia phản biện, giám sát và đóng góp ý kiến, từ đó tạo lập cơ chế tương tác liên tục giữa Nhà nước và nhân dân. Hình ảnh Nhà nước không còn là "chủ thể cai trị", mà là "tập thể phục vụ có trách nhiệm" – đúng theo tinh thần pháp quyền, dân chủ và phát triển.

2.2.4. Nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam – sức mạnh mềm từ chức năng định vị bản sắc và đặc điểm thích ứng của văn hóa chính trị

Trong môi trường toàn cầu hóa, năng lực cạnh tranh của một quốc gia không còn chỉ phụ thuộc vào tiềm lực vật chất, mà ngày càng phụ thuộc vào khả năng lan tỏa giá trị, xây dựng hình ảnh, tạo niềm tin quốc tế – chính là sức mạnh mềm. Trong đó, văn hóa chính trị với chức năng định vị bản sắc dân tộc, và đặc điểm linh hoạt – thích ứng – kết nối toàn cầu, đã góp phần trực tiếp nâng cao vị thế của mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Việt Nam chủ trương phát triển Nhà nước pháp quyền không tách rời bản sắc, không rập khuôn mô hình phương Tây, mà là sự kết hợp giữa nguyên tắc phổ quát (nhân quyền, dân chủ, pháp trị) với giá trị đặc thù (độc lập dân tộc, phát triển bền vững, gắn bó cộng đồng). Điều này tạo nên sức hấp dẫn riêng cho mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, vốn vừa mang tính nhân văn, vừa có khả năng thích ứng trong hệ sinh thái quốc tế đa cực. Sức mạnh mềm của văn hóa chính trị giúp Việt Nam khẳng định bản lĩnh trên các diễn đàn quốc tế, gia tăng ảnh hưởng trong ASEAN, ASEM, Liên Hợp Quốc… và thu hút hợp tác phát triển dựa trên niềm tin chứ không chỉ là lợi ích. Đây chính là biểu hiện sinh động của việc văn hóa chính trị không chỉ "nuôi dưỡng nội lực chính trị" mà còn "xuất khẩu hình ảnh chính trị" – điều mà mọi Nhà nước pháp quyền hiện đại đều theo đuổi.

Tóm lại, xét về cấu trúc, văn hóa chính trị chứa đựng các yếu tố như ý thức pháp luật, truyền thống chính trị – pháp lý và quan niệm chính danh về quyền lực. Khi những yếu tố này mang tinh thần pháp quyền, như thượng tôn pháp luật, tôn trọng quyền con người, hay đề cao công lý, chúng tạo nên một nền tảng giá trị mềm giúp nhà nước pháp quyền được tiếp nhận không chỉ bằng lý trí mà còn bằng sự đồng thuận xã hội. Tuy nhiên, không chỉ cấu trúc, đặc điểm của văn hóa chính trị cũng đóng vai trò quyết định. Một văn hóa chính trị mang đặc điểm dân chủ, cởi mở, chấp nhận phản biện và khuyến khích tham gia chính trị sẽ tạo điều kiện để thiết chế pháp quyền vận hành trong minh bạch và chính danh. Trái lại, nếu văn hóa chính trị mang tính gia trưởng, thụ động hoặc lệ thuộc vào cá nhân lãnh đạo, thì chính nó sẽ làm suy yếu năng lực mềm hóa của quyền lực nhà nước, khiến pháp luật bị xem như công cụ cai trị hơn là hiện thân của công lý. Về chức năng, văn hóa chính trị định hướng hành vi chính trị – pháp lý, hợp thức hóa quyền lực nhà nước và tạo nền tảng cho sự tuân thủ tự nguyện của công dân. Nhờ đó, các giá trị pháp quyền được chuyển hóa thành thực tiễn xã hội một cách mềm dẻo và bền vững. Khi công dân tuân thủ pháp luật không phải do sợ hãi mà do tin tưởng, thì đó chính là biểu hiện điển hình của sức mạnh mềm trong vận hành Nhà nước pháp quyền.

2.3. Thực trạng và những thách thức

2.3.1. Thành tựu đạt được

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sức mạnh mềm của văn hóa chính trị đã góp phần nâng cao ý thức chính trị và quyền công dân của người dân, thúc đẩy sự tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị, xã hội và giám sát quyền lực nhà nước.

Đảng và Nhà nước đã chú trọng giáo dục chính trị, pháp luật, tuyên truyền các giá trị dân chủ, nhân quyền và thượng tôn pháp luật, đồng thời triển khai rộng rãi các chương trình giáo dục cho học sinh, sinh viên và công chức. Các phong trào xây dựng văn hóa chính trị phát triển mạnh mẽ với nhiều cuộc đối thoại, diễn đàn công khai, cùng cải cách hành chính và tư pháp, giúp nâng cao sự đồng thuận xã hội và tạo cảm nhận rõ nét về sự phục vụ của chính quyền. Đặc biệt, hình ảnh Nhà nước phục vụ nhân dân được củng cố, tăng cường niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật và chính quyền, góp phần giảm thiểu quan liêu, tham nhũng, và xây dựng môi trường phát triển bền vững.

2.3.2. Những thách thức và sự trở ngại

Mặc dù đạt nhiều thành tựu, việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa chính trị trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn:

Một là, thiếu nền văn hóa chính trị đồng bộ, nhất là ở khu vực khó khăn về nhận thức và thói quen chính trị.

Hai là, văn hóa chính trị nhiệm kỳ phổ biến, khi một số cán bộ chỉ tập trung vào mục tiêu ngắn hạn, thiếu gắn kết với cộng đồng, làm giảm hiệu quả công việc và niềm tin xã hội.

Ba là, sự cục bộ và trong đó có sự thiếu thống nhất trong triển khai chính sách dẫn đến tình trạng "mạnh ai nấy làm" gây trì trệ cải cách và giảm hiệu quả về sức mạnh mềm của văn hóa chính trị.

Bốn là, thực hiện nhiệm vụ chính trị còn mang tính hình thức, thiếu kiểm tra đánh giá thực chất, làm giảm hiệu quả giáo dục chính trị và pháp luật.

Cuối cùng, thiếu tinh thần thượng tôn pháp luật và tinh thần phục vụ nhân dân trong một bộ phận cán bộ, công chức; còn tồn tại tư tưởng áp đặt, gia trưởng, làm ảnh hưởng đến tính công bằng và hiệu quả thi hành pháp luật.

2.3.3. Các thách thức mới trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức mới trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN:

Một là, ảnh hưởng của giá trị ngoại lai và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, mạng xã hội làm gia tăng thông tin không chính thống, gây mâu thuẫn xã hội và ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị, đồng thuận xã hội.

Hai là, cần nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa truyền thống, phát triển văn hóa pháp quyền và giáo dục chính trị qua các phương tiện truyền thông hiện đại để phát huy sức mạnh mềm văn hóa chính trị.

Ba là, trong hội nhập quốc tế, Nhà nước phải linh hoạt duy trì bản sắc dân tộc đồng thời tiếp thu giá trị tiến bộ, kết hợp pháp luật trong nước với chuẩn mực quốc tế nhằm thích ứng hiệu quả với môi trường phức tạp.

2.4. Một số giải pháp phát huy sức mạnh mềm của văn hóa chính trị

2.4.1. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của văn hóa chính trị

Để phát huy sức mạnh mềm của văn hóa chính trị trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, cần nâng cao nhận thức xã hội về vai trò then chốt của văn hóa chính trị. Nhận thức đúng đắn sẽ tạo nền tảng cho sự đồng thuận xã hội, ổn định chính trị và phát triển bền vững. Việc này không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn của các tổ chức xã hội, đảng phái và mỗi công dân. Chiến lược giáo dục, tuyên truyền toàn diện cần được triển khai qua nhiều hình thức linh hoạt: truyền hình, báo chí, tọa đàm, hội thảo và các nền tảng mạng xã hội để tiếp cận rộng rãi, đặc biệt với thế hệ trẻ.

Các chương trình này không chỉ cung cấp kiến thức pháp luật mà còn xây dựng các giá

trị cốt lõi như lòng yêu nước, tôn trọng quyền lợi người khác, tinh thần dân chủ và tự do. Môi trường xã hội cần đảm bảo mọi người tiếp cận được thông tin chính thống, hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó củng cố niềm tin vào chính quyền và các thể chế nhà nước. Việc nâng cao nhận thức chính trị phải liên tục, lâu dài và luôn đổi mới, tránh hình thức, gắn liền với thực tiễn đời sống xã hội.

2.4.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ "vừa hồng vừa chuyên"

Để phát huy sức mạnh mềm của văn hóa chính trị trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, việc xây dựng đội ngũ cán bộ "vừa hồng vừa chuyên" là yếu tố then chốt. Cán bộ không chỉ cần chuyên môn vững vàng mà còn phải có phẩm chất chính trị trong sáng, trung thực và tận tâm, góp phần thực thi chính sách hiệu quả và củng cố niềm tin xã hội.

Trước bối cảnh thay đổi nhanh của kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xây dựng đội ngũ cán bộ cần được cập nhật qua các giải pháp sau:

Một là, đào tạo và bồi dưỡng để tăng cường đào tạo chuyên nghiệp cả về chuyên môn lẫn đạo đức chính trị, pháp lý, tập trung vào giá trị Nhà nước pháp quyền, dân chủ, nhân quyền và bảo vệ quyền lợi người dân.

Hai là, tuyển dụng minh bạch nhằm đảm bảo công bằng, dựa trên năng lực và đạo đức, tránh chạy chức, chạy quyền để tạo đội ngũ cán bộ thực sự có năng lực.

Ba là, giám sát và kiểm tra để thiết lập hệ thống kiểm tra chặt chẽ, với sự tham gia của các cơ quan độc lập và xã hội, phòng chống tham nhũng, lợi ích nhóm và thiếu trách nhiệm.

Cuối cùng, khuyến khích sáng tạo nhằm tạo môi trường để cán bộ phát huy sáng kiến, đóng góp ý tưởng, nâng cao hiệu quả công việc và động lực cá nhân.

2.4.3. Tăng cường giáo dục pháp luật và đạo đức công dân

Một yếu tố quan trọng khác trong việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa chính trị là tăng cường giáo dục pháp luật và đạo đức công dân. Trong một xã hội, khi mọi người đều hiểu và tuân thủ pháp luật, Nhà nước pháp quyền sẽ hoạt động hiệu quả hơn, và các giá trị văn hóa chính trị sẽ được thực thi trong thực tế.

Giáo dục pháp luật không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy những quy định khô khan của pháp luật mà còn cần phải giúp người dân hiểu rõ những quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong xã hội. Các chương trình giáo dục pháp luật cần được triển khai rộng rãi, từ bậc học mầm non đến các trường đại học, từ công chức đến người dân tại các khu vực dân cư. Những kiến thức pháp lý cơ bản như quyền lợi của công dân, trách nhiệm với cộng đồng, cũng như các quy định về hành vi phạm tội, hình phạt, quyền khiếu nại, tố cáo… đều cần được truyền đạt một cách dễ hiểu, dễ tiếp cận.

Đồng thời, giáo dục về đạo đức công dân cũng phải được chú trọng. Điều này bao gồm việc giảng dạy các giá trị nhân văn, các phẩm chất công dân tốt như trung thực, tôn trọng người khác, biết chia sẻ và giúp đỡ cộng đồng. Đạo đức công dân không chỉ được giáo dục trong nhà trường mà còn phải được hình thành trong môi trường gia đình, cơ quan và cộng đồng. Đạo đức công dân phải là yếu tố thúc đẩy mỗi cá nhân hành động vì lợi ích chung của xã hội, xây dựng một cộng đồng văn minh, thượng tôn pháp luật.

2.4.4. Đổi mới phương thức lãnh đạo và theo đó là quản lý nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền

Cuối cùng, một giải pháp quan trọng trong việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa chính trị là đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền. Sự đổi mới này không chỉ dừng lại ở việc cải cách thủ tục hành chính, mà còn bao gồm việc xây dựng một hệ thống pháp luật minh bạch, công bằng, giúp mọi công dân đều có thể tiếp cận công lý một cách dễ dàng.

Cần phải xây dựng một cơ chế giám sát độc lập, đảm bảo sự công bằng trong việc xét xử và hành xử của các cơ quan Nhà nước. Nhà nước phải công khai minh bạch trong mọi hoạt động, đảm bảo mọi quyết định đều được đưa ra trên cơ sở pháp lý vững chắc và vì lợi ích chung của nhân dân. Đổi mới phương thức lãnh đạo phải đảm bảo đi đôi với việc tăng cường sự tham gia của người dân trong các vấn đề của xã hội, tạo ra một xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

3. Kết luận

Trong suốt hành trình phát triển của đất nước, văn hóa chính trị đã trở thành một yếu tố không thể thiếu trong việc xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sức mạnh mềm của văn hóa chính trị, mặc dù chưa được khai thác triệt để trong suốt lịch sử nhưng đã và đang trở thành một công cụ quan trọng giúp Việt Nam phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đồng thời hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế.

Nhìn lại những thành tựu đã đạt được trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền, không thể phủ nhận rằng văn hóa chính trị đã đóng vai trò tích cực trong việc tạo ra sự đồng thuận xã hội, xây dựng niềm tin và tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực thi quyền lực nhà nước. Những giá trị văn hóa chính trị như đạo đức công vụ, tinh thần thượng tôn pháp luật, và mối quan hệ mật thiết giữa Nhà nước và nhân dân là những yếu tố giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển xã hội. Mặt khác, sức mạnh mềm đã giúp Việt Nam duy trì sự ổn định trong bối cảnh nhiều thay đổi của thế giới hiện đại, đặc biệt là khi đối mặt với những thách thức từ hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tuy nhiên, trên con đường phát triển, những vấn đề tồn tại cũng không ít. Sự thiếu đồng bộ trong thực hiện các chính sách văn hóa chính trị, sự bất cập trong việc đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ, cũng như những ảnh hưởng tiêu cực từ yếu tố cục bộ, hình thức trong hoạt động chính trị đang tạo ra những hạn chế lớn đối với việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh. Điều này đòi hỏi chúng ta phải liên tục cải thiện và nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của văn hóa chính trị trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, để đối mặt với những thách thức mới như chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, chúng ta cần phải phát huy tối đa sức mạnh mềm của văn hóa chính trị. Chính vì vậy, các giải pháp như nâng cao nhận thức xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ "vừa hồng vừa chuyên", tăng cường giáo dục pháp luật và đạo đức công dân, và đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền là rất quan trọng. Đặc biệt, việc phát huy sức mạnh mềm này phải được thực hiện một cách bền bỉ, kiên định, không chỉ ở cấp độ lãnh đạo, mà cần phải được thấm nhuần trong toàn bộ xã hội, từ chính quyền đến nhân dân.

Việc phát triển văn hóa chính trị phải được coi là một nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, không thể thực hiện trong một sớm một chiều. Để đạt được mục tiêu xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh, chúng ta cần phải chú trọng vào các yếu tố mềm, trong đó văn hóa chính trị là nhân tố không thể thiếu, góp phần tạo nên sự ổn định chính trị, sự phát triển xã hội toàn diện và hội nhập quốc tế thành công.

Với tầm nhìn dài hạn, chúng ta sẽ xây dựng một Việt Nam vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vừa hội nhập mạnh mẽ vào cộng đồng quốc tế. Điều này sẽ giúp Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế trên thế giới, trở thành một quốc gia không chỉ có nền kinh tế mạnh mẽ mà còn là biểu tượng của một nền chính trị minh bạch, công bằng, và thượng tôn pháp luật. Để làm được điều này, cần sự nỗ lực của tất cả mọi người, từ các nhà lãnh đạo, đội ngũ cán bộ công chức đến mỗi công dân trong cộng đồng, cùng chung tay xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giàu mạnh, ổn định và phát triển bền vững.

Kết luận của bài tham luận này đã khẳng định vai trò then chốt của sức mạnh mềm trong việc phát huy văn hóa chính trị đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính yếu tố mềm này sẽ quyết định không chỉ sự ổn định chính trị mà còn là

thành công lâu dài trong việc bảo vệ lợi ích của người dân và phát triển đất nước trong bối cảnh thế giới không ngừng thay đổi.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I & II). NXB Chính trị quốc gia Sự thật, trích xuất từ https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/book/sach-chinh-tri/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-tap-1-403

Hồ Chí Minh. (1995). *Toàn tập* (Tập 5). NXB Chính trị quốc gia Sự thật. Nguyễn Phú Trọng. (2015). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, trích xuất từ https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/book/ho-chi-minh/tac-pham/ho-chi-minh-toan-tap-tap-5-272

Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên). (2001). *Văn hóa và phát triển*. NXB Chính trị quốc gia, trích xuất từ https://binhdinh.dcs.vn/hoat-dong-tuyen-truyen/-/view-content/141974/

Nguyễn Trọng Chuẩn (Chủ biên). (2001). *Văn hóa và phát triển*. NXB Chính trị quốc gia.

Hoàng Chí Bảo. (2020). Phát triển văn hóa chính trị trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. *Tạp chí Cộng sản*, (946), trích xuất từ https://www.tapchicongsan.org.vn/

Almond, G. A., & Verba, S. (1963). *The civic culture: Political attitudes and democracy in five nations*. Princeton University Press, trích xuất từ https://www.jstor.org/stable/j.ctt183pnr2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC XÂY DỰNG NGỮ LIỆU DẠY HỌC NỘI DUNG GIÁO DỤC KINH TẾ TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10

Nguyễn Đan Huy[1*], Nguyễn Thế Vinh[1], Lê Văn Tùng[2]

[1]Lớp ĐHGDCT24A, Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Nguyễn Đan Huy - Email: nguyendanhuy.gdct24.@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 25/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 7/6/2025; Ngày duyệt đăng 19/6/2025

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng ngữ liệu dạy học nội dung GDKT môn GDKT&PL10 theo Chương trình GDPT2018. Từ việc làm rõ khái niệm, vai trò và nguyên tắc xây dựng ngữ liệu dạy học, nhấn mạnh vai trò của ngữ liệu trong việc hình thành và phát triển tư duy kinh tế, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh THPT. Trên cơ sở khảo sát thực trạng sử dụng ngữ liệu trong sách giáo khoa hiện hành, kết hợp với điều tra từ giáo viên và học sinh. Từ đó, đề xuất một số định hướng xây dựng ngữ liệu dạy học phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, bối cảnh địa phương, và mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Từ khóa: *Ngữ liệu dạy học, lớp 10, Giáo dục kinh tế, Giáo dục phổ thông, chương trình Giáo dục phổ thông 2018.*

THEORETICAL AND PRACTICAL FOUNDATIONS FOR DEVELOPING TEACHING MATERIALS ON ECONOMIC EDUCATION CONTENT IN THE GRADE 10 ECONOMIC AND LEGAL EDUCATION CURRICULUM

Nguyen Dan Huy[1*], Nguyen The Vinh[1], Le Van Tung[2]

[1]Class DHGDCT24A, Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

[2] Faculty of Political Education, School of Education, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Dan Huy – Email: nguyendanhuy.gdct24.@gmail.com*

Article history

Received: 25/5/2025; Received in revised form: 7/6/2025; Accepted: 19/6/2025

Abstract: *The article focuses on analyzing the theoretical and practical foundations of developing instructional materials for the Economic Education content in the Civic and Economic Education subject under the 2018 General Education Curriculum. It clarifies the concepts, roles, and principles of constructing instructional materials, and emphasizes their importance in shaping and developing economic thinking and the ability to apply knowledge to real-life situations for high school students. Based on a survey of the current use of instructional materials in existing textbooks, combined with feedback from teachers and students, the article proposes several directions for developing instructional materials that are appropriate to students' psychological characteristics, local contexts, and the goals of fostering students' qualities and competencies.*

Keywords: *Teaching materials, grade 10, economic education, general education, 2018 General Education Program.*

---

1. Đặt vấn đề

1.1. Giới thiệu

Trong tài liệu dạy học, ngữ liệu giữ vai trò then chốt là yêu cầu cơ bản, nhằm phát triển năng lực, phẩm chất và trí tuệ cho người học. Trong chương trình giáo dục phổ thông môn GDCD, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định "Môn GDCD góp phần hình thành, phát triển ở học sinh phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm, các năng lực của người công dân Việt Nam" (Chương trình Giáo dục phổ thông Môn Giáo dục công dân, 2018, tr.5). Bộ trưởng đã chỉ ra ngữ liệu phải đáp ứng các nội dung: một phương tiện truyền đạt thông tin đến người học chú trọng khai thác khả năng đọc hiểu, phân tích, phán đoán của người học; một đối tượng làm bàn đạp cho sự tưởng tượng, sáng tạo, và hình thành phát triển năng lực toàn diện cho người học. Với tầm quan trọng như vậy, việc lựa chọn ngữ liệu để sử dụng trong dạy học nói chung và dạy học môn GDCD nói riêng là không hề đơn giản.

Chương trình giáo dục phổ thông mới được xem là cải cách toàn diện giáo dục nhằm thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của thời đại trong bối cảnh công nghệ và chuyển đổi số ngày càng gia tăng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Vì vậy, môn GDKT&PL góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện cho học sinh, giúp nâng cao tư duy kinh tế, hiểu rõ hơn về pháp luật và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, hình thành năng lực của người công dân sống có trách nhiệm. Ngữ liệu dạy học đóng vai trò then chốt trong việc phát triển năng lực kinh tế cho học sinh là phương tiện truyền tải tri thức và hình thành năng lực, định hướng tư duy. Thúc đẩy quá trình học tập chủ động và phát triển năng lực toàn diện cho học sinh. Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh việc phát triển phẩm chất và năng lực cho người học, đòi hỏi phải đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học, trong đó ngữ liệu dạy học giữ vai trò thiết yếu. Nhưng còn gặp nhiều hạn chế và khó khăn trong quá trình tiếp cận các kiến thức khái niệm mang tính khái quát và trừu tượng, ngữ liệu trong sách giáo khoa còn thiên về lý thuyết, thiếu tính cập nhật, chưa gắn chặt với đời sống kinh tế xã hội ở địa phương. Do đó, việc xây dựng hệ thống ngữ liệu phù hợp với thực tiễn đời sống vừa định hướng phát triển năng lực cho học sinh là yêu cầu cấp thiết.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến việc đổi mới dạy học nội dung Giáo dục kinh tế trong chương trình GDKT&PL ở trường phổ thông theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Nguyễn, V. T. (2024), trong bài viết về định hướng dạy học nội dung kinh tế trong môn GDKT&PL ở trường THPT, nhấn mạnh chương trình hiện nay được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh với bốn mạch nội dung: giáo dục kinh tế, pháp luật, kỹ năng sống và đạo đức; đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của ngữ liệu dạy học trong việc tạo động lực học tập, hình thành năng lực nghề nghiệp và đề xuất các biện pháp bồi dưỡng giáo viên. Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ dừng ở mô tả định hướng đổi mới, chưa phân tích thực trạng dạy học nội dung kinh tế cũng như chưa xây dựng hệ thống ngữ liệu cụ thể và khả thi. Tương tự, nghiên cứu của Nguyễn, T. H. và Nguyễn, T. T. H. (2024), tập trung làm rõ vai trò của sách giáo khoa trong định hướng đạo đức, lối sống và nghề nghiệp cho học sinh, kiến nghị tăng cường trải nghiệm thực tiễn và đổi mới chương trình đào tạo giáo viên, nhưng chưa khảo sát thực trạng sử dụng ngữ liệu dạy học ở phổ thông, cũng như chưa đề xuất các nguyên tắc và quy trình thiết kế ngữ liệu phù hợp với đặc thù môn học và đối tượng học sinh.

Từ các công trình trên có thể thấy, phần lớn nghiên cứu hiện nay mới tập trung khẳng định vai trò và đưa ra một số định hướng đổi mới dạy học nội dung kinh tế trong môn GDKT&PL, trong khi vấn đề xây dựng hệ thống ngữ liệu dạy học cụ thể, phù hợp với yêu

cầu chương trình lớp 10 vẫn còn là khoảng trống nghiên cứu. Việc khảo sát thực trạng, xác lập tiêu chí và quy trình xây dựng ngữ liệu dạy học nội dung kinh tế phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh phổ thông, đồng thời đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực trong chương trình mới là yêu cầu mang tính cấp thiết đặt ra đối với các nghiên cứu sư phạm hiện nay.

1.3. Mục tiêu của bài báo

Nghiên cứu này nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng ngữ liệu dạy học nội dung giáo dục kinh tế trong Chương trình GDKT&PL10. Hệ thống hóa các quan điểm về ngữ liệu và vai trò của ngữ liệu dạy học, phân tích thực trạng dạy học và sử dụng ngữ liệu hiện nay trong các trường phổ thông.

Đề xuất một số định hướng xây dựng dữ liệu dạy học nội dung giáo dục kinh tế trong chương trình GDKT&PL10 phù hợp với thực tiễn giáo dục và định hướng phát triển năng lực cho học sinh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận của việc xây dựng ngữ liệu dạy học kinh tế trong chương trình giáo dục kinh tế và pháp luật

2.1.1. Khái niệm ngữ liệu dạy học

Trong lĩnh vực giáo dục, ngữ liệu dạy học được hiểu là toàn bộ những thông tin, tư liệu, tài nguyên chứa đựng nội dung có giá trị giáo dục, được giáo viên sử dụng như công cụ hỗ trợ nhằm giúp người học hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng, tư duy và các phẩm chất cần thiết. Các ngữ liệu này có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau như văn bản viết, hình ảnh, âm thanh, video, biểu đồ, tranh vẽ, hoặc các tình huống mô phỏng thực tế... tùy theo mục tiêu và nội dung bài học.

Theo từ điển tiếng Việt ngữ liệu là tập hợp những tư liệu ngôn ngữ dùng để triển khai làm căn cứ để nghiên cứu ngôn ngữ, Theo định nghĩa của Göpferich (2006) và Wades và Moje (2000), "Ngữ liệu là một hệ thống ngôn ngữ được tổ chức thống nhất, có nội dung hoàn chỉnh, có chức năng định hướng, và được tạo ra bởi con người để phục vụ một mục đích cụ thể. Nói cách khác, ngữ liệu là một hình thức giao tiếp thông qua lời nói, văn bản, hoặc hệ thống đồ họa để truyền tải ý nghĩa cho người xem" .

Trong bối cảnh Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 lấy người học làm trung tâm và định hướng phát triển năng lực - phẩm chất, ngữ liệu dạy học không còn đơn thuần là minh họa tri thức, mà phải mang tính định hướng, giúp học sinh vận dụng vào thực tiễn. Đặc biệt đối với môn Giáo dục công dân, ngữ liệu càng phải được lựa chọn kỹ lưỡng để phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, bối cảnh xã hội và nhiệm vụ giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh. Tóm lại, có thể hiểu rằng ngữ liệu dạy học là những chất liệu mang tính giáo dục, được tổ chức, lựa chọn và sử dụng một cách khoa học trong quá trình dạy học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học tập và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học.

Có thể nói ngữ liệu dạy học là toàn bộ hệ thống thông tin, tư liệu, dữ kiện được lựa chọn và tổ chức có chủ đích để phục vụ quá trình dạy học, nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đề ra. Với mục tiêu truyền đạt nội dung bài học đến với học sinh giúp người học chiếm lĩnh được tri thức của bài học, hình thành và phát triển kỹ năng, năng lực có giá trị trong cuộc sống, ngữ liệu dạy học không chỉ giúp tiếp nhận tri thức lý thuyết đơn thuần về bài học mà còn tạo nên cầu nối giữa lý thuyết đi vào trong thực tiễn, góp phần nâng cao tư duy, khả năng vận dụng kiến thức bài học vào trong thực tế, được sử dụng như phương tiện để giáo viên tổ chức hoạt động học tập, giúp học sinh khám phá kiến thức, phát triển tư duy và hình thành năng lực. Trong nền giáo dục hiện đại ngữ liệu dạy học giữ vai trò trung tâm trong việc tổ chức hoạt động nhận thức và hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh, là cầu nối giữa tri thức lý thuyết và thực tiễn

đời sống hỗ trợ học sinh tư duy nhận thức đúng đắn. Ngữ liệu có thể bao gồm văn bản, số liệu, tình huống, hình ảnh, biểu đồ, đoạn trích sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, sản phẩm thực tiễn,… và được sử dụng như phương tiện để giáo viên tổ chức hoạt động học tập, giúp học sinh khám phá kiến thức, phát triển tư duy và hình thành năng lực.

2.1.2. Vai trò của ngữ liệu trong dạy học giáo dục kinh tế và pháp luật

Ngữ liệu dạy học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp học sinh hình thành và phát triển tư duy kinh tế trong môn GDKT&PL. Trước hết, ngữ liệu là phương tiện trực tiếp truyền tải tri thức kinh tế dưới dạng các ví dụ, tình huống, số liệu, văn bản pháp lý hoặc bài báo thực tiễn. Nhờ đó, học sinh dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ bản chất các khái niệm kinh tế như: cung - cầu, giá cả, cạnh tranh, thuế, thị trường, chi phí - lợi nhuận, lạm phát…, không phải qua các định nghĩa trừu tượng mà thông qua các tình huống cụ thể, gắn với đời sống thực tế. Thứ hai, ngữ liệu giúp học sinh nhận diện và vận dụng các quy luật kinh tế trong thực tiễn. Việc này không chỉ rèn luyện tư duy phân tích, phản biện mà còn giúp học sinh hiểu được mối quan hệ giữa hành vi kinh tế cá nhân với các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế và pháp luật. Thứ ba, ngữ liệu có vai trò liên kết kiến thức với thực tiễn đời sống xã hội, giúp học sinh thấy được sự hiện diện của kinh tế trong mọi mặt của cuộc sống: từ hành vi tiêu dùng cá nhân, quyết định tài chính của gia đình, cho tới các vấn đề kinh tế - xã hội lớn như thất nghiệp, chính sách tiền tệ, thuế khóa. Nhờ đó, học sinh hình thành năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải thích, đánh giá và đưa ra quyết định phù hợp trong các tình huống thực tế, hướng tới hành vi kinh tế có đạo đức và tuân thủ pháp luật.

Tóm lại, ngữ liệu dạy học không chỉ là công cụ truyền thụ nội dung, mà còn là yếu tố cốt lõi góp phần hình thành tư duy kinh tế, phát triển năng lực vận dụng kiến thức và giáo dục ý thức công dân kinh tế cho học sinh phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

2.1.3. Cơ sở lý luận về xây dựng ngữ liệu dạy học

Trong chương trình GDPT 2018 và chương trình tổng thể cùng nhiều chương trình của các môn học, trong đó có chương trình giáo dục phổ thông môn GDKT&PL. Chương trình GDPT 2018 xác định rõ định hướng phát triển năng lực người học, lấy học sinh làm trung tâm, trong đó GDKT&PL đóng vai trò hình thành năng lực công dân - đạo đức - pháp luật -kinh tế, nội dung môn Giáo dục kinh tế được phân thành các môn: Đạo đức ở cấp tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5) nội dung GDKT chiếm khoảng 5,26 % chương trình môn Đạo đức cấp Tiểu học, với 2 bài học chính thức ở lớp 4 và lớp 5, GDCD ở cấp học Trung học cơ sở nội dung GDKT chiếm khoảng 10% nội dung của môn học, chương trình được chia đều ở 4 lớp, với cấp học THPT đây là nội dung môn học tự chọn theo yêu cầu của định hướng nghề nghiệp và sở thích của mỗi học sinh, nội dung GDKT chiếm 67% nội dung của chương trình học.

So với nội dung dạy học chương trình GDCD trước đây, thì nội dung dạy học trong chương trình GDKT&PL (chương trình GDPT 2018) có nhiều đổi mới và ưu việt hơn, đổi mới về quan điểm xây dựng nội dung dạy học, mục tiêu dạy học, yêu cầu và phẩm chất cần đạt được cho học sinh và đặt biệt là thay đổi lớn về nội dung chương trình dạy học. Khác với chương trình cũ vốn thiên về truyền đạt kiến thức theo định hướng nội dung, chương trình mới nhấn mạnh định hướng phát triển năng lực người học, yêu cầu giáo viên không chỉ cung cấp tri thức mà còn phải thiết kế hoạt động học tập giúp học sinh phát triển phẩm chất, kỹ năng và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế. Chính vì vậy, ngữ liệu dạy học đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ giáo viên tổ chức hoạt động học hiệu quả, góp phần tạo nên môi trường học tập tích cực, sinh động, gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn.

Việc phát triển ngữ liệu dạy học môn GDKT&PL cần chú trọng đến tính khoa học, tính sư phạm, tính cập nhật và tính thực tiễn phù hợp với lứa tuổi của từng cấp học. Ngữ liệu không nên dừng lại ở sách giáo khoa mà cần được mở rộng, phong phú và linh hoạt, đáp ứng khả năng sáng tạo của giáo viên cũng như phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh. Khi

được cung cấp ngữ liệu phù hợp, học sinh sẽ dễ dàng tiếp cận tri thức mới, nâng cao hứng thú học tập, phát triển tư duy phản biện và có khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống. Trong bối cảnh xã hội hiện đại đang thay đổi nhanh chóng, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, chính trị và kinh tế, nếu ngữ liệu không kịp thời đổi mới thì hoạt động dạy học sẽ trở nên lạc hậu, không theo kịp yêu cầu của xã hội. Ngược lại, nếu giáo viên chủ động thiết kế và sử dụng các ngữ liệu mang tính cập nhật, hấp dẫn, sinh động thì không chỉ nâng cao chất lượng dạy học mà còn góp phần khơi dậy khả năng sáng tạo và tư duy độc lập của học sinh.

Chương trình GDPT 2018 xác lập định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, lấy học sinh làm trung tâm, trong đó môn GDKT&PL đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực công dân, đạo đức, pháp luật và kinh tế cho học sinh. Môn học này được thiết kế xuyên suốt từ Tiểu học đến Trung học phổ thông với mức độ tích hợp và phân hóa tăng dần, phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý và nhận thức của từng cấp học. Điểm nhấn là sự chuyển đổi từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, đòi hỏi giáo viên không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn tổ chức các hoạt động học tập giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Trong quá trình này, ngữ liệu dạy học đóng vai trò là công cụ sư phạm then chốt, góp phần tạo dựng môi trường học tập tích cực, sinh động và gắn kết giữa lý thuyết với thực tiễn.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập sâu rộng của nền kinh tế tri thức, việc đổi mới ngữ liệu không chỉ giúp dạy học GDKT&PL bắt kịp với yêu cầu thời đại mà còn góp phần định hướng tư duy, hành vi kinh tế - pháp luật đúng đắn cho thế hệ công dân tương lai. Ngược lại, nếu ngữ liệu lạc hậu, thiếu cập nhật và không phù hợp với bối cảnh thực tiễn, quá trình dạy học sẽ trở nên kém hiệu quả, thậm chí dẫn đến khoảng cách giữa giáo dục và đời sống. Việc phát triển và sử dụng ngữ liệu dạy học trong môn GDKT&PL không chỉ là yêu cầu tất yếu để hiện thực hóa mục tiêu của chương trình GDPT 2018, mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần xây dựng thế hệ học sinh vừa có phẩm chất đạo đức tốt, vừa có năng lực công dân, kinh tế và pháp luật vững vàng, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại.

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc xây dựng ngữ liệu dạy học trong chương trình giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Thực tiễn triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong thời gian qua, đặc biệt ở cấp trung học phổ thông với việc đưa môn GDKT&PL vào giảng dạy chính thức tại lớp 10, đã đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc tổ chức dạy học các nội dung kinh tế theo hướng phát triển năng lực cho học sinh. Trong đó, ngữ liệu – với tư cách là chất liệu tri thức trung tâm - đóng vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển năng lực kinh tế cho người học. Tuy nhiên, khảo sát thực tế tại nhiều cơ sở giáo dục cho thấy, hệ thống ngữ liệu hiện hành trong dạy học nội dung giáo dục kinh tế vẫn còn tồn tại những bất cập đáng lưu ý, thể hiện ở một số phương diện sau:

Thứ nhất, ngữ liệu thiên về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và không gắn với bối cảnh đời sống kinh tế - xã hội hiện nay. Phần lớn các ngữ liệu trong sách giáo khoa hiện hành chủ yếu được trình bày dưới dạng mô tả các khái niệm và quy luật kinh tế một cách khái quát, thiếu các tình huống gắn với thực tiễn để học sinh có thể vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề cụ thể. Các ví dụ chủ yếu mang tính giả định, chưa phản ánh được những tình huống kinh tế quen thuộc mà học sinh thường xuyên gặp trong cuộc sống như tiêu dùng trực tuyến, lựa chọn dịch vụ công nghệ hay vấn đề tài chính cá nhân. Tình trạng này khiến cho học sinh khó hình dung, liên hệ và ứng dụng kiến thức kinh tế vào thực tế, từ đó hạn chế hiệu quả của quá trình hình thành năng lực kinh tế - một mục tiêu trọng tâm của môn học theo định hướng chương trình mới.

Thứ hai, hình thức thể hiện ngữ liệu còn đơn điệu, thiếu sự đa dạng và chưa tận dụng

được lợi thế của công nghệ số. Hiện tại, ngữ liệu chủ yếu được trình bày dưới dạng văn bản tường thuật, bảng số liệu và sơ đồ tĩnh. Các hình thức thể hiện hiện đại như đoạn hội thoại, bài báo phân tích, bản tin kinh tế, infographic, video clip, tình huống mô phỏng hay trò chơi tương tác chưa được khai thác một cách hệ thống và hiệu quả. Điều này không chỉ làm giảm tính hấp dẫn của bài học mà còn bỏ lỡ cơ hội phát triển các năng lực tư duy cấp cao cho học sinh như năng lực phân tích, so sánh, đánh giá và ra quyết định kinh tế. Việc ứng dụng công nghệ và dữ liệu đa phương tiện trong ngữ liệu dạy học có vai trò quan trọng trong việc đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Thứ ba, nội dung ngữ liệu còn nghèo nàn về các vấn đề kinh tế hiện đại, thiếu cập nhật với xu thế phát triển của thời đại. Trong bối cảnh nền kinh tế chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình toàn cầu hóa, các chủ đề như tài chính số, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử, tiêu dùng bền vững, chuyển đổi số trong doanh nghiệp, trí tuệ nhân tạo và việc làm… đang ngày càng trở nên phổ biến và thiết thực đối với học sinh phổ thông. Tuy nhiên, các chủ đề này lại chưa được đưa vào ngữ liệu một cách hệ thống và phù hợp trong sách giáo khoa hiện hành. Thiếu vắng các nội dung kinh tế đương đại không chỉ làm giảm tính thời sự của bài học mà còn khiến học sinh không nhận thức được vai trò, tác động và mối liên hệ giữa kinh tế với các lĩnh vực khác trong đời sống hiện đại.

Thứ tư, ngữ liệu chưa được cá thể hóa theo vùng miền và đặc điểm thực tiễn của từng địa phương. Một điểm hạn chế nữa là việc biên soạn ngữ liệu còn mang tính đồng loạt, chưa phân hóa theo điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của từng khu vực. Nhiều nội dung được minh họa bằng ví dụ phổ thông ở khu vực thành thị, trong khi học sinh ở vùng nông thôn, miền núi hay hải đảo lại không có điều kiện tiếp cận hoặc thiếu sự tương đồng để kết nối. Điều này dẫn đến việc học sinh khó thấy được sự gần gũi của bài học với cuộc sống, từ đó ảnh hưởng đến động lực học tập và năng lực vận dụng kiến thức.

Tóm lại, có thể thấy rằng ngữ liệu dạy học nội dung kinh tế trong Chương trình GDKT&PL lớp 10 hiện nay chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông mới. Tình trạng thiếu tính thực tiễn, đơn điệu về hình thức, chưa cập nhật xu hướng và thiếu gắn kết với đặc điểm địa phương đang đặt ra yêu cầu bức thiết về việc xây dựng hệ thống ngữ liệu mới - vừa bảo đảm tính khoa học, vừa phù hợp với thực tiễn giáo dục và nhu cầu của người học trong bối cảnh hiện đại. Đây chính là một trong những tiền đề quan trọng cho việc đề xuất các định hướng đổi mới ngữ liệu ở phần tiếp theo của nghiên cứu.

2.3. Định hướng xây dựng ngữ liệu dạy học nội dung giáo dục kinh tế trong chương trình giáo dục kinh tế và pháp luật 10

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng ngữ liệu

Việc phát triển ngữ liệu dạy học cho môn GDKT&PL trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 đòi hỏi sự chuyển biến căn bản cả về cách tiếp cận nội dung lẫn phương pháp tổ chức dạy học. Khác với chương trình cũ thiên về truyền thụ tri thức một chiều, chương trình mới đề cao định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh thông qua các hoạt động học tập tích cực, chủ động và sáng tạo. Trong bối cảnh đó, ngữ liệu dạy học không chỉ là phương tiện truyền đạt kiến thức mà còn là công cụ sư phạm hỗ trợ việc hình thành, phát triển phẩm chất đạo đức, năng lực tư duy, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề ở người học.

Thứ nhất, ngữ liệu phải bảo đảm định hướng xuyên suốt chương trình GDPT 2018, phản ánh đầy đủ các mục tiêu giáo dục của môn học, đồng thời thể hiện rõ tính hệ thống, logic và thống nhất giữa các cấp học. Giáo viên cần hiểu rõ bản chất, cấu trúc chương trình để lựa chọn và thiết kế ngữ liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt của mỗi bài học.

Thứ hai, ngữ liệu cần phù hợp với tâm lý lứa tuổi, trình độ nhận thức và môi trường sống của học sinh. Các tình huống, dẫn liệu, hình ảnh hoặc bài đọc trong ngữ liệu phải có khả năng khơi gợi sự quan tâm, tạo cảm hứng học tập và thúc đẩy học sinh tích cực tham gia vào hoạt

động học. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc rèn luyện các năng lực như tự học, tư duy phản biện và sáng tạo.

Thứ ba, nội dung trong ngữ liệu phải chính xác, đáng tin cậy và có cơ sở pháp lý, khoa học. Các số liệu, tư liệu, hình ảnh được sử dụng cần được xác minh để tránh gây hiểu nhầm hoặc truyền đạt sai lệch về bản chất các vấn đề đạo đức, pháp luật, chính trị - xã hội.

Thứ tư, ngữ liệu phải tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm, thực hành và vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn. Thông qua đó, học sinh sẽ được rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề, năng lực đánh giá, phản biện và năng lực điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Thứ năm, ngữ liệu cần được cập nhật thường xuyên, đảm bảo tính hiện đại, gần gũi với đời sống và phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của xã hội. Việc cập nhật ngữ liệu giúp giáo viên làm mới bài giảng và giúp học sinh luôn được tiếp cận với thông tin thời sự, đa chiều và có chiều sâu.

Việc phát triển ngữ liệu dạy học môn GDCD không thể tách rời yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Ngữ liệu tốt không chỉ truyền đạt tri thức mà còn phải truyền cảm hứng, khơi gợi sự chủ động, trách nhiệm và tư duy độc lập cho người học. Đây chính là nền tảng để hiện thực hóa triết lý giáo dục phát triển toàn diện theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay.

2.3.2. Đa dạng hóa hình thức ngữ liệu trong dạy học nội dung giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Một trong những định hướng quan trọng là đa dạng hóa hình thức ngữ liệu nhằm phù hợp với nhiều phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo dự án, dạy học theo tình huống, dạy học khám phá. Việc khai thác dữ liệu kinh tế từ thực tiễn có giá trị to lớn trong việc hình thành tư duy phân tích và phản biện cho học sinh. Việc này làm tăng sức hấp dẫn và giúp học sinh dễ dàng tiếp cận kiến thức hơn.

Không chỉ dừng lại ở văn bản mô tả hay lý thuyết, giáo viên cần linh hoạt sử dụng dữ liệu thị trường, số liệu thống kê, biểu đồ, video, hình ảnh minh họa, tranh vẽ, hoặc tình huống mô phỏng. Chẳng hạn, khi dạy về chủ đề "Cung - cầu và giá cả thị trường", thay vì chỉ cung cấp định nghĩa và ví dụ khô khan, giáo viên có thể cho học sinh xem video phóng sự ngắn về biến động giá xăng dầu, kèm theo biểu đồ thể hiện cung - cầu trên thị trường. Điều này kích thích khả năng phân tích số liệu, rèn luyện tư duy kinh tế trực quan cho học sinh.

Nguồn ngữ liệu cần được lựa chọn kỹ lưỡng từ các kênh đáng tin cậy và có giá trị giáo dục cao. Cụ thể gồm:

Sách giáo khoa và tài liệu giáo khoa chính thức: Đây là nguồn ngữ liệu nền tảng, đảm bảo đúng chuẩn kiến thức, phù hợp với chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành. Thứ nhất, ngữ liệu văn bản bao gồm các đoạn trích từ văn bản luật, bài báo, thông tin thời sự, bản tin, loại ngữ liệu này giúp học sinh hình thành năng lực đọc hiểu, tư duy phản biện và khai thác thông tin. Thứ hai, ngữ liệu phi văn bản như biểu đồ, sơ đồ tư duy, tranh ảnh, bảng số liệu thống kê, ảnh minh họa,..được sử dụng để trực quan hóa dữ liệu, hỗ trợ tiếp cận nội dung dưới góc nhìn đa chiều.

Báo chí, truyền hình, internet: Các bài viết từ những tờ báo uy tín như Tuổi Trẻ, Thanh Niên, VnEconomy, hay các bản tin chuyên đề trên VTV, VOV thường cập nhật kịp thời các vấn đề kinh tế - pháp luật nổi bật như giá cả thị trường, chính sách thuế, chi tiêu công, đầu tư, quyền lợi người tiêu dùng… Việc khai thác các tư liệu này không chỉ giúp học sinh tiếp cận kiến thức trong bối cảnh thực tiễn mà còn phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề. Các bài báo và chương trình truyền hình có tính tình huống cao, rất phù hợp với các phương pháp dạy học tích cực như dạy học qua tình huống, dạy học theo dự án, dạy học khám phá. ngữ liệu từ internet và báo chí có tính cập nhật nhanh chóng, linh hoạt, giúp giáo

viên dễ dàng điều chỉnh nội dung bài học theo thời sự, đồng thời tạo hứng thú và gắn kết bài học với đời sống học sinh

Dữ liệu thống kê chính thức: Nguồn ngữ liệu có độ tin cậy cao, góp phần nâng cao tính khoa học và thực tiễn cho bài học Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 10. Các số liệu được công bố từ Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước… cung cấp thông tin định lượng rõ ràng về các chỉ tiêu như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, đầu tư công, ngân sách nhà nước, thu - chi tài chính… giúp học sinh tiếp cận và vận dụng kiến thức kinh tế một cách chính xác và có căn cứ. Việc sử dụng số liệu trong giảng dạy không chỉ rèn luyện cho học sinh kỹ năng đọc - hiểu và phân tích bảng biểu, đồ thị, mà còn phát triển tư duy logic, khả năng xử lý thông tin và lập luận kinh tế. Đặc biệt, những số liệu này rất thích hợp để giáo viên thiết kế các hoạt động học tập như bài tập tình huống, bài thuyết trình nhóm hoặc dự án học tập, qua đó phát huy tính chủ động và tư duy phản biện của học sinh.

Thực tiễn địa phương: Nguồn ngữ liệu gần gũi, thiết thực, góp phần quan trọng trong việc gắn kết nội dung dạy học với môi trường sống của học sinh. Việc giáo viên khai thác thông tin từ các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, chợ truyền thống, ngân hàng địa phương hay từ các cuộc phỏng vấn người dân về thói quen tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư không chỉ giúp minh họa sinh động cho lý thuyết kinh tế, mà còn khơi gợi sự hứng thú học tập và tăng tính ứng dụng của bài học. Những tình huống, số liệu hoặc dẫn chứng cụ thể từ địa phương tạo điều kiện cho học sinh nhận diện được các vấn đề kinh tế ngay trong chính cộng đồng của mình, từ đó phát triển tư duy thực tiễn, khả năng giải quyết vấn đề và ý thức công dân kinh tế.

Tình huống thực tế đời sống: Là một hình thức ngữ liệu có giá trị đặc biệt trong việc phát triển năng lực vận dụng kiến thức và giải quyết vấn đề cho học sinh thông qua việc xây dựng các tình huống giả định sát với thực tiễn, giáo viên tạo điều kiện để học sinh nhập vai, suy nghĩ và hành động như một chủ thể kinh tế thực thụ. Dựa trên thực tiễn, giáo viên có thể xây dựng các tình huống giả định như: "Bạn được giao quản lý một số vốn nhỏ để mở quán trà sữa, hãy tính toán chi phí, lợi nhuận và đưa ra phương án tối ưu", hoặc "Hãy so sánh cách chi tiêu của hai gia đình có thu nhập khác nhau trong một tháng"… Những ngữ liệu này rất hiệu quả trong phát triển năng lực vận dụng và giải quyết vấn đề.

2.3.3. Ví dụ minh họa ngữ liệu dạy học nội dung giáo dục kinh tế và pháp luật 10

Ví dụ 1 - Bài học: "Vai trò của thị trường" Ngữ liệu minh họa: Hình ảnh người dân thu hoạch rau sau mưa lũ, bảng tin giá cả tăng cao tại chợ dân sinh. Giáo viên trình chiếu hình ảnh tình trạng mưa lũ kéo dài tại miền Bắc khiến nguồn cung rau xanh giảm sút nghiêm trọng, kéo theo giá rau tăng đột biến. Học sinh được giao nhiệm vụ phân tích tác động của biến động giá này đến người tiêu dùng, người bán hàng và vai trò điều tiết của Nhà nước trong việc ổn định thị trường. Yêu cầu sư phạm: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để đánh giá vai trò điều tiết của thị trường và đề xuất các giải pháp từ góc độ chính sách như bình ổn giá, hỗ trợ nông dân, kiểm soát thông tin thị trường.

Ví dụ 2 – Chủ đề: "Tiết kiệm và đầu tư" Ngữ liệu minh họa: Tình huống giả định qua tranh vẽ hoặc mô phỏng hoạt hình về hai học sinh sử dụng tiền mừng tuổi theo cách khác nhau; bảng so sánh lãi suất giữa các kênh tiết kiệm, đầu tư trái phiếu, và mua vàng. Thiết kế tình huống: Giáo viên nêu tình huống: Bạn A dùng tiền mừng tuổi để mua đồ điện tử cá nhân, bạn B gửi tiết kiệm với mục tiêu học thêm tiếng Anh. Học sinh được chia nhóm thảo luận về hệ quả ngắn hạn và dài hạn từ mỗi quyết định chi tiêu - đầu tư này. Sau đó, giáo viên giới thiệu bảng so sánh lãi suất các kênh đầu tư phổ biến hiện nay, yêu cầu học sinh phân tích và lựa chọn phương án đầu tư phù hợp với mục tiêu cá nhân. Yêu cầu sư phạm: Học sinh phát triển tư duy kinh tế cá nhân, nâng cao kỹ năng ra quyết định tài chính, đồng thời hình thành phẩm chất tiết kiệm và trách nhiệm trong tiêu dùng.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Việc xây dựng ngữ liệu dạy học nội dung Giáo dục kinh tế trong chương trình GDKT&PL lớp 10 là một yêu cầu tất yếu trong giáo dục hiện đại nhằm phát triển năng lực kinh tế và phẩm chất công dân cho học sinh phổ thông. Ngữ liệu không chỉ là phương tiện truyền đạt tri thức mà còn là công cụ sư phạm quan trọng, giúp giáo viên tổ chức hoạt động dạy học tích cực, gắn kết lý thuyết với thực tiễn, tạo điều kiện cho học sinh phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập. Tuy nhiên, việc xây dựng ngữ liệu cần được thực hiện trên cơ sở lý luận vững chắc về giáo dục hiện đại và xuất phát từ thực tiễn giáo dục phong phú, đảm bảo tính chính xác, tính giáo dục, tính phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý học sinh và yêu cầu của chương trình. Sự phối hợp hài hòa giữa định hướng chương trình, hiểu biết sư phạm và khả năng sáng tạo của giáo viên sẽ góp phần tạo nên hệ thống ngữ liệu vừa khoa học, cập nhật, gần gũi với đời sống, vừa đáp ứng mục tiêu giáo dục trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện hiện nay.

Nghiên cứu này định hướng cho việc thiết kế ngữ liệu trong sách giáo khoa, tài liệu bổ trợ và hoạt động bồi dưỡng giáo viên môn GDKT&PL. Đồng thời, đây cũng là nền tảng ban đầu cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về thiết kế, đánh giá và triển khai hệ thống ngữ liệu dạy học kinh tế theo hướng mở, tích hợp công nghệ, hoặc phù hợp với các mô hình dạy học tích cực hiện đại.

3.2. Kiến nghị

Thứ nhất, đối với cơ quan quản lý giáo dục như Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ban hành các định hướng cụ thể, mang tính chỉ đạo về việc xây dựng, lựa chọn và sử dụng ngữ liệu trong dạy học môn GDKT&PL. Việc này không chỉ góp phần đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, mà còn giúp giáo viên có cơ sở định hướng trong việc triển khai nội dung bài học. Theo đó, Bộ nên thiết lập một kho ngữ liệu mở có tính hệ thống, bao gồm những ngữ liệu đã được chọn lọc, kiểm định, có phân chia theo vùng miền và đặc thù địa phương, được cập nhật thường xuyên, giúp giáo viên thuận tiện trong việc tiếp cận và khai thác. Đồng thời, cần tổ chức các chuyên đề, lớp tập huấn bồi dưỡng về phương pháp tích hợp và vận dụng ngữ liệu, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm cho đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy.

Thứ hai, đối với đội ngũ giáo viên giảng dạy môn GDKT&PL cần chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong việc thiết kế, lựa chọn và sử dụng ngữ liệu phù hợp với từng bài học, gắn với đặc điểm của học sinh cũng như bối cảnh dạy học cụ thể. Quá trình khai thác ngữ liệu cần đảm bảo các tiêu chí về tính xác thực, tính giáo dục, tính thời sự và khả năng vận dụng trong thực tiễn. Giáo viên cũng cần cập nhật thường xuyên những vấn đề kinh tế - xã hội mới, xu hướng tiêu dùng, thị trường lao động, tài chính, ngân hàng… nhằm đảm bảo nội dung giảng dạy luôn sinh động và gần gũi với cuộc sống học sinh. Bên cạnh đó, nên tăng cường kết nối, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp địa phương để khai thác những tình huống thực tiễn có giá trị giáo dục cao, phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực. Việc thành lập các nhóm chia sẻ ngữ liệu trong tổ chuyên môn, cụm trường hoặc trên các nền tảng số là rất cần thiết nhằm giúp giáo viên trao đổi kinh nghiệm và nâng cao chất lượng dạy học.

Thứ ba, đối với các cơ sở đào tạo giáo viên và đội ngũ nhà khoa học, nhà nghiên cứu giáo dục cần đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu lý luận và thực tiễn về xây dựng, phát triển và sử dụng ngữ liệu trong dạy học, đặc biệt là đối với các môn học mới như GDKT&PL. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về phương pháp tiếp cận, phân tích, thiết kế và ứng dụng ngữ liệu, trong đó kết hợp các yếu tố công nghệ số và phương pháp dạy học tích cực. Đồng thời, cần lồng ghép nội dung này vào trong hoạt động sinh hoạt tổ chuyên môn, nghiên cứu bài học nhằm hình thành ngân hàng ngữ liệu mang tính địa phương, có tính khả dụng cao trong thực tiễn giảng dạy.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và chương*

trình môn giáo dục kinh tế và pháp luật. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn, V. T. (2024). *Định hướng dạy học những điểm mới kinh tế trong môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.* Tạp chí thiết bị giáo dục, tr. 3,4.

Nguyễn, T. H. – Nguyễn, T. T. H. (2020). *Đổi mới dạy học các môn kinh tế học trong chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị ở trường đại học sư phạm, Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.* Tạp chí khoa học ISSN, 225(04), tr. 92.

Phạm, P. A. (2015*). Ngữ liệu dạy học trong sách giáo khoa môn Tự nhiên và xã hội và Tài liệu Macmillan Natural and Social Science 1, 2, 3*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 6 (71), tr. 199.